8° Indoch
2769

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 29339

ENSEIGNEMENT SECONDAIRE

DUONG QUANG HAM

LITTÉRATURE ANNAMITE

TEXTES CHOISIS

VIỆT-NAM THI VĂN HỢP-TUYỂN

Direction de l'Instruction
Publique en Indochine

2769

1re édition
1943

Prix de vente officiel
obligatoire en Indochine : 1$40

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

DU MÊME AUTEUR

Việt-văn giáo-khoa thư bực Cao-đẳng tiểu-học Đông-Pháp. Manuel de Littérature annamite du Cycle primaire supérieur indochinois. Publié par la Direction de l'Instruction publique en Indochine (1re édition).

Quốc-văn trích diễm. Textes choisis d'explication annamite à l'usage de l'Enseignement primaire supérieur indochinois (7e édition).

Leçons d'histoire d'Annam, Cours Moyen (2e année) et Cours Supérieur (8e édition).

Lectures littéraires sur l'Indochine (en collaboration avec M. Eugène Pujarniscle) (1re édition).

Recueil de dictées données aux examens du Certificat d'études primaires complémentaires indochinoises et aux concours d'admission aux établissements d'enseignement primaire supérieur (Librairie Đông-tây, éditeur, 2e éditiion).

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược. Recueil de sujets donnés au Certificat d'études élémentaires indigènes (en collaboration avec M. Dương Tụ-Quán) (Librairie Đông-tây, éditeur, 8e édition).

Từ nhà kho Quán Ven Đường

TRUNG-HỌC VIỆT-VĂN GIÁO-KHOA THƯ'

QUYỂN II

VIỆT-NAM THI VĂN HỢP-TUYỂN

MANUEL DE LITTÉRATURE ANNAMITE

DU CYCLE SECONDAIRE

à l'usage de
l'Enseignement Secondaire Indochinois
et des
classes supérieures de l'Enseignement Secondaire Français

Tome II

TEXTES CHOISIS DE LITTÉRATURE ANNAMITE

par
DUONG QUANG-HAM
professeur au Lycée du Protectorat
à Hanoï

Première édition

PUBLIÉ PAR
LA DIRECTION DE L'INSTRUCTION PUBLIQUE EN INDOCHINE
HANOI

1943

Tous droits réservés

TRUNG-HỌC VIỆT-VĂN

GIÁO-KHOA THƯ

dùng ở

Ban Trung-học Bông-Pháp và các lớp trên Ban Trung-học Pháp

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 29339

Quyển II

VIỆT-NAM THI VĂN HỢP-TUYỂN

DƯƠNG QUẢNG-HÀM

Giáo-sư trường Trung-học Bảo-hộ ở Hà-nội

soạn

In lần thứ nhất

8° Indoch.
2769

NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP XUẤT-BẢN
HÀ-NỘI

1943

Nhà-nước giữ bản-quyền

Từ nhà kho Quán Ven Đường

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. SERVICE DES PÉRIODIQUES

1°) Trong quyển này, ba chữ « Phần thứ nhất » dùng để chỉ quyển thứ nhất của sách *Việt-văn giáo-khoa thư* này biệt-nhan là **Việt-nam văn-học sử-yếu**.

2°) Trong các bài thơ văn, những chữ *in nghiêng* tức là có **bản chép khác** chua ở dưới.

CA - DAO

1. — Súc-sắc súc-sẻ (1)

Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa,
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp;
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng chầu;
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp.
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm.
Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lẻ.
Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,
Những con như tranh, những con như rối.

Chú-thích. — (1) Vào khoảng nửa đêm hôm ba mươi tết, trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến cửa các nhà xin tiền. Đứa đi đầu cầm một cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên thành tiếng « súc-sắc », rồi vừa lắc, chúng vừa hát bài này.

2. — Thằng Bờm

Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú-ông xin đổi ba bò, chín trâu.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu.
Phú-ông xin đổi một xâu cá mè.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè.
Phú-ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim.
Phú-ông xin đổi con chim đồi-mồi.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi.
Phú-ông xin đổi nắm xôi, Bờm mừng.

3. — Ru con

Bao giờ cho đến tháng ba,
Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng.
Hùm nằm cho lợn liếm lông ;
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
Nắm xôi nuốt trẻ lên mười ;
Con gà, be rượu nuốt người lao-đao.
Lươn nằm cho trúm (1) bò vào ;
Một đàn cào-cào đuổi bắt cá rô.
Lúa mạ nhảy lên ăn bò ;
Cỏ năn (2), cỏ lác (3) rình-mò bắt trâu.
Gà con đuổi bắt diều-hâu ;
Chim gi đuổi đánh vỡ đầu bồ-nông.

Chú-thích. — (1) *Trúm* : một thứ đó để bắt lươn. — (2) *Cỏ năn* : một loài cỏ mọc ở dưới nước. — (3) *Cỏ lác* : thứ cói xấu.

4. — Chèo đò

Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,
Giậm ra ván nát, thuyền thì long đanh.
Đôi ta lên thác, xuống ghềnh,
Em ra đứng mũi để anh chịu sào.
Sông Bờ, sông Mã, sông Thao,
Ba ngọn sông ấy đổ vào sông Gâm.

5. — Chặt củi

Tay cầm con dao,
Làm sao cho sắc,
Để mà dễ cắt,
Để mà dễ chặt,
Chặt lấy củi cành.
Trèo lên rừng xanh,
Chạy quanh sườn núi ;
Một mình thui-thủi,
Chặt cây chặt củi.
Tìm chốn ta ngồi,
Ngồi mát thảnh-thơi.

Kìa một đàn chim,
Ở đâu bay đến,
Ở đâu bay lại;
Con đang cắn trái,
Con đang tha mồi,
Qua lối nọ nó ăn.
Cái con hươu kia,
Mày đang ăn lộc,
Lộc vả, lộc sung.
Mày trông thấy tớ,
Tớ không đuổi mày,
Mày qua lối nọ làm chi?

6. — Mẹ dạy con gái

Con ơi! Mẹ bảo đây này:
Học buôn học bán cho tày người ta.
Con đừng học thói chua ngoa
Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
Dù no, dù đói, cho tươi:
Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
Phòng khi đóng góp việc làng:
Đồng tiền, bát gạo, lo toan cho chồng.
Trước là đắc nghĩa cùng chồng,
Sau là họ-mạc cũng không chê cười.
Con ơi! Nhớ bấy nhiêu lời.

7. — Chồng khuyên vợ

Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng.
Anh cậy em coi sóc trăm đường,
Để anh buôn bán trẩy-trương thông-hành.
Còn chút mẹ già, nuôi lấy cho anh,
Để anh buôn bán thông-hành đường xa.
Liệu mà thờ kính mẹ già,
Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.
Dù nó, dù đói, cho tươi;
Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
Cho anh đành dạ bán buôn.

Từ nhà kho Quán Ven Đường

8. — Vợ khuyên chồng

Canh một dọn cửa, dọn nhà;
Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm,
Trình anh dậy học, chớ nằm làm chi.
Nữa mai Chúa mở khoa thi,
Bảng vàng chói-lói kia đề tên anh.
Bõ công cha mẹ sắm-sanh,
Sắm nghiên, sắm bút cho anh học-hành.

9. — Thói hay chế-giễu

Ở sao cho vừa lòng người:
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê;
Cao chê ngỏng, thấp chê lùn;
Béo chê béo trục béo tròn,
Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra.

10. — Thói ham danh-lợi

Cái vòng danh lợi cong-cong,
Kẻ hòng ra khỏi, người mong bước vào.
Sự đời nghĩ cũng nực cười:
Một con cá lội, mấy người buông câu.

11. — Cảnh chồng con

Chồng em nó chẳng ra gì:
Tổ-tôm sóc-đĩa nó thi chơi hoang.
Nói ra, xấu thiếp hổ chàng,
Nó giận, nó phá tan hoang cửa nhà.
Nói đây có chị em nhà:
Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông,
Em bán đi trả nợ cho chồng,
Còn ăn hết nhịn cho hả lòng chồng con.
Đắng cay ngậm quả bồ-hòn:
Cửa nhà gia thế, chồng con kém người.

Nói ra, sợ chị em cười :
Con nhà nho-giáo lấy phải người đần ngu.
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu nặng mình.

12. — Tình-cảnh người nhà quê

Làng ta phong-cảnh hữu tình,
Dân cư giang khúc như hình con long.
Nhờ trời hạ kế sang đông,
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.
Vụ năm cho đến vụ mười,
Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.
Trời ra, gắng ; trời lặn, về,
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân-chiên.
Dưới dân họ, trên quan viên,
Công-bình giữ mực cầm quyền cho thay.
Bây giờ gặp phải hội này,
Khi thời hạn hán, khi hay mưa rầm ;
Khi thời gió bão ầm-ầm,
Đồng điền lúa thóc mười phần được ba.
Lấy gì đăng nạp nữa mà,
Lấy gì công việc nước nhà cho đang.
Lấy gì sưu thuế phép thường,
Lấy gì bổ chợ đong lường làm ăn.
Trời làm khổ cực hại dân,
Trời làm mất-mát có phần nào chăng.

13. — Việc làm ruộng

Tháng chạp là tháng giồng khoai,
Tháng giêng giồng đậu, tháng hai giồng cà.
Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.
Ai ai cùng vợ cùng chồng,
Chồng cày, vợ cấy, trong lòng vui thay !
Tháng năm gặt hái đã xong,
Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy.

Năm nong đầy, em xay, em giã,
Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
Sang năm lúa tốt tiền nhiều,
Em đem đóng thuế, đóng sưu cho chồng.
Đói no có thiếp có chàng,
Còn hơn chung-đỉnh giàu sang một mình.

14. — Ba mươi sáu phố ở Hà-nội

Rủ nhau chơi khắp Long-thành(1),
Ba mươi sáu phố rành-rành chẳng sai:
Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay,
Mã-vĩ, hàng Điếu, hàng Giầy,
Hàng Lờ, hàng Cót, hàng Mây, hàng Đàn,
Phố Mới, Phúc-kiến, hàng Ngang,
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Ngang, hàng Đồng,
Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông,
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,
Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà.
Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem phường phố, thật là cũng xinh.
Phồn-hoa thứ nhất Long-thành,
Phố giăng mắc cửi, đàng quanh bàn cờ.
Người về nhớ cảnh ngẫn-ngơ,
Bút hoa xin chép nên thơ lưu-truyền.

Chú-thích. — (1) *Long-thành*: tức là Thăng-long thành 昇龍城 tên cũ của thành Hà-nội đặt tự năm 1010 về đời Lý Thái-tổ.

15. — Con trai ngỏ ý với con gái

Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà.
Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,

Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.
Khâu rồi, anh sẽ trả công,
Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho :
Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm ;
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo ;
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.

16. — Con gái ngỏ ý với con trai

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm sáu, mời anh xơi trầu.
Trầu này têm những vôi tầu,
Giữa đệm cát-cánh, hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thiệt là say,
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng,
Dù chẳng nên đạo vợ chồng,
Xơi dăm ba miếng, kẻo lòng nhớ thương!

17. — Tiếc sự biết nhau quá chậm

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.
Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay !
— Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ ;
Chim vào lồng, biết thuở nào ra !

18. — Trách sự sai lời nguyện-ước

Đồng tiền Vạn-lịch (1) thích bốn chữ vàng.
Anh tiếc công anh gắn-bó với cô nàng bấy lâu.
Bây giờ cô lấy chồng đâu ?
Để anh giúp đỡ trăm cau, nghìn vàng :

Năm trăm anh đốt cho nàng,
Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.
Xưa kia nói nói, thề thề,
Bây giờ bẻ khóa, trao chìa cho ai ?
Bây giờ nàng đã nghe ai,
Gặp anh ghé nón, chạm vai, chẳng chào ?

Chú-thích. — (1) *Vạn lịch* : niên-hiệu vua Minh Thần-tôn bên Tàu (1573-1620).

19. — Nỗi ly-biệt

Đôi duyên ta như loan với phượng,
Nỡ lòng nào để phượng lìa cây.
Muốn cho có đó có đây,
Ai làm nên nỗi nước này, chàng ôi !
Thà rằng chẳng biết thì thôi.
Biết chi gối chiếc lẻ-loi thêm phiền.

20. — Bài hát đố

Ở đâu năm cửa, nàng ơi !
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?
Sông nào bên đục, bên trong ?
Núi nào thắt cổ bồng mà có thánh sinh ?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh ?
Ở đâu lại có cái thành tiên xây ?
Ở đâu là chín từng mây ?
Ở đâu lắm nước, ở đâu nhiều vàng ?
Chùa nào mà lại ở hang ?
Ở đâu lắm gỗ thời nàng biết không ?
Ai mà xin lấy túi đồng ?
Ở đâu mà lại có con sông Ngân-hà ?
Nước nào dệt gấm thêu hoa ?
Ai mà sinh ra cửa ra nhà, nàng ơi ?
Kìa ai đội đá vá trời ?
Kìa ai trị thủy cho đời được yên ?
Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
Xin em giảng rõ từng nơi từng người.

— Thành Hà nội năm cửa, chàng ơi !
Sông Lục-đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
Nước sông Thương bên đục bên trong ;
Núi đức thánh Tản thắt cổ bồng mà lại có thánh sinh.
Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh,
Ở trên tỉnh Lạng, có thành tiên xây.
Trên trời là chín từng mây ;
Dưới sông lắm nước, núi nay lắm vàng.
Chùa Hương-tích mà lại ở bang ;
Trên rừng lắm gỗ thời chàng biết không ?
Ông Nguyễn Minh-Không xin được túi đồng ;
Trên trời lại có con sông Ngân-hà.
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa ;
Ông Hữu-Sào sinh ra cửa ra nhà, chàng ơi !
Bà Nữ-Oa đội đá vá trời ;
Vua Đại Vũ trị thủy cho đời yên vui.
Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
Em xin giảng rõ từng nơi từng người.

CÁC TÁC-PHẨM VÔ-DANH

Lý-công 李公

VÔ-DANH

Truyện này kể một cuộc tình-duyên trắc-trở của một chàng công-tử và một nàng công-chúa, trước gặp nhiều nỗi oan khổ, sau vì lòng kiên-nhẫn và nhờ có thần-minh phù-hộ nên lại được đoàn-tụ và hiển-vinh.

Lược truyện. — Truyện này (gồm 1352 câu) có thể chia làm ba hồi:

I. — *Lý-công và Công-chúa gặp nhau* (câu 1-208). — Về đời vua Bảo-vương, có quan tể-tướng sinh được một người con trai là Lý-công khi để ra đã cầm sách ở tay. Năm lên mười, cha mẹ mất, Lý-công phải đi ăn mày để theo học. Thuở ấy, bà Hoàng-hậu sinh hạ một người con gái khi để ra đã có vàng cầm tay. Năm lên mười, vua sai làm nhà riêng cho nàng ở. Bấy giờ có Thị-Hương, con một quan tri-phủ, được cử vào hầu-hạ Công-chúa, ngày ngày ra chợ mua đồ ăn. Một lần gặp Lý-công đương ngồi ăn mày ở chợ, thấy quanh mình có bốn con rồng chầu, trên đầu có hào-quang. Thị-Hương vốn giỏi khoa lý số, biết chàng có tướng làm vua, lại gần chào hỏi, rồi lấy bốn tiền (trong số năm tiền đem ra chợ) tặng chàng. Hôm ấy, đồ ăn mua có ít, Thị-Hương bị quở trách, bèn đem chuyện Lý-công kể lại. Công-chúa bèn sai Thị-Hương ra tìm Lý-công vào, tặng chàng quần áo và vàng, rồi bảo chàng cứ sớm vào trong lầu, chiều lại ra, để được gặp mặt nhau.

II. — *Hai người gặp nỗi oan khổ, lưu ly* (câu 209-880). — Không ngờ một lần vua cha tới thăm Công-chúa, bắt gặp Lý-công ở trong lầu, nghi là hai bên có tình gian, bèn truyền lệnh đem chém Lý-công và bắt Công-chúa chịu tội voi giày. Hoàng-hậu xin tha, vua không nghe. Sau cả các quan văn võ đều kêu van, vua mới tha tội chết mà bắt đem hai người xuống một chiếc bè, rồi thả cho trôi sông. Thị-Hương bèn nhảy xuống đi theo để cứu hai người. Khi bè trôi sang nước Hung-nô, Công-chúa mở một ngôi hàng buôn bán và hai người ăn ở với nhau như hai anh em. Không bao lâu, vua Hung-nô gặp mặt Công-chúa, muốn lấy nàng, bèn sai bắt Lý-công và giao cho quan tể-tướng giết đi. Một người con quan tể-tướng tên là Cao Vân, thương Lý-công,

bèn chết thay cho chàng. Công-chúa, vì không chịu lấy vua Hung-nô, bị cắt tai mũi và chặt chân tay, rồi đem bỏ ở ngoài chợ, còn Thị-Hương thì bị đem đày vào trong rừng.

III. — *Hai bên lại được đoàn-tụ sung sướng* (câu 881-1352). — Lý-công đội tên Cao Vân lần-mò về nước vua Bảo-vương, cố công học-tập, sau đi thi đậu trạng-nguyên, bèn xin vua cho sang dụ nước Hung-nô lại hàng. Đến nơi, Trạng vào cung vua nước ấy tìm Công-chúa không thấy, bèn ra chợ thì gặp nàng. Hai bên nhận nhau. Công-chúa nhờ có tiên rảy nước phép cho, nên thân-thể và nhan-sắc lại được như xưa. Rồi nàng viết thư về báo cho vua cha kể nỗi đau khổ của mình. Vua cha bèn sai quân sang đánh Hung-nô, giết vua nước ấy và phong cho Cao-công (cha Cao Vân) lên thay. Trạng cùng Công-chúa về nước; vua cha cho Công-chúa lấy Trạng làm chánh-thất và Thị-Hương làm thứ-thất. Được ít lâu, vua cha lại thoái vị, nhường ngôi cho Lý-công.

21. — Công-chúa từ-biệt các quan trước khi phải đi đày

Công-chúa lệ ứa đôi giòng,
Gửi rằng : « Ai nấy hết lòng thờ vua.
« Mẹ tôi dù đến bao giờ,
« Cậy triều-đình phải toan lo việc người.
« Cha tôi tuổi cả chầu trời,
« Trăm quan chọn người hiền-sĩ thay ngôi.
« Lập làm phượng-các lâu-đài,
« Hương lửa đêm ngày, trọn thảo trọn trung.
« Sinh tôi ra gái ngoại-tông,
« Bắt đi đày cùng về chẳng thấy cha. »
Than rằng : « Hoa hỡi là hoa !
« Vì ta lòng dạ gian-tà nước mây,
« Thời bay đua nở đòi cây ;
« Ta mà trinh-tiết, thì mày đợi ta :
« Cành vàng lá ngọc rà-rà,
« Bốn bề thui-thủi trông hòa xuống ao.
« Nguyện cùng đất rộng trời cao,
« Khóc than văn vũ khắp trào trăm quan :
« Tôi mà bạc hạnh tà gian,
« Nguyện xin cá nuốt tồi tàn thân thi.
« Lòng tôi trinh tiết trung nghì,
« Xin được trở về thấy mặt mẹ cha. »

22. — Lý-công gặp công-chúa ở đất Hung-nô sau khi đổ trạng

Này đoạn công-chúa càng ghê,
Đoạn xong hành-khất mới về gốc đa.
Tóc mây bỏ rối xấu-xa,
Mặt hai hàng chữ gọi là « quỉ-nương »;
Mũi tai hết sạch, thảm-thương!
Chân tay chặt hết, tiên-nương tật tàn.
Tả-tơi, rách-rưới, lang-thang,
Lý-công chẳng biết mặt nàng là ai.
Lại gần ren-rén mà coi,
Nàng bèn lẫn xuống đương ngồi cúng cơm:
« Lý-công chàng hỡi là chàng!
« Dương-gian, âm-phủ, hai đàng khác nhau.
« Dù chàng hồn ở nơi đâu,
« Cũng lên tạm hưởng cơm rau thiếp mời. »
Lý-công nghe nói một lời,
Ruột đau đòi đoạn, rụng-rời đòi khi.
Hầu mong đem lấy nàng về,
Lại e miệng thế tứ bề cười chăng.
Mẹ cha (1) chưa báo đạo hằng,
Ơn anh (2) mong trả họa chăng vẹn tuyền.
Làm ơn báo oán chẳng nên:
Nếu mà nhận lấy, vua liền giết cha (3).
Làm thinh, kíp đến dò-la,
Ướm tình mà hỏi thử qua lời này:
« Thanh-dương (4) hàng quán đã đầy,
« Cớ sao nằm đất cực thay mấy nàng? »
Hai hàng giọt ngọc chứa-chan,
Vừa nói vừa khóc ruột gan như bào:
« Mặc người hàng quán ra vào,
« Tôi nay tang chế dám đâu nằm giường
« Chồng tôi thác mười năm trường,
« Lòng tôi giữ vẹn tóc-tang những ngày.

« Đêm khuya vắng vẻ đông tây,
« Trình ông hỏi chuyện ấy rày làm chi? »

Chú-thích. — (1) *Mẹ cha*: đây là nói Cao-công và Cao-bà đã cứu Lý-công khỏi chết, nên Lý-công coi như cha mẹ. — (2) *Anh*: đây là nói Cao Vân đã chết thay cho Lý-công trước, nên Lý-công thờ như anh. — (3) *Câu 1008*: Câu này ý nói: nếu nhận ngay công-chúa, vua Hung-nô sẽ biết việc Cao-công đã giết con thay Lý-công trước mà bắt tội Cao-công. — (4) *Thanh-dương*: tên chợ, công-chúa đương ở đấy lúc bấy giờ.

Phương-Hoa 芳花

VÔ-DANH

Truyện Phương-Hoa là một truyện lấy sự-tích ở nước Nam ta. Chủ-ý cốt chứng-giải rằng người trung hiếu tiết nghĩa, dầu có gặp hoạn-nạn, sau cũng được sung-sướng hiển-vinh, mà kẻ tham tàn hung ác, tuy có đắc-chí một thời, sau cũng phải tội vạ khốn cùng. Vai chính trong truyện là nàng Phương-Hoa (nhân thế đặt tên truyện). Nàng là một người con gái giữ trọn điều tiết nghĩa, lại có bụng thương người, có tài văn-học; một tay nàng đã giúp-đỡ cả nhà họ Trương trong cơn hoạn-nạn và cứu-thoát người vị-hôn-phu khỏi vòng tù-tội để lại cùng nhau sum-họp.

Lược truyện. — Truyện (gồm 1058 câu) có thể chia làm năm hồi:

I. — *Họ Trần và họ Trương gả con cho nhau* (câu 1-180). — Trần Điện và Trương Đãi, người ở xứ Thanh-hoa (nay là Thanh-hóa) vốn là bạn đồng-song và đồng-liêu. Trần-công sinh được một người con gái tên là Phương-Hoa. Trương-công sinh được hai người con trai là Cảnh-Tĩnh và Cảnh-Yên. Sau khi về trí-sĩ, Trương-công hỏi Phương-Hoa cho Cảnh-Yên, Trần-công nhận lời.

II. — *Nhà họ Trương gặp nạn* (câu 181-434). — Bấy giờ có con Tào thủ-tướng đến hỏi Phương-Hoa không được, bèn cậy quyền-thế cha, giả-danh là có chỉ vua đến bắt Trương-công đem chém. Mấy mẹ con Trương phu-nhân phải chạy trốn, trước còn ẩn-náu trong một ngôi chùa, sau đến huyện Lôi-dương (a) (quê Trần-công) đi hành-khất để kiếm ăn.

III. — *Phương-Hoa cứu giúp nhà họ Trương* (câu 435-684). — Một hôm, con gái Cảnh-Tĩnh là Tiểu-Thanh đi ăn mày, Phương-Hoa gặp đem về nhà nuôi. Nàng hỏi đò Tiểu-Thanh, biết rõ tai-nạn và nỗi khổ của Cảnh-Yên, bèn sai Tiểu-Thanh đem tiền bạc đến giúp-đỡ nhà họ Trương.

(a) Nay là phủ Thọ-xuân, thuộc tỉnh Thanh-hóa.

IV. — *Cảnh-Yên mắc oan bị tù* (câu 685-920). — Một lần, Phương-Hoa sai đứa đầy-tớ gái là Thị-Liễu đem tiền bạc và quần áo ra ngoài vườn đợi Cảnh-Yên đến thì đưa cho chàng. Không ngờ một tên gian-phi hay tin ấy, đêm đến chỗ hẹn, giết chết Thị-Liễu và cướp lấy hòm đồ. Đến khi Cảnh-Yên đến, vô-tình giẫm vào vũng máu, vì thế bị nghi là đã giết người và bị kết án ngồi tù. Trương phu-nhân không bao lâu cũng buồn-rầu mà chết.

V. — *Phương-Hoa minh oan cho Cảnh-Yên, hai bên được đoàn tụ* (câu 921-1058). — Chợt vua mở khoa thi, Phương-Hoa đội tên Cảnh-Yên dự thi, đỗ tiến-sĩ. Khi ban yến, vua trông Phương-Hoa biết là đàn bà, mới hỏi căn-nguyên, nàng bèn đem nỗi oan của Trương-công và Cảnh-Yên ra tâu. Sau khi giao cho đình-thần xét lại việc ấy, vua truyền bắt tội họ Tào và tha cho Cảnh-Yên. Lại ra một bài văn-sách cho Cảnh-Yên làm, xét văn đáng đỗ, bèn ban quan-chức và cho về vinh-qui. Thế là hai bên được đoàn-viên sung-sướng.

23. — Ông bà Trương-công đến hỏi Phương-Hoa cho Cảnh-Yên

Trần-công mũ áo liền ra,
Vội-vàng đón-rước ông bà Trương-công.
Thấy nhau đồ-đệ gánh-gồng,
Tuy lời chưa nói, nhưng lòng đã hay.
Anh em vào chốn lầu tây,
Bàn lan tiệc ngọc giang tay vui chào.
Rằng: « Từ xa cách cựu-giao,
« Riêng lòng tưởng-vọng khát-khao bấy chầy.
« Rày mừng anh chị đến đây,
Vui này cũng vì bằng ngày đề danh (1). »
Trương-công nghe nói phân-minh,
Vợ chồng mới ngỏ sự-tình vân-vi:
« Tôi cùng anh, nghĩa *cựu* tri:
« Một thầy đèn sách, một kỳ vinh-hoa.
« Phúc sinh hai *chút con trai*,
« Như thằng anh nó, tôi đà khỏi lo:
« Sông Ngân đã bắc cầu ô (2),
« Giàu ăn, khó chịu, phận do thiên-tào.

« Mặc thời cua máy, cậy đào (3),
« *Gai kia ai vót*, quả nào ai vo ?
« Đêm ngày ấy-náy còn lo :
« Còn thẳng em nó, *cơ-đồ* chưa xong.
« Bấy nay đèn sách văn-phòng,
« Chưa tìm được kẻ giúp trong cửa nhà.
« Anh thì sinh được Phương-Hoa,
« Nghe rằng cháu cũng nết-na thảo hiền.
« Dám xin qui nhất vạn tuyền,
« Cho con cái nó kết nguyền cùng nhau.
« Ta thì trọn-vẹn trước sau,
« Đã kim lan (4), lại Trần Châu (5) càng bền. »
Trần-công rằng : « Việc ấy nên,
« Lọ là anh phải cần-quyền chi đâu. »
Dạy đòng về chốn tây-lâu :
« Bảo cô mày hãy ra hầu bác đây. »
Đồng về sự thực trình bày,
Phương-Hoa nghe thấy, mừng thay trong lòng.
Vội-vàng tô-điểm hình-dong,
Môi son, má phấn, khăn hồng phô-trương ;
Áo quần hây-hẩy hơi hương,
Da ngà, mắt phượng, ngang-ngang mày ngài ;
Trên đầu ngọc giắt, trâm cài,
Dưới chân ren-rén, gót hài khoan-khoan.
Bước ra đứng mái thềm lan,
Trần-công bèn mới hỏi-han sự lòng :
« Chàng thì thiếu kẻ giúp trong.
« Khiến cho ngươi giữ đạo tòng sớm trưa,
« Phỏng đà mặt xứng, lòng ưa,
« Nên chăng thời nói, chớ chờ lời min (6). »
Phương-Hoa liếc mắt mà nhìn,
Xem chàng tướng-mạo giá nên anh-hào
Dứt lời, nàng mới thưa vào,
Rằng : « Tôi phận gái khác nào hạt mưa.
« Vả tôi niên thiếu ngây-thơ,
« Biết đâu trong sự thế-cơ ý tình.

« *Tùy* cha định liệu quyền hành,
« Rủi may đã cậy mối-manh tơ-hồng.
« Chữ rằng : *Nữ hữu* tam tòng,
« Nên chăng hai *ý*, *mặc* lòng mẹ cha. »
Nói thôi, thoắt trở vào nhà,
Trần-công mới hỏi lão bà được hay.
Yến-diên (7) lễ vật đặt bày,
Trần, Trương hai họ chắp tay mà nguyền :
« Chúng tôi xưa kết bạn hiền,
« Rày cho con cái kết duyên đá vàng.
« Ba tuần cung tửu hiến hương,
« Xin cho con cái thọ trường bách niên. »

Bản chép khác. — Câu 115 : . . . *cố*-tri. — Câu 117 : . . . hai *trẻ sớm ra*. — Câu 122 : *Cây nào ai uốn*. . . Câu 124 : . . . *cửa nhà* chưa xong. — Câu 142 : *Rà-rà tóc* phượng. . . . — Câu 157 : *Xin* cha. . . . — Câu 159 : . . . *Gái có* tam tòng. — Câu 160 : . . . hai *chữ ở* lòng mẹ cha.

Chú thích. — (1) *Đề danh* 題名 : Được biên tên trên bảng ; đi thi đỗ. — (2) *Câu 119 : Sông Ngân* là Ngân-hà ở trên trời ; *cầu ô* là cái cầu do chim ô (con quạ) và chim thước (chim khách) bắc. Tục truyền hôm mồng bảy tháng bảy, chim ô và chim thước bắc cầu qua Ngân-hà cho Ngưu-lang sang với Chức-nữ. Cả câu ý nói : Đã nên vợ nên chồng rồi. — (3) *Cua máy, cáy đào* (cáy : cua con) : do câu tục-ngữ : « Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào », ý nói con cái sẽ lo liệu lấy kế sinh-nhai, cũng như ông cha đời trước vậy. — (4) *Kim lan* 金蘭 ; nghĩa đen là vàng và cây lan ; nghĩa bóng là tình thân-thiết của bè-bạn bền như vàng và thơm như hoa lan ; chữ lấy trong *Kinh Dịch* (hệ-từ) : « Nhị nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim ; đồng-tâm chi ngôn, kỳ xú như lan. 二人同心，其利斷金；同心之言，其臭如蘭 ». (Hai người đồng lòng, sức sắc cắt đứt được vàng ; lời nói đồng lòng, mùi thơm như hoa lan). — (5) *Trần, Châu* : Họ Trần và họ Châu, hai họ cùng ở một thôn, đời đời kết hôn với nhau, nhân thế dùng chữ « Trần, Châu » hay « Châu, Trần » để gọi hai bên thông-gia. — (6) *Mín* : tiếng cổ, nghĩa là « tao ». — (7) *Yến diên* 宴筵 : Yến tiệc.

24. — Mẹ con Trương phu-nhân đi tránh nạn

Thất cơ thay nhẽ thiên-cơ !
Phu-nhân, Cảnh-Tĩnh bơ-vơ lạc-loài.
Hãi-hùng *trốn tránh* cõi ngoài,
Nào còn có dám vãng lai về nhà.

Tìm vào nẻo vắng nơi xa,
Sớm vào trú-quán, tối ra ngụ-đình.
Thương cha, vả lại sợ mình :
E khi người thế biết *hình* ta chăng.
Mẹ con lo với nhau rằng :
« Nghiêm-đường tội lỗi đạo hằng quân-vương.
« Bây giờ ai kẻ yêu-đương,
« Âu là hãy lánh, tìm phương thanh-nhàn,
« Cho qua thời-vận gian-nan,
« Kẻo khi người bắt ta oan đến mình. »
Mẹ con bàn-bạc sự-tình,
Tìm lên đến huyện Thạch-thành (1) xa khơi.
Tình-cờ thấy có một nơi,
Non xanh nước biếc khác vời trần gian.
Hàng thông, dãy quế chan-chan,
Ao sen suối chảy, đá bàn tường xây.
Trúc, mai, lan, huệ sum vầy,
Đào đông phô thắm, liễu tây khoe vàng.
Trên thì thượng-điện, tiền-đường,
Dưới tam-quan có chữ vàng anh-linh.
Thấy trong phong-cảnh hữu tình,
Bảo nhau rằng : « Chốn nương mình đâu hơn.
« Ở đây phong-cảnh kỳ sơn,
« Nhân-gian dễ biết nguồn-cơn là gì.
« Giả danh làm kẻ tăng ni,
« Xuất gia khuya sớm ta thì tựa nương. »
Chuyên cần tụng niệm đèn hương,
Xã dân đàn đấy cũng dường kính tin.
Anh em vui thú già chiền (2),
Nương nơi nhân trí giải phiền cũng khuây.

Bản chép khác. — Câu 269 : . . . *nương tựa* cõi ngoài. — Câu 274 : . . . biết *tỉnh* ta chăng.

Chú-thích. — (1) *Thạch-thành* : Một huyện thuộc tỉnh Thanh-hóa bây giờ. — (2) *Già chiền* : Già tức là già-lam 伽藍, chùa thờ Phật ; chiền cũng nghĩa là chùa.

Trê cóc

VÔ-DANH

Truyện *Trê cóc* là một câu truyện ngụ-ngôn chủ-ý cốt bày tỏ cái thói «tranh hơi tức khí» gây nên những cuộc kiện-tụng và chỉ-trích cái tệ nhũng-lạm của bọn sai-nha cùng cái hại «xui nguyên giục bị» của bọn thầy cò.

Lược truyện. — Vợ chồng cóc vốn ở gần bờ ao. Đến khi đẻ, vợ cóc xuống ao sinh hạ một đàn nòng-nọc. Trê ở dưới ao, thấy nòng-nọc giống mình, bèn bắt cả về nuôi. Khi cóc trở lại, thấy trê chiếm đoạt con mình, mới đem việc đến kiện ở cửa quan. Quan sai đòi trê cùng chứng-tá đến hỏi. Trê và chứng-tá đều chối; lại vu cho cóc đang đêm đến rình ở ao trê định ăn trộm, bị phát-giác, nên thù trê mà đi kiện. Trê lại nhờ Lý Ngạnh lo-lót với nha-lại, nên khi quan sai nha về khám xét thì nhạ cũng về trình rằng đàn nòng-nọc quả là con trê. Cóc bị bắt giam. Vợ cóc bấy giờ mới đến hỏi kế ở Nhái-bén. Nhái-bén khuyên: cóc cứ đợi đàn nòng-nọc đứt đuôi tự-nhiên chúng về với mình, không cần phải kiện-cáo gì cả. Quả-nhiên, được ít lâu, khi cóc ra bờ ao thì bọn cóc con theo mẹ về. Vợ cóc bèn cùng đàn con đến kêu quan. Quan sai tra hỏi trê, trê phải thú tội và bị kết án «lưu tam thiên lý» (đày xa ba ngàn dặm). Hai vợ chồng cóc lại được đoàn-tụ như cũ.

25. — Trê, Cóc sinh sự kiện nhau

Nhớ xưa Trê, Cóc đôi nhà,
Vì tình nên phải sinh ra oán thù.
Cóc quen vui thú bờ hồ,
Khi ra đài các, khi vô cung đình.
Tới khi thai sản thành hình,
Xuống ao Trê, mới đem mình thoát xong.
Nhìn xem lòng những mừng lòng,
Trở về ngồi chốn nghiêm-phòng nghỉ-ngơi.
Chàng Trê đâu mới đến nơi,
Thấy đàn nòng-nọc nhảy, ngoi đã rầm.
Nhìn xem dạ đã mừng thầm,
Giống Trê như lột chẳng nhầm vẻ chi.
Bắt về nuôi-nấng phù-trì:
Con nuôi cũng chẳng khác gì con sinh.
Hay đâu Cóc cũng vô tình,
Nhớ ngày đầy cữ, ra rình thăm con.

Tới nơi, chờ đợi nỉ-non :
Vắng tanh dấu cũ, nước còn, tăm không.
Lâu-lâu nghĩ cũng giận lòng,
Vội-vàng nhảy xuống bên trong dạo tìm.
Bọt bèo lầm nước tối-tăm,
Động tin, Trê mới hăm-hăm hỏi dò.
Lảng ra, thấy Cóc bên bờ,
Trê liền quát mắng tri-hô vang đầm :
« Cóc kia đâu đó tối-tăm ?
« Dạ gian, phi đạo tắc dâm (1), chẳng lành. »
Cóc rằng : « Ai kẻ gian manh,
« Gây ra những sự sinh tình gớm-ghê.
« Vì con nên phải sớm khuya,
« Không dưng, ai có tới chi chốn này ? »
Nghe lời, Trê tức giận thay !
Vểnh râu, mắng Cóc : « Tỉnh say lắm điều !
« Cóc kia cả quyết gan liều,
« Bọn người coi đã mỹ-miều lắm thay !
« Một ngày là giống chúng bay,
« Nghề bôi vôi vẫn nông thay chẳng chừa.
« Một tội mất, mười tội ngờ,
« Biết đâu mà khéo tri-hô hỏi dồn.
« Thôi đừng đua dại, tranh khôn,
« Trở về ngồi tốt gầm giường cho xong. »
Cóc liền giương mắt trừng-trừng,
Rằng : « Khôn, ngươi cũng ở trong ao tù.
« Ta đây dẫu có hèn ngu,
« Nhà ta cũng có cơ-đồ đỉnh-đang (2).
« Ra vào gác tía nhà vàng,
« Cõi bờ mặc sức nghênh-ngang chơi-bời.
« Nghiến răng chuyển chín phương trời,
« Ai ai là chẳng rụng-rời sợ kinh.
« Tuồng gì giống cá hôi-tanh,
« May chăng được một muôi canh ra gì. »
Cầm lòng, Cóc trở ra về,

Vợ chồng bàn định sớm khuya ngại-ngùng.
Rằng: « Con đương độ ấu-trùng (3),
Xa-xôi non nước lạnh-lùng biết sao.
« Khuyên chàng chớ nghĩ thấp cao,
« Công bao cũng chịu, của bao cũng đành. »
Cóc rằng: « Nàng khéo lo quanh!
« Can chi chịu phí xem tình làm sao.
« Đàn bà nông-nổi khác nào,
« Biết đâu những chuyện mưu cao mà bàn.
« Trê kia đã có lòng tham,
« Được thua quyết kiện một phen xem mà. »
Tức thì đến cửa quan nha,
Làm đơn khất lĩnh minh tra tỏ tường.

Chú-thích. — (1) *Dạ gian, phi đạo tắc dâm* 夜間, 非盜則淫: ban đêm (đến nhà người ta), không phải kẻ trộm thì là người gian-dâm. — (2) *Ỉnh-đang* 鼎鐺: cái vạc và cái xanh, nói về nhà giàu sang. — (3) *Ấu-trùng*: nhỏ thơ.

26. — Nhái-bén khuyên bảo Cóc cái

Cóc nghe lời nói tự-nhiên,
Trở về dạo khắp các miền hỏi thăm.
Nước non cây cối âm-thầm,
Một mình Cóc lại băn-khoăn một mình.
Hay đâu cảnh thú hữu tình,
Lui chân bóng mát, nương mình cỗi râm.
Gió mưa ngọn cỏ lầm-dầm,
Nhác trông thấy Bén đương nằm nghỉ-ngơi.
Chào rằng: « Chị Cóc lại chơi,
« Việc gì mà phải tìm tôi những là?
« Dặm ngàn non nước thẳng xa,
« Cớ sao mà khéo lân-la biết đường? »
Cóc rằng: « Muôn đội ơn chàng,
« Vì tình, nên phải đa-mang với tình.
« Nói ra lắm sự bất bình,
« Vì Trê, nên phải đem mình đến anh.

« Xiết bao kể nỗi ức tình,
« Nhịn đi chẳng được, tức mình lắm thôi.
« Cố lòng lấy của, cướp người,
« Đơn-từ điên-đảo mấy hồi khổ thay !
« Quan tham, lại cũng chẳng ngay,
« Vậy nên bắt Cóc tội rầy bấy lâu.
« Nghĩ tình càng thảm càng rầu,
« Biết ai là kẻ nông sâu mà bàn ?
« Vậy nên bao quản đường trường,
« Trước vì biết Ếch, sau tường tôn-nhan (1).
« Dù trong lẽ dại, đường khôn,
« Dám xin chỉ giáo (2), tôi con được nhờ. »
Bén rằng : « Ngán chuyện đàn bà,
« Làm gì việc ấy, khéo mà nói quanh.
« Tuy cùng một kiếp phù-sinh,
« Giống nào giống ấy, tranh-hành làm chi ?
« Trê kia là đứa ngu-si,
« Chẳng qua tham dại, nghĩ gì nông sâu.
« Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
« Con đương dưới nước, dễ hầu làm chi.
« Để cho Trê nó phù-trì,
« Đứt đuôi, nó lại tìm về là hơn.
« Muốn cho êm-ái hai bên,
« Thời đem trình Phủ mà xin cóc về.
« Nhược bằng có dạ tranh thi,
« Lại làm đơn phục (3) cho Trê, khó gì. »

Chú-thích. — (1) *Tôn nhan* 尊顏 : (Tôn : kính-trọng ; nhan : mặt) : Chữ dùng để gọi người khác, tỏ ý kính-trọng. — (2) *Chỉ giáo* 指教 : Trỏ bảo dạy dỗ. — (3) *Đơn phục* (phục : lại, một lần nữa) : đơn kêu lại.

Phan, Trần 潘 陳

VÔ-DANH

Truyện *Phan, Trần* lấy sự-tích ở bên Tàu, về đời Tĩnh-khang và Thiệu-hưng nhà Tống (tự năm 1126 đến năm 1147). Truyện cốt kể cuộc tình-duyên trắc-trở của hai người là Phan-sinh và Trần Kiều-Liên. Hai bên đính ước với nhau từ lúc còn ở trong thai, rồi sau một hồi loạn-ly cách-biệt lại được cùng nhau sum-họp.

Các cụ xưa thường răn các người con trai không nên đọc truyện này: «Đàn ông chớ kể Phan, Trần», vì trong truyện có một đoạn tả Phan-sinh vì tưởng nhớ người yêu sinh ra ốm tương-tư và quá si-tình đến nỗi toan bề tự-tận.

Lược truyện. — Truyện (gồm 954 câu) có thể chia làm bốn hồi:

I. — *Họ Phan và họ Trần đính ước gả con cho nhau* (câu 1-150). — Phan-công và Trần-công vốn là bạn đồng-song và bạn đồng-liêu. Khi hai phu-nhân thụ thai thì hai họ đính ước, hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái, sẽ gả lẫn cho nhau. Quả nhiên, họ Phan sinh ra Phan-sinh (tên là Tất-Chánh) và họ Trần sinh ra Kiều-Liên. Phan-công và Trần-công bèn xin về trí-sĩ để dạy con. Phan-sinh đi thi hương đỗ thủ-khoa, nhưng hỏng thi hội, ở lại kinh-đô học-tập.

II. — *Phan-sinh và Kiều-Liên phải xa cách nhau* (câu 151-302). Trong khi ấy, Trần-công mất. Lại gặp lúc giặc nổi lên, mẹ con Kiều-Liên phải chạy loạn; đi nửa đường, lại lạc nhau, mẹ thì đến nương-náu ở nhà Phan-công, còn Kiều-Liên thì gặp Chương-thị đưa vào tu ở một ngôi chùa ở Kim-lăng và đổi tên là Diệu-Thường. Diệu-Thường nhớ mẹ và nhớ tình-nhân phát bệnh, bà sư khuyên giải mãi mới nguôi.

III. — *Phan-sinh, Diệu-Thường gặp nhau* (câu 303-774). — Phan-sinh chợt nhớ có cô tu ở Kim-lăng gần chỗ trọ, bèn đến thăm, cô bảo ở lại chùa học-tập, Phan-sinh trông thấy Diệu-Thường, phải lòng, bèn nhờ vãi Hương-Công làm mối đến hỏi nàng, nàng cự tuyệt. Phan-sinh vì thế ốm tương-tư, bà cô biết chuyện phải nói với Diệu-Thường đến thăm chàng. Khi chàng khỏi, lại phòng Diệu-Thường để cảm ơn; trước nàng không cho vào, sau thấy Phan-sinh toan tự tận, nàng phải cho vào. Rồi nàng đem chuyện gia-đình ra kể, nhân thế mà hai người nhận được nhau.

IV. — *Phan sinh và Kiều-Liên lấy nhau* (câu 775-954). — Phan-sinh đi thi đỗ thám-hoa, về nói rõ chuyện mình cho cô biết. Cô khuyên Phan-sinh làm lễ cưới Kiều-Liên ở nhà Chương-thị, rồi hai vợ chồng cùng về vinh qui. Về đến nơi, gặp cả cha mẹ và Trần phu-nhân, cả nhà mừng-rỡ. Sau vua triệu Phan-sinh về kinh, sai đi dẹp giặc có công, cả hai vợ chồng đều được hiển-vinh sung-sướng.

27. — Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa

Thoắt thôi về chốn tỉnh-đường (1),
Buồn trông phong-cảnh tha-hương ngập-ngừng.
Kìa thì bụt, nọ thì tăng,
Chẳng hay từ-mẫu lạc chừng phương nao?
Than rằng: « Đội đức cù-lao,
« Bể sâu mấy trượng, trời cao mấy trùng!

« Ví sinh làm kiếp đàn ông,
« Giong tìm nước thẳm non Bồng, quản chi.
« Bởi sinh làm phận nữ-nhi,
« Nghĩ thì càng tủi, nhớ thì luống thương.
« Từ ô (2) chim-chóc vật thường,
« Còn mong kiếm chốn tìm đường trả ơn.
« Mưa sầu gió thảm từng cơn,
« Dễ ai chực phận thờn-bơn một bề (3) !
« Biết ai dãi tấm lòng quê ?
« Có chăng đội đức từ-bi chuyền-vần.
Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Chạnh lòng xảy nhớ Châu Trần nghĩa xưa (4).
Dãi-dầu kể mấy nắng mưa,
Thề phai, nguyền lạnh, bây giờ biết đâu ?
Quạt này ai để cho nhau (5) ?
Phong-phong mở-mở dãi sầu làm khuây.
Chốn Lam-kiều (6), cách nước mây,
Bùi Hàng (6) kia dễ biết đây nẻo nào ?
Non Thiên-thai (7) mấy trượng cao,
Lưu-lang (7) chưa dễ tìm vào tới nơi !
Đã đành góc bể bên trời,
Lân-la ngày bạc, qua vời xuân xanh.
Một mình những tủi duyên mình,
Nén hương biếng thắp, quyển kinh ngại nhìn.

Chú-thích. — (1) *Tĩnh đường* 靜堂 : nhà im lặng, chỗ tu-hành. — (2) *Từ ô* : con quạ hiền. Giống quạ có hiếu, thường đi kiếm mồi về nuôi mẹ. — (3) *Câu 226* : tục-ngữ có câu : « Thờn-bơn chịu ép một bề ». Cả câu ý nói: trong tình-cảnh ấy, dễ có ai ngồi yên được. — (4) *Châu, Trần nghĩa xưa* : đây là nói về việc đính-hôn với Phan-sinh. Xem câu chú-thích về chữ « Châu, Trần » ở *Bài 23, số 5.* — (5) *Quạt này* : cái quạt của nhà họ Phan trao cho họ Trần để định việc đính hôn. — (6) *Lam-kiều, Bùi Hàng* : Tích chép trong sách *Thái-bình quảng ký* : Bùi Hàng 裴航, người đời Đường, hỏng thi, đi chơi ở Ngạc-chử, gặp nàng tiên là Vân-Kiều phu-nhân. Nàng đưa cho bài thơ rằng: « Nhất ẩm quỳnh-tương bách cảm sinh, Nguyên sương đảo tận kiến Vân-Anh. Lam-kiều tiện thị thần tiên quật, Hà tất kỳ-khu thượng ngọc-kinh. 一飲瓊漿百感生, 元霜擣盡見雲英, 藍橋便是神仙窟, 何必崎嶇上玉京 ». (Hễ uống chén rượu quỳnh-tương thì trăm mối cảm-xúc sinh ra ; nhưng có tán hết thuốc nguyên sương (giống như sương) mới

thấy Vân-Anh. Lam-kiều (cầu Lam) vốn là chỗ thần tiên ở, hà tất phải đi đường gập-ghềnh lên chốn ngọc-kinh). Sau Bùi Hàng đi qua Lam-kiều (tên một cái cầu ở đất Tràng-an), khát nước, vào hàng một bà lão thì thấy bà hàng gọi tên một người con gái là Vân-Anh ra lấy nước cho uống. Thấy người con gái đẹp lắm, muốn lấy, mới ngỏ lời hỏi thì người ta bảo phải có cái chày và cái cối bằng ngọc đem đến thì gả cho. Về sau, Bùi Hàng gặp tiên cho chày và cối bằng ngọc, dùng tán thuốc tiên, rồi lấy được Vân-Anh. Được ít lâu, cả hai vợ chồng đều lên cõi tiên. — Vậy chữ « Lam-kiều » ở đây chỉ chỗ Kiều-Liên ở, mà chữ « Bùi Hàng » thì chỉ Phan-sinh. — (7) *Thiên-thai, Lưu-lang*: do tích *Lưu* Thần và Nguyễn Triệu, người đời nhà Tấn đi hái thuốc hôm mồng năm tháng năm lạc vào núi *Thiên-thai* là chỗ tiên ở; lấy tiên được nửa năm, đến khi về nhà thì thân-thích đã chết được bảy đời rồi. — « Thiên-thai đây cũng chỉ chỗ Kiều-Liên ở mà « Lưu-lang » thì chỉ Phan-sinh.

28. — Phan-sinh gặp Diệu-Thường lần đầu

Bỗng may, may khéo là may !
Nhác trông ra mái lầu tây, thấy nàng.
Thần-thơ trước dãy hành-lang (1),
Vin cành biếc, hái hoa vàng, làm thinh.
Xa-xa phẳng-phất dạng hình :
Đức Quan-âm đã giáng sinh bao giờ !
Vội-vàng làm khách bơ-lơ,
Đến gần ướm hỏi khách thơ một lời :
« Kể từ đến cảnh Bồng-lai,
« May thay đã trộm thấy người tiên-cung.
« Mới hay hai chữ sắc, không (2),
« Chẳng tơ mà dễ rối lòng trần-duyên.
« Ba sinh ước vẹn mười nguyền,
« Chiêm-bao lần-quất ở bên giảng-đình.
« Sư còn lân-mẫn (3) chúng sinh,
« Xin thương đến tấm lòng thành mấy nao ! »
Bỗng nghe tiếng lạ-lùng sao !
Trái tai, nào biết lẽ nào dám thưa.
Nghĩ mình ở đám rau dưa,
Há nên tìm tiếng đong-đưa cùng người.
Làm thinh thà chịu mất lời (4),
Thềm hoa lần bóng, phòng trai giở giầy.

Vội-vàng khép bức rèm mây,
Ngoài hiên còn chút hương bay với chàng.
Một mình lui tới bẽ-bàng,
Khôn đường năn-nỉ, dễ đường nhắn-nhe !
Đeo sầu, chàng trở ra về,
Xem chiều thèn-thẹn, e-e, nực cười.
Trách người một, trách ta mười,
Bởi ta sờm-sỡ nên người dảy-dun.
Còn trời, còn nước, còn non,
Còn trăng, còn gió, hãy còn đấy đây.
Trăng trăng, gió gió, mây mây,
Biết là giở nỗi nước này cùng ai ?

Chú-thích. — (1) *Hành-lang* : 行 廊 : dãy nhà ngang chạy dài ở nơi đền đài cung điện. — (2) *Sắc, không* 色 空 : tiếng nhà Phật. Sắc là nói cái hình-tượng hiện rõ ra; phàm những vật có hình có tướng ở trong thế-gian đều là sắc. Không là hư-không, chẳng có gì cả. Thuyết nhà Phật chia thế-gian ra làm ba giới : dục-giới (cõi tình-dục), sắc-giới (cõi còn có hình sắc nhưng hết thị-dục), vô-sắc-giới (cõi không có hình sắc, được hưởng thú vui không gì bằng). — (3) *Lân-mẫn* 憐 憫 : thương xót. — (4) *Mắt lời* (mất đây nghĩa là quí giá) : lời nói quí giá ; ý nói không thèm trả lời.

29. — Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau

Gửi rằng : « Phận cánh hoa rơi,
« Bây giờ còn dám giấu người sao nên.
« Nắn-nì mới giở sự duyên,
« Dẫu lòng vàng đá cũng nghìn xót-xa.
« Đàm-chu, quê thiếp còn xa,
« Họ Trần, tên đặt vốn là Kiều-Liên.
« Bào-thai đã hẹn nhân-duyên,
« Quạt ngà, trâm ngọc (1), kết nguyền họ Phan.
« Rồi ra cách-trở quan-san,
« Chẳng may tiếng hạc khơi ngàn non hoa (2),
« Cô-đơn con trẻ, mẹ già,
« Phấn trôi cuốn má, sương pha bạc đầu.
« Cửa nhà binh lửa đâu đâu,
Tuyết sương quảy một gánh sầu ra đi.

« Đoạn-trường thay ! lúc phân kỳ (3),
« Mẹ thì bãi bắc, con thì non tây.
« Khóc than cũng thấu cao dày,
« Xui nàng Chương lại dắt tay tham thiền (4).
« Oan chi chút phận thuyền-quyên,
« Chữ tình cám cảnh, chữ duyên bẽ-bàng !
« Rừng thiền (5) ơn đã động thương,
« Khẩn-cầu vả sẵn đèn hương cửa người.
« Họa khi dun-dủi ơn trời,
« Đền ơn sinh nặng, giải lời nguyền sâu.
« Thân này mà dở-dang nhau,
« Thì xin tu lấy thân sau để dành.
« Hoa trôi, nước chảy lênh-đênh,
« Mặt nào còn giở tâm-tình cùng ai ?
« Dù chàng ép trúc, nài mai,
« Tìm nơi giếng cạn, thấy người hồng-nhan.
« Để ai ngọc nát, hoa tàn,
« Giải oan, chàng phải lập đàn cho nhau. »
Sinh nghe ngẫn mặt giờ lâu,
Gẫm rằng : « Con tạo cơ mầu khéo thay !
« Bấy lâu mơ tưởng đêm ngày,
« Ai ngờ Phan đó, Trần đây, mà nhầm !
« Tri-âm chưa tỏ tri-âm,
« Thì xin bên quạt, bên trâm sóng vào. »
Vội-vàng mở tráp tay trao,
Nhìn xem, nào có chút nào là sai.
Cành trâm thích, quạt chữ bày.
Rành-rành tên tuổi hai người song-song.
Mừng nhau lần kể sự lòng :
Gian-nan ngày trước, lạnh-lùng bấy nay.

Chú-thích. — (1) *Quạt ngà, trâm ngọc* : khi hai họ đính ước gả con cho nhau, thì họ Trần trao quạt ngà cho họ Phan, mà họ Phan thì trao trâm ngọc cho họ Trần, hai bên giữ lấy làm tin. — (2) *Tiếng hạc khơi ngàn non hoa* : ý nói cha mất. Con hạc là biểu-hiệu của sự sống lâu, nên khi người già mất ta thường nói : hạc bay lên trời. — (3) *Phân kỳ* 分岐 chia đường ly-biệt nhau. — (4) *Tham thiền* 參禪 (tham : xen vào, dự

vào): học theo phép thiền định, nghĩa là yên-lặng, chuyên-chú mà tư-tưởng. — (5) *Rừng thiền*: Thiền 禪, tiếng nhà Phật dịch theo âm chữ Phạm *dhyana*, nghĩa là yên-lặng và nghĩ-ngợi, thường dùng để nói về đạo Phật (như thiền-gia: người tu đạo Phật) hoặc về chùa thờ Phật (như thiền-môn: cửa chùa); vậy «rừng thiền» nghĩa là cảnh Phật, cảnh nhà chùa.

Quan-âm Thị-Kính 觀音氏敬

VÔ-DANH

Truyện này cốt tả đức nhẫn-nhục và lòng từ-bi của bà Thị-Kính vì đó mà sau bà được thành Phật Quan-âm.

Lược truyện. — Truyện này (gồm 786 câu) có thể chia làm năm hồi.

I. — *Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng* (câu 1-224. — Bà Thị-Kính, người nước Cao-ly, nguyên kiếp trước là đàn ông, tu-hành đắc đạo sắp thành Phật; nhưng đức Thích-ca muốn thử lòng, mới bắt đầu-thân xuống làm con gái nhà họ Mãng, rồi suốt đời bắt gặp nhiều cảnh oan khổ để xem sao. Lớn lên, có tài sắc, có nết-na, cha mẹ gả cho một người thư-sinh tên là Thiện-Sĩ con nhà họ Sùng. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa-thuận. Một đêm, chồng ngồi đọc sách, bà ngồi cạnh khâu, chợt khi chồng mệt tựa bên cạnh ngủ, bà trông trên cằm chồng, thấy râu mọc ngược, sẵn con dao cầm tay bà sắp cắt đi. Bỗng chồng giật mình thức dậy, thấy thế tưởng vợ có bụng hại mình, liền kêu lên; cha mẹ chồng chạy đến cứ một mực đổ riệt tội cho bà, rồi sai mời cha bà sang trách-móc và trả lại con.

II. — *Thị-Kính đi tu* (câu 225-370). — Bà về nhà cha mẹ, nỗi oan-uổng, tình âu-sầu, không thổ-lộ cho ai biết được. Thoạt tiên bà toan bề tự tận, nhưng nghĩ mình là con một, cha mẹ thì già, không nỡ dứt tình; bà bèn quyết chí đi tu cho tròn quả phúc để đền ơn sinh-thành. Bà mới giả hình nam-tử, đổi tên là Kinh-Tâm, trốn nhà đi tu ở chùa Vân-tự.

III. — *Thị-kính mắc tiếng oan thông-dâm* (câu 371-584). — Kinh-Tâm nương-náu cửa chùa, mối sầu nguôi dần. Bỗng đâu một cái tai vạ bất-kỳ xảy đến. Nguyên ở gần chùa có một người con gái là Thị-Mầu đương kén chồng thường đến lễ chùa, thấy Kinh-Tâm dáng người có duyên, sinh ra phải lòng. Kinh-Tâm thì vẫn hờ-hững thờ-ơ; nhưng Thị-Mầu thì lửa dục đã nhóm lên khó lòng dập tắt được, mới thông-dâm với đứa thương-đầu (đầy-tớ) thành ra có mang. Làng biết, gọi ra tra hỏi, Thị-Mầu đổ cho Kinh-Tâm; Kinh-Tâm khó bề biện-bạch, làng mới sai đánh và bắt khoán: thế là lại mắc oan tày đình lần thứ hai nữa.

IV. — *Thị-Kính nuôi con Thị-Mầu* câu 585-692). — Được ít lâu, Thị-Mầu sinh đứa con trai, đem ra chùa bảo trả Kính-Tâm. Kính-Tâm nghĩ thương đứa hài-nhi, mới đem về nuôi-nấng, chỉ mình biết lòng mình. Được ba năm, đứa bé đã khôn lớn, coi bộ khôi-ngô, thì Kính-Tâm bỗng bị đau rồi chết. Trước khi chết, có viết một bức thư để lại cho cha mẹ.

V. — *Thị-Kính rửa sạch tiếng oan và thành Phật* (câu 693-786). — Sau sư vãi trong chùa ra liệm thi-hài, mới biết Kính-Tâm là đàn bà; bấy giờ làng-mạc đều thấu tình oan của bà. Lại đến khi người nhà xem bức thư tuyệt-mệnh, mới biết tội giết chồng là oan. Chồng từ khi bà đi, cũng có lòng thương nhớ; đến khi thấu tinh-đầu, bèn cùng với cha mẹ bà đến chùa lo việc ma chay, rồi cũng trọn đời tu-hành ở đấy. Sau Đức Phật xét bà quả là người tu-hành đắc-đạo, cho bà được siêu-thăng làm Phật Quan-âm.

30. — Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng

Hôm mai trong chốn thâm-khuê,
Kẻ đường kim chỉ, người nghề bút nghiên.
Canh khuya bạn với sách đèn,
Mỏi lưng, chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang cạnh cằm.
Vô-tâm xui bỗng gia-tâm,
Dao con sẵn đấy, mới cầm lên tay.
Vừa giơ sắp tiễn (1) cho tày,
Giật mình, chàng đã thức ngay bấy giờ.
Ngán thay sửa dép vườn dưa (2),
Dẫu ngay cho chết, cũng ngờ rằng gian.
Thất thần, nào kịp hỏi-han,
Một lời la-lối rằng toan giết người.
Song thân nghe tiếng rụng-rời,
Rằng: « Sao khuya-khoắt mà lời gớm thay ? »
Chàng rằng: « Giấc bướm vừa say,
« Dao con, nàng bỗng cầm tay kề gần.
« Hai vai hộ có quỷ thần,
« Thực hư đôi lẽ, xin phân cho tường. »
Nàng vâng thưa hết mọi đường,
Rằng: « Từ *gảy* khúc *phượng* hoàng đến nay,

Án kia nâng ở ngang mày (3),
« Sạch trong một tiết, thảo ngay một bề.
« Bởi chàng đèn sách mỏi mê,
« Gối Ôn-công (4) thuở giấc hòe (5) thiu-thiu;
« Thấy râu mọc có chẳng đều,
« Cầm dao tiễn để một chiều như nhau.
« Há rằng có phụ tình đâu,
« Muôn trông xét đến tình đầu kẻo oan !
« Thác đi, phỏng lại sinh hoàn,
« Thì đem lá phổi, buồng gan dãi bày. »
Công cô (6) rằng : « Bảo cho hay :
« Trộm hương, cắp phấn, cũng đầy chan-chan.
« Mấy người *một ngựa* một *yên* (7),
« Nay Trương, mai Lý thế-gian hiếm gì ?
« Ấy may mà tỉnh ngay đi,
« Đỉnh-đinh-đinh nữa có khi còn đời ! »
Sự này chớ lấy làm chơi,
Sai người tức khắc đến mời Mãng-ông (8).
Trách rằng : « Sự mới lạ lùng !
« Sinh con ai dễ sinh lòng ấy đâu ?
« Khúc cầm bỗng dở-dang nhau,
« Say đâu với đứa trong dâu hẹn-hò (9).
« Sông kia còn có kẻ dò,
« Lòng người chưa dễ mà đo cho cùng !
« Sự này mười mắt đều trông,
« Thôi đừng tra hỏi gạn-gùng nữa chi !
« Nghe anh nào có bụng gì,
« Đem về dạy đấy sao thì mặc anh.

Bản chép khác. — Câu : 144 :. . . *đẳng* khúc *loan* hoàng đến nay. — Câu 157 :. . . *tiệt quyết* một *an*.

Chú-thích. — (1) *Tiễn* 剪 : cắt. — (2) *Sửa dép vườn dưa* : nghĩa bóng là làm một việc vô-tình mà khiến cho người ngoài nghi mình là gian ; do câu chữ nho : « Qua điền bất nạp lũ, lý hạ bất chỉnh quan ». 瓜田不納履,李下不正冠(古樂府,君子行). (Ở trong vườn dưa, không nên (cúi xuống) đi dép ; ở dưới gốc mận, không nên đội mũ lại), vì tuy bụng mình có ngay thật, mà làm thế, người ta cũng nghi. — (3) *Án kia nâng ở ngang mày* : ý nói kính trọng chồng lắm. Do điển Lương Hồng với nàng Mạnh-Quang, hai vợ chồng kính trọng nhau như khách. Khi dâng cơm lên chồng ăn, nàng ấy nâng mâm cơm cao ngang

lông mày. — (4) *Gối Ôn-công*: Ôn-công tức là Tư-mã Ôn-công đời nhà Tống, tính hay học khuya. Gối Ông-công là gối của người chăm học. — (5) *Giấc hòe*: giấc mộng, giấc ngủ. Do tích chép trong *Nam kha ký* của Đường Lý công Tá: Thuần Vu-Phần 淳于棼 ngủ dưới gốc cây hòe, nằm mơ đến nước Hòe-an 槐安, được vua nước ấy gả con gái cho, lại cho làm quan thái-thú đất Nam-kha 南柯, rất mực hiển-vinh. Sau đánh giặc bị thua, vợ lại chết, vua nghi kỵ đuổi đi. Lúc thức dậy, chỉ thấy dưới cây hòe có một cái tổ kiến. Thì ra quận Nam-kha (nghĩa đen là cành cây phía nam) chỉ là cái tổ ở dưới cành cây hòe hướng về phía nam vậy. Nhân câu chuyện ngụ-ngôn ấy, người ta mới gọi giấc mộng là «giấc hòe» hay «giấc Nam-kha». — (6) *Công ,cô* 公姑: bố chồng và mẹ chồng. — (7) *Một ngựa một yên*: nghĩa bóng là gái lấy một chồng. — (8) *Mãng-công*: cha bà Thị-Kính. — (9) *Đứa trong dâu hẹn-hò*: đứa tình-nhân. Chữ lấy trong *Kinh Thi*: «Kỳ ngã vu tang trung. 期我于桑中». (Hẹn ta ở trong nương dâu), nói về thói dâm-bôn của trai gái hẹn-hò nhau ở nơi bụi rậm.

31. — Thị-Kính xin vào tu ở chùa Vân-tự

Nàng từ xa chốn hương khuê,
Nỗi nhà man-mác mọi bề mà lo.
Cũng toan gỡ mối tơ vò,
Thành sầu cao ngất phá cho tan-tành.
Tưởng ơn trời bể mòng-mênh,
Dễ mà đền được ân-tình ấy đâu.
Tà-tà bóng ngả cành dâu,
Sớm khuya dưới gối, ai hầu-hạ thay ?
Vắng lời khuất mặt lúc này,
Lòng người thiều-não biết ngày nào nguôi ?
Nghĩ điều mưa nắng *xa-xôi*,
Cảm thương đòi đoạn, bồi-hồi từng *nao*.
Chân trời đất khách đã lâu,
Chiêm-bao lẩn-thẩn ở đâu quê nhà.
Hỏi thăm dặm liễu dần-dà,
Ngỡ đâu Vân-tự chẳng là ở đây.
Bốn bề phong-cảnh lạ thay !
Bồng-lai *kia* cũng thế này mà *thôi*.
Cửa thiền sẽ lén chân *coi*,
Trông lên sư *cụ* vừa ngồi tụng kinh.
Mưa hoa (1) rảy khắp bên mình.
Nhấp-nhô đá cũng *xếp* quanh gật đầu (2).

Mới hay *phép* Phật *rất* mầu,
Nghĩ đây cũng dễ đổi sầu làm vui.
Chờ khi kinh giáo vừa rồi,
Lạy sư, mới bạch khúc-nhôi tỏ-tường.
Trình bày tên tuổi gia-hương,
Nhà xưa theo dấu văn-chương cũng là.
Chán vùng danh-lợi phiền-hoa,
Chắp tay xin đến thiền già (3) qui-y.
Sư rằng: « Này đạo từ-bi,
« Rộng *đường* phổ-độ hẹp gì trần-duyên.
« Nhưng sao *đương-độ* thiếu-niên,
« Nhìn xem phong-thể cũng nên con người.
« Cớ *chi* nhà *lối* xa khơi,
« Đem mình đài các vào nơi lâm-tuyền ?
« Hay là tủi phận hờn duyên ?
« Hay là đeo lụy, mang phiền chi chăng ?
« Chỉn e vượn Sở lạc chừng,
« Bận lòng đến cả cây rừng *chẳng sinh* ! » (4)
Thưa rằng: « Trẻ mỏ thư sinh,
« Làm chi cho được lụy mình, chớ e !
« *Len chân* nhờ bóng sân hòe (5),
Cũng mong *tranh đấu* ngựa xe với người.
« Đoái trông thế-sự nực cười,
« Như đem trò rối mà chơi khác gì.
« Phù-vân một đóa bay đi,
« Khi thì áo trắng, lúc thì muông đen (6).
« Chật đường Nam-thoán như nêm,
« Cân đai nhan-nhản người quen với mình (7).
« Chẳng thèm *ra áng công*-khanh,
« Mà đem thân-thể làm hình dịch chi (8).
« Cho nên mến cảnh *từ-bi*,
Dám xin nhờ *đức* tăng-*ni mở* lòng.

Bản chép khác. — Câu 301 : . . . mưa nắng *ngược xuôi*. — Câu 302 : . . . từng *đau*. — Câu 308 : . . . *khi* cũng thế này mà *sao*. — Câu 309 *Thiền-phòng* sẽ lén chân *vào*. — Câu 312 : *Nhơn-nhơn* đá cũng *xúm* quanh . . . — Câu 313 : *đạo* Phật *phép* mầu. — Câu 317 : *Kẻ từ*. . . — Câu 22 : Rộng *thương*. . . — Câu 323 : Nhưng sao *phú dịch*. . . — Câu 325 :

Cớ gì nhà *cách*. . . — Câu 330 : cây rừng *chưa minh*. — Câu 333 : *Nền nhân*. . . — Câu 334 : Cũng mong *rạng cửa*. . . — Câu 341 : . . . *thịt ướp quân* khanh. — Câu 343 : . . . mến cảnh *trú-trì*. — Câu 344 : . . . nhờ *bóng* tăng-*trì xét* lòng.

Chú-thích. — (1) *Mưa hoa* : do tích ông sư Nghiệm đời Đường ngồi tụng kinh ở chùa Vân-hoa, trời mưa hoa xuống rất nhiều. — (2) *Đá gật đầu* : do tích người học-trò sư La-Thập giảng kinh Nát-bàn ở núi Hổ-khưu, rồi hỏi mấy hòn đá ở xung quanh xem lời giảng có hợp với lòng Phật không, thì thấy mấy hòn đá gật đầu. — (3) *Thiền già* 禪伽 : chùa thờ Phật. — (4) *Câu 329-330* : nguyên vua nước Sở có nuôi một con vượn ; một hôm, con vượn ấy trốn vào trong rừng, vua sai đốt cả rừng để tìm. Vậy hai câu này ở đây ý nói : chỉ sợ Thị-Kính trốn nhà đi tu, rồi lại liên lụy đến nhà chùa chăng. — (5) *Sân hòe* : Vương-Hựu đời nhà Tống trồng ba cây hòe ở trong sân, chủ ý mong cho con sau này làm đến chức tam công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội-họp có ba cây hòe chỉ chỗ của ba vị tam công. Sau quả nhiên con ông là Vương Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ « sân hòe » ở đây nghĩa là nhà thế-phiệt. — (6) *Câu 337-338* : hai câu này đặt theo hai câu thơ của Đỗ Phủ : « Thiên thượng phù-vân như bạch y, tư tu biến ảo vi thương cẩu. 天上浮雲如白衣, 斯須變幻爲蒼狗 ». (Mây nổi trên trời như áo trắng, bỗng-chốc biến đổi thành chó xanh). Ý nói cuộc đời biến đổi thất-thường. — (7) *Câu 339-340* : Hai câu này đặt theo câu trong bài thơ đề đền Tứ-hạo : « Sơn hạ hồng trần Nam-thoán lộ, Bất tri quan đái kỷ nhân hoàn. 山下紅塵南竄路, 不知冠帶幾人還 ». (Dưới núi bụi hồng đường Nam-thoán, chẳng biết mấy người đội mũ đeo đai trở về). Nam-thoán là một con đường dưới núi Thương-sơn (thuộc tỉnh Thiểm-tây) qua đất Trường-an là kinh-đô cũ của nước Tàu. Vậy hai câu này ý nói : trên con đường công-danh, có rất đông người chen-chúc, khó lòng len chân vào được. — (8) *Mà đem thân-thể làm hình dịch chi* (hình : hình-thể ; dịch : sai khiến) : ý nói há vì sự giầu sang mà làm khổ cái tâm thân.

Bích-câu kỳ ngộ 碧溝奇遇

VÔ DANH

Truyện này kể một sự-tích ở nước ta, tức là việc một người học-trò tên là Trần Tú-Uyên gặp một nàng tiên ở đất Bích-câu, bởi thế mới đặt tên truyện là *Bích-câu kỳ ngộ* (sự gặp-gỡ lạ-lùng ở đất Bích-câu).

Bích-câu (nghĩa đen là ngòi biếc), trước thuộc làng Yên-trạch, tổng Yên-hòa, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội, nay sáp nhập thành-phố Hà-nội là phố Cát-linh ở đây hiện còn có đền Tú-Uyên là cái di-tích của câu chuyện hoang-đường này. (Xem thêm ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương XIX*).

Lược truyện. — Truyện này (gồm 648 câu) có thể chia làm bốn hồi:

I. — *Tú-Uyên gặp Giáng-Kiều, về ốm tương-tư* (câu 1-272). — Trần Tú-Uyên, một người học-trò nghèo, thường hay đi chơi những nơi thắng-cảnh, một lần đến đất Bích-câu, thấy phong-cảnh đẹp, bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm, ông đi xem hội chùa Ngọc-hồ (tức chùa bà Ngô ở phố Sinh-từ, Hà-nội). Chiều đến, sắp về, chợt thấy bay đến trước mặt một bài thơ có ý ghẹo mình. Trông ra cửa tam-quan, thấy một người con gái rất đẹp; ông bèn đi theo, đến Quảng-văn đình (nay là chợ Cửa Nam, Hà-nội) thì chợt người ấy biến mất. Từ đấy, Tú-Uyên sinh ra ốm tương-tư.

II. — *Tú-Uyên kết duyên cùng Giáng-Kiều* (câu 273-428). — Sau Tú-Uyên đến đền Bạch-mã (nay ở Phố Hàng buồm) cầu mộng; đêm thần bảo ông sáng hôm sau ra đợi ở Cầu Đông (nay ở Phố Hàng đường) thì gặp người con gái ấy. Hôm sau ra, đợi mãi đến chiều, chỉ gặp một ông lão bán bức tranh vẽ một người tố-nữ giống hệt người đã gặp hôm trước. Ông bèn mua về, treo ở nhà, cứ đến bữa ăn, dọn hai cái bát, hai đôi đũa, mời người trong tranh ăn. Một hôm, ông đi học về, thấy có mâm cơm dọn sẵn, trong bụng sinh nghi. Hôm sau, ông rình ở một chỗ, thấy người trong tranh bước ra, ông vội chạy lại hỏi, thì người ấy nói tên mình là Giáng-Kiều ở trên cung tiên xuống, xin kết duyên cùng ông. Giáng-Kiều mới làm phép biến chỗ nhà ở của ông thành lâu-đài tráng-lệ.

III. — *Giáng-Kiều giận Tú-Uyên bỏ đi, sau lại trở về* (câu 429-558). — Tú-Uyên lấy Giáng-Kiều được ba năm, thường cứ rượu-chè say-sưa, nàng can ngăn, ông không nghe, lại còn đánh đập. Một lần, nàng quá giận, bỏ ông biến đi. Đến lúc tỉnh, ông hối lại, đi tìm đâu cũng không thấy, chỉ than khóc thương tiếc. Một hôm buồn quá, ông toan tự tận; chợt nàng Giáng-Kiều hiện ra, ông bèn tỉ-tạ, hai bên lại đoàn-tụ như xưa.

IV. — *Tú-Uyên và Giáng-Kiều lên cõi tiên* (câu 559-648). — Tự bấy giờ, Tú-Uyên đối-đãi tử-tế với Giáng-Kiều; sau sinh được một người con trai đặt tên là Chân-Nhi. Nàng Giáng-Kiều bèn khuyên ông nên lên ở cõi tiên và trao cho ông bùa tiên cùng thuốc tiên để ông tu-luyện. Rồi một hôm, sau khi đã dặn-dò Chân-Nhi ở lại cõi trần, hai vợ chồng cùng cưỡi hạc bay lên cõi tiên.

32. — Tú-Uyên mắc bệnh tương-tư

Nỗi nàng canh-cánh nào quên,
Vẫn còn quanh-quất giấc tiên khéo là!
Bướm kia vương lấy sầu hoa,
Đoạn tương-tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
Có khi gảy khúc đàn tranh,
Nước non ngao-ngán ra tình hoài nhân (1).
Cầu hoàng (2) tay lựa nên vần,
Tương-Như (2) lòng ấy, Văn-Quân (2) lòng nào?
Có khi mượn chén rượu đào,

Tiệc mồi chưa cạn, ngọc dao đã đầy..
Hơi men chưa nhắp đã say,
Như xông mùi nhớ, như gây giọng tình.
Có khi ngồi suốt năm canh,
Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kềnh nện sương.
Ỏi tai những tiếng đoạn trường,
Lửa tình dễ nguội, sóng Tương (3) khôn hàn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn,
Tiếng quyên hót sớm, trận nhàn (4) bay khuya.
Ngổn-ngang cảnh nọ tình kia,
Nỗi riêng riêng biết dãi-dề với ai!
Vui xuân chung cả một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.

Chú-thích. — (1) *Hoài nhân* 懷人 : nhớ người. — (2) *Cầu hoàng* : tức là « Phượng cầu kỳ hoàng », tên khúc đàn của Tư-mã *Tương-Như*, người đời nhà Hán, gảy, tiếng đàn não-nùng ai-oán, nàng Trác *Văn-Quân* là một người đàn bà trẻ tuổi góa chồng nghe phải cảm-động sinh mê, sau hai bên lấy nhau. — (3) *Sóng Tương* : nghĩa bóng là nước mắt. Do tích bà Nga-hoàng và bà Nữ-Anh ngày xưa khóc vua Thuấn ở sông Tương, nên chữ « sóng Tương » hoặc « mạch Tương » dùng để chỉ nước mắt : — (4) *Nhàn* : tức là chữ « nhạn » đọc chạnh ra cho thành âm bằng.

33. — Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên

Một khi ra việc tràng văn,
Trở về đã thấy bát trân (1) sẵn-sàng.
So xem phong-vị khác thường,
Mùi hoa sực nức, mùi hương ngạt-ngào.
Bếp trời sẵn đấy hay sao ?
Của đâu thấy lạ, lòng nào chẳng nghi ?
Rạng mai cứ buổi ra đi,
Liệu chừng, thoắt trở lại về thử coi.
Uẩy đâu thấy sự lạ đời :
Trong tranh, sao có bóng người vào ra ?
Nhơn-nhơn mày liễu mặt hoa,
Này người khi trước, đâu mà đến đây ?
Nàng đương trang-điểm nào hay,
Cửa ngoài sẽ hé cánh mây bước vào.

Vội-vàng đánh tiếng xa chào,
Bên mừng, bên lệ, xiết bao là tình !
Rằng : « Bấy lâu một chữ tình,
« Gặp đây, xin ngỏ tinh danh cho tường. »
Nàng rằng : « Bỗ liễu phận thường,
« Vi mang má phấn, nên vương tơ điều.
« Vốn xưa thiếp khách thanh-tiêu,
« Tiên-thù là hiệu, Giáng-Kiều là tên.
« Ba sinh đã nặng vì duyên,
« Đem thân liễu yếu, kết nguyền đào thơ.
« Nhân duyên đã định ngày xưa,
« Tơ trăng xe đến bây giờ mới thân.
« Cũng là nhờ đức tiên-quân,
« Đóa hoa biết mặt chúa xuân từ rày. »
« Sinh rằng : « Trong bấy lâu nay,
« Nhắp sầu, gối muộn, có ngày nào ngơi !
« Đã rằng : tác hợp duyên trời (2),
« Làm chi cho vẩn lòng người lắm nau (3) ? »
Nàng rằng : « Xin quyết gieo cầu (4),
« Tấm son thề với trên đầu xanh-xanh.
« Dám đâu học thói yến oanh,
« Mặn tình trăng gió, nhạt tình lửa hương.
« Gieo cầu trước đã dở-dang,
« Sau nên nát đá phai vàng như chơi.
« Mái tây còn để tiếng đời,
« Treo gương kim cổ cho người soi chung.
« Lạ chi hoa với gió đông,
« Tiếc hương, vả cũng nể lòng chim xanh.
« Một mai mưa gió bất tình,
« Vóc tàn, nên để yến oanh hững-hờ.
« Nghĩ trong thân-phận yếu-thơ,
« Làm chi để tiếng sờ-sờ lại sau ? »

Chú-thích. — (1) *Bát trân* (bát : tám ; trân : quí) : tám thức ăn qui. Theo sách *Chu-lễ* thì tám thức ăn ấy là : bột ngào, bánh mỡ, heo thui, dê thui, chả quết, thịt ướp, nem luộc và gan nướng. — (2) *Tác hợp duyên trời* : theo câu trong *Kinh Thi* : « Thiên tác chi hợp 天作之合. » (Trời làm cho hai bên kết-hợp với nhau) : ý nói cái duyên tự trời gây nên. — (3) *Lắm*

náu (nau : từng cơn đau) : nhiều cơn đau-đớn. — (4) *Gieo cầu* : chọn người để lấy làm chồng. Do tích vua Hán Vũ-đế muốn kén rể, cho công-chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì lấy người ấy (tích chép trong sách *Tam hợp bảo kiếm*).

Nhị độ mai 二度梅

VÔ-DANH

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX*).

Lược truyện. — Truyện gồm 2820 câu, có thể chia làm bốn hồi :

I. — *Họ Mai bị gian-thần hãm hại* (câu 15-474). — Về đời Đường Đức-tôn (780-805) có vị trung-thần là Mai Bá-Cao làm tri-huyện Lịch-thành. Ông có người con trai tên là Mai Bích, tự là Lương-ngọc. Bấy giờ trong triều có hai tay gian-thần là Lư Kỷ và Hoàng Tung, ông vốn căm tức. Chợt có chỉ triệu ông về kinh làm lại-khoa cấp-sự. Ông nhất quyết nhân dịp ấy triệt bọn gian-thần, thành thì sống, bại thì chết. Dặn-dò vợ con, rồi ông lên đường.

Khi đến kinh, ông đến yết-kiến Lư Kỷ, quan hầu cửa tướng-phủ đòi tiền lễ trình, ông mắng, rồi không vào nữa. Cách ít lâu, nhân ngày lễ sinh-nhật Lư Kỷ, bất-đắc-dĩ ông phải đến mừng, nhưng lễ mừng chỉ đem có cân miến, cây sáp. Trong khi tiếp chuyện, ông đem chuyện xưa ra chỉ-trích Lư, Hoàng và không thèm uống rượu.

Lư Kỷ căm lắm, lập tâm hãm hại. Nhân có giặc Thát, Lư tâu xin cử hai người bạn ông Mai Bá-Cao là Phùng Lạc-Thiên và Trần Đông-Sơ đi dánh giặc. Ông Cao nói giặc Thát không cần phải dùng binh mà Phùng, Trần là văn-quan không kham nổi việc binh. Lư bèn khép Cao vào tội hoãn binh giúp giặc, tâu vua, rồi chém Bá-Cao và cách chức Phùng, Trần. Lại ra lệnh tróc nã cả nhà họ Mai.

II. — *Mai Lương-ngọc nương-náu ở nhà họ Trần* (câu 475-878). — May có người báo tin, Mai phu-nhân và Lương-ngọc trốn thoát. Phu-nhân đến chỗ lỵ-sở của em ở Sơn-đông ẩn náu. Còn Lương-ngọc thì cùng với đầy tớ là Hỉ-đồng sang lỵ-sở ông bố vợ chưa cưới là Hầu Loan. Muốn thử bụng Hầu Loan, Hỉ-đồng ăn mặc giả làm Lương-ngọc vào thăm. Quả nhiên Hầu Loan sai bắt Hỉ-đồng, đợi giải kinh nộp. Hỉ-đồng uống thuốc độc tự-tử. Lương-ngọc buồn rầu lang-thang, đến trước cửa một ngôi chùa, thắt cổ trên cây. May có nhà sư trong chùa ra cứu, cho vào ở đấy trồng cây sửa hoa.

Em ông sư ấy lại chính là Trần Đông-Sơ, từ khi bị cách chức, về nghỉ quê nhà. Một hôm, ông sang chơi chùa, nhân cần một người làm vườn, bèn đem Lương-ngọc (đổi tên là Hỉ-đồng) về nhà. Hôm giỗ Mai Bá-Cao, Trần-công nhớ bạn, sửa lễ ở ngoài vườn, khấn bạn và cầu-nguyện rằng: nếu họ Mai còn dòng-dõi thì xin cho hoa mai trong vườn nở đều. Đêm hôm ấy, trời nổi cơn mưa gió, hoa mai rụng

sạch. Ông buồn, muốn đi tu; người con gái là Hạnh-Nguyên khuyên giải, xin khấn cầu lần nữa xem sao. Ba hôm sau, hoa mai lại nở đặc trên cây (vì việc này, mới đặt tên truyện là *Nhị độ mai*, nghĩa là cây mai nở hoa hai lần). Ông mừng, sai làm rượu vịnh thơ, chợt thấy ở vách hoa-đình có bài thơ của Hỉ-đồng đã đề. Sau hỏi ra, mới biết Hỉ-đồng tức là Mai Lương-ngọc, ông mừng rỡ, định bụng gả Hạnh-Nguyên cho.

III. — *Họ Trần bị hại; Mai Lương-ngọc và Trần Xuân-sinh gặp cảnh lưu-ly* (câu 879-1974). — Lư Kỷ ghét Trần-công, tâu vua bắt Hạnh-Nguyên sang cống Phiên. Hạnh-Nguyên đi đến nửa đường, đâm đầu xuống sông tự tận, may giạt vào nhà bà Châu Bá-Phù, được nuôi làm con nuôi, cùng ở với con gái bà là Vân-Anh. Nhân việc ấy, Trần-công bị bắt giam, cả nhà bị nã. Lương-ngọc cùng với Xuân-sinh (con Trần-công) chạy trốn; giữa đường gặp cướp, hai người lạc nhau. Lương-ngọc (đổi tên là Mục-Vinh) may gặp ông Phùng Lạc-Thiện (ông được khai-phục vô kinh), ông bèn giới-thiệu để Lương-ngọc được giúp việc quan Tuần-án Hà-nam Châu Bá-Phù. Sau Châu-quân thấy Lương-ngọc có tài văn-chương, mới cho chàng về quê ông học-tập để đi thi và định gả Vân-Anh cho, nhân thế Lương-ngọc lại được gặp Hạnh-Nguyên đương ở đấy.

Còn Trần Xuân-sinh, vì bị lưu-lạc khổ-sở, đâm đầu xuống sông tự tử. May có một bà thuyền chài cứu và nuôi, lại hứa gả con gái là Ngọc-Thư cho. Sau gặp Khâu đề-đốc (em Mai phu-nhân) nuôi làm nghĩa-tử (lấy tên là Khâu Khôi) và định gả con gái là Vân-Tiên cho.

IV. — *Bọn gian thần bị tội; họ Mai và họ Trần được hiển vinh* (câu 1975-2780). — Mục Vinh và Khâu Khôi đi thi, một người đỗ trạng-nguyên, một người đỗ bảng-nhỡn. Lư Kỷ muốn ép Khâu-Khôi lấy con gái mình, Khôi không chịu, Lư Kỷ bắt bỏ ngục. Học-trò nổi giận, đón xe Lư, Hoàng đánh, rồi vào chầu vua kể hết tội lộng quyền của hai tên gian-thần. Vua xét rõ, bèn chém Lư, Hoàng, phong chức cho Trần-công, ban chức cho Lương-ngọc, Xuân-sinh.

Lương-ngọc về đón mẹ, viếng Hỉ-đồng, rồi về kinh làm lễ thành-hôn cùng Hạnh-Nguyên (chánh-thất) và Vân-Anh (thứ-thất). Còn Xuân-sinh thì làm lễ thành-hôn với Vân-Tiên và Ngọc-Thư.

34. — Mai-công đến mừng lễ thọ Lư Kỷ

Ngày xanh thấm-thoắt đưa thoi,
Lư-công tuổi thọ sáu mươi vừa tuần.
Định ngày *vui mở tiệc* xuân,
Vua cho lễ-vật, nội-thần đem ban.
Lại truyền văn vũ bá quan,
Cứ ngày cũng đến tướng-môn lễ mừng.
Phủ-đường dọn-dẹp tưng-bừng,

Rỡ-ràng kết thái trương đăng (1) trong ngoài.
Vóc đề chữ, gấm thêu bài,
Vịnh ca thiên-bảo, chúc lời nghiêu-hoa.
Dập-dìu chốn vũ, nơi ca,
Trò bày bách hí (2), dịp hòa bát âm.
Giong giá nến, quạt lò trầm,
Rót bình rượu ngọc, nâng mâm đào vàng.
Võng đầy cửa, ngựa chen đàng,
Khắp triều-quan đến, khắp hoàng-thân (3) ra.
Bày phô chén ngọc, đũa ngà,
Gia-hào (4) mấy thức, trân-la (5) mọi mùi.
Tướng-công thăm-thẳm xa ngồi,
Tiếp tân phó mặc con nuôi họ Hoàng.
Mai-công lễ-vật tầm-thường,
Miến vài cân với lạp hoàng (6) vài đôi.
Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,
Tìm Lư-công, đến tận nơi, tiến trình.
Tướng-công ngồi trước thọ-bình,
Chói vàng bông mũ, ngắt xanh hoa bào.
Tứ bề trướng gấm, màn đào,
Mùi hương xạ ngát, tiếng thiều-nhạc (7) rung.
Trông xa nhác thấy Hoàng Tung,
Xem đơn lễ (8) mới thung-dung dạy lời:
« Ít nhiều có lễ thì thôi,
« Hãy thu lấy đấy, khuyên mời hẳn-hoi.
« Tay này là bực đại-tài,
« Để ta mua chuộc làm tôi tớ nhà. »
Cứ lời, Tung mới bước ra,
Chào rằng: « Vâng mệnh ân-gia mời ngồi.
« Lễ đơn đây đã thu rồi,
« Dám khuyên vài chén tiệc vui gọi là. »
Mai-công rằng: « Những ở xa,
« Chẳng hay Qui-chức tuổi đà bao nhiêu. »
Tung rằng: « Tuổi cũng chưa nhiều:
« Năm mươi tư tuổi gần theo cõi già. »
Công rằng: « Thực cũng khéo là!

« Thế mà nghĩa-phụ (9), thế mà ân-nhi (10) !
« Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,
« Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đồn ?
« Mới hay vượng-khí tướng-môn,
« Năm lên sáu tuổi sinh con đầu lòng ! »
Tung nghe ra giọng đâm hòng,
Mặt ngăn-ngắt tím, mắt sòng-sọc trông.
Các quan biết ý Hoàng Tung,
Giả điều mời rượu Mai-công ép nài.
Ông rằng : « Lượng rượu kém ai,
« Tiệc vui dù chẳng đợi mời cũng say.
« Nghe hơi tử-khí đâu đây,
« Dẫu rằng nửa chén đưa say, chẳng màng.
« Đến đây vâng mệnh Thánh-hoàng,
« Sá vui kèo rót mấy tuồng quyền gian ? »
Hoàng Tung đỏ mặt, sốt gan,
Bất *thình-lình*, *bỗng* trong *bàn* mất vui.
Như mèo tiu-nguỷu mất tai,
Chẳng thu một lễ, chẳng mời một ai.
Vào trong tốc thẳng một hơi,
Bên màn Lư Kỷ, kề ngồi nỉ-non.
Nhỏ to chua cái, chua con :
« Hôm xưa, kiệu đến nghi-môn (11) còn ngồi.
« Mới rồi, đưa lễ giễu chơi,
« Đã câu rủa mát, lại lời đưa chênh.
« Gần chùa gọi Bụt *là* anh,
« Không văn-pháp nữa, còn danh-giá gì ! »
Lư rằng : « Con chớ lo chi :
« Ra tay, rồi sẽ liệu bề bẻ mai.
« Cho vào bạn-đảng (12) thời thôi,
« Bấy giờ dẫu nghĩ kêu trời cũng xa. »

Bản chép khác. — Câu 339 : Định ngày *mở tiệc vui* xuân. — Câu 396 : Bất *bình bỗng giận* trong *màn* mất vui. — Câu 405 :... *bằng* anh.

Chú-thích. — (1) *Kết thái trương đăng* 結綵張燈 : tết lụa màu và treo đèn. — (2) *Bách hí* 百戲 : trăm trò chơi. — (3) *Hoàng-thân* 皇親 : chú bác anh em vua. — (4) *Gia-hào* 嘉餚 : (gia : ngon ; hào : đồ

nhắm): đồ nhắm ngon. — (5) *Trân la* 珍蘿: (trân: qui; la: một thứ rau có mùi thơm): rau qui. — (6) *Lạp hoàng*: tức là hoàng-lạp 黃蠟: sáp vàng. — (7) *Thiều-nhạc*: 韶樂: bài nhạc cổ về đời Nghiêu, Thuấn bên Tàu. — (8) *Đơn lễ*: cái lễ đơn-sơ. — (9) *Nghĩa-phụ* 義父: bố nuôi. — (10) *Ân-nhi* 恩兒: con nuôi. — (11) *Nghi-môn* 儀門: cửa lớn ở các dinh thự hay nhà lớn. — (12) *Bạn-đảng* 叛黨: bọn làm phản.

35. — Hạnh-Nguyên trẫm mình

Lên yên, gióng ngựa ra đi,
Núi cao đã thấy hầu kề tới nơi.
Hỏi tên là Lạc-nhạn-đài,
Trùm mây mù-mịt, ngất trời chon-von.
Nàng rằng: « Tích trước ghi lòng,
« Chiêu-quân gửi nhạn thư phong chốn này.
« Đường đi nhân tiện qua đây,
« Nhắn nhàn, bắt chước chuyện người ấy chơi. »
Kíp truyền man-tốt (1) mấy lời:
Dọn đường núi Nhạn, kíp dời gót loan.
Phù nàng ngồi kiệu đăng san,
Hai hàng thị-nữ, một đoàn Phiên-binh.
Bước cao, bước thấp gập-ghềnh,
Quăn-queo đuôi chuột, chênh-vênh tai mèo,
Nương đá quạnh, vịn cánh oeo,
Chim xáo-xạc lá, vượn leo-lắt cành.
Sẵn-sàng cảnh-vật chung quanh:
Phong đồn mở quạt, mây xanh buông màn (2).
Bước lên tuyệt đỉnh làn-làn,
Trông nhường chật đất, với toan đến trời.
Mặt sau lần bước xem chơi,
Nhìn lâu, bỗng thấy một nơi có đầm.
Mắt mèo trong vắt (3) nổi tăm,
Rắn quẳn-quặn khúc, mãng (4) nhom-nhép hàm.
Cheo-leo sườn núi trông sang:
Khe kia, suối nọ, ngổn-ngang mấy trùng.
Nửa ngày nổi trận âm-phong (5),
Phất-phơ lật lá, lạnh-lùng thấu xương.

Đất đâu sơn-thủy lạ nhường !
Ngẫn-ngơ mình những cảm thương nỗi mình :
« Xót thay đôi đức sinh-thành,
« Bao giờ nguôi được chút tình nhớ thương.
« Một ngày một ngả bóng tang,
« Da mồi xạm mặt, tóc sương điểm đầu.
« Biết nhau thêm dở-dang nhau,
« Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rằng !
« Ấy ai chắp mối xích-thằng !
« Biết *rằng* đứt chỉ, thà đừng vương tơ.
« Như lời thần-mộng (6) họa là,
« Còn duyên chăng nữa, cũng chờ tái-sinh.
« Đường cùng giữ lấy thơm danh,
« Thôi thì gác hiếu với tình một bên.
« Chấp kinh, nếu chẳng tòng quyền,
« Nữa khi nước đến, e *nên* cát lầm. »
Tấc lòng *cả* quyết khôn cầm,
Tấm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu.
Thị-tỳ trông trước nhìn sau,
Nàng đà gieo ngọc, chìm châu bao giờ.

Bản chép khác. — Câu 1222 : Biết *mà*... — Câu 1228 : ... e *phiền*... — Câu 1229 : *Tăm* lòng *quả*-quyết...

Chú-thích. — (1) *Man-tốt* 蠻卒 : quân Man ; đây chỉ quân Phiên. — (2) *Câu 1202* : tả cảnh núi : những chòm lá cây phong 楓 trông như quạt mở, những đám mây che phủ như màn buông. — (3) *Mắt mèo trong vắt* : Tả cảnh nước trong xanh như mắt mèo. — (4) *Mãng* 蟒 : rắn lớn có hoa. — (5) *Âm-phong* 陰風 : cơn gió lạnh-lẽo tưởng như ở dưới âm-phủ đưa lên. — (6) *Lời thần mộng* : Hạnh-Nguyên trước có vào lễ đền thờ Chiêu-quân, đêm nằm chiêm-bao thấy Chiêu-quân báo cho biết rằng : « Rồi ra về đến quê mình, Sau này phu quí phụ vinh vẹn tròn » (câu 1171-1172).

---

36. — Nhân nguyệt vấn đáp 人月問答

VÔ-DANH

« Nhân nguyệt vấn đáp » nghĩa là người và trăng hỏi và đáp nhau. Tác-giả bài này, không rõ là ai, nhưng chắc là một nhà nho chán đường danh lợi, ghét thói đua tranh, mượn câu chuyện ấy để dãi bày tâm-sự của mình.

Tiết thu dạ, thiên quang vân tĩnh (1),
Chốn lữ-đình (2), giấc tỉnh canh khuya.
Tai nghe văng-vẳng bốn bề,
Gương Nga vằng-vặc *soi hè* quế lan.
Thấy trăng, thêm động lòng vàng,
Ngâm câu vấn Nguyệt *mà than mấy lời*.

Hỏi chị Nguyệt mấy lời sau trước :
« Duyên-cớ sao mà được thảnh-thơi ? »
Ngnyệt rằng : « Vật đổi sao dời,
« Thân này trời để cho người soi chung.
« Làm cho mỏi mệt anh-hùng,
« Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-qua !! »

Hỏi chị Nguyệt : « Có đường lên tới ?
« Chốn thiềm-cung (3) phỏng độ bao xa ? »
Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta,
« Có cây đan-quế (4) ấy là chị em.
« Anh-hùng thử tới mà xem :
« Kia gương ngọc-thỏ (5), nọ rèm thủy-tinh. »

Hỏi chị Nguyệt : « Có tình chăng tá ?
« Chứ *xuân-thu* phỏng đã nhường bao ? »
Nguyệt rằng : « Yếu liễu thơ đào,
« Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
« Mảnh gương vằng-vặc chẳng mòn,
« Bao nhiêu tinh-đẩu là con cái nhà. »

Hỏi chị Nguyệt : « Hằng-Nga mấy tuổi ?
« Cứ năm năm đến tối lại ra ? »
Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta,
« Minh minh trường dạ (6), ai mà biết ai ?
« Vậy nên mở mặt soi đời,
« Biết nơi nham-hiểm, biết *người* tà-gian. »

Nghe Nguyệt nói, lòng càng yêu Nguyệt,
Biết lòng ta có nguyệt *hay* chăng ?

Muốn lên cho tới cung trăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.
Một trăng với *lại một* ta,
Biết nhau chỉ *lúc* canh ba điềm *thùng* !

Nguyệt thong-thả ướm lòng lại hỏi :
« Cõi trần-gian là cõi làm sao ? »
Ta rằng : « *Thế-cuộc* chiêm-bao,
« Công-hầu khanh-tướng xôn-xao trong vòng.
« Tranh nhau chỉ vị hơi đồng,
« Giết nhau vì miếng đỉnh-chung (7) của trời. »

Nguyệt lại hỏi *đến* người quân-tử,
Buổi vân-lôi (8), hai chữ kinh-luân (9).
Ta rằng : « Có đấng thánh-thần.
« Ra tay dẹp loạn, đem *công* trị bình.
« Còn phường trục lợi tham danh,
« Chẳng qua như chuyện minh-linh, du-phù (10). »

Nguyệt lại hỏi : « Rừng nho mấy kẻ,
« Rõ ra tay bẻ quế Tràng-an (11) ? »
Ta rằng : « Cá bể, chim ngàn,
« Đời nào chẳng có phượng-hoàng, kình-nghê (12). »

Ta hỏi Nguyệt ngẩn-ngơ ngơ-ngẩn,
Nguyệt hỏi ta thơ-thẩn thẩn-thơ.
Chồi hoa trước gió phất-phơ,
Hiu-hiu gió thổi, hương đưa ngạt-ngào.
Canh càng thâm, Nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta Nguyệt, biết bao nhiêu tình !
Mấy câu ngâm chốn lữ-đình
Có ai biết Nguyệt biết mình cho chăng ?

Bản chép khác. — Câu 4 : . . . *trải kề* . . . — Câu 6 : . . . *đọ ngang với trời.* — Câu 20 : . . . *niên hoa* . . . — Câu 26 : . . . *ngày rằm* . . . *thì* . . . — Câu 30 : . . . *loài* . . . — Câu 31 : *Thấy* . . . — Câu 35 : . . . *một mình* . . . — Câu 36 : . . . *có* . . . *từng.* — Câu 39 : *Cuộc đời xem tựa* . . . — Câu 43 : . . . *tới* . . . — Câu 46 : . . . *thân* . . .

Chú-thích. — (1) *Thiên quang vân tĩnh* 天光雲淨 : trời sáng mây tạnh. — (2) *Lữ-đình* 旅亭 (lữ : đất khách ; đình : nhà) : nhà trọ. — (3) *Thiềm cun* 蟾宮 : thiềm là con cóc ; thiềm-cung là cung trăng vì Hằng-Nga, vợ Hậu Nghệ, sau khi ăn cắp thuốc tiên của chồng, trốn lên cung trăng thì hóa ra con cóc. — (4) *Đan-quế* 丹桂 : cây quế đỏ ở cung trăng. Theo tích vua Đường Minh-hoàng lên chơi cung trăng, thấy các nàng tiên múa hát ở dưới bóng một cây quế. — (5) *Ngọc-thỏ* 玉兔 : chỉ mặt trăng. Theo tích chép trong Kinh Phật : một con thỏ nhân-đức, thấy các con thỏ khác đói, bèn nhảy vào đống lửa để làm chả cho đồng-loại ăn đỡ đói. Khi các con thỏ kia ăn hết thịt rồi, đức Phật Thích-ca đem đống xương còn lại lên để trên cung trăng. — (6) *Minh minh trường dạ* 冥冥長夜 : đêm dài mờ tối. — (7) *Đỉnh-chung* : 鼎鐘 : đỉnh là cái vạc có ba chân dùng để nấu ăn ; chung là cái chuông ; hai thứ đồ dùng của nhà phú-quí, bày vạc để ăn và lúc ăn thì rung chuông. Nghĩa rộng là giàu sang. — (8) *Vân-lôi* 雲雷 : mây và sấm ; nghĩa bóng là loạn-lạc. — (9) *Kinh-luân* : xem câu Chú-thích số (1) ở Bài 82. — (10) *Minh-linh du-phù* : 螟蛉蝣蜉 minh-linh là một thứ sâu sắc xanh, ăn các lá rau, lớn lên hóa bướm ; du-phù, tức là phù-du : con vờ, một thứ côn trùng nhỏ, sinh ở dưới nước, khi hóa, có cánh bay được, chỉ ít lâu thì chết. — (11) *Bẻ quế Tràng-an* : bẻ cành quế ở đất Tràng-an (kinh-đô), nghĩa bóng là đi thi đỗ. — (12) *Phượng-hoàng, kình-nghê* 鳳凰鯨鯢 : phượng-hoàng là một loài linh-điểu trong tứ linh (phượng là con sống, hoàng là con mái) ; nghĩa bóng chỉ người tài giỏi. Kình-nghê là loài thú lớn ở bể, tức là cá ông voi (kình là con đực, nghê là con cái) ; đây chỉ người anh-hùng.

Bần nữ thán 貧女嘆

VÔ DANH

« Bần nữ thán » là lời than-thở của người con gái nghèo. Đại-ý nói : mình vốn có tài sắc, những mong sớm lấy được người chồng khá, thế mà chỉ vì nỗi nghèo, thành ra duyên-phận dở-dang ; sau kết lại cái ý bền chí đợi chờ, tất có ngày kỳ ngộ. Bài này gồm 216 câu.

37. — Chỉ vì nỗi nghèo

Tưởng thế-sự ai làm nên nỗi,
Nghĩ càng thêm tức-tối trăm chiều.
Hay là số-phận làm sao ?
Xui ra duyên-phận hẩm-hiu thế mà !

Hay là kém dạ ngà, mắt phượng ?
Hóa cho nên bướm chán, ong chê.

Hay là nắng chẳng thương huê ?
Để dàu bông thắm, để xơ nhị vàng !

Hay là kém màu gương, nước thủy ?
Hay là thua màu quí, vẻ thanh ?
Hay là thua đẹp, thua xinh ?
Thua son, thua phấn, thua tình, thua duyên ?

Vì một nỗi thua tiền, thua bạc,
Hóa cho nên thua sắc, thua tài.
So ra, ai đã thua ai :
Kẻ kia tám lạng, kẻ này nửa cân.

Vốn đã biết làm thân kẻ khó,
Có dám đâu đánh đọ với giàu.
Rằng thì mang tủi, đeo sầu !
Nói càng ấp-úng, nghĩ thêm ngại lời (1).

Xuân xanh kể đôi mươi có lẻ,
Quả mai còn ba bảy đương tơ (2).
Kìa như đông-bích lân-gia,
Kẻ đà bốc phượng (3), người đà mộng lan (4).

Cũng mang tiếng hồng-nhan với thế,
Nỡ nào nên ruồng-rẫy chẳng thương,
Bao nhiêu thêu dệt y-thường,
Vì người ta sửa tư-trang lấy chồng.

Cũng mang tiếng má hồng mặt phấn,
Luống năm năm chực phận phòng không.
Hả rằng hoa chẳng chiều ong,
Cho nên tủi phấn thẹn hồng lắm thay !

Bắc thang đến cung mây mà hỏi,
Biết bao giờ phượng tới cành ngô (5).
Bao giờ bắc lại cầu ô,
Mà cho ả Chức, chàng Ngưu tới gần (6).

Bản chép khác. — Câu 91. — *Đành rằng . . .* — Câu 96 : . . . *minh bội . . .*

Chú-thích. — (1) Hai câu 91-92, trong các bản chúng tôi được coi, đều chép như trên cả, nhưng ta nên nhận rằng tiếng « sầu » ở câu trên không ăn vần với tiếng « thêm » ở câu dưới. — (2) *Quả mai còn ba bảy đương tơ* : nghĩa bóng nói về một người con gái đương thì lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh Thi* (Thơ Xiếu-hữu mai) : « Xiếu hữu mai, kỳ thực thất hề. Cầu ngã thứ-sĩ, đại kỳ cát hề. Xiếu hữu mai, kỳ thực tam hề. Cầu ngã thứ-sĩ, đại kỳ kim hề. 標有梅, 其實七兮. 求我庶士, 逑其吉兮. 標有梅, 其實三兮. 求我庶士, 逑其今兮. » (Quả mai rụng, mười phần còn bảy phần. Ai người cầu ta, kịp chọn ngày lành đi. Quả mai rụng, mười phần còn có ba. Ai người cầu ta, kịp ngày hôm nay đi). — (3) *Bốc phượng* 卜鳳 : bói chim phượng ; nghĩa bóng là tìm được người xứng-đáng để gả chồng cho con gái. Lấy điển trong *Tả-truyện* : Ý-thị xem bói để xem có nên gả con gái cho Kinh-Trọng không ; vợ đoán quẻ, bảo nên, vì trong quẻ có câu : « Phượng hoàng vu phi, hòa minh thương-thương. 鳳凰于飛, 和鳴鏘鏘 » (Chim phượng sống và chim phượng mái cùng bay, hòa tiếng hót kêu lanh-lảnh . — (4) *Mộng lan* 夢蘭 : nằm mộng thấy có người cho lan ; nghĩa bóng là có mang. Lấy điển trong *Tả-truyện* : người thiếp Trịnh Văn-công nằm mộng thấy thiên-sứ cho một khóm lan, rồi sau sinh ra Trịnh Mục-công. — (5) *Phượng tới cành ngô* : chim phượng đến đậu cành cây ngô-đồng ; ý nói được người sang-trọng đến hỏi mình. — (6) *Câu 107-108* : Hai câu này nhắc đến cái điển Ngưu-lang, Chức-nữ : Chức-nữ (nghĩa đen là người con gái dệt vải) và Ngưu-lang hoặc Khiên-ngưu (nghĩa đen là gã dắt trâu) nguyên là tên hai chòm sao ở trên trời, chòm trên ở phía đông sông Ngân hà, chòm dưới ở phía tây, mỗi năm chỉ có một lần là ta trông thấy được cả hai chòm. Nhân thế bên Tàu mới có câu chuyện cổ-tích này : Chức-nữ vốn là con đức Thiên-đế (vua trên trời), chăm-chỉ dệt gấm để may áo cho Trời. Trời thương phải lẻ-loi một mình, mới gả cho Ngưu-lang. Nhưng từ khi lấy chồng, sinh ra lười-biếng, bỏ cả dệt cửi. Thiên-đế giận, lại bắt về chỗ cũ ở phía đông sông Ngân-hà và mỗi năm chỉ cho gặp Ngưu-lang có một lần là tối hôm mồng bảy tháng bảy. Đêm ấy, chim ô (quạ) và chim thước (chim khách) bắc cầu qua sông Ngân-hà để cho Chức-nữ sang với Ngưu-lang. Chữ « ngưu » đọc chệnh ra chữ « ngâu », bởi thế ta thường gọi nôm là « ông Ngâu, bà Ngâu ».

Lục súc tranh công 六畜爭功

VÔ DANH

« Lục súc tranh công » nghĩa là sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau về công-trạng của mình. Sáu con ấy là : trâu, ngựa, chó, dê, gà và lợn. Trâu thì rằng làm ăn vất-vả, có công sinh ra thóc, gạo, ngô, đỗ ; chó thì rằng có công coi nhà giữ trộm ; ngựa thì rằng có công đem chủ đi quán về quê, đánh đông dẹp bắc ; dê thì rằng có công trong việc tế-lễ ; gà

thì rằng có công gáy sáng, xem giò ; lợn thì rằng có công trong việc quan, hôn, tang, tế. Sáu con cùng tranh-luận, người chủ phải can-thiệp vào, dàn-hòa mới yên. Bài này viết theo thể « vè ».

38. — Trâu kể công-trạng mình

Trâu mỏi nhọc, trâu liền năn-nỉ,
Một mình trâu kể nỗi gian-nan :
« Lóng canh gà vừa mới gáy tan,
« Chủ đã gọi thằng chăn vội-vã,
« Dạy rằng : Đuổi trâu ra thảo-dã,
« Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng.
« Chưa bao lâu thoắt đã rạng đông,
« Vừa đến buổi cày bừa bua việc.
« Trước cổ đã mang hai cái niệt (1),
« Sau đuôi thêm kéo một cái cày.
« Miệng đã dàm, mũi lại dòng dây,
« Trên lưng ruồi bâu (*bu*), dưới chân đỉa cắn.
« Trâu mệt đà thở dài thở vắn,
« Người còn hầm-hét mắng ngược mắng xuôi.
« Liệu vừa đứng bóng mới thôi,
« Đói hòa mệt (2), bước khôn dời bước.
« Ai thong-thả, trâu nào ben (3) được ?
« Trâu nhọc-nhằn, ai dễ thế cho ?
« Cày ruộng sâu, ruộng cạn cho no,
« Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở.
« Làm không kịp thở,
« Ăn chẳng kịp nhai.
« Tắm mưa, chải gió chi nài ?
« Đạp tuyết, giày sương bao sá ?
« Có trâu, sẵn tằm, tơ, lúa má ;
« Không trâu, không hoa, quả, đậu, mè.
« Lúa gặt cắt lên, đà có trâu xe ;
« Lúa chất trử lại, để dành trâu đạp.
« Từ tháng giêng cho đến tháng chạp,
« Kể xuân, hè nhẫn đến thu, đông,
« Việc cày bừa nông-vụ vừa xong,

« Lại xe gỗ dầm công liên khói (4).
« Bất luận xe rào, xe củi,
« Nhẫn đến loài phân, bổi (5), tranh, tre,
« Hễ bao nhiêu nhất thiết của chi,
« Thì đã phú mặc trâu chuyên chở.
« Bao quản núi-non hiểm-trở,
« Chi nài khe suối dầm-dề.

Chú-thích. — (1) *Niệt* : dây to buộc ở cổ trâu. — (2) *Đói hòa mệt* (hòa : lẫn với) : vừa đói vừa mệt. — (3) *Ben* : bì kịp. — (4) *Dầm công liên khoi* : làm việc liên-miên không dứt như khói tuôn lên vậy. — (5) *Bổi* : cỏ rác.

CÁC TÁC-GIẢ

TÁC-GIẢ ĐỜI TRẦN

39. — Vua dụ Vương Tường để gả cho chúa Thuyền-vu (1)

Hán Hồ vẫn muốn vẹn trăm đường,
Há trẫm riêng tây có phụ nường.
Bắc-quốc (2) tuy rằng ngoài dị-*tục*,
Vương-đình (3) song cũng một biên-phương.
Ở đây hạnh thắm nên mai nhạt,
Về đấy sen tàn lỗi cỏ hương (4).
Hơn thiệt thôi đừng ai-oán nữa.
Bõ ngày áo gấm lại hoàn hương.

Bản chép khác. — Câu 3 : . . . *vực*. — Câu 8 : *Trở*. . . (hoặc) : *Chờ*. . .

Chú-thích. — (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài sau, xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ II. Vương Tường* là tên Chiêu-quân, cung-nữ vua Hán Nguyên-đế, sau đem gả cho vua nước Hồ. Người nước Hồ gọi vua họ là *Thuyền-vu*. — (2) *Bắc-quốc* : đây chỉ nước Hồ, ở phía bắc nước Tàu. — (3) *Vương đình* : đây chỉ chỗ vua Hồ ở. — (4) *Câu 5-6* : ý nói : ở cung nhà Hán có nhiều người đẹp, nên Vương Tường không được vua yêu ; nhưng sang bên nước Hồ vì không có con gái đẹp thì Vương Tường sẽ được chiều-chuộng. « Lỗi 磊 » là nhô cao lên, trồi lên.

40. — Vương Tường vào bái-yết Hán-vương

Từ nan khôn chối lệnh quân-vương,
Rõi-rõi thêm đau nỗi đoạn-trường.
Khúm-núm khấu đầu ngoài bệ ngọc,
Thẹn-thùng ra mặt trước nhà vàng.
Mặt hoa dười-dượi chiều đeo tuyết,

Mày liễu rầu rầu dáng ủ sương,
Hang thẳm phen này xuân nỡ phụ,
Lòng qui khôn biết ngóng về dương (1).

Chú-thích. — (1) *Qui* 葵: tên một thứ hoa cứ xoay theo hướng mặt trời. *Dương* 陽 là mặt trời.

Trinh thử 貞鼠

Trần-triều xử-sĩ Hồ Huyền-Qui tiên-sinh soạn

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII*).

«Trinh thử» nghĩa là con chuột có lòng trinh-tiết. Truyện này là một câu chuyện ngụ-ngôn: tác-giả mượn chuyện của loài chuột để tán-dương cái lòng trinh-tiết và chỉ-trích cái thói dâm-tà của người đời.

Lược truyện. — Truyện gồm 850 câu; trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm ba đoạn như sau:

I. — *Chuột đực quyến-dũ chuột bạch; chuột bạch cự-tuyệt* (câu 11-526). — Một hôm, chuột bạch góa chồng đi kiếm mồi để nuôi con, chợt gặp con chó đuổi, phải chạy vào ẩn trong một cái hang. Không ngờ trong hang có một con chuột đực, nhân lúc chuột cái đi vắng, định bụng quyến-dũ, đem hết thuyết này lý nọ và dẫn các sự-tích xưa để làm xiêu lòng, nhưng chuột bạch nhất-định cự-tuyệt, bác lại các lẽ của chuột đực và quyết liều chết để bảo-toàn chữ trinh. Chuột đực thấy vậy, phải nói chống-chế cho đỡ xấu-hổ.

II. — *Chuột cái về, nổi ghen, rầy-rà chuột đực và sinh sự với chuột bạch* (câu 527-718). — Giữa khi ấy, chuột cái về, ngờ rằng chồng với chuột bạch có tình gian, tỏ ý giận-dữ. Chuột bạch giãi bày đầu đuôi để biện-bạch lòng trinh-tiết của mình, rồi từ-biệt trở về. Nhưng chuột cái không tin, nổi ghen, rầy-rà chuột đực, rồi đến nhà chuột bạch rêu-rao. Đương khi ấy, có con mèo thình-lình đến, chuột cái sợ chạy, ngã xuống ao.

III. — *Hồ-sinh cứu-vớt và khuyên-nhủ chuột cái.* (câu 719-802). — Hồ-sinh (người biết tiếng muông chim đã đứng nghe câu chuyện này từ đầu) thấy thế, bèn đuổi mèo đi, vớt chuột cái lên, rồi lấy lời lẽ phải trái nói rõ lòng trinh-tiết của chuột bạch và khuyên-nhủ chuột cái về đạo cư-xử trong gia-đình.

Lời văn. — Lời văn truyện này bình-thường giản-dị mà vẫn chải-chuốt thanh-tao, và có một điều đặc-sắc là dùng được nhiều câu phương-ngôn tục-ngữ một cách rất khéo.

41. — Chuột đực lấy lời-lẽ ngọt-ngào quyến-dũ chuột bạch

Nàng nghe chàng nói thấp cao,
Nỗi mình mới kể tiêu-hao xa gần :
« Thiếp nay ở mái đông-lân,
« Vì cơ thương-cẩu (1), lang-quân tếch ngàn.
« Nỗi lòng khôn xiết thở than,
« Thương chồng lại xót một đàn con thơ.
« Rồng-rồng theo nạ (2) sớm-trưa,
« Của đâu cho được dư thừa miếng ăn.
« Pha-phôi chẳng quản nhọc-nhằn,
« Chân le chân vịt, nào phân đêm ngày.
« Nghe quan thủ-tướng (3) bên này,
« Cửa nhà tráng-lệ của dày bằng non.
« Muốn ăn hết, phải đào giun :
« Pha bờ, xông bụi, nào còn biết e !
« Đêm hôm cũng giấn mình đi,
« Sang đây kiếm ít đem về làm lưng.
« Ai ngờ gặp đứa gió trăng,
« Cho nên khuất nẻo lạc chừng, khốn thay ! »
Chàng nghe nông-nỗi giãi bày,
Quyết lòng cầm-sắt một hai dỗ-dành,
Rằng : « Nàng giãi hết chân-tình ;
« Thương thay phận gái một mình long-đong !
« Đã hay trong đạo vợ chồng,
« Nghĩa sâu tình nặng, há lòng chẳng thương ?
« Kinh quyền (4) đôi lẽ là thường,
« Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.
« Chẳng lo mẹ góa con côi,
« Sớm khuya loan-phượng no đôi nhường nào
« Chẳng lo liễu cợt hoa chào,
« Bướm ong giữ làm sao cho tuyền ?
« Vả nàng là gái thuyền-quyên,
« Phỏng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè.

« Vì mà dốc tấm lòng quê,
« Giữ sao cho được trọn bề hướng dương (5) ? »
Nàng nghe ăn nói sỗ-sàng,
Muôn sầu tầm-tã hai hàng châu chan.
Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :
« Thiếp như phận liễu gặp cơn gió đoài.
« Đã thương, mới dám ngỏ lời :
« Thơ trong sách sử hôm mai ghi lòng.
« Chữ rằng : Tòng nhất nhi chung (6),
« Gái hiền thờ chỉ một chồng không hai,
« Cương-thường đạo cả, há chơi !
« Một niềm hằng giữ mấy lời đinh-ninh.
Vả nay bóng đã xế mành,
« Dám đâu mà lại gieo mình nữa sao !
« Mặc ai ong bướm xôn-xao,
« Mười phần cũng chẳng chuyển-dao một phần.
« Hạ qua, dám ước lại xuân ;
« Dễ hầu gà luộc mấy lần hay sao ?
« Phận đành như ả họ Tào (7),
« Mong sân hòe (8) được thanh-tao là mừng.
« Bây giờ sẩy bước lỡ chừng,
« Tôi đây đã được ơn chưng lòng chàng.
« Đoái tưởng thân-phận lỡ-làng,
« Dạy đường phương-tiện, lòng càng cám ơn.
« Tóc-tơ giãi hết nguồn cơn,
« Quyết liều chịu tốt thờn-bơn một bề.
« Vu qui (9) núi chỉ non thề,
« Tấc lòng đá tạc vàng ghi, dám dời.
« Ở đời chen cạnh với đời,
« Kẻo e anh yến những lời khen chê ».

Chú-thích. — (1) *Thương-cẩu* 蒼狗 : nghĩa đen là chó xanh ; nghĩa bóng là sự biến đổi bất-thường. Chữ lấy ở hai câu thơ của Đỗ Phủ : « Thiên thượng phù-vân như bạch y, Tư tu biến hoạn (*ảo*) vi thương-cẩu 天上浮雲如白衣, 斯須變幻爲蒼狗 ». (Trên trời mây nổi như áo trắng, bỗng chốc biến đổi làm chó xanh). Những chữ « bạch-vân, thương cẩu » (mây trắng, chó xanh) hoặc « vân, cẩu » (mây, chó) cũng nghĩa ấy. —

(2) *Rồng-rồng theo nạ :* rồng-rồng là cá con, đây chỉ đàn con của chuột bạch ; nạ là mẹ. — (3) *Thủ-tướng :* trong truyện chép chuột đực ở trong vườn nhà quan thủ-tướng Hồ Lý-Lê (có người cho rằng tên sau này ám-chỉ Hồ Quí-Ly lúc bấy giờ). — (4) *Kinh quyền :* xem câu chú-thích số (2) ở Bài 115. — (5) *Hướng dương* 向陽 : theo hướng mặt trời ; nghĩa đen nói về hoa qui xoay theo mặt trời ; đây dùng theo nghĩa bóng để nói về người đàn bà một lòng theo chồng. — (6) *Tòng nhất nhi chung* 從一而終 : theo một chồng cho đến lúc chết. — (7) *Ả họ Tào :* tức là Tào lệnh-nữ 曹令女, vợ góa của Tào Văn-Thúc, nhất-định không chịu cải-giá : người ta ép lần đầu, nàng cắt tóc ; ép lần nữa, nàng tự cắt mũi để thủ tiết. — (8) *Sân hòe :* đây chỉ đàn con. Xem câu chú-thích số (8) ở Bài 84. — (9) *Vu qui :* xem câu chú-thích số (3) ở Bài 79.

42. — Hồ-sinh khuyên răn chuột cái

Liệu lời Sinh (1) mới dạy cho,
Lấy đường khuyên giải điền-mô (2) mọi lời :
« Việc này cơn-cớ vì ngươi ;
« Liệu về nói rõ, chồng nguôi thôi là.
« Muốn cho yên cửa yên nhà,
« Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau.
« Dễ ai đội áo qua đầu ?
« Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tày ?
« Ái ân là nghĩa nặng thay !
« Vợ chồng há phải một ngày dám quên.
« Ở đời vô sự là tiên,
« Mà điều êm-đẹp hơn bên cục-cằn.
« Chót đà cùng chiếu cùng chăn,
« Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ ?
« Tình sâu như thể nước cờ,
« Nghĩ cho một phải hai vừa thì thôi.
« Chớ toan những sự tranh-phôi,
« Bởi bèo ra bọ, tanh hôi cửa nhà.
« Đàn bà như hạt mưa sa (3) :
« Gặp sao hay vậy, biết là đâu hơn ?
« Dẫu chồng trăm giận nghìn hờn,
« Cũng nên bấm bụng mời răn dỗ-dành.
« Một câu nhịn, chín câu lành ;
« Chớ nghề tật-đố (4), cậy mình cậy công.

« Mới là phải đạo xưởng tòng,
« Chiều người lấy việc, chiều chồng lấy con.
« Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,
« Rành-rành thôi hết khéo khôn đàn bà.
« Mèo lành ở mả đâu là ?
« Của yêu đâu có bày ra ở ngoài ?
« Thôi đừng đua sức thi hơi,
« Há rằng ba chốn bốn nơi được nào ?
« Tránh voi, xấu mặt hay sao ?
« Hãy xem sứa vượt được nào qua đăng ?
« Làm chi mắt vược mắt lăng ?
« Dứt dây, chẳng sợ động rừng kia ru ?
« Thi hơi kèn giải thời thua,
« Đàn bà đâu có tranh đua cho đành.
« Kíp toan cải dữ làm lành,
« Ắt là sum-họp yến anh một nhà.
« Dịu-dàng phải phép đàn-bà,
« Chẳng thời chua xót lệ sa dòng-dòng. »

Chú-thích. — (1) *Sinh :* tức là Hồ-sinh, người đã được nghe và chép lại câu chuyện «Trinh thử» này. — (2) *Điển-mô* 典模 : phép-tắc. — (3) Ca-dao ta có câu : « Đàn bà như hạt mưa sa, Hạt *vào giậu tía*, hạt ra *ruộng cày* (hoặc) : Hạt *rơi xuống giếng*, hạt ra *ngoài đồng*. — (4) *Tật-đố* 嫉妬 : ghen ghét.

43. — Tặng Nguyễn Biểu (1)

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH 陳帝季擴

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,
Trịnh-trọng *rày* nhân *dựng* khúc ca.
Chiếu phượng *mười* hàng tơ cặn-kẽ,
Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
Tang bồng (2) đã bấm lòng khi trẻ,
Khương quế (3) thêm cay tính tuổi già.
Việc nước một mai công ngõ vẹn,
Gác lân (4) danh tiếng *dọi lâu* xa.

Bản chép khác. — Câu 2 : *Trân... nay... mở...* — Câu 3 : *... vài...* — Câu 8 : *... dội gần...*

Chú-thích. — (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài sau, xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII.* — (2) *Tang bồng :* tức là tang hồ bồng thỉ 桑弧蓬矢, cái cung làm bằng gỗ dâu và cái tên làm bằng cỏ bồng. Theo *Kinh Lễ*, khi nhà vua sinh con trai cả thì sai người lấy một cái cung bằng gỗ dâu và sáu cái tên bằng cỏ bồng bắn trên trời, dưới đất và ra bốn phương. Làm như thế là có ý mong cho người con trai sau này có chí vẫy-vùng trong khoảng trời đất bốn phương. Các nhà làm thơ văn thường dùng những chữ « tang bồng », « hồ thỉ », « cung tên » để chỉ cái công việc của người con trai phải gánh vác ở trên đời hoặc cái chí lập nên công-danh sự-nghiệp. — (3) *Khương quế* 薑桂 : gừng và quế. — (4) *Gác lân* : tức là Kỳ-lân các, tên một cái gác do vua Hán Tuyên-đế sai làm, trong vẽ tượng mười một người công-thần.

44. — Bài họa lại

NGUYỄN BIỂU 阮表

Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hoa,
Ngóng tai động-vọng thủơ thi ca.
Đường mây vó ký lần lần trải,
Ải tuyết cờ mao thức thức pha.
Há một cung tên lồng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đúc gan già.
Hồ mình vả thiếu tài chuyên đối,
Dịch-lộ ba ngàn dám ngại xa.

NGUYỄN TRÃI 阮廌 (1380 - 1442)

(Xem *Tiểu-truyện* của tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*).

Gia-huấn ca 家訓歌

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*).

45. — Phép dạy con

Ngày con đã biết chơi, biết chạy,
Đừng cho chơi cầm gậy, trèo cao,
Đừng cho chơi búa, chơi dao,
Chơi vôi, chơi lửa, chơi ao, có ngày...

Lau cho sạch, không hay dầm nước ;
Ăn cho vừa, đừng ước cao lương (1).

Mùa đông, tháng hạ, thích-thường (2),
Đừng ôm-ấp quá, đừng suồng-sã con.

Dạy từ thủa hãy còn trứng nước :
Yêu cho đòn (3), bắt chước lấy người.
Trình, thưa, vâng, dạ, đứng, ngồi ;
Gái trong kim chỉ, trai ngoài bút nghiên.

Gần mực đen, gần đèn thì sáng ;
Ở bầu tròn, ở ống thì dài.
Lạ gì con có giống ai :
Phúc-đức tại mẫu (4) là lời thế-gian.

Làm mẹ chớ ăn càn, ở dữ ;
Với con đừng chửi rủa quá lời.
Hay chi thô-tục những người :
Hôm nay cụ cụ, ngày mai bà bà.

Gieo tiếng ra, gẫy cây gẫy cối (5) ;
Mở miệng, nào có ngọn có ngành (6).
Đến tai bụt cũng không lành,
Chồng con khinh-dể, thế-tình mỉa-mai.

Ấy những thói trên đời ngoa dại,
Khôn thời chừa mới phải đứng người.
Sinh con thời dạy thời nuôi,
Biết câu phải trái, lựa lời khuyên răn.

(Bài ca dạy vợ con)

Chú thích. — (1) *Cao-lương* 膏粱 : cao là thịt béo, lương là gạo ngon ; nói chung về đồ ăn ngon và quí. — (2) *Thích thường* 適常 : hợp với mực thường ; vừa phải. — (3) *Yêu cho đòn* : tục-ngữ có câu : « Yêu cho vọt, ghét cho chơi ». — (4) *Phúc đức tại mẫu* 福德在母 : phúc-đức ở mẹ ; ý nói : người mẹ mà nhân-từ và có đức-độ thì người con cũng bắt chước. — (5) *Gẫy cây gẫy cối* : ý nói lời nói nặng-nề, hung-tợn. — (6) *Có ngọn có ngành* : ý nói lời nói thâm độc.

46. — Việc nội-trợ

Bề nội-trợ việc trong xem xét,
Siêng-năng thời trăm việc đều nên.
Chớ khoe-khoang lắm thóc, nhiều tiền :
Ngồi ăn mãi, non mòn, núi lở.

Việc nhà có kẻ ăn, người ở,
Từ trong ngoài nhủ bảo trước sau.
Đồ làm ăn ngày để đâu đâu,
Ban tối phải thu về cho đủ.
Trống canh một chớ đà vội ngủ ;
Siêng-năng thường chăm chủ việc ta.
Lũ nô-tì trai gái năm ba,
Cơm chưa chín, không cho khua xáo.
Đứa xay thóc, đứa thời giã gạo ;
Đứa bếp thời chủ việc dọn cơm.
Ăn đoạn rồi, cho chúng nghỉ-ngơi,
Đèn ta sẽ soi trong bếp lại.
Đừng tin trẻ tôi-đòi thơ dại ;
Lời dạy rằng : « Giữ lửa chẳng chơi. »
Cho hay đại phú bởi trời,
Nhưng mà ở thế thì người hết chê.
Cầm then khóa, giữ đường thu phát,
Chắt-chiu mà dè-dặt mới nên.
Coi-sóc từ hạt gạo, đồng tiền ;
Đừng cậy có, ăn càn tiêu giỡ.
Bữa thường phải xem cho con ở,
Cũng đừng thừa, chớ thiếu làm chi.
Kẻ tân-bằng (1) đến một đôi khi,
Đồ thết-đãi xem cho tử-tế.
Trong nhà phải bảo nhau có ý :
Đừng chửi mèo mắng chó mà quê.
Trong anh em, thiên tải nhất thì (2) ;
Sang vì vợ, nhưng giàu vì bạn.
Chiều rộng hẹp, tùy cơ ứng biến ;
Đạo trì gia (3), đãi khách khác màu.
Trần-trần một mực, nên đâu !
Phô loài bồ-các (4) biết đâu nhẽ gì !

(Bài ca dạy con gái phải ở cho có đức-hạnh)

Chú-thích. — (1) *Tân-bằng* 賓朋 : khách-khứa, bè-bạn. — (2) *Thiên tải nhất thì* 千載一時 : nghìn năm một lúc ; ý nói : thuỷnh-thoảng mới có một lần. — (3) *Trì gia* 持家 (trì : cầm, giữ) : giữ-gìn gia-đạo cho khỏi suy. — (4) *Bồ-các* : một loài chim, lông đen có đốm trắng ở ngực.

LÊ THÁNH-TÔN 黎聖宗 (1442-1497)

(Xem Tiểu truyện của tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương thứ X).

47. — Người ăn mày

Chẳng phải ăn đóng, chẳng phải vay,
Khắp hòa thiên-hạ đến ăn mày.
Hạt châu, chúa cất *trao* ngang *mặt*;
Bệ ngọc, tôi *từng* đứng *lượm* tay.
Nam, bắc, đông, tây, đều *tới* cửa;
Trẻ, già, *lớn bé*, cũng *xưng* thầy.
Đến đâu, *dẹp hết loài muông cầu* (1),
Thu cả kiền khôn (2) một túi đầy.

Bản chép khác. — Câu 2: *Lộc trời để lại được...* — Câu 3:... *trao* ngang *miệng* (hoặc): ... *cao* ngang mặt. — Câu 4:... *chắp* tay. — Câu 5:... *đến*... — Câu 6:... *trai, gái... triền*... Câu 7: ... *sẵn có lâu-đài đấy*. — Câu 8: *Bốn bể thu v*...

Chú-thích. — (1) *Muông cầu* (muông: loài thú; cầu: chó): loài chó. — (2) *Kiền khôn* 乾坤: tên hai quẻ trong bát quái, quẻ kiền (hoặc càn) chỉ tượng trời, quẻ khôn chỉ tượng đất; nói chung về trời đất.

48. — Con chó đá

Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,
Cửa nghiêm chem-chẻm một mình ngồi.
Quản bao sương tuyết nào chi kể,
Khéo dử cao lương (1) cũng chẳng nài.
Mặc khách thị-phi giương tráo mắt,
Những lời trần-tục biếng vào tai.
Một lòng thờ chúa, nghìn cân nặng (2):
Bền vững ai lay cũng chẳng dời.

Chú-thích. — (1) *Cao lương*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 45. — (2) *Nghìn cân nặng*: ý nói coi cái nghĩa-vụ của mình làm nặng, làm trọng mà dốc lòng vào đấy.

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)

(Bốn bài thơ sau đây là trích ở *Hồng-đức quốc-âm thi tập*. Về tập này, xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII*).

49. — Nguyệt

Khuôn cả trao nên khéo hữu tình,
Hòa cao, hòa sáng, lại hòa thanh.
Gương giơ vằng-vặc soi muôn dặm,
Bóng tỏ làu-làu suốt mấy canh.
Ông nọ vì đâu xe chỉ đỏ,
Nàng nào chơi đấy trải mây xanh.
Ngẫm xem khí-tượng hình-dung ấy,
Chợt lộ ra, thời nhạt chúng tinh.

(Hồng đức quốc-âm thi tập)

50. — Canh một

Đủng-đỉnh trời vừa mọc đầu-tinh,
Ban khi trống một mới thâu canh.
Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,
Sườn núi chim gù ẩn lá xanh.
Tuần điếm kìa ai khua mõ cá,
Dâng hương nọ kẻ nện chày kinh.
Nhà nam, nhà bắc đều no mặt,
Lừng-lẫy cùng ca khúc thái-bình.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

51. — Hạ thử (1)

Cũng thời đất chở, cũng trời che,
Nồng-nã làm chi *mấy*, hỡi hè !
Khắc-khoải đã đau lòng cái cuốc,
Băn-khoăn thêm tức *cật* con ve.
Người nằm trưởng *vóc* mồ-hôi *mướt*,
Kẻ bái rau tần nước bọt se.
Nào khúc Nam-huân (2) *sao chửa* gảy,
Chẳng thương bồ-liễu (3) phận le-te.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

Bản chép khác. — Câu 2 : *Nóng-nẩy*... (hoặc) :... *thế*... — Câu 4 :... *ngực*... — Câu 5 :... *gấm*... *chã*. — Câu 7 :... sao *biếng* gảy (hoặc) :... *ai biếng* gảy.

Chú-thích. — (1) *Hạ thử* 夏暑 : nắng mùa hè. — (2) *Nam-huân* 南薰 : gió phương Nam mát. Chữ lấy trong khúc *Nam-phong ca* của vua Ngu Thuấn : « Nam-phong chi huân hề, Khả dĩ giải ngô dân chi uấn hề. Nam-phong chi thời hề, Khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề. 南風之薰兮, 可以解吾民之慍兮. 南風之時兮, 可以阜吾民之財兮. » (Gió phương Nam ấm chừ! Có thể giải được nỗi giận của dân ta. Gió phương Nam thuận chừ! Có thể thêm được của-cải cho dân ta). — (3) *Bồ-liễu* 蒲柳 : Tên một loài cây, tức là thủy-dương. Trong các loài cây thì cây bồ-liễu chóng rụng lá hơn cả, nên thường dùng để ví với người thể-chất yếu-đuối như người đàn-bà.

52. — Lăng mẫu tống sứ-giả (1)

Đình phô đẳng-đẵng ngựa dừng chân,
Nỗi mẹ con, rày gửi sứ-quân.
Nhớ Hán, lòng còn son một tấm,
Thương Lăng, đầu đã bạc mười phân.
Niềm trung hiếu, khôn hai vẹn,
Hội công-danh, dễ mấy lần.
Mình thiếp già này bao nỡ tiếc,
Về thời khuyên nó nghĩa quân-thần.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

Chú-thích. — (1) *Lăng mẫu tống sứ-giả :* mẹ Vương Lăng tiễn sứ-giả. Việc chép trong *Hán-sử* : Vương Lăng là người có tài giỏi đi theo vua Hán Cao-tổ. Hạng Vũ thấy thế, bắt mẹ Lăng giam. Khi sứ-giả của Lăng đến, Hạng Vũ bách mẹ Lăng dụ Lăng về với mình. Bà mẹ lúc tiễn sứ-giả ra một mình, nhờ sứ-giả dặn Lăng cứ một lòng thờ Hán-vương, rồi bà tự đâm chết.

NGÔ CHI-LAN 吳芝蘭

Theo sách *Toàn-Việt thi lục*, bà người làng Phù-lỗ (nay thuộc huyện Kim-anh, Phúc-yên), vợ ông Phù Thúc-Hoành (người làng Phù-xá cũng thuộc huyện ấy, làm quan đến chức Đông-các đại-học-sĩ), thiên-tư thông-minh, có tài văn-chương, được vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) phong làm Phù-gia nữ-học-sĩ dạy các cung-nữ học.

53. — Thơ tứ thời

Mùa xuân

Khí trời ấm-áp đượm hơi dương,
Thấp-thoáng lâu-đài vẻ ác vàng (1).
Rèm liễu liu-lo oanh hót gió,
Giậu hoa phấp-phới bướm châm hương.

Mùa hạ

Giỏ bay bông lựu đỏ tơi-bời,
Tựa gốc cây đu đứng nhởn chơi.
Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
Én kia nhớ cảnh cũng gào hơi.

Mùa thu

Gió vàng (2) hiu-hắt cảnh tiêu-sơ,
Lẻ-tẻ bên trời bóng nhạn thưa.
Giếng ngọc sen tàn bông hết thắm,
Rừng phong (3) lá rụng tiếng như mưa ;

Mùa đông

Lò sưởi bên mình ngọn lửa hồng,
Giải buồn chén rượu lúc sầu đông.
Tuyết đưa hơi lạnh xông rèm cửa,
Gió phẩy mưa băng giải mặt sông.

Chú-thích. — (1) *Ác vàng* (ác : con quạ) : dịch chữ «*kim ô* 金烏», chỉ mặt trời. — (2) *Gió vàng* : dịch chữ «*kim phong* 金風», chỉ gió mùa thu, vì mùa thu thuộc hành Kim. — (3) *Phong* 楓 : một thứ cây, thân cao hai ba trượng, lá hình bàn tay rẽ ra làm ba, đến mùa thu thì đỏ ; dáng đẹp ; mùa xuân nở hoa họp thành chùm như quả cầu tròn.

NGUYỄN HÃNG 阮沆

(Xem *Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII, Lời chú (8).*)

54. — Vui cảnh ẩn-dật

Khi thì : Cầm quạt lá phất-phơ, quảy túi thơ xốc-xếch.

Lẽo-đẽo thẳng hề mọn, trước ngàn mai thơ-thẩn đứng chờ ; lểnh-khểnh vó lừa gầy, bên cầu trúc dần-dà sẽ tếch.

Hem-hẻm đường mây lần bước, đứng nhìn non gió thổi hiu-hiu ; phây-phây suờn núi rủ đầu, ngồi xem ác bóng tà chếch-chếch.

Giắt giỏ hái rau thung quế, đủng-đỉnh nách mang ; treo bầu chắt nước suối khe, thảnh-thơi tay xách.

Quét am tiên, sớm để luyện đan;tựa tòa đá, hôm rầu xem sách.

Cầm lậu (1) canh an-dật (2), đành-hanh rừng gióng điêu chim (3); vỗ khúc nhạc ưu-du (4), đồng-vọng ao khua trống ếch (5).

Nương gậy tre, khua nhịp gỗ, thuở hứng nhàn đủng-đỉnh, ngồi bên khe dịp miệng hát ngao ; giải chiếu lá, ngả giường song, khi hóng mát la-đà, về dưới cửa vắt chân nằm đệch.

Tính đãng dễ say mùi đạo, gối quyển vàng êm giấc ngáy o-o; mình an xảy tỉnh niềm trần, chỉ mây bạc vỗ tay cười khách-khách.

Nghiệm thuở lá tàn, nhị nở, biết tuế thời sớm muộn, điểm tay suy giáp tý (6) lần-la ; xem tuần én tới nhạn về, dòm khi-hậu đổi thay, vui dạ hỏi dương-xuân thóc-mách.

Cỏ cây thương vì nết lãn-dung (7) ; nước non thấu thửa lòng thanh-bạch.

Nghiệm một phút diều bay cá nhảy, mới hay lý ngụ huyền-vi (8) ; thấy đôi vừng thỏ lặn ác tà, biết thuở cơ thường biến-dịch (9).

Phương (10) nhân nghĩa để hòa dưỡng tinh (11), báu nhi-tôn tráp hãy nặng chìm (12) ; chữ thanh-nhàn lọ phải mua ai, tiền mẫu-tử (13) túi đầy xóc-xách.

(Trích ở bài *Tịch cư ninh thể phú*)

Chú-thích. — (1) *Lậu* 漏 : rỏ giọt : đây là nói về cái đồng-hồ ngày xưa làm bằng một cái bình trong đựng nước, dưới có lỗ nhỏ, nước rỏ dần ra, xem mực nước biết được thời khắc. — (2 *An-dật* 安逸 : yên-ổn nhàn-rỗi. — (3) *Rừng giống điêu chim* (điêu 刁 : đồ bằng đồng, dùng để cầm canh trong trại quân) : tiếng chim kêu trong rừng giống-giả như tiếng điêu. — (4) *Ưu-du* 優遊 : giong chơi. — (5) *Ao khua trống ếch* : ếch ở dưới ao kêu như khua trống. — 6) *Giáp, tý* 甲, 子 : hai chữ đầu ở hàng can và hàng chi dùng để chỉ năm, tháng, ngày. — (7) *Lãn dung* (lãn 懶 : lười ; dung 容 : dáng-dấp, hình-dung) : lười sự trang-điểm hình-dung. — (8) *Lý ngụ huyền-vi* : ngụ một cái nghĩa-lý mầu-nhiệm, sâu-xa. — (9) *Cơ thường biến-dịch* : cái máy trời thường thay đổi. — (10) *Phương* : đây là phương thuốc, bài thuốc. — (11) *Dưỡng tính* 養性 : nuôi lấy cái thiên-tính. — (12) *Báu nhi-tôn tráp hãy nặng chìm* (báu : của báu ; nhi-tôn : con cháu) : theo câu của Lưu Hướng nói : « Nhân di tử, kim mãn doanh, bất nhược ngã di tử nhất kinh 人遺子金滿贏, 不若我遺子一經. » (Người ta để cho con đầy tráp vàng, không bằng ta để cho con một quyển sách). — (13) *Tiền mẫu-tử* (mẫu : mẹ ; tử : con) : tiền mẹ và tiền con, tức là tiền vốn và tiền lãi.

NGUYỄN BỈNH-KHIÊM 阮秉謙 (1491-1586)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII*).

55. — Vui cảnh nhàn

Lọ là thành-thị, lọ lâm-toàn :
Được thú thì hơn, miễn phận nhàn.
Vụng, bất tài nên kém bạn ;
Già, vô sự ấy là tiên.
Đồ-thư một quyển nhà làm của,
Phong-nguyệt năm hồ khách nồi thuyền.
Dù nhẫn chê khen, dù miệng thế,
Cơ mầu tạo-hóa mặc tự-nhiên.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

56. — Cảnh nhàn lúc tuổi già

Tóc đã thưa, răng đã mòn ;
Việc nhà đã phó mặc dâu con.
Bàn cờ, cuộc rượu, vầy hoa trúc ;
Bó củi, cần câu, chốn nước non.
Nhàn được thú vui hay bao nả (1) ;
Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon.
Chín mươi thời kể xuân đà muộn ;
Xuân ấy qua, thì xuân khác còn.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

Chú-thích. — (1) *Bao nả* : không biết chừng nào.

57. — Nhân-tình thế-thái

Thế-gian biến-cải vũng nên đời ;
Mặn, nhạt, chua, cay, lẫn ngọt bùi.
Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử ;
Hết cơm, hết *rượu*, hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thực ;
Ai nấy nào ưa kẻ đãi-bôi.
Ở thế, mới hay người bạc ác :
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

Bản chép khác. — Câu 4 :... *gạo*... — Câu 8 : *Sang*...

58. — Dĩ hòa vi quí

Ở thế, đừng tranh tiếng trượng-phu,
Làm chi cho có sự đôi-co.
Đây cậy đây khôn, đây chẳng nhịn ;
Đấy rằng đấy phải, đấy không thua.
Ác nọ *hãy* còn đua *đến* bạng (1) ;
Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
Chữ rằng : « Nhân dĩ hòa vi quí »,
Vô sự thì hơn, kẻo phải lo.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

Bản chép khác. — Câu 4 :... *chớ*... *với*...

Chú-thích. — (1) *Câu 5* : ác là con quạ ; bạng là con trai. Câu này nhắc đến câu chuyện chép trong *Chiến-quốc sách* : Một hôm, con trai đang há miệng phơi mình ; con cò (đây tác-giả đổi là con quạ) mổ vào thịt trai ; trai liền ngậm miệng cặp chặt lấy mỏ cò. Hai con cứ thế giằng nhau bỗng có người đánh cá, trông thấy, bắt cả hai con. Bởi câu chuyện này, chữ nho mới có câu : « Bạng duật tương tri, ngư ông đắc lợi 蚌鷸相持, 魚翁得利. » (Trai và cò cặp lấy nhau, thành ra ông lão đánh cá được lợi).

59. — Mùa thu đi chơi thuyền

Nước xuôi, nước ngược, sóng đâng triều ;
Thuyền khách chơi thu, nọ phải dìu.
Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hứng ;
Buồm giong ngọn gió mặc cơn xiêu.
Phơ-phơ đầu bạc ông câu cá ;
Leo-lẻo dòng xanh con mắt mèo.
Le vịt cùng ta như có ý :
Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

(*Bạch-vân quốc-ngữ thi*)

ĐOÀN THỊ-ĐIỂM 段氏點

(Xem *Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX, Lời chú (20).*)

Chinh phụ ngâm 征婦吟

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X*).

60. — **Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng**

Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này, nghỉ mát phương nao ?
Xưa nay chiến-địa nhường bao :
Nội không muôn dặm xiết bao dãi-dầu !

Hơi gió lạnh, người rầu mặt dạn ;
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.
Ôm yên, gối trống đã chồn ;
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.

Nay Hán xuống Bạch-thành (1) đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh-hải (2) dòm qua ;
Hình khe, thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao.

Sương đầu núi buổi chiều như giội,
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
Não người áo giáp bấy lâu :
Lòng quê (3) qua đó mặt *sầu* chẳng khuây.

Trên trướng gấm (4) thấu hay chăng nhẽ ?
Mặt chinh-phu ai vẽ cho nên ?
Tưởng chàng giong-ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Hãn-hải (5), thì miền Tiêu-quan (6).

Đã trắc-trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh-lùng những chỗ sương phong ;
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi-thương ?

Chàng từ sang đông-nam *khơi* nẻo,
Biết *rằng* chàng tiến thảo (7) nơi đâu.
Những người chinh-chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính-mệnh như màu cỏ cây.

Nức hơi mạnh, ơn dày từ trước (8) ;
Trải chốn nghèo (9), tuổi được bao nhiêu ?
Non Kỳ (10) *mộ-chỉ* (11) trăng treo,
Bến Phì (12) gió thổi đìu-hiu mấy go (13).

Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi,
Mặt chinh-phu trăng dõi-dõi soi.
Chinh-phu, tử-sĩ mấy người,
Nào ai mạc mặt (14), nào ai gọi hồn ?

Dấu binh lửa, nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai, già ruổi chiến-trường,
Chàng Siêu (15) *mái tóc* điểm sương mới về.

Tưởng chàng trải nhiều bề nắng-nỏ,
Ba thước gươm, một *cỗ* nhung-yên ;
Xông-pha gió bãi, trăng ngàn,
Tên *reo* đầu ngựa, *giáo lan* mặt thành (16).

Áng công-danh trăm đường rộn-rã,
Những nhọc-nhằn nào đã nghỉ-ngơi.
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai ?
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.

Bản chép khác. — Câu 80 : *rầu...* — Câu 82 : *Dạng...* — Câu 89 : *Từ trầy... ngất...* — Câu 90 :... *nay...* — Câu 95 :... *quạnh cỏ...* — Câu 104 :... *tóc đã...* — Câu 106 :... *bộ...* — Câu 108 :... *treo... pháo ran...*

Chú-thích. — (1) *Bạch-thành* : tức là Bạch-đăng thành 白登城, ở tỉnh Sơn-tây nước Tàu, vua Hán Cao-tổ bị quân Hung-nô vây ở đấy. — (2) *Thanh-hải* 青海 : tên đất, ở phía tây tỉnh Cam-túc nước Tàu, rợ Hồ hay sang quấy-nhiễu ở đấy. — (3) *Lòng quê* : lòng nhớ đến quê-hương. — (4) *Trên trướng gấm* : đây chỉ nhà vua. — (5) *Hãn-hải* 瀚海 : bãi sa-mạc. — (6) *Tiêu-quan* 蕭關 : tên một cái cửa ải ở tỉnh Cam-túc nước Tàu. — (7) *Tiến thảo* : tiến lên để đánh giặc. — (8) *Câu 93* : Khi ra trận, nức lòng hăng-hái đánh giặc vì đã chịu ơn dày của vua từ trước. — (9) *Nghèo* : đây là hiểm-nghèo. — (10) *Non Kỳ* : tức là núi Kỳ-liên ở tỉnh Cam-túc nước Tàu, chỗ Hoắc Khứ-Bệnh, tướng đời Hán, đánh Hung-nô ở đấy. — (11) *Mộ-chỉ* 墓址 (mộ : mả : chỉ : nền) : mồ-mả. — (12) *Bến Phì* : bến sông Phì 淝, một con sông phát-nguyên ở huyện Hợp-phì tỉnh An-huy, chỗ Tần Bồ-Kiên bị quân nhà Tấn đánh thua, quân mười phần chết đến tám chín. — (13) *Gò* : đây cũng nghĩa là mả. — (14) *Mạc mặt* : vẽ nét mặt người chinh-phu. — (15) *Chàng Siêu* : tức là Ban Siêu 班超, một vị danh-tướng về đời nhà Hán. — (16) *Câu 108* : câu này dịch câu nguyên-văn chữ nho : « Mã đầu minh trích, thành thượng duyên can. 馬頭鳴鏑,城上緣竿. » (Mũi tên kêu trên đầu ngựa, leo cán giáo lên trên mặt thành). *Minh-trích* là thứ tên khi bắn kêu vang lên thành tiếng, chúa Hung-nô dùng để ra hiệu-lệnh ở trong quân. *Duyên can* là theo cái cán giáo bằng tre mà leo lên mặt thành.

61. Nỗi trông đợi

Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương-liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong(1).
Chẳng hay muôn dặm ruổi giong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chăng?

Lòng chàng vì cũng bằng như thế,
Lòng thiếp *nào* dám nghĩ gần xa.
Hướng dương(2) lòng thiếp *dường* hoa,
Lòng chàng lẫn-thẫn e tà bóng dương.

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.

Chồi lan *nọ* trước sân đã hái,
Ngọn *tần* (3) *kia* bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm dạo bước tiền-đường(4),
Ngửa trông xem vẻ thiên-chương(5) thẫn-thờ.

Bóng ngân-hán(6) khi mờ khi tỏ,
Độ khuê-triền(7) buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhạt nồng,
Chuôi sao bắc-đẩu thôi đông lại đoài(8).

Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông, sương gội cành khô.
Lạnh-lùng thay, bấy chiều thu!
Gió may hiu-hắt trên đầu tường vôi.

Một năm một nhạt màu son phấn,
Trượng-phu còn thơ-thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nỡ để cách vời sâm, thương(9).

Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài *lối* cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương *lỡ* hết mấy phen lương-thì(10).

Bản chép khác. — Câu 298 : *Thời*... — Câu 302 :... *đâu*... — Câu 303 :... *như* hoa. — Câu 309 : ... *nở*... — Câu 310 : Ngọn *hồng tần*... — Câu 326 ... *lầu*... — Câu 328 ... *lần*...

Chú-thích. — (1) *Câu 297-298* : hai câu này đặt theo hai câu Đường-thi : « Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc, Hối giao phu-tế mịch phong hầu. 忽見陌頭楊柳色, 悔教夫婿覓封侯. » (Chợt thấy sắc cây dương-liễu ở bên bờ đường, Hối rằng đã xui chồng đi lập công để được phong hầu). — (2) *Hướng dương* 向陽 : xoay về phía mặt trời ; nghĩa đen nói về hoa quì xoay theo mặt trời ; đây người chinh-phụ ý nói lúc nào cũng nhớ đến chồng. — (3) *Tần* 蘋 : thứ rau mọc ở dưới nước, đàn bà bên Tàu hồi xưa thường hái để dùng vào việc cúng tế. — (4) *Tiền-đường* 前堂 : nhà ở phía trước. — (5) *Thiên chương* 天章 : vẻ đẹp ở trên trời, tức là mặt trời, mặt trăng và các tinh tú. Theo câu : « Nhật, nguyệt, tinh-tú, thiên chi văn-chương 日月星宿, 天之文章. » — (6) *Ngân-hán* 銀漢 (ngân : bạc ; Hán : tên một con sông) : cũng nghĩa như « ngân-hà ». — (7) *Khuê-triền* 奎躔 (khuê : một chòm sao trong nhị thập bát tú, chủ về văn-chương ; triền : đường đi của mặt trời, mặt trăng và sao) : đường đi của chòm sao khuê. — (8) *Đoài* 兌 : phương tây. Theo bát quái thì quẻ đoài chỉ phương tây. — (9) *Sâm, thương* 參商 : tên hai chòm sao, sao sâm ở phương tây, sao thương ở phương đông, một chòm hiện ra thì một chòm lặn đi, không bao giờ cùng trông thấy ở trên trời. Nghĩa bóng nói về hai người cách-biệt, không gặp được nhau. — (10) *Lương-thì* 良時 : thời-tiết tốt lành.

NGUYỄN CƯ-TRINH 阮居貞 (1716-1767)

(Xem *Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX, Lời chú (17).*)

62. — Sãi vãi (trích một đoạn)

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, § 1*).

VÃI RẰNG. — ... Sãi thấy vãi tu có một mình ; sãi tưởng vãi không thông thế-sự. Đã hay rằng nam-tử thời có chí kinh-luân (1) ; song-le đấng phụ-nhân cũng có tài tế-thế (2). Kìa như Chu Thái-tự (3), kinh còn khen đức *sáng* (a) khuê-môn ; nọ như Tống Tuyên-nhân (4), sử còn ngợi nữ-trung Nghiêu, Thuấn (5). Gái như Tạ Đạo-Uẩn (6), gái mà hay vịnh tuyết *thành* (b) thơ ; gái như Thái Văn-Cơ (7), gái mà biết *phân* (c) cầm nên khúc. *Chương gián* chúa khỏi *vòng* (d) dật-dục, *ấy là* (e) Đường Từ-Huệ thứ-phi (8) ; *thư* (f) cứu cha khỏi chốn tai-nguy, *nọ như* (g)

Hán Đề-Oanh (9) thiếu-nữ. Nam-tử nhiều trang nam-tử ; phụ-nhân ghè đấng phụ-nhân. Thuyền bách trôi nghìn *dặm* hãy *mênh-mênh* (h) ; sách *Hán* đề muôn *đời còn* (i) vặc-vặc. Gái mà có tài có sắc, gái mà có đức có công. Thuyền-quyên đâu dễ kém anh-hùng ? Ông sãi *chớ* (j) phụ chi mụ vãi !

Sãi rằng. — Rất phải, rất phải ; mừng thay, mừng thay ! Khát hạn luống trông mây ; ôm cầm *đà* (k) gặp khách. Chẳng *gió cả* sao hay *cây cứng* (l) ; không đường dài nào biết ngựa hay ? Vậy thời sãi vén mây mù, *phát* (m) chòng gai ; đặng cho vãi thấy trời xanh, tìm đường cả.

Thiếu chi *điều* lạ : hết mấy *chuyện kỳ* (n)... Sãi muốn nói một chuyện xa-xa cho *vãi biết*, trong kinh chép đã *nên xe* ; sãi muốn nói một chuyện gần-gần *cho vãi* (o) nghe, trong sử chép đà nên đống. Chuyện Hán, chuyện Đường, chuyện Tống ; chuyện Thương, chuyện Hạ, chuyện Châu. Chuyện phụ tử làm đầu ; chuyện quân thần rất hệ. Sãi muốn nói một chuyện « Quân sử thần dĩ lễ » (10), sãi lại e *Trần, Vệ* (p) (11) phiền lòng ; sãi muốn nói một chuyện « Thần sự quân dĩ trung » (12), sãi lại sợ Mãng, Tào (13) *sinh* (q) oán. Sãi muốn nói một chuyện « Vi phụ chỉ ư từ » (14) cho vãi hẳn, sãi lại e ông Cổ Tẩu (15) la ngầy ; sãi muốn nói một chuyện « Vi tử chỉ ư hiếu » (16) cho vãi hay, sãi lại sợ Tùy Dương (17) chê ngộ. Sãi muốn nói một chuyện « Vi nhân bất phú » (18), sãi lại e Nhan-tử (19) mắng rằng : ai *muợn nhạy* (r) miệng mà tiến ơn ? sãi muốn nói một chuyện « Vi phú bất nhân » (20), sãi lại sợ Thạch Sùng (21) trách rằng : sao khéo thổi lông mà tìm vết ? Sãi muốn nói một chuyện « Tài tụ tắc dân tán » (22) cho vãi biết, thì Thương (23) làm sao mất phải bày ; sãi muốn nói một chuyện « Tài tán tắc dân tụ » (24) cho vãi hay, thì Chu (25) làm sao hưng phải thuyết.

Bản chép khác. — (a) *rạng*. — (b) *nên*. — (c) *ngâm*. — (d) *mưu cứu... nơi*. — (e) *chẳng là*. — (f) *chước*. — (g) *chẳng là*. — (h) *thủa... nhìn-nhân*. — (i) *còn... năm*. — (j) *nỡ*. — (k) *mà*. — (l) *cây cứng... búa sắc*. — (m) *rễ*. — (n) *Hiếm... cuộc... đều ghê*. — (o)... *lắm... có dư... mà*. — (p) *Tần, Sở*. — (q) *gả*. — (r) *khiến mở*.

Chú-thích. — (1) *Kinh-luân* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86. — (2) *Tế thế* 濟世 : giúp đời. — (3) *Chu Thái-tự* 周太似 : vợ vua Văn-vương nhà Chu bên Tàu. — (4) *Tống Tuyên-nhà* 宋宣仁 : tức là Tuyên-nhân hoàng-hậu, vợ vua Tống Anh-tôn (1064-1067). Khi vua Thần-tôn mất,

vua Triết-tôn còn nhỏ, bà nhiếp chính, truất đảng Vương An-Thạch, dùng Tư Mã-Quang, bỏ tân-pháp, người đương-thời khen bà là « nữ trung Nghiêu, Thuấn ». — (5) *Nữ trung Nghiêu, Thuấn* 女中堯舜 : vua Nghiêu, vua Thuấn (hai bậc thánh-quân ở đời thượng-cổ bên Tàu) trong phái đàn bà. — (6) *Tạ Đạo-Uẩn* 謝道韞 : vợ Vương Ngưng-Chi đời Tấn, thông-minh, có tài thơ văn. — (7) *Thái Văn-Cơ* 蔡文姬 : người đời Hậu-Hán, sớm tinh âm-nhạc : mới lên sáu tuổi, ban đêm nghe cha gảy đàn, một sợi dây đàn đứt, biết ngay là sợi nào ; cha lại cố ý đánh đứt một dây nữa, hỏi, nàng cũng nói trúng. — (8) *Từ Huệ* 徐惠 : người đời Đường, con gái Từ Hiếu-Đức, lên tám tuổi đã biết làm thơ, được triệu vào làm tài-nhân trong cung vua Đường Thái-tôn. Một lần, vua vời, nàng không đến, vua giận. Nàng dâng bài thơ rằng : « Triêu lai lâm kính-đài, Trang bãi độc bồi-hồi. Thiên kim mãi nhất tiếu, Nhất triệu khởi năng lai. 朝來臨鏡臺, 粧罷獨徘徊. 千金買一笑, 一召豈能來. » (Buổi sớm đến chỗ đài gương ; trang-điểm xong, một mình bồi-hồi. Nghìn vàng mua một nụ cười, một lần vời há có thể lại ?). Vua bèn tha tội cho. — (9) *Đề-Oanh* : người đời Hán ; cha nàng phải khép án tử-hình, nàng dâng thư lên tâu vua Văn-đế, xin chuộc tội cho cha ; vua cảm lòng hiếu của nàng, tha tội cho người cha. — (10) *Quân sử thần dĩ lễ* 君使臣以禮 : vua lấy lễ sai khiến bầy tôi. — (11) *Trần, Vệ* : vua nước Trần, nước Vệ là hai nước không biết lễ. — (12) *Thần sự quân dĩ trung* 臣事君以忠 bầy tôi lấy lòng trung thờ vua. — (13) *Mãng, Tào* : tức là Vương Mãng 王莽 và Tào Tháo 曹操 đều là bầy tôi bất trung. Vương Mãng thì cướp ngôi nhà Tiền-Hán, Tào Tháo thì cướp ngôi nhà Hậu-Hán. — (14) *Vi phụ chỉ ư từ* 爲父止於慈 : làm cha phải giữ lấy lòng hiền-từ. — (15) *Cổ Tẩu* 瞽瞍 : cha vua Thuấn, yêu người con vợ kế mà rất ghét vua Thuấn. Một lần, ông sai vua Thuấn đào giếng, rồi lấp đất đi, may nhờ có con đường hẻm ở bên, vua Thuấn trốn ra được ; lại một lần nữa, ông sai vua Thuấn làm lẫm thóc, rồi ông đốt cái lẫm ấy, nhưng vua Thuấn cũng chạy ra thoát. — (16) *Vi tử chỉ ư hiếu* 爲子止於孝 : làm con phải giữ lòng hiếu. — (17) *Tùy Dương* : tức là Tùy Dương-đế 隋煬帝 (605-617), con thứ hai vua Tùy Văn-đế. Khi vua Văn-đế đau, thấy Dương-Đế ăn ở vô đạo, muốn bỏ, không cho nối ngôi ; Dương-đế bèn giết cha lên làm vua. — (18) *Vi nhân bất phú* 爲仁不富 : làm điều nhân, không trở nên giàu được. — (19) *Nhan-tử* : tức là Nhan Uyên 顏淵 (514-483 tr. T. C.), học-trò hiền của đức Khổng-tử, chỉ ham học đạo mà rất nghèo. — (20) *Vi phú bất nhân* 爲富不仁 : làm giàu thì không giữ được lòng nhân. — (21) *Thạch Sùng* 石崇 : người đời Tấn, từng làm quan thứ-sử đất Kinh-châu, sai người vượt bể buôn bán trở nên giàu lớn ; sau, cùng với một nhà cự-phú đương-thời là Vương Khải ganh đua nhau về sự ăn chơi xa-xỉ. — (22) *Tài tụ tắc dân tán* 財聚則民散 : của cải tụ lại một nơi thì dân phải xiêu-tán. — (23) *Thương* 商 : tên một triều vua ở bên Tàu (1558-1051 tr. T. C.). Đây là nói đến vua Trụ 紂, ông vua cuối cùng

nhà Thương, rất là dâm-bôn tàn-bạo, vì thế nhà Thương mất. — (24) *Tài tán tắc dân tụ* 財散則民聚 : của-cải tản-mát ra mọi nơi thì dân họp lại đông. — (25) *Chu* 周 : tên một triều vua ở bên Tàu (1050-256 tr. T. C.). Đây là nói về vua Văn-vương nhà Chu có nhân-chính, bởi thế nhà Chu mới hưng-thịnh mà con là Chu Vũ-vương mới lấy được thiên-hạ.

NGUYỄN BÁ-LÂN 阮伯鱗 (1701-1785)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (1).)

63. — Ngã ba Hạc (1) phú

(Độc vận : Hạc)

Vui thay ! Ngã ba Hạc ; vui thay ! Ngã ba Hạc.

Dưới họp một dòng ; trên chia ba ngác.

Ngóc-ngách khôn đo rộng hẹp, dòng biếc lẫn dòng đào (2) ; lênh-lang dễ biết sâu nông, nước đen (3) pha nước bạc,

Nhớ xưa : Vũ trụ mơ-màng ; càn khôn (4) xếch-xác.

Vua Bàn-cổ (5) khai lò tạo-hóa, hồng-mông (6) đà phơi-phới hơi xuân ; họ Hữu-ngu (7) khoi mạch sơn hà, cương-giới vẫn rành-rành dấu tạc.

Vậy có : Nắm đất Đoài-phương (8) ; cạnh giời Nam-quốc.

Ba góc bờ chia vành-vạnh, huyệt kim-qui (9) hẻm đá rộng hông-hênh ; hai bên cỏ mọc lâm-dâm, hang anh-vũ (10) giữa dòng sâu huyếch-hoác.

Mọi thú mọi vui ; một chiều một khác.

Lơ-thơ đầu ông Lã (11) thả cần ; trần-trụi mặc Chử-đồng (12) ngâm nước.

Bè khách-thương bạ (13) bến, cắm neo quỳ gối lắc cày xuôi (14) ; thuyền ngư-phủ thuận dòng, giương nách khom lưng chèo đếch ngược (15).

Dùi điểm thùng-thùng trống gọi, cửa tuần-ty (16) rộn-rã khách chen vai ; chày đâm văng-vẳng chuông đưa, nền Phật-tự (17) lao-xao người rén bước.

Khác gì : Những chốn Tiêu Tương (18) ; đồ tranh thủy mặc (19).

Trên lọ phải vén quần vua Tống (20), ra sức anh uy ; dưới cũng vui vỗ bụng giời Nghiêu (21), dắng ca canh tạc (22).

Ta nay : Qua miền Tam-đái (23), dứt dải sông Lô ; thấy Ngã ba Hạc vui thay, làm chơi một đạc (24).

Ai hữu tình ngẫm lại mà coi ; kể làm cực nhân-sinh chi khoái-lạc.

Chú-thích. — (1) *Ngã ba Hạc* : chỗ hợp-lưu của ba ngọn sông là sông Đà (hoặc sông Bờ), sông Lô (hoặc sông Tuyên) và sông Nhị-hà, ở giáp huyện Bạch-hạc (nay thuộc tỉnh Vĩnh-yên). — (2) *Dòng biếc lẫn dòng đào* : dòng biếc là dòng sông Lô nước trong xanh ; dòng đào là dòng sông Nhị nước đỏ. — (3) *Nước đen* : nước sông Đà đen. — (4) *Càn khôn* : xem câu chú-thích số (2) ở Bài 47. — (5) *Bàn-cổ* 盤古 : theo thần-thoại của Tàu, họ Bàn-cổ phân ra trời đất, tự đấy mới có thế-giới và vạn-vật. — (6) *Hồng-mông* 洪蒙 : mông-mênh mờ-mịt ; đây là nói về vũ-trụ lúc mới khởi thủy. — (7) *Hữu-Ngu* 有虞 : họ của vua Thuấn (2042-1989). Vua Thuấn sai ông Vũ trị thủy và định cương-giới chín châu trong nước Tàu. — (8) *Loài-phương* : phương tây. Huyện Bạch-hạc trước thuộc về Sơn-tây. — (9) *Kim-qui* : con rùa vàng. Tục truyền ở sông Hạc có con rùa vàng ở trong hang đá. — (10) *Anh-vũ* : tên một thứ cá, thịt ngon, ở sông Hạc có nhiều. — (11) *Ông Lã* : tức là Lã Thượng 呂尙 hoặc Khương Tử-Nha 姜子牙 (còn gọi là Thái-công-vọng 太公望 hoặc Sư-thượng-phụ 師尙父), một bậc hiền-thần đời nhà Chu. Cuối đời nhà Thương, về đời vua Trụ, ông ẩn cư ở Bàn-khê 磻溪 (thuộc tỉnh Thiểm-tây) ; một hôm, ông ngồi câu cá trên bờ sông Vị, vua Chu Văn-vương đi săn gặp, đón ông về dùng. Sau giúp vua Chu Vũ-vương (con Văn-vương) đánh vua Trụ, lập nên cơ-nghiệp nhà Chu. — (12) *Chử-đồng* : tức là Chử-đồng-tử 褚童子. Theo sách *Lĩnh-nam trích quái*, vua Hùng-vương thứ ba có người con gái là nàng Tiên-Dung một lần đi chơi thuyền trên sông Nhị-hà, ghé vào bến làng Chử-xá (nay thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh), lên trên bãi cát tắm, không ngờ gặp Chử-đồng-tử trần-trụi (vì quá nghèo không có khố đóng) đang nép mình trong cát ; nàng cho là duyên trời xui khiến, bèn lấy Chử-đồng-tử. Sau vua cha giận, sai quan quân đến bắt, thì cả hai vợ chồng hóa phép bay lên trời. — (13) *Bạ* : đến gần. — (14) *Cắm neo quỷ gội lắc cây xuôi* : tả việc nhà thuyền neo thuyền cho chặt theo xuôi dòng nước. — (15) *Giương nách khom lưng chèo đếch ngược* : tả việc chèo thuyền ngược dòng sông. — (16) *Tuần-ty* 巡司 : sở của chính-phủ lập ra để đánh thuế các hàng hóa của người buôn bán. — (17) *Phật-tự* 佛寺 : chùa thờ Phật. — (18) *Tiêu, Tương* 瀟湘 : sông Tiêu và sông Tương hợp-lưu với nhau ở địa-phận tỉnh Hồ-nam bên Tàu. — (19) *Thủy mặc* 水墨 (nước và mực) : lối vẽ không dùng đến các màu, chỉ dùng mực hòa với nước. — (20) *Vén quần vua Tống* : theo câu trong *Tống-sử* : « Kiến dân cơ hàn, tắc kiển thường như túc dĩ cứu chi 見民餓塞，則褰裳濡足以救之. » (Thấy dân đói rét, thì xắn quần ngâm

chân xuống nước để cứu lấy) ; câu ấy khen vua Tống Thái-tổ thấy dân đói thì phát chẩn cũng như người thấy người khác sắp chết đuối thì xắn quần lội xuống nước mà cứu. — (21) *Võ bụng giời Nghiêu* : đời vua Nghiêu (một bậc thánh-quân về đời thượng-cổ nước Tàu), có ông lão vỗ bụng mà hát để ngợi khen cái cảnh thái-bình. — (22) *Canh tạc* : đây nhắc đến hai câu trong bài hát của ông lão đời vua Nghiêu nói trên : « Canh điền nhi thực, tạc tỉnh nhi ẩm 耕田而食, 鑿井而飲. » (Cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống). — (23) *Tam-đái* : tên một phủ về đời Hậu-Lê thuộc Sơn-tây, gồm có sáu huyện : Phù-ninh (nay thuộc Phú-thọ), Bạch-hạc, Lập-thạch, Yên-lạc (nay thuộc Vĩnh-yên), Yên-lãng (nay thuộc Phúc-yên), Tân-phong (nay là phủ Quảng-oai, thuộc Sơn-tây). — (24) *Bạc* : đây tức là một bài.

TRỊNH SÂM 鄭森 (1742-1782)

64. — Chơi động Hương-tích (1)

Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền ;
Khoan mái chèo lan, ghé bến tiên.
Phong nguyệt thờ-ơ bầu ngọc đúc ;
Giang sơn bỡ-ngỡ bức tranh in.
Kìa kìa qui phượng ngong kinh bối (2) ;
Nọ nọ lân long lắng giáo thiền (3).
Cảnh lạ thú mầu khôn xiết kể ;
Thanh kỳ đệ nhất chốn Nam-thiên.

(*Tam thanh tộn dụng thi tập*)

Chú-thích. — (1) *Động Hương-tích* 香蹟 : tên một cái động ở trong núi Hương-sơn thuộc địa-phận làng Yến-vĩ, phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông, trong thờ Phật Quan-âm, hàng năm cứ đến hồi tháng hai, tháng ba, thiện-nam tín-nữ trẩy hội rất đông. — (2) *Kinh bối* : tức là bối-diệp kinh 貝葉經, kinh Phật viết lên lá bối. — (3) *Thiền* 禪 : nhà chùa, giáo thiền tức là lễ giáo của nhà chùa.

65. — Tây-hồ (1) tức cảnh

Lọ là đồn hỏi chốn Bồng Doanh (2),
Này thú này, âu cũng có tình.
Đôi đóa nhị hồng in dáng tia ;
Một doành nước biếc ánh trời xanh.
Làu-làu các nọ phong rèm nguyệt ;
Văng-vẳng chiền kia dỗi tiếng kình (3).

Lần trải nắng sương đà mấy tá,
Kim-ngưu (4) dắu trước hãy rành-rành.

(*Tâm thanh tồn dụy thi tập*)

Chú-thích. — (1) *Tây-hồ* 西湖 : tên một cái hồ ở phía tây-bắc thành-phố Hà-nội, tên cũ là Lãng-bạc hồ 浪泊湖. — (2) *Bồng, Doanh* : núi Bồng-lai 蓬萊 và đất Doanh-châu 瀛洲, đều là nơi tiên ở. — (3) *Tiếng kình* : tiếng chuông chùa, vì cái chày đánh chuông thường làm theo hình con cá kình (hoặc kềnh) 鯨 (cá ông voi) ; bởi thế cái chày đánh chuông thường gọi là « chày kình ». — (4) *Kim-ngưu* 金牛 : con trâu vàng. Theo một câu chuyện tục-truyền thì chỗ Tây-hồ nguyên xưa là một khu rừng ở trong có con yêu-tinh hay làm hại người. Sau khi ông Khổng Lồ (tức Nguyễn Minh-Không) đúc xong một quả chuông ở núi Phao-sơn (thuộc tỉnh Bắc-ninh), ông đánh thử ba tiếng kêu rất to ; ở bên Tàu có con trâu vàng, nghe tiếng chuông, tưởng là tiếng trâu mẹ gọi, mới chạy sang nước-Nam ; khi chạy đến khu rừng ấy, không thấy mẹ, mới vùng-vẫy, thành ra khu rừng sụt xuống, hóa ra cái hồ, tức là Tây-hồ.

NGUYỄN HỮU-CHỈNH 阮有整 (? -1787)

(Xem Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú số (3).)

66. — Than thân

Tóc chen hai thứ chửa danh chi :
Thân hỡi là thân ! Thì hỡi thì (1) !
Chửa trả chưa đền ân đệ tử ;
Thêm ngừng thêm tủi chí nam-nhi.
Kẻ yêu, nên ít bề cao hạ (2) ;
Người ghét, càng nhiều tiếng thị phi (3).
Tay *bé* khôn bưng vừa miệng thế (4) ;
Giãi lòng ngay thảo cậy thiên tri (5).

(*Ngôn ẩn thi tập*)

Bản chép khác. — Câu 7 : Tay *ắt*...

Chú-thích. — (1) *Thì* 時 : thời-thế, cơ-hội. — (2) *Cao hạ* : cao thấp, trên dưới ; ý nói phân-bì, khịnh-bỉ. — (3) *Thị phi* : phải trái ; ý nói khen chê, bình-phẩm. — (4) *Câu 7* : ý câu này cũng như câu tục-ngữ : « Tay đâu bịt được mồm thiên-hạ » ; ý nói : mình không thể cấm giữ được người khen chê, bình-phẩm. — (5) *Thiên tri* : trời biết

67. — Tự biết mình

Ai có hay, chăng là chẳng hay ?
Lòng này vốn đã dạy thân này.
Kẻo lầm kẻo lỡ người yêu ghét ;
Đà tỏ đà tường kẻ thảo ngay.
Xem nỗi thế-thời (1), xem đã nhạt ;
Bén mùi đạo-lý, bén càng say.
Phải cơ, mới biết cơ trời nhiệm (2) ;
Có rủi, bằng dường (3) lại có may.

(Ngôn ẩn thi tập)

Chú-thích. — (1) *Thế-thời* : tức là thời-thế. — (2) *Nhiệm* : mầu-nhiệm, thần-bí, không thể lường trước được. — (3) *Bằng dường* : dễ có khi.

Hoa-tiên 花箋

Nguyễn Huy-Tự 阮輝似 soạn
Nguyễn Thiện 阮僐 nhuận-sắc

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X*).

Lược truyện. — Truyện này (gồm 1858 câu) có thể chia làm bốn hồi :

I. — *Lương-sinh và Dương Dao-Tiên thề nguyền cùng nhau* (câu 1-829). — Lương-sinh, chính tên là Phương-Châu (con quan Lương tướng-công ở Tô-châu), nhân sang trọ học ở nhà mợ là họ Diêu ở Tràng-châu, gặp nàng Dương Dao-Tiên (con quan Dương tướng-quân), sinh ra tương-tư nhau. Sau hai bên thề nguyền gắn bó với nhau (lời thề viết trên hai tờ giấy hoa-tiên : nhân thế đặt tên truyện), tưởng rằng duyên-phận không còn trắc-trở gì nữa.

II. — *Lương-sinh và Dương Dao-Tiên xa cách nhau* (câu 830-1128). — Ngờ đâu Lương tướng-công và Lưu tướng-công vốn là người đồng-quận và bạn đồng-liêu, lúc cùng về trí-sĩ, kén gả con cho nhau, thế là Lương-sinh đã đính hôn với Lưu Ngọc-Khanh (con gái Lưu tướng-công) rồi. Khi Lương-sinh về nhà thăm cha, nghe thấy tin ấy, như sét đánh bên tai, nhưng cũng đành phải theo mệnh cha mẹ. Dương Dao-Tiên nghe được tin ấy, tưởng rằng Lương-sinh bội ước, lấy làm buồn rầu lắm. Chợt khi ấy, Dương tướng-quân lại phải đi đánh giặc, chả may bị giặc vây ; còn nàng Dương Dao-Tiên phải tạm nương-náu ở chốn kinh-đô.

III. — *Lương-sinh ra đánh trận, bị giặc vây* (câu 1129-1556). — Về phần Lương-sinh cũng phải dập sầu làm vui, cùng với Diêu-sinh (con mợ) đi thi đỗ, được bổ làm quan. Lương-sinh nhậm chức ngay ở kinh-đô, tình-cờ được gặp Dương Dao-Tiên, giãi bày tâm-sự cùng nàng. Lương-

sinh mới xin vua ra giải vây cho Dương tướng-quân ; ngờ đâu cũng lại thua, bị giặc vây. Tin đồn sai rằng Lương-sinh bị tử trận : nghe tin ấy, Lưu Ngọc-Khanh cải phục cư tang ; vì mẹ bắt ép nàng lấy chồng khác, nàng phải trẫm mình ; may gặp thuyền của quan Long đề-học trấy kinh vớt được.

IV. — *Lương-sinh và Dương Dao-Tiên lấy nhau* (câu 1157-1858). — Sau Diêu-sinh ra đánh tan quân giặc, giải vây cho Dương tướng-quân và Lương-sinh ; vua bèn ban thưởng cho cả mấy người. Lương-sinh vẫn tưởng nàng Lưu đã thác, mới dâng biểu tâu việc nàng tử-tiết, vua bèn sắc phong cho nàng. Vua lại tự đứng làm mối gả Dương Dao-Tiên cho Lương-sinh. Đương khi Lương còn dùng-dằng thì Long đề-học cùng Lưu Ngọc-Khanh cũng vừa đến kinh-đô, Long dâng sớ tâu việc nàng Lưu, vua ngợi khen, rồi cả hai người Ngọc-Khanh và Dao-Tiên cùng lấy Lương-sinh : thế là một nhà đoàn-viên vui-vẻ.

68. — Lương-sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau

Hương(1) đà *lén* trước *bình* thêu,
Tình hôm nay, hẳn vì điều hôm qua(2).
Thưa rằng : « Vườn mới thêm hoa,
« Êm cơn phải buổi hay là *dạo* chơi. »
Thực lòng, nàng cũng tin lời,
Một Hương theo gót, vội dời sân ngô.
Chòm chòm sương điểm, khói tô,
Đầu *cành* rắc phấn, mặt hồ lau gương.
Dần-dà *nhẹ* bước lần sang,
Cửa son bỗng *nhác thấy* chàng tới sau.
Tiếng vàng vội gọi con hầu,
Gót sen nhè-nhẹ *bước* mau về nhà.
Cố tình ép liễu nài hoa,
Lối về, sinh đã *rẽ qua theo đoàn*.
Nước thu *lóng-lánh* một làn(3),
Môi đào e-ấp, vẻ lan dạn-dày.
Thực tình, sinh mới *giãi* bày :
« Duyên chi *may* lại phen này gặp nhau.
« *Tấm* riêng *đắng-đót* bấy lâu,
« *Tiện* lân phỏng thấu bên lầu chút chăng ?
« Ngày *xuân* đã dễ đâu rằng,
« Luống thay cữ gió tuần trăng, hỡi người ! »
Ngượng ngùng e tiếng, lệ hơi,
Gọi Hương mau bước, liệu lời cho nao :

Rằng : « Nay sửa mũ dưới đào (4),
« *Vả trong* lễ cấm phép *rào, sao nên* ? »
Ngập-ngừng sinh *mới rén* chiềng (5) :
« Lễ chung đành vậy, tình riêng sao *mà* ?
« Đeo đai trót một tiếng đà,
« Đài thiêng (6) hổ có trăng già chứng lâm.
« *Nghĩ nguyền vì chẳng tỏng tâm*,
« Cũng liều đầu bạc *cho* nhầm tuổi xanh. »
Nặng lời, dở lễ làm thinh,
Rằng : « Trong cửa cửi phòng canh, biết gì ?
« Dẫu cho nền lễ sân thi,
« Cùng nhau đôi lứa cũng tùy nơi xe.
« *Chia* đường hãy lánh cho về,
« Lễ thường hẳn chẳng e-*nề* chút ru ? »
Nề lời, có lễ cầm lâu,
Lánh ngang, *sinh* lại theo sau gạn *nài* :
« Lời vàng ý ngọc dám sai,
« Lửa gần, lại bảo cho bài hước xa.
« Tin kinh diệu-vợi tin nhà,
« *Thưa chừng những sợ* hoặc là sao chăng.
« Chút chỉ gắn bó gọi rằng,
« Cho đành mối gió, tin trăng sau này. »
Nghe lời, vội dạo gót giầy,
Mắt đưa *ai* luống *trông* ngây *tận* lầu.

Bản chép khác. — Câu 627 :. . . *lết* trước *bình* thêu. — Câu 629 : *Gửi* rằng. . . — Câu 630 :. . . *sang* chơi. — Câu 631 : *Phải lời*. . . Câu 634 : Đậu *cây*. . . — Câu 635 :. . . *rón* bước (hoặc) *rén* bước. . . — Câu 636 : *Gọc* son bỗng *thấy bóng* chàng tới sau (hoặc) Cửa son bỗng *lén* thấy chàng *đến* sau. — Câu 638 :... *dạo* mau... — Câu 640 : *Nàng* về... (hoặc) Lối về, sinh đã *dạo ra bên tường*. — Câu 641 : Nước thu *sóng-sánh*... — Câu 643 : *Định* tình. . . (hoặc). . . *sẽ* bày. — Câu 644 :. . . *khéo* lại. . . — Câu : 645 : *Doành* riêng... (hoặc)... *đặng-đột* bấy lâu. — Câu 646 : *Sứ* lân... — Câu 647 : Ngày *xanh*. . . — Câu 649 : *Ngạ*-ngùng. . . — Câu 651 : « *Khi* nay... — Câu 652 : *Cớ chi* lễ cấm phép *nào chẳng kiêng*. — Câu 653 : *Ngẩn-ngơ* sinh *rén*-rén chiềng (hoặc) *Ngậm*-ngừng sinh mới *thưa* chiềng. — Câu 654 :... sao *là*. — Câu 657 : *Thề phai nguyền nhạt khôn cầm*. — Câu 658 :. . . *dám* nhầm. . . — Câu 663 : *Rẽ* đường... — Câu 664 :... e-*dè*... — Câu 666 : *Tránh* ngang *ra*, lại theo sau gạn *lời*. — Câu 670 : Thưa *đăng cả lọt*. . . — Câu 673 : *Tai nghe*. . . — Câu 674 :... *kẻ* luống *coi* ngay *nơi* lầu.

Chú-thích. — (1) *Hương* : tên một đứa thị-tỳ của Dương Dao-Tiên. — (2) *Điều hôm qua* : hôm trước, Dao-Tiên cùng với hai người thị-tỳ là Hương và Nguyệt nói chuyện về cây với trăng, rồi nghĩ lan-man đến sự tuổi xuân chóng tàn mà sinh ra buồn. — (3) *Nước thu óng-lánh một làn* : do câu trong *Tình sử* : « Nhỡn như thu thủy 眼 如 秋 水. » (Mắt trong như nước mùa thu). — (4) *Sửa mũ dưới đào* : nghĩa bóng là làm một việc để cho người ta nghi (Xem câu *Chú-thích số* (2) *ở Đài 30*). — (5) *Chi ng* : trình, thưa. — (6) *Đài thiêng* : dịch chữ « linh-đài 靈 臺 », tức là tấm lòng.

69. — Lương-sinh từ-biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà

Chợt nghe (1) chín khúc tơi-bời,
Thềm lan *lẵng-đẵng ngại* dời gót lan.
Duyên ưa mai liễu một *đoàn*,
Này ai vội đã giở màn đình Cao (2).
Sinh rằng : « Chút nghĩa *tri* giao,
« Chưa cùng sum-họp, nỡ nào chia-phôi.
« *Chắp* tơ nay mới vâng lời,
« Đành hay người định thì trời cũng theo.
« *Sớm khuya* gác gấm buồng thêu,
« Ngọc vàng mình phải nưng-niu lấy mình.
« *Rày mai* lá thắm, chim xanh (3),
« Quả mai chi để trên cành bảy ba (4).
« Tình xa bao quản người xa,
« Tương-tri có thế mới là tương-tri. »
« Rằng : « Nay nam bắc phân kỳ,
« Đã đành trăng nọ trời kia với lòng.
« *Gió mây* hãy gắng chí hồng,
« *Tấm lòng* cho bõ *trông mong những ngày*. »
Lửa phiền như đốt niềm tây,
Non *tà* liễu đã tơ xoay bóng vàng.
Gửi tình nửa ngọn cành dương,
Tâm thần một tấm bằng dường theo ai.
Tuyệt mù cây khuất bóng người,
Ngại-ngần năm bước ra mười về hiên.
Thanh gươm cặp sách xuống thuyền,
Lưng khoang chất thảm, đầy then chứa sầu.

Song bồng mưa *dập* gió mau,
Trận nhàn chép nhớ, ngọn lau gảy buồn.
Dòng xuôi một *dải* nhường tuôn,
Đầu mui đã thấy hương-thôn gần gần.

Bản chép khác. — Câu 900 : . . . *lặng đứng vội* dời. . . — Câu 901 : *Lục đăng tơ* liễu một *làn*. — Câu 903 : . . . *tương* giao. — Câu 906 : *Dắt* tơ. . . — Câu 907 : *Êm niềm*. . . — Câu 909 : *Dập-dìu*. . . — Câu 915 : *Sớm khuya*. . . — Câu 916 : *Trông mong* cho bõ *tấm lòng bấy nay*. — Câu 917 : *Mặt nhìn chẳng nỡ rời tay*. — Câu 920 : *Hồn quê thơ-thẩn như* dường. . . — Câu 921 : *Nhởn-nhơ liễu* khuất... — Câu 925 : ... mưa *rúc*... — Câu 926 : *Triện* nhàn... — Câu 927 : . . . một *sợi*. . .

Chú-thích. — (1) *Chợt nghe* : nghe tin Lương-sinh phải về quê thăm cha. — (2) *Đình Cao* : chỗ tiễn biệt. Do câu thơ cổ : « Cao-đình tương biệt xứ 皋亭相別處. » (Cao-đình là chỗ biệt nhau) : « Xuân-đình thoắt đã dạo ra Cao-đình » (*Truyện Kiều*, câu 1500). — (3) *Lá thắm, chim xanh* : nghĩa bóng là mối-lái. *Lá thắm* : do tích Vu Hựu, người đời Đường, bắt được cái lá đỏ tự trong cung vua trôi ra, trong có đề bài thơ. Hựu lại đề một bài thơ vào cái lá ấy, rồi thả xuống ngòi cho nó trôi vào. Cung-nhân là họ Hàn bắt được. Sau vua thải ba nghìn cung-nữ ra. Hựu lấy được Hàn-thị, mới biết thơ đề trong lá đỏ ngày trước là thơ của hai bên. *Chim xanh* : do tích vua Hán Vũ-đế xưa đương ngự chơi, chợt có hai con chim xanh bay đến. Vua hỏi, Đông Phương-Sóc tâu : Đó là sứ-giả của Tây-vương-mẫu. Được một lát thì Tây-vương-mẫu đến thật. — (4) *Quả mai chi để trên cành bảy ba* : ý nói không khi nào phải lỡ thì. *Kinh Thi* (thơ Xiếu mai) có câu : « Xiếu hữu mai, kỳ thực thất hề. . . ; kỳ thực tam hề... 摽有梅, 其實七兮, . . . 其實三兮. . . » (Quả mai rụng, chỉ còn có bảy phần..., chỉ còn có ba phần....) : đó là lời của một người đàn bà thấy tuổi một ngày một cao, than về nỗi sợ quá lứa lỡ thì.

70. — Lương-sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên

Tự khi nương-náu phần-hương (1),
Trời thu ba cữ, *sòng* Tương một ngày (2).
Bụi *rong* muôn học *sầu* đầy,
Cánh nào bay đến ngỏ bày trước trang.
Liệu cơ ra lạy tôn-đường,
Tràng-châu (3) xin lại tìm sang *cựu*-trình.
Được lời, *tức-tốc khởi* hành,
Ruổi quen một lá, thênh-thênh xuôi dòng.
Sông nguyền, bể dặn trùng-trùng,
Phụ-phàng lo những thẹn-thùng nước non.

Vườn riêng còn thú cầm tôn (4),
Hồng còn vẫn thắm, tia còn chưa phai.
Cành trông, cỗi ngắm chờ ai,
Đầy song *tuyết* điểm *bông* mai trắng ngần.
Lần sang thăm thú vườn gần,
Một vùng cỏ biếc, mấy lần cửa son.
Lơ-thơ *cây* cỗi, cành non,
Rêu đầy cầu đá, *lối* mòn *đường* thơm.
Lầu *thưa*, khói tỏa, *sương trùm*,
Chồi sai *biếng* bẻ, khóm sòm vắng vin (5).
Biết ai hầu hỏi sự duyên,
Viên-công đã thấy trong miền *lộ* ra.
Mon-men thăm hỏi gần xa,
Mới tường môn-mạch, *nàng* đà *thăng* kinh.
Ngán chiều *lã-chã* đôi doành (6),
Tựa lần bên triện, *dạo* quanh khắp tòa.
Băn-khoăn đến trước đình Ba,
Lương không yến đẻ, song tà nhện trăng.
Dấu thơ vách hãy dăng-dăng,
Lầu thơ cách mấy mươi từng người thơ.
Nửa rèm lác-đác *hoa mưa*,
Sân rêu *này dấu* ngày xưa chén đồng.
Mày dương-liễu, mặt phù-dung,
Ngắm hoa *mà* nhắc tấm lòng sinh-ly :
« *Trăng* thề *vẫn đó* chi chi,
« *Liễu Chương-đài* (7) *biết nay đi đâu rồi.*
« Mừng xuân đào hãy ngậm cười,
« Vẻ hồng *như cũ*, mặt người nào đâu.
« *Nào khi gương* gác, phấn lầu,
« Giờ sao *lạnh ngắt* mặc dầu khói sương.
« *Này* ai dập lửa vùi hương ?
« Để ai nát đá, phai vàng *với ai.* »

Bản chép khác. — Câu 1059 : *Sinh từ núm*-náu... — Câu 1060 :... *doành* Tương... — Câu 1061 : Bụi *chông* muôn hộc *chất* đầy. — Câu 1063 : *Phô sòng gửi đến*... — Câu 1064 :... *sân* trình. — Câu 1065 : Được lời, *theo lối thủy* hành. — Câu 1066 : *Thẳng dong buồm* lá... — Câu 1067 : *Biết bao dặn bể thề sông*. — Câu 1068 : *Nhạt vời*... — Câu 1070 : *Hoàng-Diêu Tử-Ngụy vẫn* còn... — Câu 1071 : *Ngắm thơm sào cắm*... — Câu 1072 : Đầy song *mấy* điểm *hoa* mai... — Câu 1075 :... *gốc* cỗi... — Câu 1076 : *Sương in* cầu đá, *tuyết* mòn *lối* thơm (hoặc) : *Rêu in* cầu đá, *tuyết* mòn *lối* thơm. — Câu

1077 : Lầu *thơ*... — *mây om*. — Câu 1078 :... *thưa* bẻ... — Câu 1080 :... *rỏ* ra. — Câu 1082 :... *na* đà *phó* kinh. — Câu 1083 :... *lở-tở*... — Câu 1084 : *Buồn nương*... *sầu* quanh... — Câu 1085 : *Ngán ngâm*... — Câu 1087 : *Tiên* thơ... — Câu 1088 : *Xã* thơ... — Câu 1089 : *Hiên cài*... *sao thưa*- — Câu 1090 :... nọ *rõi* (hoặc) : nọ *chốn*... — Câu 1092 :... *thêm* nhắc... — Câu 1093 : *Chỉ* thề *trăng vẫn* chi chi. — Câu 1094 : *Tay ai chềnh-mảng còn chi chương-đài*. — Câu 1096 : Vẻ hồng *trơ đó*... Câu 1097 : *Khi sao son* gác...— Câu 1098 : Giờ sao *tan-tác*... — Câu 1099 : *Ấy* ai... — Câu 1100 : ... *nơi đây*.

Chú-thích. — (1) *Phần hương* : quê hương ; do chữ « phần-du 枌榆 » (xem câu chú-thích số (20) ở Bài 104). — (2) *Trời thu ba cữ, sông Tương một ngày*. Câu này đặt theo câu : « Nhất nhật bất kiến, như tam thu hề 一日不見,如三秋兮 ». (Một ngày không thấy, như ba mùa thu (ba năm) vậy.) (*Kinh Thi*. thơ Thái-cát) và ý nói : một ngày xa cách nhau, tưởng chừng lâu như ba năm vậy. Còn chữ *sông Tương* chỉ sự xa cách của hai tình-nhân, là do câu trong *Tình-sử* : « Quân tại Tương-giang đầu, Thiếp tại Tương-giang vĩ ; Tương tư bất tương kiến, Đồng ẩm Tương-giang thủy 君在湘江頭,妾在湘江尾 ; 相思不相見,同飲湘江水. » (Chàng ở đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sòng Tương ; Nhớ nhau không thấy mặt nhau, Cùng uống nước sông Tương). — (3) *Tràng-châu* : tên đất, chỗ quê Dương Dao-Tiên. — (4) *Cầm tôn* 琴樽 : đàn và chén rượu. — (5) *Chồi sai thưa bẻ, khóm sờm vắng vin* : tả cảnh một khu vườn không có người trông nom, sửa sang : những mầm mới mọc rất nhiều mà ít khi bẻ đến ; những bụi cây rậm-rạp mà không có ai vin. — (6) *Đời doành* (doành : dòng nước) : hai dòng nước mắt. — (7) *Liễu Chương-đài* : nghĩa bóng là tình-nhân. Lấy chữ ở một câu trong bức thư của Hàn Hoành gửi cho Liễu-thị *(Tình-sử)* : « Chương-đài liễu ! Tích nhật thanh-thanh, kim tại phủ ? Giã ưng phan chiết tha nhân thủ, 章臺柳!昔日青青,今在否?... 也應攀折他人手. » (Cây liễu Chương-đài ! Ngày xưa xanh-xanh, nay còn không?... Hẳn là tay người khác đã vin bẻ rồi.)

71. — Cuộc trùng phùng của Lương-sinh và Dương Dao-Tiên

Diêu (1) ra quan-chính *cõi* ngoài,
Lương vào Hàn-uyển (2), thảnh-thơi ngọc-đường (3).
Vườn sau trúc thạch sẵn-sàng,
Liền công-thự đó, là tường Tiền-nha (4).
Nàng từ tin ải truyền ra (5),
Nỗi mình, nỗi khách biết là bao nhiêu !
Trọn ngày khóa lặng song thêu,
Nguyệt, Hương (6) biết ý mới dìu ra chơi.
Trên thềm hoa quét chẳng rơi,
Dưới *thềm lần* bóng, trăng soi người sầu.

Cảnh *đâu dễ* nhắc lòng đâu,
Những than tình mới, *thêm rầu* nỗi xưa :
« Ngàn mây trắng bạc như tờ,
Bóng dâu chênh-chếch đã vừa ngang vai.
« Bờ sương đỗi tuyết bao nài,
« *Lấy* ai ấm lạnh, *lấy* ai ngọt bùi ?
« Tưởng người chén nguyệt thề bồi,
« *Phòng hương trộm tưởng* đã người nào thôi !
« Ba xuân những chốn làm vui,
« *Dương thanh liễu lục* những ai đó chừ ! »
Cho hay thanh-khí tương cờ,
Cách tường Sinh cũng khi vừa dạo thanh.
Buồn tênh gió ngọn trăng cành,
Dịp châm dạ khách, tiếng kềnh đêm thâu.
Cảnh sầu như ghẹo người sầu,
Khi *than-thở bóng*, khi *châu-chan mày*.
« Nghĩ người mặt sóng chân mây,
« Tiên thề đành để đến ngày tái-sinh.
« Nhỡ-nhàng bèo *nổi nước lênh*,
« Ấy duyên phụ khách, hay mình phụ duyên ?
« Nào *ai* bể dặn non nguyền,
« Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn (7) với ai ! »
Nỉ-non đêm ngắn tình dài,
Nguyệt *cài* bên triện, *hoa rơi* trước thềm.
Vườn xuân xa ngắm *cách rèm*,
Mây lồng tha-thướt *bóng* xiêm một người.
Cây quỳnh thánh-thót sương rơi,
Đào rầu-rầu ủ, liễu hơi-hơi gầy.
Rõ người ngày trước chẳng sai,
Nguyệt, Hương cũng đến chi đây lạ đời !
Những là *cách* mặt khuất lời,
Bồng-sơn xem ngỡ mấy mươi mươi trùng !
Tường hoa quanh-quất mấy vòng,
Dưới hoa nhường có nẻo thông cuối tường.
Hài-văn lần bước bước sang.
Rấp-ranh đã dựng tiếng vàng xa đưa :

« Tưởng bây giờ là bao giờ ?
« Song-song đôi mặt còn ngờ chiêm bao.
« Bấy lâu gió khóa mưa rào,
1250 « Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình ! »

Bản chép khác. — Câu 1201 :... *việc* ngoài. — Câu 1209: *Trước hoa lần bóng hoa* rơi. — Câu 1210 : Dưới *lầu mếch* bóng (hoặc) : Dưới *trăng lần* bóng... — Câu 1211 : *Cảnh nào sẽ*... — Câu 1212 : *Vừa* than tình mới, *vừa sầu*... — Câu 1216 : *Nào...nào*... — Câu 1218 : *Buồng đông vừa ý*... — Câu 1220 : *Những hương những lửa*... (hoặc) *Trăng*... — Câu 1221 : *Tiếng ve cao thấp gió đưa* — Câu 1223 : *Cành trăng ngọn gió mong manh* (hoặc) : *Buồn tênh trăng ngọn gió cành*. — Câu 1226 : Khi *thăn-thỉ* bóng... (hoặc) : Khi *trằn-trọc đá*, khi *rầu-rĩ cây*. — Câu 1229 :... bèo *nước lênh-đ nh*. — Câu 1231 : Nào *ta*... — Câu 1234 : Nguyệt *kề*... *hương lay*... — Câu 1235 : *Cách hoa lặng ngắm bóng thiềm*. — Câu 1236 :... *làn* xiêm.... — Câu 1237 : *Áo đơn bụi lọt ngấn* rơi. — Câu 1239 : *Người xưa sẽ nhớ những ngày*. — Câu 1241 : *vắng* mặt... — Câu 1242 : *Non Bồng*... — Câu 1243 : *Dạo quanh núi giả đi* vòng. — Câu 1244 : *Bến* hoa... — Câu 1246 : *Cách tường* đã dựng.. (hoặc) : *Cách tường văng-vẳng*...

Chú-thích. — (1) *Diêu* : tức là Diêu-sinh, con ông cậu Lương-sinh. — (2) *Hàn-uyển* 翰苑 (hàn : lông dùng làm bút ; uyển : vườn) : tức là Hàn-lâm viện 翰林院, viện dùng những người văn-học. — (3) *Ngọc-đường* 玉堂 (ngọc : ngọc ; đường : nhà, chỗ làm việc quan) : chỉ viện Hàn-lâm Vua Tống Thái-tôn (976-998) ban cái biển đề bốn chữ « Ngọc-đường chi thự 玉堂之署 » để treo ở viện Hàn-lâm. — (4) *Tiền-nha* : tên người em Dương phu-nhân (mẹ Dương Dao-Tiên). Bấy giờ Dương phu-nhân và Dương Dao-Tiên đến trú ở nhà người ấy trong khi Dương tướng-công đi đánh giặc. — (5) *Tin ải* : tin ở cửa ải đưa về rằng Dương tướng-công bị giặc vây. — (6) *Nguyệt, Hương* : tên hai người thị-tỳ của Dương Dao-Tiên. — (7) *Chuông vạn, ngựa nghìn* (chuông : đồ dùng để đong lường) : dịch chữ « thiên tứ vạn chung 千駟萬鐘 » (nghìn cỗ xe đóng bốn ngựa, muôn chuông thóc lương) ; nói chung về sự giàu sang.

ÔN-NHƯ HẦU NGUYỄN GIA-THIỀU 溫如侯阮嘉玿

(1741 - 1798)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (5).*)

Cung oán ngâm khúc 宮怨吟曲

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X).*

72. — Lúc được nhà vua yêu mến

Khi ấp mận, ôm đào gác nguyệt ;
Lúc cười *sương*, cợt tuyết đền phong(1).
Đóa lê ngon mắt cửu-trùng,
Dầu mày điểm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.

Vẻ vưu-vật (2) trăm chiều chải-chuốt,
Lòng quân-vương chi-chút trên tay ;
Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ, thành này muốn long.

Vườn *Tây*-uyển (3), khúc trùng « *thanh* dạ » (4);
Gác Lâm-xuân (5), điệu *ngã* « đình hoa » (6).
Thừa ân (7) một giấc canh tà,
Tỏ mờ nét ngọc, lập-lòe vẻ son.

Trong trướng gấm chi-tôn (8) vòi-voi,
Những khi nào gần-gụi quân-vương,
Dẫu mà ai có nghìn vàng,
Đố ai mua được một tràng mộng xuân (9) ?

Thôi cười nọ, lại nhăn mày liễu,
Ghẹo hoa kia, lại diễu gót sen (10).
Thân này uốn-éo vì duyên,
Cũng cam một tiếng thuyền-quyên *với đời*.

Lan mấy đóa lạc loài sơn dã,
Uổng mùi hương vương-giả *lắm* thay (11) !
Ngẫm như cân chất (12) duyên này,
Cam công đặt cái khăn *ngày* tắc-ơ (13) !

Tranh tị-dực (14) nhìn ưa chim nọ,
Đồ liên-chi (15) lần trỏ hoa kia,
Chữ đồng lấy đấy làm ghi,
Mượn *lời* thất-tịch mà thề bách-niên (16).

Hạt mưa (17) đã lọt miền đài-các,
Những mừng thầm cá nước duyên may !
Càng lâu, càng lắm màu hay,
Cho cam công kẻ dùng tay thùng chàm (18).

Bản chép khác. — Câu 162:... *hoa*... — Câu 164: *Tuỵ*... — Câu 169:... *Thượng* (hoặc: *Thanh*)... *nguyệt*... — Câu 170:... *ngả*... — Câu 180:... với *người* (hoặc: *để* đời). — Câu 182:... *nhiều*... — Câu 184:... *này*... — Câu 188:... *điêu*...

Chú-thích. — (1) *Đền phong*: đền chung quanh có trồng cây phong 楓 (xem câu chú-thích số (3) ở Bài 53). — (2) *Vưu vật* 尤物: vật rất lạ, rất quí. — (3) *Tây-uyển* 西苑: tên một cái vườn ở phía tây huyện Lạc-dương, tỉnh Hà-nam bên Tàu, do vua Tùy Dượng-đế lập ra, thường đêm thanh vua đem cung-nữ dạo chơi trong vườn. — (4) *Thanh dạ*: tức là « Thanh dạ du 清夜遊 » (đi chơi lúc đêm trong), tên một khúc hát đặt về đời vua Tùy Dượng-đế. — (5) *Lâm-xuân* 臨春: tên một cái gác của vua Trần Hậu-chủ dựng lên bằng gỗ đàn-hương cho nàng Trương quí-phi ở. — (6) *Đình hoa*: tức là « Ngọc thụ hậu đình hoa 玉樹後庭花 », tên một khúc hát làm về đời vua Trần Hậu-chủ. — (7) *Thừa-ân* 承恩: đội ơn; đây ý nói được nhà vua yêu mình. — (8) *Chí-tôn* 至尊: rất tôn-trọng; đây chỉ nhà vua. — (9) *Một tràng mộng xuân*: một giấc chiêm-bao êm-đềm vui-thú về mùa xuân. — (10) *Câu 177-178*: *Nhăn mày liễu*: xưa nàng Tây-Thi đau bụng nhăn mặt, trông lại đẹp thêm. *Diễu*: đi có điệu bộ. *Gót sen*: bước chân của người đàn bà đẹp. Do tích Tề Đông-hôn-hầu lấy vàng dát thành hoa sen lát xuống đất cho nàng Phan-phi đi và nói rằng: « Mỗi bước đi của Quí-nương nẩy ra một bông sen. » Cả hai câu tả cách nũng-nịu uốn-éo của người cung-phi được vua yêu chuộng. — (11) *Mùi hương vương-giả*: mùi hương của nhà vua, ý nói rất quí. — (12) *Cân, chất* 巾櫛: khăn và lược; nói đạo làm vợ phải sửa soạn khăn lược cho chồng. — (13) *Câu 184: Đặt khăn*: dịch chữ « thiết thuế 設帨 » nói về sự sinh con gái. Theo sách *Lễ-ký*, hễ sinh con trai thì đặt cái cung ở bên trái cửa, sinh con gái thì đặt cái khăn ở bên phải cửa. *Tắc-ơ*: tiếng mẹ hỏi chuyện con khi con còn bé chưa biết nói. Cả câu ý nói: bõ công cha mẹ đã sinh ra mình là phận con gái. — (14), (15) *Tỉ-dực* 比翼, *Liên chi* 連枝: liền cánh và liền cành. Chữ lấy trong bài *Trường-hận-ca* của Bạch Cư-Dị nói về vua Đường Huyền-tôn cùng nàng Dương Quí-phi thề nguyền với nhau rằng: « Ở trên trời, xin làm chim liền cánh; ở dưới đất, xin làm cây liền cành. » — (16) Câu 188: *Thất tịch* 七夕 là đêm mồng bảy tháng bảy. Theo tục truyền, thì trong một năm chỉ có ngày ấy là Ngưu-lang và Chức-nữ mới được gặp nhau. Vua Đường Huyền-tôn cũng nhân đêm hôm ấy thề với nàng Dương Quí-phi câu nói trên. *Bách niên*: tức là « Bách niên giai lão 百年皆老 » (sống cùng nhau đến trăm năm). Cả câu ý nói: cũng theo như vua Đường Huyền-tôn và nàng Dương Quí-phi ngày xưa mà thề ăn ở cùng nhau đến lúc trọn đời. — (17) *Hạt mưa*: ví với thân-phận người đàn bà. Do câu ca-dao: « Thân em như hạt mưa rào, Hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa. » — (18) *Câu 192*: Tục-ngữ có câu: « Tay trót dúng chàm ». Cả câu ý nói: đã trót đem thân đi làm cung-phi mà được vua yêu dấu thì cũng bõ công.

73. — Sau khi bị nhà vua chán bỏ

Nào thuở dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng-đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du-tiên (1) hãy rành-rành, song-song.

Bây giờ đã ra lòng *rẻ-rúng*,
Để thân này *cỏ úng* tơ mành (2) !
Đông-quân (3) sao khéo bất tình (4) ?
Cành hoa tàn nguyệt (5) bực mình hoài xuân (6).

Nào *lúc tựa lầu Tần* hôm nọ,
Cành liễu mành bẻ thuở đang tơ.
Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân-y (7) hãy sờ-sờ dấu phong.

Bây giờ đã ra lòng *ruồng-rẫy*,
Để thân này nước chảy hoa trôi !
Hóa-công sao khéo trêu ngươi ?
Bóng đèn tà nguyệt (8) dử mùi kỷ sinh (9).

Cảnh hoa lạc, nguyệt minh (10) nhường ấy,
Lửa hoàng-hôn như cháy *tấm son*.
Hoàng-hôn thôi lại *hoàng-hôn* (11),
Nguyệt hoa thôi lại *thêm buồn* nguyệt hoa.

Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng ;
Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn.
Tình buồn, cảnh *cũng* vô duyên,
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.

Khi trận gió lung lay *cành bích* (12),
Nghe rì-*rầm* dế mách ngoài xa.
Mơ-hồ nghĩ tiếng xe (13) ra,
Đốt phong hương *hả* mà hơ áo tàn.

Ai ngờ tiếng dế *than* ri-rỉ,
Giọng bi thu (14) *gợi* kẻ cô phòng (15).
Vắng tanh nào thấy vân-mồng,
Hơi thê-lương (16) lạnh *ngắt* song phi-huỳnh

Khi bóng thỏ chênh-vênh trước *ốc* (18),
Nghe vang-lừng tiếng giục bên tai.
Đè-chừng *ngỡ* tiếng *triệu* đòi,
Nghiêng bình phấn mốc *mà* giồi má deo.

Ai ngờ tiếng quyên kêu ra-rả,
Điệu thương xuân (19) khóc ả sương-khuê (20),
Lạnh-lùng nào thấy ỏ-ê (21),
Khi bi-thương sực-nức hè lạc-hoa (22).

Bản chép khác. — Câu 245: . . . *lúc* (hoặc: *lối*). . . — Câu 249: ... *bỗng*... *rộng-rẫy*. — Câu 250: ... *cỏ ay* (hoặc: *tóc mỏng*). . . — Câu 253: ... *thủa dạo vườn xuân*. . . — Câu 257: . . . *rán-rầy*. — Câu 259: *Dữu*. . . — Câu 262: . . . *sầu tràng*. — Câu 263: ... *hôn-hoàng*. — Câu 264: ... *bẽ-bàng*. — Câu 267: ... *lại*... — Câu 269: . . . *cạnh vách*. — Câu 270: . . . *rào*... — Câu 272: ... *tạ*... — Câu 273: ... *ran*... — Câu 274: . . . *ghẹo*. . . — Câu 276: ... *lẽo*. . . — Câu 277: ... *nóc*. — Câu 279: ... *nghĩ*... *tiểu* (hoặc: *ban* ... — Câu 280: ... *sẽ*...

Chú-thích. — (1) *Gối du tiên*: Du-tiên 遊仙 là chơi cõi tiên. Theo sách *Khai thiên di sự*, về đời Đường, nước Qui-tư dâng vua Tàu một cái gối đỏ như mã-não, đẹp như ngọc, hễ gối đầu vào thì nằm mơ thấy được đi chơi các nơi tiên-cảnh, nhân thế vua Đường mới gọi gối ấy là « gối du-tiên ». — (2) *Cỏ ủng tơ mành*: ủng là thối nát; mành là mảnh nhỏ. — (3) *Đông-quân* 東君 (vua phương đông): vị thần làm chủ cho gió đông thổi về mùa xuân; cũng nghĩa như chữ « chúa xuân ». — (4) *Bất tình* 不情: không có tình, lãnh-đạm. Những bản chép là « bất *bình* » là sai, vì hai chữ sau này ở đây không có nghĩa. — (5) *Cành hoa tàn nguyệt*: tàn nguyệt 殘月 là mặt trăng đã tàn; đây mượn hai chữ ấy làm phẩm-từ để nói về cảnh hoa đã tàn. — (6) *Hoài xuân* 懷春: tưởng nhớ đến mùa xuân. — (7) *Xuân-y* 春衣: áo mặc về mùa xuân. — (8) *Bóng đèn tà nguyệt*: tà nguyệt 斜月 là trăng đã xế, sắp lặn; đây mượn hai chữ này làm phẩm-từ để nói về ngọn đèn sắp tàn. — (9) *Ký sinh*: sống gửi, theo câu trong *Hoài-nam-tử*: « Sinh ký, tử qui 生寄死歸 » (Sống gửi, thác về). — (10) *Hoa lạc, nguyệt minh* 花落月冥: hoa rụng và trăng mờ. — (11) *Hoàng-hôn* 黃昏 (hoàng: vàng; hôn: tối): lúc tranh tối tranh sáng. Câu này phải chép là: « Hoàng-hôn thôi lại hoàng-hôn » thì chữ « hôn » mới bắt vần với chữ « son » ở câu trên và tiếp vần với chữ « buồn » ở câu dưới; những bản nôm vẫn chép thế. — (12) *Cành bích*: cành cây sắc xanh. — (13) *Tiếng xe*: đây là tiếng xe của nhà vua. — (14) *Bi thu* 悲秋: buồn-bã vì cảnh-sắc mùa thu. — (15) *Cô phòng* 孤房: buồng của người nằm một mình. — (16) *Thê-lương* 凄凉: buồn-rầu, lạnh-lẽo. — (17) *Phi huỳnh* 飛螢: con đom-đóm bay. — (18) *Ốc* 屋: nhà. — (19) *Thương xuân* 傷春 đau-đớn vì nhớ mùa xuân. — (20) *Sương khuê* 孀閨 (sương: ở góa; khuê: buồng): buồng của người đàn bà ở góa. — (21) *Ỏ-ê*: săn-sóc đến, trông nom đến. Ta thường nói: « Nhìn-nhõ ỏ-ê ». Những bản chép là « ủ-ê » là sai. — (22) *Hè lạc hoa*: cái hè có hoa rụng.

NGUYỄN HUY-LƯỢNG 阮 煇 瀼

(Xem *Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (7).*)

74. — Tụng Tây-hồ phú 頌 西 湖 賦
(Trích một đoạn)

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, § 1*)

Bài này là một bài phú độc vận (lấy vần *hồ*), gồm có 86 liên, có thể chia làm các đoạn như sau: 1° Lai-lịch Tây-hồ (liên 1-4); — 2° Hình-thế Tây-hồ (liên 5-8); — 3° Các đền chùa chung quanh hồ (liên 9-13); — 4° Các thắng-cảnh chung quanh hồ (liên 14-27); — 5° Hồ Tây trong các triều vua (liên 28-32); — 6° Hồ Tây trong buổi Lê-mạt (liên 33-46); — 7° Hồ Tây trong đời Tây-sơn (liên 47-59); — 8° Tán-tụng công-đức nhà Tây-sơn (liên 60-83); — 9° Đoạn kết (liên 84-86).

28. — Phong-cảnh cũ nhiều nơi thắng-lãm; — triều đời xưa mấy lớp thanh-ngu (1).

29. — Tựa bóng hoa đặt quán quan ngư (2), kìa đời Long-khánh (3); — đè mặt sóng đem đường dụ tượng (4), nọ thuở kiền-phù (5).

30. — Trải Trần trước đã nhiều phen *xe ngựa*; — tới Lê sau càng lắm độ tán dù.

31. — Trộm nhớ thiên « bát vịnh du hồ » (6), trong tỉ, hứng (7) cũng ngụ lời qui-phúng (8); — *chạnh* nhớ khúc « liên-ngâm thưởng nguyệt » (9), lúc tiếu đàm dường thỏa ý giao-phu (10).

32. — Tòa đá nọ hãy ghi câu canh-họa (11); — dòng nước kia dường nổi chén tạc-thù.

33. — Năm sau từ nổi bụi tiêu-tường (12), ba thước nước khôn cầm màu hiệu-khiết (13); — buổi ấy cũng góp phần tang-hải, sáu thu trời bao xiết nỗi hoang-khô (14).

34. — Hình cây đá: mưa trôi, gió giật; — sắc hoa chim: mây vẩn sương mù.

35. — Chốn trì đàm (15) làm bợn vẻ thanh-quang, xuôi ngược những vẩy đuôi khoa-đẩu (16); — nơi phạm-vũ (17) để che màu sảng-lãng (18), dọc ngang trao mặc bóng tri-thù (19).

36. — Hương cồ-miếu đôi chòm lạnh-lẽo; — đèn viễn-thôn mấy ngọn lù-*mù*.

37. — Kênh đâu đâu *chảy đến* trung-sa (20), lầu túc-điểu (21) gió còn sớm quạt ; — sen chốn chốn đã bay về Tây-vực (22), vũng du-ngư (23) nguyệt hãy tối mò.

38. — Kêu trị loạn, đau lòng con đỗ-vũ (24) ; — gọi công tư, mỏi miệng cái hà-mô (25).

39. — Lũ cày mây lần tưởng bóng nghê (26), thơ Thất-nguyệt thở than cùng mục-thụ (27) ; — khách điếu nguyệt (28) biếng tìm tăm cá, chữ Tam mô bàn-bạc với tiều-phu (29) !

40 — Nghe xóm nọ dù-dì ve nhặng (30) ; — ngắm *ghềnh* kia thấp-thoáng trai cò (31).

41. — Thú *cao*-lưu (32) chếch-mác thế cờ, người nhạo-thủy (33) ôm cầm khi rạng quế (34) ; — màu yên-cảnh (35) bâng-khuâng hồn rượu, khách đăng đài (36) gác bút buổi bay ngô (37).

42. — Chiều phong-vị xem dường quạnh-quẽ ; — dấu đồ-thư (38) ngắm hãy mơ-hồ.

43. — Dưới cầu-vồng nước chảy mênh-mông, đường xưa đua ngựa ; — trên thành trĩ (39) đá xây chơm-chởm, bến cũ gọi đò.

44. — Trước cố-cung treo nửa mảnh gương loan (40), vừng trăng he-hé ; — sau cổ-tự gửi mấy phong da ngựa (41), đám cỏ lù-rù.

45. — Lớp canh-dịch (42) người xưa man-mác ; — vẻ tiêu-lương (43) cảnh cũ thẹn-thò.

46. — Áng phồn-hoa vì cảnh muốn phô người, người trải khi vật đổi sao dời, cảnh phải chiều người buổi ấy ; — thời thanh-lãng (44) có người còn mến cảnh, cảnh có sẵn nước trong trăng sáng, người nên phụ cảnh này ru ?

47. — *Vầng* trăng nọ buổi tròn buổi khuyết ; — ngọn nước kia nơi hoắm nơi nhô.

48. — Tới mậu-thân (45) từ rõ vẽ tường-vân (46), sông núi *khắp nhờ công* đãng địch (47) ; — qua cảnh-tuất (48) lại tưới cơn thời-vũ (49), cỏ cây đều gội đức triêm nhu (50).

49. — Vũng trì-chiểu (51) nước dần-dần lặng ; — nơi đình-đài hoa phơi-phới đua.

50. — Chốn bảy cây (52) còn mấy gốc lăng vân (53), chẳng tùng bách cũng khoe hình thương lão (54) ; — nơi một bến đã đông đoàn hi thủy (55), tới uyên ương đều thỏa tình trầm phù (56).

51. — Vẻ hoa-thạch (57) châu thêu, gấm dệt ; — tiếng trùng-cầm (58) ngọc gõ, vàng khua.

52. — Bãi cỏ non : trâu thả, ngựa buông, nội Chu (59) đã lắm người ca ngợi ; — làn nước phẳng : kềnh trầm, ngạc lặn, ao Hán (60) *nào* mấy trẻ reo hò.

53. — Mặt đất đùn này thóc, này rau, dầu lòng Cô-trúc (61) ; — *làn* nước chảy nọ dòng, nọ bến, mặc chí Sào, Do (62).

54. — Cây quán kia còn đứng dậy thần uy, đoàn Mán tới dám khoe lời « Tây hữu » (63) ; — sen chùa nọ lại bay về Phật cảnh, lũ Ngô về từng niệm chữ « Nam-vô » (64).

55. — Dấu linh-dị rành-rành vẫn sáng ; — mạch hậu-nhân (65) đằng-đặc bao rò.

56. — Mặt thành xưa đem lại thế kim thang (66), đất xây phẳng-lặng ; — cánh hàn (67) cũ sửa ra hình chỉ trụ (68), đá xếp xô-bồ.

57. — Nghé vùng danh nẻo lợi bấy lâu, cảnh tuy rẳng nhỏ ; — song nước trí non nhân (69) mấy chốn, cảnh đã chi thua.

38. — Trải mấy thu từng tựa bóng tàn xanh, thâu cảnh đã vào trong vũ-trụ ; — song nghìn dặm đã xa vòi bệ tía, góp cảnh còn gọi chốn biên-ngu (70).

59. — Tuy thú vị đã giãi bày ra đó ; — song thanh dung còn trang-điểm lại cho.

Bản chép khác. — Liên 30 :... *xa mã* ; — Liên 31 : *lại*... — Liên 36 :... du ;... — Liên 37 :... *chạy xuống*... — Liên 40 :... *doành*... — Liên 41 :... *thương*... — Liên 47 : *Vành* (hoặc : Vòng ... — Liên 48 :... *góp nhỏ* công (hoặc : khắp nhờ *ơn*)... — Liên 52 :... *còn*... — Liên 53 :... *mặt*...

Chú-thích. — (1) *Thanh-ngu* 清娛 : thanh-lịch, vui-vẻ. — (2) *Quan ngư* 觀魚 : xem đánh cá. Vua Trần Duệ-tôn sai làm quán ở bờ Hồ Tây để xem đánh cá. — (3) *Long-khánh* : niên-hiệu vua Trần Duệ-tôn (1373-1377). — (4) *Dụ tượng* 誘象 : dụ voi. Xưa ở phía tây Hồ Tây có quả núi tên là « Phục tượng sơn 伏象山 » (núi Voi phục). — (5) *Kiến-phù* : tức là Kiến-phù hữu đạo : niên-hiệu của vua Lý Thái-tôn (1039-1042). — (6) *Bát vịnh du hồ* 八詠遊湖 : tám bài hát đi chơi hồ của chúa Trịnh sai các quan làm ra. — (7) *Tỉ, hứng* : hai thể của các bài thơ trong *Kinh Thi* (xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương I*, § 2). — (8) *Quĩ-phúng* 規諷 (qui : khuôn tròn, nghĩa bóng là phép-tắc ; phúng : nói bóng) : lấy lời bóng-bẩy mà khuyên can. — (9) *Liên ngâm thưởng nguyệt* 聯吟賞月 : bài thơ liên-ngâm để thưởng cảnh trăng của bà Liễu-Hạnh cùng làm với Phùng

Khắc-Khoan và một ông họ Lý, một ông họ Ngô khi đi chơi Hồ Tây. — (10) *Giao-phu* 交孚 : chữ trong *Kinh Dịch*, nghĩa là : đồng-chí tương-đắc mà không nghi nhau. – (11) *Canh-họa* : cũng như xướng họa.— (12) *Tiêu-tường* 蕭牆 (tiêu : nghiêm kính ; tường : bình-phong) : chỗ vua tôi tiếp-kiến. Nổi bụi tiêu-tường : ý nói có nội-loạn. — (13) *Hiệu-khiết* 皓潔 : trong sạch.— (14) *Hoang-khô* 荒枯 : *Bỏ hoang và khô-héo*. — (15) *Trì đàm* 池潭 : ao, đầm. — (16) *Khoa-đẩu* 蝌蚪 : con nòng-nọc. — (17) *Phạm-vũ* 梵宇 : nhà chùa. — (18) *Sảng-lãng* 爽朗 : sáng-sủa. — (19) *Tri-thù* 蜘蛛 : con nhện. — (20) *Trung-sa* : địa-lý có tả-sa, hữu-sa và trung-sa. — (21) *Túc-điểu* 宿鳥 (túc : ngủ ; điểu : chim) : kiểu đất như con chim nằm ngủ. — (22) *Tây-vực* 西域 : cõi Tây, cõi Phật ở. — (23) *Du-ngư* 游魚 : (du : lội ; ngư : cá) : kiểu đất như con cá lội. — (24) *Đỗ-vũ* 杜宇 : cũng như « Đỗ-quyên » (xem câu Chú-thích số (16) ở Bài 87). — (25) *Hà-mô* 蝦蟆 : con ễnh-ương. Vua Tấn Huệ-đế một hôm nghe tiếng ễnh-ương kêu, hỏi các quan rằng : Con ễnh-ương kêu như thế, là vì việc công hay việc tư. — (26) *Lũ cày mây lần tưởng bóng nghê* (cày mây : cày ruộng ở dưới bóng mây ; nghê : cầu vồng) : đặt theo câu trong sách *Mạnh-tử* : « Nhược đại-hạn chi vọng vân nghê 若大旱之望雲霓 » (Như lúc giời đại-hạn mà trông mây và cầu vồng) ; ý nói : đương lúc loạn-lạc, mong cảnh thái-bình. — (27) *Thơ Thất-nguyệt thở-than cùng mục-thụ* (Thất-nguyệt : tên một bài thơ trong *Kinh Thi* do ông Chu-công làm ra để kể việc dựng nghiệp nhà Chu khó nhọc ; mục-thụ : trẻ chăn trâu) : thở-than với đứa trẻ chăn trâu về cơ-nghiệp nhà vua. — (28) *Điếu nguyệt* : đi câu ở dưới bóng trăng. — (29) *Chữ Tam-mô bàn-bạc với tiều-phu* (Tam mô : ba thiên trong Kinh Thư (Vũ mô, Cao-Dao mô, Ích-Tắc mô) nói những phép-tắc về chính-trị) : đem việc chính-trị ra bàn-bạc với người kiếm củi. — (30) *Ve nhặng* : con ve và con nhặng ; nghĩa bóng chỉ kẻ tiểu-nhân. — (31) *Trai cò* : nghĩa bóng chỉ những kẻ tranh-giành nhau (xem câu chú-thích số (1) ở Bài 58). — (32) *Cao-lưu* : cũng như chữ « thượng-lưu ». — (33) *Nhạo thủy* : thích nước. Theo câu trong sách *Luận-ngữ* : « Trí-giả nhạo thủy 知者樂水. » (Người trí-thức thích nước). — (34) *Khi rạng quế* : (quế : đây chỉ mặt trăng ; xem câu chú-thích số (4) ở Bài 36) : khi mặt trăng sáng. — (35) *Yên-cảnh* 煙景 : cảnh đẹp. — (36) *Đăng đài* 登臺 : lên đài cao. — (37) *Buổi bay ngô* : lúc lá ngô-đồng rụng mà bay xuống, tức là mùa thu. — (38) *Đồ thư* 圖書 : tranh và sách. — (39) *Trĩ* : tường xây cao một trượng và dài ba trượng. — (40) *Gương loan* : Loan là con cái của chim phượng. Loan phượng là biểu-hiệu cho tình vợ chồng ; gương loan là gương hai vợ chồng soi chung. Đây nói về cung-nữ trong cung vua Lê phải chạy loạn. — (41) *Da ngựa* : da ngựa bọc thây người chết ở trận tiền. Theo câu của Mã Viện, tướng nhà Hán, nói : « Làm tài trai, nên chết ở chiến-trường, lấy da ngựa bọc thây. » Đây nói về các binh-sĩ chết trận. — (42) *Canh dịch* 更易 : thay đổi. — (43) *Tiêu-lương* 簫涼 : tiêu-điều, lạnh-lẽo. — (44) *Thanh-lãng*

清朗: trong-trẻo, sáng-sủa. — (45) *Mậu-thân*: tức là năm 1788, năm ông Nguyễn Huệ xưng hoàng-đế. — (46) *Tường-vân* 祥雲: đám mây đẹp, chỉ cảnh thái-bình. — (47) *Đãng địch* 蕩敵: dẹp yên giặc-giã. — (48) *Canh-tuất*: tức là năm 1790. — (49) *Thời-vũ*: mưa phải thời. Theo câu trong sách *Mạnh-tử*: « Thời-vũ giáng, dân đại duyệt 時雨降, 民大悅. » Khen công đánh-dẹp của vua Thang, vì quân của vua ấy đi đánh đến đâu như « mưa phải thời xuống, dân-sự vui mừng lắm ». — (50) *Triêm nhu* 沾濡: đầm-thấm; nghĩa bóng nói ơn trên ban khắp như mưa móc thấm-nhuần. — (51) *Trì chiểu* 池沼: ao chuôm. — (52) *Chốn bảy cây*: ở chỗ Hồ Tây giáp với hồ Trúc-bạch, xưa có bảy cây to. — (53) *Lăng vân* 凌雲: lấn cả mây; ý nói cao lắm. — (54) *Thương lão* 蒼老: xanh tươi và sống lâu. — (55) *Hí thủy* 戲水: chơi đùa ở dưới nước. (56) *Trầm phù* 沈浮: chìm và nổi. — (57) *Hoa-thạch* 花石: đá hoa. — (58) *Trùng cầm* 虫琴 (trùng: loài sâu; cầm: đàn): tiếng các loài côn-trùng kêu như tiếng đàn. — (59) *Nội Chu*: vua Vũ-vương nhà Chu thả ngựa trâu ra ngoài nội, tỏ ý không dùng đến việc binh nữa. — (60) *Ao Hán*: sách *Hán-sử* có câu: « Xích-tử lộng giáp binh ư Hoàng-trì chi trung 赤子弄甲兵於潢池之中. » (trẻ con đùa bỡn áo giáp, đồ binh ở trong ao Hoàng-trì); ý nói: giặc-giã chẳng ra gì, như bọn trẻ đùa nghịch. — (61) *Cô-trúc* 孤竹: tên nước (nay thuộc tỉnh Trực-lệ bên Tàu). Đây là nói đến hai anh em ông Bá-Di và ông Thúc-Tề, con vua Cô-trúc, sau khi nhà Thương mất nước, không chịu ăn thóc của nhà Chu, lên núi Thủ-dương hái rau vi, rồi chết đói ở đấy. — (62) *Sào, Do*: tức là Sào Phủ và Hứa Do, hai bậc cao-sĩ bên Tàu. Vua Nghiêu xin nhường ngôi cho Hứa Do; Hứa Do không muốn nghe chuyện ấy, ra bờ sông Dĩnh-thủy rửa tai, gặp Sào Phủ dắt trâu đi uống nước, thấy thế, sợ nước ấy làm bẩn cả miệng trâu, bèn dắt trâu lên quãng sông trên cho uống. — (63) *Tây hữu*: chữ lấy trong *Hán-sử*: « Tây-vực hữu thần, kỳ danh viết Phật 西域有神, 其名曰佛. » (Phương Tây có vị thần tên là Phật). — (64) *Lũ Ngô về từng niệm chữ « Nam vô »*: lũ Ngô chỉ bọn quân Tàu của Tôn Sĩ-Nghị bị Nguyễn Huệ đánh thua, được tha cho về nước; niệm chữ « Nam-vô » ý nói: ca-tụng nhà Tây-sơn như Phật. — (65) *Hậu nhân* 厚仁: phúc-hậu, nhân-đức. — (66) *Kim thang*: tức là kim-thành thang-trì 金城湯池, thành vàng và ao nước nóng, ý nói hiểm-trở. — (67) *Cánh hàn* (cánh: khu, như cánh bãi, cánh đồng; hàn: hàn-khẩu): chỗ đất trước lở sau đắp lại. — (68) *Chỉ trụ* 砥柱: cột đá. — (69) *Nước trí non nhân*: chữ lấy trong sách *Luận-ngữ*: « Nhân-giả nhạo sơn, trí-giả nhạo thủy 仁者樂山, 知者樂水. » (Người nhân thích núi, người trí thích nước). — (70) *Biên ngu* 邊隅: ở ven ngoài, ở góc; chốn biên-ngu cũng như chốn biên-thùy.

PHẠM THÁI 范彩 (1777-1813)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (8).)*

75. — Tự trào

Năm bảy năm nay những loạn-ly;
Cũng thì duyên phận, cũng thì thì.
Ba mươi tuổi lẻ là bao nả ;
Năm sáu đời vua khéo chóng ghê !
Một tập thơ dày ngâm sảng-sảng ;
Vài nai rượu kếch nich tì-tì.
Chết về tiên bụt cho xong kiếp ;
Đù ỏa (1) trần-gian, sống mãi chi ?

Chú-thích. — (1) *Đù ỏa :* tiếng chửi.

76. — Chiến tụng Tây-hồ phú 戰頌西湖賦

(Trích một đoạn)

« Năm Canh-thân (1800) mùa hạ, ta đến chơi với bạn ở Tràng-an, nghe bạn ngâm bài *Tụng Tây-hồ phú.* Hỏi ai làm bài ấy mà hay thế ? — Bạn rằng : Chương-lĩnh hầu Hữu-hộ Lượng làm ra. — Ta rằng : Chao ôi ! Hữu-hộ Lượng à ! Xưa hắn làm tôi triều Lê, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây-hồ mà chẳng thẹn mặt ! Ghét đứa nịnh làm sao ! Nhớ xưa có bài thơ « Chiến cổ », nay nhân bỉ kẻ làm bài Tụng, ta cũng làm bài « Chiến tụng » để góp một chút trò cười với đời. » (*Lời tiểu-dẫn của tác-giả).*

Bài này họa đủ 86 vần của bài *Tụng Tây-hồ phú.* Dưới đây cũng trích tự liên 28 đến liên 59 để có thể so-sánh với đoạn đã trích-lục của bài trên (xem Bài số 70).

28. — Bấy nhiêu *đã lấy chi* làm *khẳng*-khái ; — còn những đâu mà dám nói nhàn-ngu ?

29. — Cao-minh chi mà biết phép quan ngư, nào có phải Ba-la *cổ* sắt (1) ; — tài-cán ấy khó làm mưu dụ tượng, dễ mà như *Hư*-Tĩnh thư phù (2).

30. — Đường *ngoạn thưởng lờ*-mờ *móng* ngựa (3) ; — cung du quan *mủ*-mịt bóng dù (4).

31. — Đồ ăn, thức mặc, ngán nỗi phố-phường, xem phong-*vị* khó như đời đại-hữu (5) ; — kẻ ám, người gian, gớm thay quân tướng, ngẫm minh-*tướng* nào *phải* đạo trung-phu (6).

BIBLIOTECA PEDAGOGICA IMPRIMES (R.P)

32. — Chữ *lối* cua bò, *lăng-nhăng* thư thảo ; — thơ rông chó chạy, láo-nháo xưởng thù.

33. — Nhạc *tiêu*-thiều (7) còn *lõm-bõm* khúc xưa, tiếng thanh-điểu (8) gọi người *đi*, *kẻ lại* ; — sắc chương-phủ (9) hãy *lờ-mờ* dấu cũ, ngọn kim-phong (10) lay lá rụng, *chồi* khô.

34. — Con *túc*-vụ (11) mờ-mờ về *lĩnh* quạnh ; — cái *cô*-hồng (12) thăm-thẳm tếch sương mù.

35. — Chốn thi-đình (13) ve giục mới *hè* sang, bốn vách in sầu thơ bạch-nhạn (14) ; — mái cầm-viện (15) dế *kêu* liền thu đến, *vài* gian kết thảm lưới thanh-thù (16).

36. — Đàn *dế rúc* sương, cung inh-ỏi ; — lửa huỳnh *đưa* gió, bóng lù-*mù*.

37. — Cát *xô* lên, mặt nước trắng phau-phau, *nghĩ* ấy thày Tân (17) đem hạc múa ; — trăng lặn xuống, đáy hồ trong *vắng*-vặc, tưởng rằng ông Lý (18) cưỡi kình mò.

38. — Khóc khi-vận, *tối căm* con đỗ-vũ ; — *kêu* cơ-hoang (19), *sớm tủi* cái hà-mô.

39. — Quyên thét lâu thì luống để hờn lâu, bên cầu vồng nghe dịp trống khua trăng, vì Nam-tướng phải căm lòng Bắc-sĩ (20) ; — ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trĩ lắng ngọn còi *huýt* gió, *bởi* Tây-*triều* mà ghét *chi* Đông-phu (21).

40. — Than với đất cả *đàn ong lũ kiến* ; — thở cùng trời từ *con cốc cái* cò.

41. — *Tưởng* nghiên trà cho cá *đớp* hạc bay (22), khi hứng vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế ; — nhớ *thuần lư* (23) sẵn *ngòi* sâu nước rộng, buổi qui lai (24) gió thổi rụng *cành* ngô.

42. — Kẻ cao-sĩ *ắt* nhiều nơi trực bút (25) ; — đứa tiểu-nhân âu lắm *sự* hàm-hồ.

43. — Phường Khán-sơn (26) hoa kết *võng* vừa rồi, đoàn kỹ-nữ bẻ-bai hình đến phố ; — chợ Võng-thị (27) rượu nồng hương mới chín, lũ túy-ông tất-*tưởi dạng* sang đò.

44. — Khói viễn-thôn khi ngọn gió ra vào, trông thoang-thoảng ngỡ nhà *mở* cửa lấp ; — trăng cổ-quán lúc tấm mây cuốn mở, thấy xa-xa dường núi *ngất* cây *rủ*.

45. — Chim bay nhảy *đầu* non vi-vút ; — cá xuống lên mặt nước thập-thò.

46. — Cảnh vừa khi quân tướng những ta xưa, *thú* cỏ hoa *thì ai* cũng chiều chơi ; nào ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dạ ấy phải biết cho người với ; — người đến buổi quan-hà về kẻ khác, thù non sông nghĩ mình chưa trả được, dẫu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào *mà vui với* cảnh ru !

47. — *Quảy cả văn-chương, hòn đất lấp ! — Chảy băng danh-vọng, khúc sông nhỏ !*

48. — Quỉ dạ-*thoa* (28) quấy bụt xuống chi đây, người bách nghệ đến đâu đều khổ-não ; — thần hạn-bạt (29) nát ai ra đấy tá, kẻ tam nông (30) mong chẳng *được* tô nhu (31).

49. — Cơn binh-hỏa trải mấy *tao* dời đổi ; — *buổi* phong-trần *thêm mấy* dịp tranh đua.

50. — *Lớp tang-thương rơi rụng tựa hoa tàn, ngẫm thiên-tạo cũng vui thay cảnh thú ; — cuộc nam bắc được chăng dường chớp giật, nghĩ thời-cơ thêm ngán nỗi khuông phù.*

51. — Đường vinh nhục nọ dòng nước chảy ; — *áng* lợi danh kìa đá lửa khua.

52. — Gánh quân thân ai đã mỏi vai rồi, kẻ *tráng*-sĩ làm thinh đi chẳng *cất* ; — vạc quốc-bảo khách *đà đang tay* kéo, đứa nhâm-nhân (32) gắng sức lại mà hò.

53. — Du hồ dễ mấy ai Phạm Lãi (33) ? — Phù hải âu chẳng một Tử Do (34) !

54. — Cửa âm dương *khép* mở sớm khuya liền, cơ *huyền*-diệu *khó* lường sinh với tử ; — xe nhật nguyệt *dầy-dui* xuôi ngược mãi, kiếp phù-*sinh* khôn tỉnh hữu hay vô.

55. — *Vầng* trăng nọ tròn *rồi* thời lại khuyết ; — *bình nước* kia đầy lắm có khi dò.

56. — Nhớ khi thanh đạ *tuần* trăng, *hương* thoang-thoảng đưa phong trà ướp mộc ; — tưởng buổi đoan-dương quạt gió, *lửa* bằng-bằng *đun* ấm rượu ngâm bồ (35).

57. — Thanh-cung (36) khi hạ tới nắng đương nồng, *giồi phấn phun hương*, so thanh lãnh với đông *kia* chẳng kém ; — *lãng*-uyển (37) *lúc* thu *tàn* hoa chửa *rã*, thêu hồng kết *gấm*, vi *phương-phi* (38) cùng xuân ấy không thua.

58. — Thuở ngự du đua đỉnh phượng thuyền rồng, thả thanh hồng (39) hoa cắm chật ao tiên, thu được cả vương hầu khanh tướng ; — *khi* tứ yến *bày* đàn loan *quán phượng*, khúc vũ-nghê (40) gió thổi lên cung nguyệt, vui mừng *đều* thành thị hải ngu (41).

59. — Nông nỗi ấy, *kể* càng thêm *thảm nhỉ* ! — Cơn cớ này, ai *hầu* dễ biết cho ?

Bản chép khác. — Liên 28 :... *thứ cũng kể... thắng...* — Liên 29 : *Vũng du ngư khi Quảng-bá dấy xuôi, quan ngư thế khó như đời Hưng-khánh ; — đoàn chiến tượng buổi Lam-sơn rạch ngược, dụ tượng kia không phép Kiên-phủ.* — Liên 30 :... *thưởng ngoạn bụi... vó... mây...* — Liên 31 :... *cảnh... có...* — Liên 32 : ... *viết... lẳng-nhẳng...* — Liên 33 :... *quán... đồng-vọng... quen, khách lạ... thương... mơ-màng... cành...* — Liên 34 :... *cô... đỉnh... chinh...* — Liên 35 :... *hạ... gọi... ba...* — Liên 36 :... *nhạn rong... so... rủ* (hoặc : *đủ*). — Liên 37 :... *khua... ngờ... vặc...* — Liên 38 :... *tủi thay... trách... xót lẽ...* — Liên 39 :... *hó... vi... hồ... chứ...* — Liên 40 :... *lũ chim đàn sẻ... lũ dế càn* (hoặc : *con cóc con*)... — Liên 41 : *Thưởng... lội* (hoặc : *ngớp*)... *lư khoái* (hoặc : *lư-khí ... sông... chồi...* — Liên 42 :... *ít... lúc...* — Liên 43 :... *mãng... tả dáng...* — Liên 44 :... *ma... lấp... lù.* — Liên 45 :... *sườn...* — Liên 46 :... *duyên... đây... cho người biết... gặp... vui với cảnh này...* — Liên 47 : *Hoa cỏ xiết toan chừng tươi ủ ; — tang-thương khôn tính nỗi gập-gồ.* — Liên 48 :... *soa... thấy...* — Liên 49 :... *phen... lúc... càng lắm...* — Liên 50 : *Dài hàm niêm đương nện nguyệt cồng-kềnh, hồi thú-cổ đã rong sầu lạc-quốc ; — chày cổ-tự mới khua chuông chềnh-choảng, địch chinh-nhân dà hót oán diêm-phù.* — Liên 51 : ... *đám...* — Liên 52 :... *chi... đứt... còn... cánh...* — Liên 54 :... *đóng... ảo... khó... kéo vần... hư...* — Liên 55 : *Dường... ru... như bình...* — Liên 56 :... *câu... sen... ngải... hâm...* — Liên 57 :... *nhả ngọc phun châu... này... thượng... buổi... về... nở... lục... phân phương...* — Liên 58 :... *buổi... tấu... quản hạc... từ...* — Liên 59 :.., *ta... cảm nhẽ...* đã...

Chú-thích. — (1) *Ba-la cổ sắt* : ông phật Ba-la gảy đàn sắt để xem cá. — (2) *Hư Tĩnh thư phù* (thư phù 書符 : thư là viết, phù là bùa ; nói về phép phù-thủy, dùng hương mà viết trống không, cho thành bùa để yểm-trấn ma quỉ hoặc sai khiến âm-binh) : ông Hư Tĩnh học được phép tiên, dùng phép thư phù mà hàng được rồng, phục được hổ. — (3) *Lờ-mờ móng ngựa* : ít có chân ngựa đi lại. — (4) *Mù-mịt bóng dù* : không thấy bóng dù lọng lui tới. — (5) *Đại-hữu* : một quẻ trong *Kinh Dịch*, nghĩa là thịnh-vượng, giàu có. — (6) *Trung-phu* : một quẻ trong Kinh Dịch, nghĩa là trong lòng ngay thẳng. — (7) *Tiêu-thiều* 蕭韶 (tiêu : sáo ; thiều : nhạc cổ) : nói chung về âm-nhạc của nhà vua. — (8) *Thanh-điểu* 青鳥 : con chim xanh. — (9) *Chương-phủ* : thứ mũ cổ của các sĩ-phu thường đội. — (10) *Kim phong* 金風 : gió mùa thu, vì mùa thu thuộc hành kim. —

(11) *Túc-vụ* 宿鶩 : con cò đi ngủ. — (12) *Cô-hồng* 孤鴻 : chim hồng bay một mình. — (13) *Thi-đình* 詩庭 sân thi lễ. nơi học-hành. — (14) *Thơ bạch-nhạn* : thơ của Đỗ Phủ đời Đường trong có câu : « Cố-quốc sương tiền bạch-nhạn lai 故國霜前白鴈來. » (Nước cũ, trước khi có sương, chim nhạn trắng lại). — (15) *Cầm-viện* 琴院 : viện gảy đàn. — (16) *Thanh-thủ* 青蛛 : con nhện xanh. — (17) *Thày Tân* : tức là Lã Đồng-Tân cưỡi hạc qua bể để đến dự yến ở Dao-trì của bà Tây-vương-mẫu mời. — (18) *Ông Lý* : tức là Lý Bạch tự xưng là « Hải thượng kỵ kình khách 海上騎鯨客 » (người khách cưỡi cá kình ở trên bể). — (19) *Cơ-hoang* 饑荒 : đói và mất mùa. — (20) *Nam tướng* : tướng phương Nam, tức là của Tây-sơn ; *Bắc-sĩ* : sĩ-tốt phía Bắc, tức là của Tôn Sĩ-Nghị. — (21) *Tây-triều* : tức là triều Tây-sơn ; *Đông-phu* : túc là sĩ-phu ở Đông-kinh (Hà-nội). — (22) *Tưởng nghiên trà cho cá đớp hạc bay* : theo hai câu thơ của Lâm Bồ : « Tẩy nghiễn ngư thôn mặc, phanh trà hạc tị yên 洗硯魚吞墨, 烹茶鶴避烟. » (Rửa nghiên thì con cá nuốt mực, Đun chè thì chim hạc tránh khói). — (23) *Nhớ thuần lư* : Trương Hàn đời Tấn, đến mùa thu, nhớ canh rau thuần và gỏi cá lư ở quê mình, liền từ quan về. — (24) *Qui lai* : đi về. Đào Tiềm đời Tấn, lúc từ quan về, có làm bài « Qui khứ lai từ 歸去來辭. » — (25) *Trực bút* 直筆 : thẳng bút mà chép. — (26) *Khán-sơn* 看山 : tên một cái mô đất ở phía nam Hồ Tây và ở phía tây thành Thăng-long, vua Lê Thánh-tôn thường lên đấy xem tập trận giả. — (27) *Võng-thị* 網市 : tên một làng ở phía bắc Hồ Tây (nay thuộc huyện Hoàn-long. Hà-đông), xưa làm nghề nấu rượu. — (28) *Dạ-thoa* 夜叉 : tên một thứ quỉ. — (29) *Thần hạn-bạt* : thần làm đại-hạn. — (30) *Tam nông* : ba hạng người làm ruộng. Theo sách *Chu-lễ*, ba hạng ấy là người làm ruộng ở đồng bằng, ở đồng lầy và ở núi. — (31) *Tô nhu* 穌濡 : tô là sống lại ; nhu là thấm nhuần ơn trạch. — (32) *Nhâm-nhân* 壬人 : kẻ nịnh-hót. — (33) *Phạm Lãi* : người đời Xuân-thu, quê ở nước Sở, làm tướng nước Việt, giúp vua Câu Tiễn nước ấy diệt nước Ngô ; xong, không nhận tước phong, vượt bể sang nước Tề, đổi họ tên là Chi-di-tử-bì, làm ruộng trở nên giàu to ; vua nước Tề đón làm tướng, ông lại chia tan của cải, trốn sang nước Đào, đổi tên là Đào Chu-công, lại làm ăn buôn bán trở nên giàu lớn. — (34) *Tử Do* : tức là Tử Lộ, học trò đức Khổng-tử. Đức Khổng nói rằng Tử Lộ có thể cưỡi bè vượt bể theo ngài (*phù hải* : vượt bể). — (35) *Bồ* : quả bồ-đào. — (36) *Thanh-cung* 青宮 : cung vua mát-mẻ. — (37) *Lãng-uyển* 閬苑 : nghĩa đen là vườn tiên ; đây chỉ vườn nhà vua. — (38) *Phương-phi* : thơm-tho. — (39) *Thẻ thanh hồng* : thẻ xanh, thẻ đỏ ở thuyền các quan. — (40) *Vũ nghê* : tức là « Nghê-thường vũ-y khúc 霓裳羽衣曲 » (nghê-thường : xiêm màu cầu-vồng ; vũ-y : áo lông chim), khúc hát do vua Đường Minh-hoàng đặt tên sau khi chiêm-bao được lên cung trăng thấy các nàng tiên ở trên ấy múa hát. — (41) *Hải-ngu* 海隅 : góc biển.

HOÀNG QUANG 黃光

(Xem *Tiểu-truyện* của tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (11).*)

77. — Hoài nam khúc 懷南曲

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, § 1).*

Khúc này viết theo thể lục bát và gồm có 670 câu không kể các bài thơ và bài cáo xen vào trong bài.

Thoạt tiên tác-giả kể công-nghiệp các chúa Nguyễn đã khai-thác cõi Nam, rồi nói đến việc Trương Phúc-Loan phụ chính, chuyên quyền làm bậy, gây nên cái loạn Tây-sơn, khiến cho chúa Trịnh thừa cơ tự phía bắc đánh vào, chúa Nguyễn (Định-vương) phải chạy trốn vào Gia-định; sau cùng nói đến nỗi cực-khổ đói rét của nhân-dân mà kết lại cái ý mong cho chúa Nguyễn lại khôi-phục được nghiệp cũ để nhân-dân được an-hưởng thái-bình. Lời văn nhiều đoạn rất bi-ai thống-thiết. Sách *Đại Nam liệt-truyện tiền-biên* (truyện Hoàng Quang) chép rằng « Bà Ngọc-Huyên công-chúa [con gái chúa Võ-vương] sao được khúc ấy, sai người đưa vào Gia-định, đức Thế-tổ sai đem bài ấy tuyên-bố cho quan quân được biết, những người đọc có người cảm-động đến nỗi ứa nước mắt khóc ».

Kể từ ất-dậu (1) lâm triều,
Rồi qua quí-tị (2) chút nghèo chín năm.
Giặc đâu nổi dậy xứ Chiêm (3),
Tây-sơn Biện Nhạc (4) nghĩ lầm Võ, Thang (5).
« Phù minh diệt ám » (6) tiếng vang,
Đã liều búa sắt gươm vàng quản chi.
Trong non khói lửa đen sì,
Cờ thi treo áo, binh thì rút cây.
Rủ nhau chuột lũ, cáo bầy;
Vuốt nanh khách-trú, cánh vai buôn bè (7).
Nực cười châu-chấu chống xe,
Những ngờ chấu ngã, chẳng dè xe nghiêng.
Lớn oai, sao nó chẳng kinh ?
Đầu còn chó gậm, sau liền kình ăn.
Tới đâu, ngọc thạch câu phần (8);
Than ôi! Thăng, Điện (9) ấy dân tội gì?
Triều-đình xa dễ chẳng nghe,
Đã đành đuổi cáo muông què nhọc khua.

Há không lương-sĩ cù-cù (10)?
Bởi vì ngọng miệng xôi chùa tham ăn.
Há không lúa thóc đầy căng?
Ba quân đánh giặc phải ăn cơm nhà.
Há rằng chẳng sắc can qua?
Can qua sắc nữa, ai hòa đánh cho?
Chẳng nài trăm trận đều thua,
Miễn là đắc thắng đầy kho bạc vàng (11).
Tinh-binh đồn-thủ Phấn-dương (12),
Đem binh lão-nhược lọt đường Tây-sơn.
Ải ngoài, sai chúng khó-khăn,
Góc nhà đồn-thủ về phần cháu con.
Trận bày dưới biển trên non,
Vầy dân tiền của đắp đồn miễn hơn.
Khéo là đành dạ bất-nhân:
Một mình muốn sống, muôn dân nỡ hoài.
Vì dầu xuống ngựa lên ngai,
Không dân, chưa dễ cùng ai sang giàu.
Tưởng hơn nào thiệt có âu,
Nước nhà đã mất, công-hầu cùng ai?
Sao không chống sức ra tài,
Lấy gan làm lũy, lấy vai làm thành?
Để cho giặc nọ vô-danh,
Xôn-xao ếch giếng khoe mình nỗi chi.
Anh-hùng đã phải tế thì (13),
Nào là tài-cán chẳng đi dẹp loàn?
Binh-cơ khéo vận trong màn,
Chưa lo đánh giặc, đã càn đánh dân.
Mới hay Tần lại công Tần (14),
Quét hang đã lở, cày sân lại chìn (15).
Đến đâu máu mỡ đều hao,
Của dân sao khéo tơ hào chẳng kiêng.
Ai làm dân Quảng (16) truân-chiên,
Dễ hầu gà luộc mấy phen nữa là.
Tranh nhau mấy trận vào ra,
Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ sông.

Chú-thích. — (1) *Ất-dậu*: tức là năm 1765, năm đức Định-vương Nguyễn Phúc-Thuần (sau truy-tôn là Duệ-tôn Hiếu-định hoàng-đế) lên ngôi chúa. — (2) *Quí-tị*: tức là năm 1773, năm Nguyễn Nhạc nổi loạn. — (3) *Xứ Chiêm*: Tây-sơn (tên xã, này là đất hai thôn An-khê và Cửu-an, thuộc p. Hoài-nhân, t. Bình-định), quê ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, vốn là đất cũ của Chiêm-thành. — (4) *Biện Nhạc*: nguyên Nguyễn Nhạc trước làm biện-lại ở Vân-đồn, nên thường gọi là Biện Nhạc. — (5) *Nghĩ làm Võ, Thang* (Võ: vua sáng-nghiệp ra nhà Hạ; Thang: vua sáng nghiệp ra nhà Thương): tưởng lầm mình có tài làm nên vua sáng nghiệp. — (6) *Phù minh diệt ám* 扶明滅暗: giúp sự sáng, dứt sự tối. Khi Nguyễn Nhạc nổi loạn, lấy danh-nghĩa là trừ đảng Trương Phúc-Loan là kẻ quyền-thần làm bậy. — (7) *Câu 150*: sau khi Nguyễn Nhạc nổi loạn, có hai người khách buôn tên là Tập Đình và Lý Tài cũng mộ quân đi theo. — (8) *Ngọc thạch câu phần* 玉石俱焚: ngọc và đá đều cháy; nghĩa bóng: dân-sự đều bị tàn-phá. — (9) *Thăng, Điện*: p. Thăng-hoa (nay là Thăng-bình) và p. Điện-bàn thuộc Quảng-nam. — (10) *Lương sĩ cù cù* 良士瞿瞿: chữ trong *Kinh Thi*, nghĩa là: tướng-sĩ giỏi mạnh-mẽ. — (11) *Câu 166*: tuy quân thua, nhưng Trương Phúc-Loan tâu man với chúa là quân thắng trận để xin lấy vàng bạc làm tiền thưởng cho tướng sĩ. — (12) *Phấn-dương*, tên xã, ở đấy có cái biệt-thự của Trương Phúc-Loan. — (13) *Tế thì* 濟時: giúp đời. — (14) *Tần lại công Tần*: nghĩa đen là quân nhà Tần lại đánh nhà Tần; nghĩa bóng là quân mình lại làm hại dân mình. — (15) *Quét hang, cày sân*: đánh tràn đi. — (16) *Quảng*: Quảng-nam.

LÊ NGỌC-HÂN 黎玉欣

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (12).*)

78. — Khóc vua Quang-trung

(Trích một đoạn)

Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt!
Cảnh đìu-hiu, thánh-thót châu sa.
Tưởng lời di-*ngữ* thiết-tha,
Khóc *nào* nên tiếng, thức mà *cũng* mê.

Buồn thay nhẽ *xuân* về, hoa ở!
Mối sầu *này*, ai gỡ cho xong?
Quyết liều, mong vẹn chữ « tòng »,
Trên *lương* nào ngại, *giữa* dòng nào e?

Còn trứng-nước, thương vì đôi *trẻ*,

Chữ *thâm-tình, không nhẽ bỏ* đi.
Vậy nên nấn-ná *ngày tri* (1),
Hình *dường như* ở, *hồn* thì đã theo.

Năm canh luống chiêm-bao lần-quất,
Mơ-tưởng còn phảng-phất thiên-nhan.
Tiếng say trên gối trước màn,
Khi mê dường thấy, khi tàn lại không.

Nhà ngọc-vũ tiếng đồng văng-vẳng,
Khúc quân-thiều sao vắng âm-hao?
Mơ-màng *luống những* khát-khao,
Ngọc-kinh (2) chốn ấy, ngày nào tới nơi?

Tưởng thôi, lại bồi-hồi trong dạ,
Nguyện « đồng-sinh » sao đã kịp phai?
Xưa sao sớm hỏi, khuya vời,
Nặng *lời* vàng đá, cạn lời tóc tơ?

Bây giờ bỗng thờ-ơ lặng-lẽ,
Tình cô-đơn, ai kẻ *biết* đâu!
Xưa sao gang tấc gần châu,
Trước *sân* phong nguyệt, *trên* lầu *sinh* ca?

Bây giờ bỗng cách xa đôi cõi,
Tin hàn-*huyên* (3) *khôn* hỏi thăm *lênh*!
Nửa cung *gẫy* phím *cầm* lành,
Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ!

Nghĩ nông-nỗi ngẩn-ngơ đòi lúc,
Tiếng tử qui (4) thêm giục lòng thương.
Não người thay, cảnh *tiêu-lương*!
Dạ thường *quặn-quại, mắt* thường ngóng trông.

Trông *mé* đông, lá buồm xuôi ngược,
Thấy *mênh-mông* những nước cùng mây.
Đông rồi, thời lại trông tây:
Thấy non *chất*-ngất, thấy cây rườm-rà.

Trông nam, thấy nhạn sa lác-đác;
Trông bắc thời *ngàn* bạc màu sương.
Khắp trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi *thẳm*, biết đường nào đi?

Bản chép khác. — Câu 79: . . . : *chúc* . . . — Câu 80: . . . *mà* . . . *nên* . . . — Câu 81: . . . *cảnh* . . . — Câu 82: . . . *riêng* . . . — Câu 84: . . . *rường* . . . *đầu* . . . — Câu 85: . . . *chút* — Câu 86: . . . *tình thâm chưa thoát được* . . . — Câu 87: . . . *đòi khi.* — Câu 88: . . . *tuy còn* . . . *phách* . . . — Câu 89 — 94: *Theo buổi trước ngự đèo Bồng-đảo, Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân. Theo xa thôi lại theo gần, Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa. Đường theo, bỗng tiếng gà sực tỉnh, Đau-đớn thay ấy cảnh chiêm-bao!* — Câu 95: . . . *thêm nỗi* . . . — Câu 99: *Khi* . . . — Câu 100: . . . *lòng* . . . — Câu 101: *Giờ sao* . . . — Câu 102: . . . *xét* . . . — Câu 103: *Khi* . . . — Câu 104: . . . *lầu* . . . *ngoài* . . . *địch* . . . — Câu 105: *Giờ sao* . . . — Câu 106: . . . *nghe không* . . . — Câu 107: . . . *vừa* . . . *đàu* . . . — Câu 111: . . . *tiên-hương.* — Câu 112: . . . *quanh-quất, mặt* . . . — Câu 113: . . . *mải* . . . — Câu 114: . . . *mông-mênh* . . . — Câu 116: . . . *ngân* . . . — Câu 118: . . . *ngọn* . . . — Câu 119: *No* . . . — Câu 120: . . . *diễn* . . .

Chú-thích. — (1) *Trì*: đây là trì-hoãn, để chậm lại. — (2) *Ngọc-kinh*: chỗ tiên ở. — (3) *Hàn-huyên* 寒暄 (lạnh và ấm): nói về câu thăm-hỏi, trò-chuyện. Khi hai người mới gặp nhau, lấy những câu trời lạnh, trời nóng để hỏi thăm nhau. Cũng giống nghĩa như chữ « hàn ôn 寒温 ». — (4) *Tử qui* 子規: chim đỗ-quyên.

ĐẶNG ĐỨC-SIÊU 鄧德超

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhứt, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (13).*)

79. — Văn-tế Phò-mã Chưởng hậu-quân Vũ Tính và Lễ-bộ thượng-thư Ngô Tùng-Châu

Vũ Tính (Võ Tánh) là một bực danh-tướng của vua Gia-long, lại lấy em gái ngài ; Ngô Tùng-Châu (Tòng-Chu) là bực văn-thần làm Lễ-bộ thượng-thư kiêm chức Phụ-đạo Đông-cung. Khi đức Gia-long đã lấy được Qui-nhơn (Bình-định) của Tây-sơn (1799), ngài sai Tính làm trấn-thủ và Châu làm hiệp-trấn để cùng giữ thành ấy. Không bao lâu, quân Tây-sơn lại kéo đến đông vây thành. Trong non hai năm trời, hai ông hết sức chống giữ thành-trì ; sau quân-sĩ mỏi-mệt, lương-thực khánh-kiệt, hai ông bèn tuẫn-tử để toàn danh-tiết : Châu thì uống thuốc độc chết, Tính thì tự đốt chết (1801). Nên trong bài văn-tế này, trong đoạn kể tài-đức hai ông, cứ về trên nói về Tính, về dưới nói về Châu.

Than rằng :

1. — Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng giãi dạ trung-thành ; — đứng anh-hùng vì nước quyên-sinh, *điên-bái* (1) *chẳng sai* lòng tiết-nghĩa.

2. — Ngọc dầu tan, vẻ tráng nào phai; — trúc dẫu cháy, tiết ngay *vẫn* đề.

Nhớ hai ngươi xưa:

3. — Thao-lược (2) ấy tài; — kinh-luân (3) là chí.

4. — Phù vạc Hán thủa ngôi trời chếch-lệch (4), chém gai đuổi lũ hung-tàn; — với xe Đường khi thế nước chông-chênh (5), cầm bút ra tay kinh-tế (6),

5. — Mối nghĩa sánh duyên gác tía (7), bước gian-truân từng cậy dạ khuông-phù; — màn kinh giúp sức cung xanh (8), công mông dưỡng (9) đã đành lòng ủy-ký.

6. — Hậu-quân thủa trao quyền tứ-trụ (10), chữ ân uy lớn nhỏ đều phu (11); — lễ-bộ phen *làm* việc chính-khanh (12), bề trung ái sớm khuya chẳng trễ.

7. — Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chí tiêm cừu (13) đành giãi xuống ba quân; — trong thành *then khóa* chia lo, lòng ưu quốc (14) đã thấu lên chín bệ.

8. — Miền biên-khổn (15) *hai* năm chia sức giặc (16), vững lòng tôi bao quản thế là nguy; — cõi Phú-xuân (17) một trận *khét* uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

9. — Sửa mũ áo lạy về bắc-khuyết (18), ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can; — chỉ non sông giã với cô-thành, chén tân-khổ (19) nhắp ngọn mùi chính-khí (20).

10. — Há rằng ngại một phen thỉ thạch (21), giải trùng vi mà *tìm* tới quân-vương; — bởi vì thương muôn mạng tì hưu (22), thà nhất tử để cho toàn tướng-sĩ.

11. — Tiếng hiệu-lệnh mơ-màng trước gió, ân tin xưa người bộ-khúc (23) thương tâm; — bóng tinh-trung (24) thấp-thoáng dưới đèn, phong-nghi cũ kẻ liêu-bằng (25) sái lệ.

12. — Cơ đãng-định (26) kíp chầy đành hẹn buổi, xót tướng-doanh sao vắng mặt thân huân (27); — phận truy-tùy (28) gang tấc cũng đền công, tiếc nhung-mạc (29) bỗng thiệt tay trung trí.

13. — Nay gặp tiết thu; — bày tuần úy-tế (30).

14. — Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cổn-hoa (31) cũng thỏa chốn u-minh; — nghìn thu *hà*-nhạc (32) khí thiêng, *giúp* mao việt (33) để mở nền bình-trị.

Thượng hưởng!

Bản chép khác. – Liên 1: . . . *bản đãng dám lay* . . . — Liên 2: . . . *cỏn* . . . — Liên 6: . . . *giúp* . . . — Liên 7: . . . *lòng dạ* (hoặc *vững dạ*) . . . — Liên 8: . . . *đôi* . . . *thét* . . . — Liên 10: . . . *theo* . . . — Liên 14: . . . *quang* . . .

Chú-thích. — (1) *Điên bái* 顛沛: nghĩa đen: đổ lộn; nghĩa bóng: loạn-lạc. — (2) *Thao-lược* 韜略 (thao: phép kín của nhà binh; lược: mưu-mô): phương-pháp và mưu-mô trong việc binh. — (3) *Kinh-luân*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86. — (4) *Phù vạc Hán thủa ngôi trời chếch-lệch* (phù: giúp; vạc: dịch chữ đỉnh 鼎, biểu-hiệu của ngôi vua; Hán: tên một triều vua ở bên Tàu): giúp nhà vua khi có hoạn-nạn. — (5) *Với xe Đường khi thế nước chông-chênh* (với: kéo lại; xe Đường: xe vua Đường Huyền-tôn chạy vào đất Thục khi có loạn An Lộc-Sơn): vãn-hồi lại vận nước khi có nguy-biến. — (6) *Kinh-tế* 經濟: do chữ «kinh bang tế thế 經邦濟世», sửa việc nước và giúp đời. — (7) *Sánh duyên gác tía* (gác tía: chỗ công-chúa ở): nói về việc ông Vũ Tính lấy Ngọc-Du công-chúa, em gái vua Gia-Long. — (8) *Màn kinh giúp sức cung xanh* (màn kinh: cái màn của ông thày ngồi giảng sách; cung xanh: cung thái-tử ở): nói về việc ông Ngô Tùng-Châu dạy Hoàng-tử Cảnh học.—(9) *Mông dưỡng* 蒙養: nuôi dạy trẻ con. — (10) *Tứ trụ* 四柱: bốn cột cái; chỉ bốn vị đại-thần trong triều. — (11) *Phu* 孚: tin phục. — (12) *Chính khanh* 正卿: chức quan, trên bậc thiếu-khanh; chức quan to. — (13) *Tiêm cừu* 殲仇: giết kẻ thù. — (14) *Ưu quốc* 憂國: lo về việc nước. — (15) *Biên khôn* 邊閫: nơi biên-thùy. Bấy giờ vua Gia-long mới thu-phục được đất Gia-định, nên thành Qui-nhơn cũng kể là nơi biên-thùy. — (16) *Chia sức giặc*: vì ông Vũ Tính giữ vững Qui-nhơn, nên quân Tây-sơn không thể dời đấy mà ra ngoài Phú-xuân được. — (17) *Phú-xuân*: tức là kinh-đô Huế ngày nay. — (18) *Bắc-khuyết* 北闕: cửa hoàng-thành ở phía bắc. Bấy giờ vua Gia-long đương ở Phú-xuân, tức là ở phía bắc thành Qui-nhơn. — (19) *Tân khổ* 辛苦: cay và đắng; chỉ thuốc độc. — (20) *Chính khí* 正氣: cái khí-tiết ngay thẳng của những bậc trung-thần nghĩa-sĩ. — (21) *Thỉ thạch* 矢石: tên và đạn. — (22) *Tì hưu* 貔貅: tên hai loài mãnh-thú; chỉ quân hùng-dũng. — (23) *Bộ khúc* 部曲: các đội ngũ trong quân. — (24) *Tinh trung* 精忠: hồn trung-nghĩa thiêng-liêng. — (25) *Liêu bằng* 僚朋: bè-bạn cùng làm quan — (26) *Đãng định* 蕩定: dẹp yên giặc-giã. (27) *Thân huân* 親勳: thân với nhà vua và có công to. — (28) *Truy-tùy* 追隨: theo đòi. — (29) *Nhung-mạc* 戎幕: màn quan tướng ở trong quân. — (30) *Úy-tế* 慰祭: tế để yên-ủi. — (31) *Cổn-hoa* 袞華: (cổn: lễ-phục của nhà vua): sắc của vua ban, làm cho vinh-hiển như khoác áo cổn vào mình. — (32) *Hà nhạc* 河岳: sông và núi. — (33) *Mao việt* 旄鉞: mao là cờ kết bằng lông mao để biểu-hiệu mệnh-lệnh của nhà vua; việt là thứ binh-khí hình như cái búa.

ĐẶNG TRẦN-THƯỜNG 鄧陳常 (1759-1813)

Ông người h. Chương-đức, (nay là h. Chương-mỹ, Hà-đông), đậu sinh-đồ về cuối đời nhà Lê. Sau khi nhà Lê mất, không chịu ra làm quan với Tây-sơn, vào Gia-định theo giúp đức Nguyễn Ánh, lập nhiều công-trạng, làm đến chức Tán-lý. Bình-định xong, lĩnh chức Binh-bộ Bắc-thành, rồi được triệu về Kinh làm Binh-bộ thượng-thư. Sau vì có lỗi, phải bắt giam trong ngục, làm bài phú kể dưới ; sau phải tội giảo.

80. — Hàn vương-tôn phú 韓王孫賦
(Trích một đoạn)

Hàn vương-tôn (vương-tôn: con cháu nhà quí-tộc) tức là Hàn Tín 韓信, người đất Hoài-âm, một bậc danh-tướng của vua Hán Cao-tổ bên Tàu. Trước đến ra mắt Hạng Vũ, Vũ không dùng, bèn đi theo vua Hán, được làm đại-tướng, đánh dẹp có công lớn, trước được phong làm Tề-vương, sau đổi làm Sở-vương. Về sau có kẻ tố-cáo rằng Tín mưu phản, vua Cao-tổ giả-cách đến chơi Vân-mộng, bắt Tín, rồi tha và giáng xuống làm Hoài-âm hầu, nhưng sau bị bà Lữ-hậu (vợ Cao-tổ) giết chết.

Bài phú này gồm 42 liên, có thể chia làm 5 đoạn : 1° lúc hàn-vi (liên 1-10) ; — 2° Lúc làm tướng (liên 11-22) ; — 3° công đánh dẹp (liên 23-32 ; — 4° lòng trung-thành và nỗi oan-uổng (liên 33-38) ; — 5° đoạn kết (liên 39-42).

33. — Ôi-ác biết lòng du-tử (1) : vậy khi đóng Định-đạo, khi quân Tu-vũ, ra vào then khóa chẳng ngờ (2) ; — trung trinh giữ tiết nhân-thần; dù rằng chơi Vân-mộng, dù rằng được Trần Hy, chút đỉnh tóc tơ dám nghĩ (3).

34. — Há có lòng như Hy, Bố (4) chút nào ; — tiếc thẹn mặt với Phàn, Đằng (5) một tí.

35. — Ơn nho-nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp (6), đỉnh chung (7) này đâu có nhẽ thờ-ơ ; — oán rành-rành còn cho tước để dùng (8), giang-sơn ấy há lại lòng ngấp-nghé.

36. — Giơ cung bắn thỏ, nặng sức nam-nhi ; — được cá bỏ nơm, quản đâu thế-vị.

37. — Đường phú-qui có sức nào chuyển được : nọ kẻ trướng màn khuya sớm, chốn Cốc-thành còn phải lánh mình đi (9) ; — áng công-danh hồ ai dễ xử đâu (10) : kìa người then khóa bấy lâu, vườn Thượng-uyển cũng còn rơi tiếng lụy (11) !

38. — Chót tạo phùng đã dành lợi cùng danh ; — thôi vinh nhục lọ bàn phi với thị.

39. — Lành thay ! Văn vũ gặp thời ; — côn bằng phỉ chí.

40. — Luận tài-năng, suốt Tây-kinh, Đông-Hán(12) chưa ai; — so huân-nghiệp, dẫu Châu, Thiệu, Thái-công(13) khá vi.

41. — Nhà thạch-thất dẫu nhạt sơn, mòn sắt(14), danh tướng-quân đành muôn kiếp còn thơm; — nền kim đao dù nhạt lửa, phai vàng(15), công tướng-quân dẫu nghìn năm như vẽ

42. — Ta nay: xem pho cựu-sử, đọc truyện nhân-thần, thấy câu: «Hán đắc thiên-hạ, đại-đề giai Tín chi công»(16), chửa từng chẳng thán tích Hàn vương-tôn chi anh tài, mà thâm trách Hán Cao-hoàng chi sai kỵ(17).

Chú-thích. — (1) *Ôi-ác*: bạc-ác; *du-tử* 遊子: khách đi chơi. Hán Cao-tổ, trong một bài hát, tự xưng là «du-tử». — (2) *Định-đào, Tu-Vũ*: tên đất. Khi Hàn Tín đóng quân ở đất Định-đào và đất Tu-vũ, vua Hán Cao-tổ lẻn vào trong dinh, lấy ấn đại-tướng dấu đi mà Hàn Tín vẫn ngủ không biết. — (3) *Vân-mộng*: tên đất. Vua Hán Cao-tổ giả cách đi chơi Vân-mộng; Hàn Tín đến chầu, bị vua bắt trói vào xe đem về. *Trần Hy*: một người tướng của vua Hán Cao-tổ, sau làm phản. Khi vua Hán Cao đương đi đánh Trần Hy, bà Lữ-hậu nói dối rằng đã bắt được hắn; Hàn Tín vào mừng, bị bắt và giết chết. Hai việc ấy tỏ rằng Hàn Tín một lòng ngay thẳng, không hề có ý nghĩ làm phản. — (4) *Hy, Bố*: tức là Trần Hy (vừa nói trên) và Anh Bố đều là tướng của vua Hán Cao-tổ mà sau làm phản. — (5) *Phàn, Đằng*: tức là Phàn Khoái và Đằng Công. Khi Hàn Tín làm đại-tướng thì cai-quản cả bọn Phàn, Đằng; sau phải giáng làm Hoài-âm hầu, thành ra ngang hàng với bọn ấy. — (6) *Ơn nhỏ-nhỏ cũng lấy vàng mà báo-đáp*: lúc Hàn Tín còn hàn vi, một lần đói khát, được bà Xiếu-mẫu cho ăn; sau Tín làm Sở-vương, đem nghìn vàng tặng bà ấy để đền ơn. — (7) *Đỉnh chung* 鼎鐘 (vạc và chuông): tức là «chung minh đỉnh thực 鐘鳴鼎食»: xưa nhà giàu sang, bày vạc mà ăn và lúc ăn thì đánh chuông; nghĩa bóng nói sự phú quí. — (8) *Oán rành-rành còn cho 'ước để sinh dùng*: lúc Hàn Tín còn hàn-vi, một hôm, cầm gươm ra chợ Hoài-âm, có người hàng thịt muốn làm nhục, bảo Tín rằng: «Có gan chết thì đâm ta; bằng không thì luồn qua khố ta.» Hàn Tín chịu luồn qua dưới khố hắn. Sau Tín làm nên, không giết hắn, lại còn cho hắn làm quan. — (9) *Đường phú-quí... lánh mình đi*: thường thường không có sức mạnh nào làm chuyển được lòng ham phú-quí của người đời, thế mà Trương Lương, một người đã có công ngồi trong màn bày mưu lập kế cho vua Hán Cao, sau khi bình-định, lại bỏ cả phú-quí mà đi ẩn ở đất Cốc-thành, vì Lương biết rằng vua Hán hay ngờ ghét công-thần, — (10) *Áng công-danh hồ ai dễ xử đâu*: người bầy tôi đã lập nên công-danh rất là khó xử để toàn được thân, vì vua hay đem lòng ngờ-vực. — (11) *Kìa người then khóa . . . còn rơi tiếng lụy*: đây là nói về Tiêu Hà. Khi vua Hán Cao đánh nhau với nước Sở thì Tiêu Hà giữ đất Quan-trung (như người coi nhà giữ việc then khóa), có công trạng to, thế mà về sau, chỉ vì Tiêu Hà xin cho dân được vào ở trong Thượng-uyển (vườn nhà vua), vua Hán nghi cho Hà ăn hối-lộ, bắt giam vào ngục. — (12) *Tây-*

kinh, Đông-Hán : tức là nhà Tây-Hán đóng kinh-đô ở phía tây (Tràng-an) và nhà Đông-Hán đóng kinh-đô ở phía đông (Lạc-dương). — (13) *Châu, Thiệu, Thái-công* : Châu là Châu-công, Thiệu là Thiệu-công, hai bậc tướng giỏi đã giúp vua Vũ-vương dựng nghiệp nhà Châu. Thái-công : tức là Thái-công-vọng (xem câu chú-thích số (11) ở Bài 63. — (14) *Nhà thạch-thất dẫu nhạt son mòn sắt* : vua Cao-tổ có làm một cái nhà bằng đá (thạch-thất) trong ghi lời thề viết bằng son khắc vào sắt rằng : con cháu các công-thần được đời đời nối nghiệp làm chư-hầu. Nhạt son mòn sắt : ý nói không giữ lời thề. — (15) *Nền kim-đao dù tắt lửa phai vàng* : ý nói nhà Hán dù mất ngôi vua. Nền kim-đao chỉ nhà Hán, vì vua Hán Cao-tổ họ Lưu, mà trong chữ Lưu 劉 có chữ Kim 金 (vàng) và chữ Đao 刀 (dao) ; phai vàng là ám chỉ chữ « kim » ở trên ; còn tắt lửa là vì nhà Hán khởi lên tự phương tây, mà phương tây thuộc hành hỏa là lửa. — (16) *Hán đắc thiên-hạ, đại-đế giai Tín chi công.* 漢得天下大抵皆信之功 : nhà Hán được thiên-hạ, đại-đế đều là công của Hàn Tín. — (17) *Thán tích Hàn vương-tôn chi anh-tài* : than tiếc cái tài giỏi của Hàn vương-tôn. *Thâm trách Hán Cao-hoàng chi sai kỵ* : sâu trách cái lòng ngờ ghét của vua Hán Cao.

PHẠM QUÍ-THÍCH 范貴適 (1760-1825)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (1).*)

81. — Tổng vịnh truyện Kiều (1).

Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,
Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng,
Gót ngọc *khôn đành* chốn thủy-quan (2).
Nửa giấc đoạn-trường tan gối điệp (3),
Một dây bạc-mệnh dứt cầm loan (4).
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế-gian.

Bản chép khác. — Câu 4 : *Vẻ . . . chưa phai . . .*

Chú-thích. — (1) Bài thơ nôm này là dịch thoát bài thơ chữ Hán thường in ở đầu các bản truyện Kiều nôm (xem nguyên văn ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương thứ XV, Bài đọc thêm số 1*). — (2) *Thủy-quan* : như chữ « thủy-phủ », nơi thủy-thần ở. — (3) *Gối điệp* (điệp : con bướm) : xưa Trang Chu nằm chiêm-bao thấy mình hóa ra con bướm, nên giấc chiêm-bao gọi là « giấc-điệp », gối nằm chiêm-bao gọi là « gối điệp ». — (4) *Cầm oan* (cầm : đàn ; loan : con cái của chim phượng) : nghĩa bóng : tình hòa-hợp của hai vợ chồng hoặc của hai tình-nhân.

NGUYỄN DU 阮攸 (1765-1820)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, lời chú* (2).)

Kim Vân Kiều 金雲翹

Lược truyện. — Truyện Kiều (xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XVIII*) gồm có 3254 câu và, trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm sáu hồi:

Đoạn mở bài (câu 1-38). — Tác-giả đem cái thuyết « tài mệnh tương đố » (tài và mệnh ghét nhau) nêu lên làm luận-đề cuốn truyện. Rồi tác-giả nói gia-thế và tả tài sắc hai chị em Thúy-Kiều.

I. — *Thúy-Kiều và Kim Trọng đính ước với nhau* (câu 39-528). — Thúy-Kiều cùng hai em là Thúy-Vân và Vương Quan, nhân đi chơi thanh-minh, gặp mả Đạm Tiên là một người kỹ-nữ xưa có tài sắc mà số mệnh không ra gì; lúc sắp về, lại gặp Kim Trọng, hai bên bắt đầu yêu nhau. Kiều về nhà, nghĩ đến thân-thế Đạm Tiên mà lo cho hậu-vận mình; lại nhớ đến Kim Trọng, không biết duyên-phận sẽ ra thế nào. Kim Trọng từ khi biết Kiều cũng đem lòng tưởng nhớ, rồi tìm đến ở cạnh nhà Kiều, nhân thế mà hai bên lại gặp nhau và thề nguyền gắn bó với nhau.

II. — *Vương-ông mắc oan, Thúy-Kiều bán mình* (câu 629-864). — Sau khi Kim Trọng từ-biệt Kiều về hộ tang chú thì bỗng Vương-ông bị thằng bán tơ vu oan phải bắt. Kiều muốn có tiền để chuộc tội cha, phải bán mình cho Mã Giám-sinh và theo hắn về Lâm-tri.

III. — *Kiều ở thanh-lâu* (câu 865-1274). — Mã Giám-sinh nói dối là mua Kiều làm thiếp; thực ra, hắn chỉ là tay sai của Tú-bà, một mụ dầu chủ một ngôi hàng thanh-lâu. Khi đến Lâm-tri, Kiều biết mình bị lừa, toan bề tự tận. Tú-bà mới dỗ ngọt cho Kiều ra ở lầu Ngưng-bích nghỉ-ngơi, hứa sẽ tìm nơi xứng-đáng để gả cho. Tú-bà bèn lập mưu sai Sở Khanh làm ra mặt nghĩa-hiệp rủ Kiều đi trốn. Đến nửa đường, Sở Khanh bỏ Kiều. Kiều bị Tú-bà bắt về, ép phải ra tiếp khách.

IV. — *Kiều vào tay Hoạn-thư* (câu 1275-1992). — Kiều ở thanh-lâu ba năm. Sau gặp một người làng chơi là Thúc-sinh lấy Kiều làm thiếp. Nhưng vợ cả Thúc-sinh là Hoạn-thư được tin, nổi ghen, sai người, nhân khi Thuc-sinh đi vắng, đến bắt Thúy-Kiều đem về nhà hành-hạ khổ-sở.

V. — *Kiều lấy Từ Hải* (câu 1993-2736). — Kiều bỏ nhà Hoạn-thư trốn đi, đến ở chùa bà vãi Giác Duyên. Được ít lâu, bà cho Kiều sang ở nhà một người đàn bà thường đến lễ chùa là Bạc-bà. Không ngờ Bạc-bà cũng một phường với Tú-bà, giả làm lễ cưới Kiều cho cháu mình là Bạc Hạnh để đem bán Kiều cho một hàng thanh-lâu ở châu Thai. Thế là Kiều lại phải vào thanh-lâu lần thứ hai. Được ít lâu, Kiều gặp một người tướng giặc là Từ Hải lấy làm vợ. Kiều nhân dịp báo ơn xưa, trả oán cũ. Nhưng không bao lâu Từ Hải mắc lừa bị giết chết. Kiều bèn đâm đầu xuống sông Tiền-đường, nhưng nhờ có bà vãi Giác Duyên vớt lên đem đến ở trong am của bà.

VI. — *Kim, Kiều tái hợp* (câu 2737-3240). — Kim Trọng, sau khi về hộ tang chú, trở lại tìm Kiều ; nghe tin Kiều phải bán mình, mới nghe lời Kiều dặn lúc ra đi, lấy Thúy-Vân. Sau, cùng với Vương Quan đi thi đỗ, được bổ làm quan, mới dò-la tin-tức Kiều, rồi gặp bà vãi Giác Duyên đưa đến chỗ Kiều ở. Hai bên lại được đoàn-tụ cùng nhau.

Đoạn kết (câu 3241-3254). — Tác-giả nhắc lại thuyết « tài mệnh tương đố » mà khuyên người ta nên giữ lấy « thiện tâm ».

82. — Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều

Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi, chiêng đá thu không (1).
Gương Nga (2) *chênh-chếch dòm song*,
Vàng gieo *ngấn* nước, cây lồng bóng sân.
Hải-đường lả ngọn đông-lân,
Giọt sương *gieo* nặng cành xuân la-đà (3).
Một mình lặng ngắm bóng *Nga*,
Rộn đường gần với nỗi xa bời-bời :
« Người mà (4) đến thế thì thôi,
« Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi !
« Người đâu (5) gặp-gỡ làm chi ?
« Trăm năm biết có duyên gì hay không ? »
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tính-tình.
Chênh-chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa *làn* bên triện một mình thiu-thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều,
Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân.
Sương in *mặt*, *tuyết* pha thân (6),
Sen vàng (7) lững-thững như gần như xa.
Chào mừng đón hỏi dò-la :
« Đào-nguyên (8) lạc lối đâu mà đến đây ? »
Thưa rằng : « Thanh-khí (9) xưa nay ;
« Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên ? »
« Hàn-gia (10) ở *mé* tây-*thiên* (11),
« Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
« Mấy lòng hạ cố đến nhau,
« Mấy lời hạ-tứ ném châu gieo vàng !

« *Dâng* trình hội-chủ (12) xem tường,
« Mà *sao* trong sổ đoạn-trường có tên !
« Âu đành quả kiếp, nhân duyên (13),
« Cũng người một hội một thuyền đâu xa !
« Này mười bài mới, mới ra :
« Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời. »
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ, *nắc-nỏm* khen thầm :
« Giá đành tú-khẩu cẩm-tâm (14) khác thường !
« Vì đem vào tập đoạn-trường,
« Thì treo giải nhất, chi nhường cho ai ! »
Thềm hoa, khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
Gió đâu *sịch* bức mành-mành,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
Trông theo, nào thấy đâu nào :
Hương thừa nhường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lượng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nỗi sàu này mà kinh :
Hoa trôi, bèo giạt, đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi.
Nỗi riêng lớp-lớp sóng giồi,
Nghĩ đòi cơn, lại xụt-xùi đòi cơn.

Bản chép khác. — Câu 173 : *Mảnh trăng*... (hoặc) : Gương Nga *vằng-vặc đầy* song. — Câu 174 : ... *đáy* nước... — Câu 176 : ... *đeo* (hoặc : *chia*) nặng... — Câu 177 : *Đăm-đăm* lặng ngắm bóng *hoa*. — Câu 185 : *Buồng xuân êm rủ bức* mành. — Câu 186 : Tựa *ngồi*... — Câu 189 : *Tuyết* in *vóc*, *tố*... — Câu 195 : ... *ở mái* tây-thiên (hoặc) : ... *ở mái* tây-*hiên*. — Câu 199 : *Vâng* trình... — Câu 200 : Mà *xem*... — Câu 207 : ... *nức-nỏm*... — Câu 213 : ... *khua*...

Chú-thích. — (1) *Chiêng đà thu không* : Thu không 收空 là thu khoảng không lại, thu ánh sáng lại, tức là bắt đầu tối. Lúc chập tối, nhà chùa đánh một hồi chuông (hoặc chiêng) gọi là hồi chuông thu không. — (2) *Gương Nga* : mặt trăng. Do tích chép trong *Hoài-nam-tử* : Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ, ăn cắp thuốc tiên của chồng, lên trên cung trăng hóa thành con thiềm-thừ. Do tích ấy, người ta gọi mặt trăng là « gương Nga », là « ả Hằng », là « cung thiềm ». — (3) *Người mà*... : đây là nói Đạm Tiên. — (4) *Người đâu*... : đây là nói Kim Trọng. — (5) *Tiểu kiều* 小嬌 : tiểu là

nhỏ ; kiều là người đàn bà đẹp. — (6) *Câu 189* : Đạm Tiên ở dưới âm-phủ lên, đương đêm tối, xông-pha sương tuyết mà lên, nên nom ở mặt như có sương in mà ở thân như có tuyết pha. — (7) *Sen vàng* : nghĩa bóng là bước chân đi của người đàn bà đẹp. Do tích vua Tề Đông-hôn-hầu yêu nàng Phan-phi, làm hoa sen bằng vàng lát xuống đất cho nàng đi, rồi cười mà nói rằng : « Qui-phi đi mỗi bước chân nở ra một cái hoa sen ». Chữ « gót sen » cũng do tích ấy. — (8) *Đào nguyên* 桃 源 : suối đào ; chỗ tiên ở. Do tích một người đánh cá ở cuối đời nhà Tấn đi vào một cái suối hoa đào, vào mãi thì đến một chỗ những người ẩn-dật ở (chép trong bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm . — (9) *Thanh khí* : do câu trong *Kinh Dịch* : « Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 同 聲 相 應, 同 氣 相 求. (Cùng một thanh thì ứng nhau, cùng một khí thì tìm nhau) : ý nói cùng một tâm ý với nhau. — (10) *Hàn-gia* 寒 家 (nghĩa đen là nhà lạnh) : tiếng khiêm-tốn, nghĩa là nhà của tôi. — (11) *Mé tây-thiên* : mé : phía ; tây thiên 西 阡 : con đường phía tây. — (12) *Hội chủ* : đây là chủ Hội đoạn-trường gồm những người đàn bà bạc mệnh. — (13) *Quả kiếp, nhân duyên* : Quả kiếp 果 刼 (quả : kết-quả ; kiếp : đời) là cái kiếp chịu cái kết-quả của việc đã làm ; nhân duyên 因 緣 (nhân : nguyên-nhân : duyên : duyên cớ) là cái gốc, cái cớ sinh ra quả. Theo thuyết « nhân quả » của đạo Phật thì những điều ta hưởng thụ trong kiếp này là cái kết-quả những công việc ta làm ở kiếp trước, mà các công việc ta làm trong kiếp này lại là cái nguyên-nhân những điều ta sẽ hưởng thụ ở kiếp sau. — (14) *Tú khẩu, cẩm tâm* : Tú khẩu 繡 口 là miệng thêu ; cẩm tâm 錦 心 là lòng gấm : ý khen tài thơ-văn hay, cũng như mấy chữ « nhả ngọc, phun châu ».

83. — Tú-bà dỗ Kiều

Thuốc-thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã dàu-dàu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn-man gỡ dần :
« Một người dễ có mấy thân !
« Hoa xuân đương nhụy (1), ngày xuân còn dài.
« Cũng là lỡ một, lầm hai,
« Đá vàng *chi* nỡ ép nài mưa mây (2) !
« Lỡ chân trót đã vào đây,
« Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non (3).
« Người còn thì của hãy còn,
« Tìm nơi xứng-đáng *là* con-cái nhà.
« Làm chi tội báo oan gia,
« Thiệt mình mà hại đến ta, hay gì ? »

Kề tai mấy nỗi nằn-nì,
Nàng nghe nhường cũng thị phi rạch-ròi.
Vả *suy* thần mộng mấy lời (4),
Túc-nhân (5) *âu* cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi *thêm* một nợ chồng (6) kiếp sau ?
Lặng *nghe, thấm thía* gót đầu,
Thưa rằng: Ai có muốn đâu thế này ?
« Được như lời thế là may !
« Hẳn rằng mai có như rày cho chăng ?
« Sợ khi ong bướm dãi-dầng,
« Đến điều sống đục, sao bằng thác trong ? »
Mụ rằng: « Con hãy thong-dong,
« Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi ?
« Mai sau ở chẳng như lời,
« Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. »
Thấy lời quyết-đoán hẳn-hoi,
Đành lòng, nàng *cũng* sẽ nguôi nguôi dần.

Bản chép khác. — Câu 1008 : . . . *sao* nỡ. . . — Câu 1012 : . . . *làm*. . . — Câu 1017 :... Vả *trong*... — Câu 1018 :... *thì* cũng... — Câu 1020 : ... *lại* một... — Câu 1021 :... Lặng *nằm ngẫm nghĩ*... — Câu 1032 : ... *mới*...

Chú-thích. — (1) *Nhụy* : mới nở. — (2) *Câu 1008* : Đá vàng : nghĩa bóng nói lòng trinh-tiết. Mây mưa : nghĩa bóng nói thói nguyệt-hoa. Hai chữ « mây mưa » xuất điển ở bài *Cao-đường phú* của Tống Ngọc : Xưa vua Sở Tương-vương đến chơi đài Cao-đường, nằm mơ thấy một người con gái tự xưng là con gái núi Vu-sơn (tức Vu-giáp), xin cùng chung chăn gối. Vua bằng lòng ; đến lúc từ-biệt, người ấy nói : Thiếp xin sớm làm *mây*, tối làm *mưa*, sớm tối ở dưới Dương-đài. Những chữ « Vu-sơn », « Đỉnh Giáp », « Cao-đường », « Dương-đài » dùng để nói sự trai gái gặp-gỡ đều do điển ấy mà ra. — (3) *Ngày đào non* : ngày đi lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh Thi* (thơ Đào yêu) : « Đào chi yêu yêu, Kỳ diệp trăn-trăn. Chi tử vu qui, Nghi kỳ gia nhân 桃之夭夭. 其葉蓁蓁. 之子于歸, 宜其家人. » (Cây đào đang non, lá xanh rờn-rờn. Cô kia về nhà chồng, hòa-thuận với người nhà chồng cô). — (4) *Thần mộng mấy lời* : sau khi Kiều toan tự tận, mê-mẩn đi, thì thấy Đạm Tiên báo cho biết rằng Kiều chưa thể chết được. — (5) *Túc nhân* 夙因 : (túc : xưa ; nhân : nguyên-nhân) : nguyên-nhân tự kiếp trước ; nợ-nần tự kiếp trước. — (6) *Chồng* : đây là chồng-chất.

84. – Kiều gặp Thúc-sinh

Sinh rằng: « Từ thuở tương-tri,
« Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.
« Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
« Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông. »
Nàng rằng: « Muôn đội ơn lòng,
« Chút e bên thú, bên tòng (1), dễ đâu !
« Bình-khang (2) nấn-ná bấy lâu,
« Yêu hoa, yêu được một màu điểm-trang.
« Rồi ra *lạt* phấn phai hương,
« Lòng kia giữ được thường thường mãi chăng ?
« Vả trong thềm quế cung trăng,
« Chủ-trương đành đã chị Hằng ở trong.
« Bấy lâu khăng-khít dải đồng (3),
« Thêm người, người cũng chia lòng riêng-tây.
« Vẻ chi chút phận bèo mây,
« Làm cho bể ái, khi đầy khi vơi !
« Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
« Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
« Như chàng có vững tay co,
« Mười phần cũng đắp-điếm cho một vài.
« Thế trong dù lớn hơn ngoài,
« Trước hàm sư-tử (4) gửi người đẳng-la (5).
« Cúi đầu luồn xuống mái nhà,
« Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng (6).
« Ở trên còn có nhà thông (7),
« *Lượng* trên trông xuống, biết lòng có thương ?
« Sá chi liễu ngõ hoa tường (8),
« Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
« Lại càng dơ dáng dại hình,
« Đành thân-phận thiếp, *ngại* danh-giá chàng.
« Thương sao cho vẹn thì thương,
« Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng. »
Sinh rằng: « Hay nói đè chừng (9),
« Lòng đây, lòng đấy, chưa từng hay sao ?

« Đường xa chớ *ngại* Ngô, Lào (10),
« Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
1365 « Đã gần chi có điều xa,
« Đá vàng đã quyết, phong-ba cũng liều. »

Bản chép khác. — Câu 1337:... *lở*... — Câu 1354: *Lòng* trên... — Câu 1358:... *nghĩ*... — Câu 1363:... *nghĩ*... Câu 1366:... *cũng*...

Chú-thích. — (1) *Bên thú, bên tòng*: bên thú (đây là thú thiếp 娶妾: lấy vợ lẽ) là bên Thúc-sinh đã có vợ cả mà lấy vợ lẽ; bên tòng (đây là tòng lương 從良: theo người tử-tế) là bên Thúy-Kiều đương ở thanh-lâu mà đi lấy chồng: hai bên đều khó cả. — (2) *Bình khang* 平康: tên một xóm ở đất Tràng-an bên Tàu ngày xưa, có những người ca-nhi kỹ-nữ ở; nay thông-dụng để gọi nơi có những người xướng-ca ở. Đây là phố những nhà thanh-lâu ở. — (3) *Dải đồng*: dải đồng tâm. Vua Tùy Dượng-đế sai tết dải lụa lại gọi là « đồng tâm kết », đưa cho phu-nhân. — 4) *Sư-tử*: nghĩa bóng chỉ người vợ cả làm cho người chồng phải sợ. Lấy chữ ở bài thơ của Tô Đông-pha giễu Trần Tháo sợ vợ, trong có câu: « Hốt văn Hà-đông sư-tử hống, Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên. 忽聞河東獅子吼, 杜杖落手心茫然. » (Chợt nghe sư-tử Hà-đông réo, Gậy chống rời tay, bụng bồi-hồi). — (5) *Đằng la* 藤蘿: loài cây có dây, phải tựa vào cái que mới leo lên được; nghĩa bóng chỉ người vợ bé phải nương-tựa vào người vợ cả. — (6) *Câu 1352*: Giấm chua: chỉ người đàn bà ghen; lửa nồng: chỉ nơi thanh-lâu. Lấy chữ trong *Tình-sử*: « Người ghen như giấm chua, nhà thổ như hang lửa ». Cả câu ý nói: Gặp người vợ cả hay ghen thì lại còn khổ hơn là ở thanh-lâu. — (7) *Thông* 椿 (chính âm là *xuân*, đây đọc chạnh đi cho hiệp vần): tên một thứ cây; nghĩa bóng là cha. Theo sách *Trang-tử*, cây này thọ lắm (tám nghìn năm là mùa xuân, tám nghìn năm là mùa thu), bởi thế dùng tên cây ấy để chỉ người cha là mong cho cha được sống lâu. — (8) *Liễu ngõ hoa tường*: cây liễu mọc ở ngoài ngõ, cây hoa mọc ở ngoài tường, ai hái cũng được; nghĩa bóng nói về những người đàn bà giang-hồ. — (9) *Nói đề chừng*: nói phỏng. — (10) *Ngô, Lào*: Ngô là tên ta gọi nước Tàu; Lào là xứ Ai-lao. Đây ý nói xa-xôi.

85. — Từ Hải sai quân về đón Kiều

Đêm ngày luống những âm-thầm,
2250 Lửa binh đâu đã ầm-ầm một phương.
Ngất trời sát-khí mơ-màng,
Đầy sông kình ngạc, chật đường giáp binh (1).
Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.

Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,
« Dẫu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa ! »
Còn đang dùng-dắng ngần-ngơ,
Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng *la* (2).
Giáp-binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng hỏi : « Nào là phu-nhân ? »
Hai bên mười vị tướng-quân,
Đặt gươm, cởi giáp, trước sân khấu đầu.
Cung-nga, thể-nữ (3) *nối sau*,
Rằng : « Vâng lệnh-chỉ (4), rước chầu vu-qui (5). »
Sẵn-sàng phượng-*liễn*, loan-nghi (6),
Hoa-quan (7) phấp-phới, hà-y (8) rỡ-ràng.
Dựng cờ, nổi trống lên đàng,
Trúc tơ (9) nổi trước, *kiệu* vàng kéo sau.
Hỏa-bài (10) tiền lộ ruổi mau,
Nam-đinh nghe động trống chầu đại doanh.
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ-công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
Rỡ mình *là* vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én mày ngài như xưa.
Cười rằng : « Cá nước duyên ưa !
« Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?
« Anh-hùng mới biết anh-hùng,
« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »
Nàng rằng : « Chút phận ngây-thơ,
« Cũng may dây cát (11) được nhờ bóng cây.
« Đến bây giờ mới thấy đây,
« Mà lòng đã chắc những ngày một hai. »
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng, khao binh,
Thì-thùng trống trận, rập-rình nhạc quân.
Vinh-hoa bỗ *lúc* phong-trần,
Chữ tình ngày lại thêm *xuân* một ngày.

Bản chép khác. — Câu 2258:... tiếng *loa*. — Câu 2263:... *theo hầu*. — Câu 2265:... phượng *tán*... — Câu 2267: *Kéo* cờ... — Câu 2268:... *đào* vàng... — Cân 2273: *Lĩa* mình... (hoặc):... *lạ* vẻ cân đai. — Câu 2286: *Om-thỏm*... (hoặc): *Um-thùm*... — Câu 2287:... bõ *thuở*... — Câu 2288:... thêm *thân*...

Chú-thích. — (1) *Câu 2251-2252*: Hai câu này tả cái cảnh-tượng cuộc binh-đao. *Sát-khí* 殺氣 là cái hơi tự chỗ giết-gióc nhau bốc lên. *Kình ngạc* 鯨鰐 (cá ông voi và cá sấu) là hai thứ cá dữ ở biển; nghĩa bóng chỉ quân linh hùng-dũng. *Giáp binh* 甲兵 (giáp: áo bằng da hoặc bằng sắt mặc khi ra trận; binh: binh-khí, đồ dùng để đánh trận): nói chung các binh-khí. — (2) *La* 鑼: một thứ nhạc-khí, mặt tròn và phẳng, nhỏ hơn cái lệnh; thường gọi là thanh-la. — (3) *Cung-nga thể nữ*: cung-nga 宮娥 (nga: con gái đẹp) là mỹ-nữ ở trong cung; thể nữ 綵女 (thể: vẻ) là con gái hầu ở trong cung. — (4) *Lệnh-chỉ* 令旨: hiệu-lệnh của vua hoặc của ông tướng. — (5) *Rước chầu vu-qui*: chầu, tức là chầu bà: tiếng gọi một vị phu-nhân tôn-qui; vu-qui là về nhà chồng: chữ lấy trong *Kinh Thi* (xem câu chú-thích số (3) ở Bài 83). — (6) *Phượng liễn*; *loan nghi*: phượng-liễn 鳳輦 là kiệu phượng; loan-nghi 鸞儀 là màn loan: đồ dùng của những người đàn bà có phẩm tước. — (7) *Hoa-quan* 花冠: mũ hoa. — (8) *Hà-y* 霞衣: áo màu ráng trời. — (9) *Trúc tơ*: tre và sợi tơ; đây là sáo và đàn. — (10) *Hỏa bài* 火牌 (hỏa: lửa, ý nói rất nhanh; bài: thẻ): thẻ bằng gỗ dùng để truyền lệnh quan rất cần kíp; đây là để báo tin trước. — (11) *Cát* 葛: một loài cây có dây leo, ví với người đàn bà.

86. — Kiều khuyên Từ Hải hàng

Có quan tổng-đốc trọng-thần,
Là Hồ Tôn-Hiến, kính-luân (1) gồm tài.
Đẩy xe (2), vâng chỉ đặc-sai,
Tiện-nghi *bát*-tiễu, việc ngoài đồng-nhung (3).
Biết Từ là đứng anh-hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
Đóng quân làm chước chiêu-an (4),
Phong thư, *mâm lễ*, sai quan thuyết hàng (5).
Lại riêng một lễ với nàng:
Hai tên thể-nữ (6), ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gửi trước trung-quân,
Từ-công riêng *hãy* mười phân hồ-đồ:
« Một tay gây dựng cơ-đồ,
« Bấy nay bể Sở, sông Ngô tung-hoành.

« Bó thân về với triều-đình,
« Hàng-thần lơ-láo, phận mình ra đâu ?
« Áo xiêm *ràng buộc* lấy nhau,
« Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi ?
« Sao bằng riêng một biên-thùy,
« Sức này, đã dễ làm gì được nhau ?
« *Chọc* trời, *quấy* nước, mặc dầu,
« Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ? »
Nàng thì thật dạ tin người,
Lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.
Bằng nay chịu tiếng vương-thần,
Thênh-thênh đường cái thanh-vân (7), hẹp gì.
Công, tư, vẹn cả hai bề,
Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
Cũng ngôi mệnh-phụ đường-đường,
Nở-nang mày mặt, rỡ-ràng mẹ cha.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E-dè *gió đập*, hãi-hùng *sóng va*.
Nhân khi bàn-bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng : « *Ơn* Thánh-*đế* dồi-dào,
« Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
« Bình-thành (8) công-đức bấy lâu,
« Ai ai cũng đội trên đầu, *xiết* bao !
« Ngẫm từ *dấy* việc binh-đao,
« Đống xương Vô-định đã cao bằng đầu.
« Làm chi để tiếng về sau,
« Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào (9) ?
« Sao bằng lộc trọng, quyền cao,
« Công-danh ai *dứt* lối nào cho qua ? »

Nghe lời nàng nói mặn-mà,
Thế công, Từ mới trở ra thế hàng.
Chỉnh nghi tiếp sứ vội-vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp (10), quyết đường giải binh (11).

Bản chép khác. — Câu 2453 : *Dễ* xe... (hoặc) : *Giầy* xe... — Câu 2454 : ...*phủ* tiễu... — Câu 2458 : *Ngọc, vàng, gấm, vóc*... — Câu 2462 : ... riêng *nghĩ*... — Câu 2467 : ... *buộc trói*... (hoặc) : ... *đùm bọc*... — Câu 2471 : *Đục* trời, *khuấy* nước... — Câu 2474 : *Của* nhiều... — Câu 2486 : ... *sóng vỗ*... *nước sa* (hoặc) : ... *sóng gió*... *cỏ hoa*. — Câu 2489 : ... *Trong* Thánh-*trạch*... — Câu 2492 : ... *biết* bao. — Câu 2493 : ... *khở* ... — Câu 2498 : ... *dắc*...

Chú-thích. — (1) *Kinh luân* 經綸 (kinh : gỡ các sợi tơ cho khỏi rối; luân : sắp các sợi tơ cùng loại để xe) : nghĩa bóng nói về cái tài sắp đặt việc chánh-trị. — 2) *Đẩy xe* : dịch chữ « thôi cốc ». Chữ lấy trong *Sử-ký* : « .hiên-tử mệnh tướng thôi cốc, viết : Khổn dĩ nội, quả-nhân chế chi : khổn dĩ ngoại, tướng-quân chế chi. 天子命將推轂,曰:閫以內,寡人制之;閫以外,將軍制之.» (Nhà vua sai tướng đi đánh giặc, lúc tiễn chân đẩy xe mà dặn rằng : Từ cửa thành trở vào thì quyền ở ta ; từ cửa thành trở ra thì quyền ở tướng-quân). — (3) *Câu 2454* : bát-tiễu 撥勦 là đánh dẹp ; đồng-nhung 董戎 là đứng đầu việc đánh giặc, cả câu ý nói : cầm quân đi đánh giặc ở cõi ngoài, được tùy tiện mà đánh dẹp. — (4) *Chiêu-an* 招安 : nói về lúc loạn-lạc, gọi dân-chúng về yên nghiệp. — (5) *Thuyết hàng* 說降 : dụ về hàng. — (6) *Thể-nữ* : xem câu Chú-thích số (3) ở bài trên. — (7) *Đường cái thanh-vân* : đường lên mây xanh, nghĩa bóng là đường công-danh. — (8) *Bình-thành* : do câu « địa bình thiên thành 地平天成 » trong *Kinh Thư* nói về cái công-đức của ông vua giúp cho đất được bình-trị, trời được nên việc. — (9) *Hoàng Sào* 黃巢 : tên một người ở đời Đường Hi-tôn (874-888) đi thi tiến-sĩ không đỗ, nổi lên làm giặc. — (10) *Thúc giáp* 束甲 : bó áo giáp lại, không dùng đến nữa. — (11) *Giải binh* 解兵 : giải tán quân lính, không đánh nhau nữa.

87. — Kiều gẩy đàn (a)

1°) *Cho Kim Trọng nghe sau khi đã cùng chàng thề-nguyền*

Rằng : « Nghe nổi tiếng cầm-đài (1),
« Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ (2). »
Thưa rằng : « Tiện-kỹ (3) sá chi ?
« Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng. »

(a) Muốn cho học trò nhận rõ cái tài làm văn của tác-giả truyện Kiều, ở hai bài sau này, chúng tôi trích những đoạn văn cùng một đề-mục mà mỗi chỗ tác giả biểu-diễn ý-tứ một khác.

Hiên sau treo sẵn cầm-trăng,
Vội-vàng, sinh đã *tay* nâng ngang mày.
Nàng rằng: « Nghề mọn riêng *tay*,
Làm chi cho *nặng* lòng này lắm thân (4)? »
So dần dây vũ, dây văn (5),
Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương (6).
Khúc đâu Hán, Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.
Khúc đâu Tư-mã Phượng cầu (7),
Nghe ra như oán như sầu phải chăng.
Kê Khang này khúc Quảng-lăng (8),
Một rằng *lưu-thủy*, hai rằng *hành-vân*.
Quá-quan này khúc Chiêu-quân (9),
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi *đó cũng* ngợ-ngẩn sầu.
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
Rằng: « Hay thì thật là hay,
« Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
« *Lựa* chi những *khúc* tiêu-tao (10)?
« *Thiệt* lòng mình, cũng nao-nao lòng người! »
Rằng: « Quen mất nết đi rồi,
« Tẻ, vui, thôi cũng tính trời biết sao!
« Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
« Họa dần-dần bớt chút nào được không. »

2°) *Cho Hồ Tôn-Hiến nghe*

Trong quân mở tiệc hạ công (11),
Xôn-xao tơ trúc, hội-đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
Giở say lại ép *cung* đàn *nhặt* tâu.

Một cung gió thảm, mưa sầu,
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve *kêu*, vượn hót nào tày,
Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.
Hỏi rằng: « Này khúc ở đâu ?
Nghe ra muôn *thảm* nghìn sầu lắm thay ! »
Thưa rằng: Bạc-mệnh khúc này,
Phổ (12) vào đàn ấy những ngày còn thơ.
« Cung *cầm* lựa những ngày xưa,
« Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây ! »

3°) *Cho Kim Trọng nghe sau khi tái hợp*

Tình xưa lai-láng khôn hàn (13),
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: « Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi !
« Ăn-năn thì sự đã rồi,
« Nể lòng người cũ, vâng lời một phen. »
Phím đàn dìu-dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đâu đầm-ấm dương hòa (14),
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-sinh (15) ?
Khúc đâu êm-ái xuân tình,
Ấy hồn Thục-đế hay mình đỗ-quyên (16) ?
Trong, sao châu rỏ duềnh quyên (17) ?
Ấm, sao hạt ngọc Lam-điền mới đông (18) ?
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng não-nùng xôn-xao ?
Chàng rằng: « Phổ ấy tay nào ?
« Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy ?
« *Tẻ* vui bởi tại lòng này,
« Hay là khổ tận, đến ngày cam lai (19) ? »
« Nàng rằng: « Vì chút nghề chơi,
« Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !
« Một phen tri-kỷ *cùng* nhau,
« Cuốn dây từ *đấy*, về sau cùng chừa. »

Bản chép khác. — Câu 468 :... *cầm* nâng... — Câu 469 :... riêng *tây*. — Câu 470 :... cho *bận*... — Câu 478 :.. Một rằng *Hoa-nhạc*, hai rằng *Qui-vân*. — Câu 486 :... ngồi *đấy mà*... — Câu 491 : *So* chi những *bục*... Câu 492 : *Đột*... — Câu 2565 : *Quản-trung*... — Câu 2568 ... *vận* đàn nhặt tâu (hoặc) : ... cung đàn *nhặt* tâu. — Câu 2571 : Ve *ngâm*... — Câu 2574 : ..muôn *oán*... — Câu 2577 : Cung *đàn*... — Câu 3209 : *Thương* vui... — Câu 3212 :... *mừng* nhau (hoặc) :... *màng* nhau. — Câu 3214 :... từ *đó*...

Chú-thích. — (1) *Cầm-đài* 琴臺 : chỗ gảy đàn của Tư-mã Tương-Như ngày xưa ; đây mượn để nói về sự gảy đàn hay. — (2) *Câu 464* : Chung Kỳ : tức là Chung Tử-Kỳ, người đời Xuân-thu có tiếng sành nghe đàn, thường thưởng-thức tiếng đàn của Bá Nha là một tay hay đàn có tiếng đời bấy giờ. Khi Bá Nha gảy đàn mà nghĩ đến núi cao thì ông khen : « Tiếng đàn chót-vót như núi cao ! » ; khi Bá Nha nghĩ đến nước chảy, thì ông lại khen : « Tiếng đàn cuồn-cuộn như nước chảy ! » Sau khi Tử-Kỳ chết, Bá Nha dứt dây, đập đàn đi, bảo rằng : « Trong thiên-hạ không còn ai nghe được đàn ta nữa ». — (3) *Tiện kỹ* 賤技 : nghề khéo hèn mọn ; đây là lời nói khiêm. — (4) *Thân* : tiếng cổ, cũng như tiếng « thay » ; « lắm thân » cũng như « lắm thay ! » — (5) *Dây vũ, dây văn* : dây vũ là dây to, dây văn là dây nhỏ. — (6) *Cung, thương* 宮商 : hai âm trong ngũ âm (cung, thương, giốc, chủy, vũ). — (7) *Tư-mã Phượng cầu* : Tư-mã là Tư-mã Tương-Như, người đời nhà Hán. Phượng-cầu là khúc « Phượng cầu kỳ hoàng » (chim phượng tìm chim hoàng) của Tương-Như gảy, tiếng đàn não-nùng ai-oán, khiến nàng Trác Văn-Quân (một người đàn bà góa chồng còn trẻ) nghe phải cảm-động sinh mê, sau hai bên lấy nhau. — (8) *Kê Khang* : một người hay đàn về đời nhà Tấn. *Quảng-lăng* : tên một khúc đàn thần dạy cho Kê Khang. — (9) *Quá quan* : qua cửa ải. *Chiêu-quân* : cung-nhân đời nhà Hán, vua gả cho chúa Hung-nô, lúc ra đến cửa ải, cưỡi ngựa gảy đàn tì-bà để tả nỗi nhớ nước nhớ nhà. — (10) *Tiêu-tao* 簫騷 : buồn-bã. — (11) *Hạ công* : mừng công đánh xong giặc. — (12) *Phổ* 譜 : biên ghi cung điệu bài đàn. — (13) *Khôn hàn* : khó ngăn lại được. — (14) *Dương-hòa* 陽和 (dương : mặt trời ; hòa : êm-ái) : ý nói ấm-áp như khí nóng mặt trời. — (15) *Hồ điệp* 蝴蝶 : bươm-bướm. *Trang-sinh* : tức là Trang Chu xưa nằm mơ thấy mình hóa ra bươm-bướm. — (16) *Đỗ-quyên* 杜鵑 : chim tu-hú. Tục truyền *Thục-đế* xưa mất nước, chết hóa làm con đỗ-quyên ngày đêm kêu mãi không thôi. — (17) *Châu rỏ duềnh quyên* (châu : hạt châu ; rỏ : rỏ nước mắt ; duềnh : chỗ nước sâu ; quyên : mặt trăng) : hước biển có ánh trăng soi vào, trông như hạt châu rỏ nước mắt. — (18) *Lam-điền* : tên một huyện thuộc tỉnh Thiểm-tây là nơi sản ngọc qui. *Mới đông* : mới đọng lại, mới thành. — (19) *Cam lai* 甘來 (cam : nghĩa đen là ngọt ; đây là vui sướng) : sự vui sướng đến.

88. — Kiều nhớ nhà

1°) *Khi ở lầu Ngưng-bích*

Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng (1),
Tin sương luống hãy rày *trông* mai chờ.
Bên trời góc bể bơ-vơ,
Tấm son (2) gột *rửa* bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai (3),
Quạt nồng ấp lạnh (4), những ai đó giờ ?
Sân Lai (5) cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử (6) đã vừa người ôm !
Buồn trông cửa bể *chiều* hôm,
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa-xa ?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man-mác, biết là về đâu ?
Buồn trông nội cỏ rầu-rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt *duềnh*,
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

2°) *Khi ở thanh-lâu*

Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau !
Nhớ ơn chín chữ cao sâu (7),
Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà.
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này !
Sân hòe (8) *đôi chút thơ-ngây*,
Trân cam (9), ai kẻ đỡ thay việc mình ?
Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa-xôi, ai có biết tình chăng ai ?
Khi về hỏi liễu Chương-đài (10),
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay !
Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chắp *cành* này cho chưa ?

Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương quan (11) luống *lần* mơ canh dài!
Song sa (12) vò-võ phương trời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng (13)!

3°) *Khi lấy Thúc-sinh*

Nàng từ chiếc bóng song the;
Đường kia nỗi nọ, như chia mối sầu.
Bóng dâu đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi?
Tóc thề đã chấm *ngang* vai,
Nào lời non nước, nào lời sắt son!
Sắn bìm (14) chút phận con-con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn chó chăng?
Thân sao lắm nỗi bất bằng?
Liều như cung Quảng *ả* Hằng (15) nghĩ nao (16)!

4°) *Khi lấy Từ Hải*

Nàng *thi* chiếc bóng song mai (17),
Đêm thu đằng-đẵng, nhặt cài then mây (18).
Sân rêu chẳng vẽ dấu giầy,
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.
Đoái thương muôn dặm tử-phần (19),
Hồn quê theo ngọn mây Tần (20) xa-xa.
Xót thay huyên cỗi xuân già (21),
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi!
Chốc *đà* mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương!
Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,
Dẫu lìa *ngó ý*, còn vương tơ lòng (22).
Duyên em dù nối chỉ hồng (23),
May ra khi đã tay bồng tay mang.
Tấc *lòng* cố-quốc tha-hương,
Đường kia nỗi nọ, ngổn-ngang bời-bời.
Cánh hồng (24) bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm.

Bản chép khác. — Câu 1040:... rày *mong*... (hoặc):... luống *những* rày *mong*... — Câu 1042:... gột *đến*... — Câu 1047:... *gần* hôm. — Câu 1053:... mặt *ghềnh*. — Câu 1251: *Nỗi* lòng... — Câu 1257: *Long-đong nhà bạc em* ngây. — Câu 1264:... *cây* này... (hoặc):... *cỗi* này... — Câu 1266:... *mần*-mơ... — Câu 1631:... *quanh* vai. — Câu 1633: *Cát đằng*... — Câu 1634: *Nhân* duyên... — Câu 1636:... *chị* Hằng... — Câu 2231: Nàng *từ*... — Câu 2232: *Ngày* thu... — Câu 2239:... *là*... — Câu 2242:... *mối chỉ*... — Câu 2245: Tấc *niềm*..

Chú-thích. — (1) *Người dưới nguyệt chén đồng*: người cùng với mình ngồi dưới bóng trăng uống chén rượu mà thề chữ « đồng tâm ». — (2) *Tấm son*: dịch chữ « đan tâm 丹心 », chỉ tấm lòng trung-nghĩa hoặc trinh-bạch. — (3) *Người tựa cửa hôm mai*: người mẹ. Do tích chép trong *Chiến-quốc sách*: bà mẹ Vương Tôn-Giả, người đời Chiến-quốc, một lần mắng con rằng: « Mày đi buổi sớm mà chậm về thì tao tựa cửa đứng mong; mày đi buổi tối mà chưa về thì tao tựa cổng đứng mong. Nay mày thờ vua, vua chạy trốn, mà mày không biết vua ở đâu, mày còn về làm gì? » Thì ra lần ấy vua Tề Mân-vương là ông vua Tôn-Giả đương thờ bị tướng nước Sở giết chết mà Tôn-Giả bỏ chạy về nhà, nên bị bà mẹ mắng như thế. — (4) *Quạt nồng, ấp lạnh*: chữ trong *Kinh Lễ*: Thờ cha mẹ, quạt khi nồng, ấp khi lạnh (*ấp* đây là ấp chỗ cha mẹ nằm cho ấm trước khi mời cha mẹ đi nằm). — (5) *Sân Lai*: sân nhà cha mẹ. Do tích chép trong *Cao-sĩ truyện*: Lão *Lai*, người đời nhà Chu, đã bảy mươi tuổi mà cha mẹ hãy còn; một hôm, ông mặc áo ngũ sắc ra sân múa, rồi giả cách ngã, khóc như trẻ con, để làm vui cho cha mẹ. — (6) *Tử* 梓: tên một thứ cây; đây chỉ cha mẹ. Do câu trong *Kinh Thi*: « Duy tang dữ tử, Tất cung-kính chỉ 維桑與梓,必恭敬止. » (Cây dâu và cây tử, ắt phải kính trọng), vì hai cây ấy cha mẹ đã giồng. — (7) *Chín chữ cao sâu*: chín chữ trong *Kinh Thi* (thơ Lục-nga) nói về công ơn cao sâu của cha mẹ. Chín chữ ấy là: sinh 生 (cha sinh), cúc 鞠 (mẹ nuôi trong thai), phủ 拊 (vỗ-về), súc 畜 (cho bu), trưởng 長 (mong cho lớn), dục 育 (nuôi), cố 顧 (trông nom), phục 復 (bế ẵm), phúc 腹 (nâng-niu). — (8) *Sân hòe*: Vương Hựu, người đời nhà Tống, trồng ba cây hòe ở trong sân, chủ ý mong cho con sau này làm đến chức tam công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội-họp có ba cây hòe chỉ chỗ của ba vị tam công). Sau quả-nhiên con ông là Vương Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ « sân hòe » ở đây chỉ anh em. — (9) *Trân cam* 珍甘: của ngon vật lạ dâng lên cha mẹ xơi. — (10) *Liễu Chương-đài*: nghĩa bóng là tình-nhân (xem câu chú-thích số (7) ở Bài 70. — (11) *Hương quan* 鄉關: cõng làng, chỉ quê hương. Giấc hương quan là giấc ngủ mơ-màng đến quê hương. — (12) *Song sa*: cửa sổ che màn bằng sa. — (13) *Câu 1268*: *Hoàng-hôn* 黃昏 (hoàng: vàng; hôn: tối): lúc nhá-nhem tối. Chữ « hôn-hoàng » cũng nghĩa ấy. Cả câu ý nói: ngày nay hết, lại ngày mai hết. — (14) *Sắn, bìm*: dây sắn và dây thìm-bìm, ví với người vợ lẽ. Như chữ « cát

lũy ». — (15) *Cung Quảng, ả Hằng* : Cung Quảng là cung trăng. Do tích vua Đường Minh-hoàng, giữa hôm rằm tháng tám, có người phù-thủy dùng phép đưa lên chơi trên cung trăng, thấy có sáu chữ đề : « Quảng hàn thanh-hư chi phủ 廣寒清虛之府 » (Cái phủ rộng-rãi, lạnh-lẽo, trong-trẻo, hư-không). Ả Hằng là Hằng Nga, vợ Hậu Nghệ, ăn cắp thuốc tiên của chồng, rồi trốn lên cung trăng. Bốn chữ ấy ý nói : phải ở một mình như Hằng Nga ở trên cung trăng. — (16) *Nao* : bồn-chồn bối-rối. — (17) *Song mai* : cửa sổ ngoài có hoa mai. — (18 *Nhặt cài then mây* : cài cái then cửa chặt-chẽ. Ý nói : đóng kín cửa, ngồi trong nhà. — (19) *Tử phần* 梓枌 : tên hai thứ cây, dùng để chỉ quê hương. — (20) *Theo ngọn mây Tần* : nghĩa bóng là nhớ nhà. Chữ lấy trong câu thơ của Hàn Dũ đời Đường : « Vân hoành Tần-lĩnh, gia hà tại ? 雲橫秦嶺家何在 » (Mây che ngang núi Tần, không trông thấy nhà ở đâu). — (21) *Huyên cỗi xuân già* : cha mẹ già. Huyên : xem câu chú-thích số (1) ở bài 105. *Xuân* : xem câu chú-thích số (7) ở Bài 84. — (22) *Câu 2242* : « ngó » và « tơ » đây là ngó sen và tơ sen. Cả câu ý nói : tuy xa cách tình-nhân mà lòng vẫn nhớ đến, ví như cái ngó sen tuy gẫy mà tơ nó vẫn liền. — (23) *Chỉ hồng* : dịch chữ « xích thằng 赤繩 », chỉ việc hôn-nhân. Do tích chép trong *Tình-sử* : Đời nhà Đường, Vi Cố đi kén vợ, gặp một ông cụ ngồi dựa túi xem sách dưới bóng trăng. Anh ta hỏi, thì ông cụ bảo sách ấy chép tên những người lấy nhau và túi ấy đựng những sợi chỉ hồng (xích thằng) để buộc chân hai người phải lấy nhau, không sao gỡ ra được nữa. Anh ta hỏi phải lấy ai, thì ông cụ chỉ một đứa bé lên ba tuổi ở trong tay một người đàn bà chột mắt đem rau ra chợ bán mà bảo đó là vợ Vi Cố. Cố giận, sai người đâm con bé ấy, nhưng nó chỉ bị thương thôi. Cách mười bốn năm sau, quả nhiên Vi Cố lấy người con gái ấy. Do tích ấy, nên những chữ « xích thằng », « chỉ hồng », « tơ thắm » dùng để chỉ việc hôn-nhân, và những chữ « nguyệt lão », « trăng già », « ông Tơ », « bà Nguyệt » dùng để chỉ vị thần chủ về việc hôn-nhân. — (24) *Hồng* 鴻 : giống ngỗng trời ; đây dùng để ví với Từ Hải.

HỒ XUÂN-HƯƠNG 胡春香

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú* (11).)

89. — Động Hương-tích (1)

Bày đặt *kìa* ai khéo khéo *phỏm* !
Nứt ra một lỗ hỏm-hòm-hom.
Người quen cõi Phật chen chân xọc,
Kẻ lạ bầu Tiên mỏi mắt dòm,
Giọt nước hữu tình rơi thánh-thót,
Con thuyền vô trạo (2) cúi lom-khom.

Lâm-tuyền quyến cả phồn-hoa lại,
Rõ khéo trời già đến dở-dom !

Bản chép khác. — Câu 1 : . . . *vì* . . . *phồm.*

Chú-thích. — (1) *Động Hương-tích* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 64. — (2) *Vô trạo* 無 棹 : không có bơi chèo.

90. — Quán khách bên đường

Đứng chéo trông *theo* cảnh *hắt-heo*,
Đường đi thiên-thẹo, quán cheo-leo.
Lợp lều, mái cỏ tranh xơ-xác ;
Xỏ kẽ, *kèo* tre đốt *khẳng-kheo.*
Ba *chạc* cây xanh hình uốn-éo ;
Một dòng nước biếc *cảnh leo*-teo
Thú vui quên cả niềm lo cũ,
Kìa cái diều ai nó lộn lèo.

Bản chép khác. — Câu 1 : . . . *xem* . . . *rậm-rèo.* — Câu 4 : . . . *cầu* . . . *ngẳng-nghi* . — Câu 5 : . . . *gạc* . . . — Câu 6 : . . . *chảy tăm* . . . — Câu 7-8 : *Nhìn xem phong-cảnh vai là thế, Nỡ để tri-âm khách nhạt lèo !*

91. — Tự tình

Tiếng gà văng-vẳng gáy trên bom ;
Oán-hận trông ra khắp mọi chòm.
Mõ thảm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh, *cớ sao* om ?
Trước nghe những tiếng thêm rầu-rĩ,
Sau giận vì duyên để mõm-mòm !
Tài-tử văn-nhân ai đó tá !
Thân này đâu đã chịu già tom ?

Bản chép khác. — Câu 4 : *Trống . . . cũng kêu . . .*

92. — Than thân

Canh khuya văng-vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng-nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vừng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám;
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại:
Mảnh tình san-sẻ tí con con.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN(1)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (13).*)

93. — Chùa Trấn-bắc

Trấn-bắc hành-cung cỏ dãi-dầu,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau.
Mấy tòa sen rớt *mùi* hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu.
Sóng lớp phế-hưng coi đã rộn,
Chuông *hồi* kim-cổ lắng càng mau.
Người xưa, cảnh cũ, *nào* đâu tá?
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu!

Bản chép khác. — Câu 1-2: *Qua chơi Trấn-quốc cảnh buồn-rầu, Ngao-ngán tình xưa, đạ chạnh* đau. (hoặc): *Ngoài cửa* hành-cung cỏ dãi-dầu, *Chạnh niềm cố-quốc nghĩ mà* đau. — Câu 3: . . . *hơi* . . . — Câu 6: . . . dồn . . . — Câu 7: . . . *đi* (hoặc: *đâu*) . . .

Chú-thích. — (1) *Chùa Trấn-bắc*: tên một ngôi chùa ở bờ phía đông Hồ Tây thành Hà-nội. Nguyên tên là chùa An-quốc 安國, làm tự đời nhà Trần; đến năm Vĩnh-tộ thứ 10 (1628) đời vua Lê Thần-tôn, làm lại, đổi tên là chùa Trấn-quốc 鎮國. Năm Dương-hòa thứ 5 (1639), chúa Trịnh (Trịnh Tráng) sửa sang rộng thêm, lại đổi tên là chùa Trấn-bắc 鎮北; vua Lê chúa Trịnh thường ngự tới đó thưởng sen.

94. — Chiều hôm nhớ nhà

Vàng tỏa non tây, bóng ác tà;
Đầm-đầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa.
Ngàn mai lác-đác chim về tổ;
Dặm liễu bâng-khuâng khách nhớ nhà.

Còi mục thét trăng miền khoáng-dã (1);
Chài ngư tung gió bãi bình-sa (2).
Lòng quê một bước nhường ngao-ngán,
Mấy kẻ tình chung có thấu là ?

Chú-thích. — (1) *Khoáng-dã* 曠野 : cánh đồng rộng. — (2) *Bình-sa* 平沙 : cát phẳng.

NGUYỄN CÔNG-TRỨ 阮公著 (1778-1858)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (14).*)

95. — Tự thuật

Hai mươi năm lẻ những mơ-màng,
Cuộc thế xem qua đã chán-chường.
Lúc đạt, chẳng qua nhờ vận-mệnh ;
Khi cùng, chớ cậy có văn-chương.
Theo thời cũng rắp tìm nghề khác ;
Bẩm tính đà quen giữ nết ương.
Thời-thế rủi may thời *cũng mặc* :
Ai dư nước mắt khóc giàu sang ?

Bản chép khác. — Câu 1-2 : *Rằng đây hả phải khách tầm-thường. Theo thế cho nên phải giữ-giàng* (hoặc : *Mắt thấy từ đây mới rõ-ràng*). — Câu 5 : *Nghèo . . .* — Câu 6 : *Vốn . . .* Câu 7 : *Hễ chuyện . . . chẳng trách.* — Câu 8 : *Khéo . . .*

96. — Vinh nhục

Đương cơn khổ nhục, lắm người khinh ;
Vốn hễ làm người nhục có vinh.
Vận đỏ, ghe (1) người cho muối cá ;
Hồi đen, lắm kẻ xóc xương kình.
Đại-nhân bao quản *lời* chênh-lệch ;
Quân-tử khôn *từ* chốn đá đanh.
Thôi *hẵng* đợi *trời* bình-trị đã,
Gặp thời vỗ cánh sẽ ra danh.

Bản chép khác. — Câu 5 : . . . *đường* . . : — Câu 6 : . . . *nài* . . . — Câu 7 : . . . *hãy* . . . *chờ* . . .

Chú-thích. — (1) *Ghe* : nhiều.

97. — Thế-tình bạc-bẽo

Đéo mẹ nhân-tình đã biết rồi,
Lạt như nước ốc, bạc như vôi.
Tiền tài hai chữ son khuyên ngược;
Nhân nghĩa đôi đường nước chảy xuôi.
Chân có chẹt rồi thời há miệng;
Vòng chưa thoát khỏi đã cong đuôi (1).
Dám xin các bác phen này nữa;
Nấu xảo, xin đừng nấu xáo voi (2).

Bản chép khác. — Câu 2: *Khéo đen như mực*, bạc như vôi. (Hoặc): *Đen như chó mực*, bạc như vôi. — Câu 5-6: *Tốt lộc chưa hờ thời đã dạ; Xấu màu không đánh cũng xin lui.* — Câu 7: *Thôi thôi dặn lại điều* này nữa.

Chú-thích. — (1) Tục-ngữ có câu: Chưa khỏi vòng, đã cong đuôi.
(2) Tục-ngữ có câu: Mười voi không được một bát xáo.

98. — Khuyên người đời

Cho hay thiên-hạ khéo xem gương:
Hễ khó thời thôi mấy kẻ màng.
Miệng nói đã *đành* mua chuyện ghét;
Tay không *chưa dễ* ép người thương.
Khéo khôn ai *cũng tranh* phần được;
Trong sạch ta *thời* giữ mực thường.
Đi lại chẳng qua thời với mệnh,
Cũng đừng thắc-mắc (1), *chớ* lo-lường.

Bản chép khác. — Câu 3: . . . *toan*: . . — Câu 4: . . . *dễ dám*. : . — Câu 5: . . : *dễ chen*. . : — Câu 6: . . . *nhưng*. : .

Chú thích. — (1) *Thắc-mắc*: không yên.

99. — Cây thông

Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tanh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời *vách đá* cheo-leo,
Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

Bản chép khác. — Câu 5: . . . *cành lá*. : :

100. — Chí nam-nhi

Thông-minh nhất nam-tử,
聰 明 一 男 子
Yếu vi thiên-hạ kỳ (1).
要 爲 天 下 奇
Trót sinh ra thì phải có chi-chi,
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.

Đố-kỵ sá chi con Tạo,
Nợ tang-bồng (2) quyết trả cho xong.
Đã xông-pha bút trận, thì gắng-gỏi kiếm cung,
Làm cho rõ tu-mi nam-tử.

Trong vũ-trụ đã đành phận-sự,
Phải có danh mà đối với núi sông.
Đi không, chẳng lẽ về không.

Chú-thích. — (1) *Hai câu 1-2* : một người con trai thông-minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên-hạ. — (2) *Tang-bồng* : xem câu chú-thích số (2) ở Bài 43.

101. — Kẻ sĩ

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt ;
爵 有 五 士 居 其 列
Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên (1).
民 有 四 士 爲 之 先
Có giang-sơn thì sĩ đã có tên ;
Từ Chu, Hán, *vốn* sĩ *này* là qui.

Miền hương-đảng đã *khen* rằng hiếu *nghị* (2) :
Đạo lập-thân phải giữ lấy cương-thường.
Khí hạo-nhiên chí đại chí cương (3),
So chính-khí *đã* đầy trong trời đất.

Lúc vị ngộ, hối-tàng nơi bồng-tất (4),
Hiêu-hiêu nhiên điếu Vị, canh Sằn (5).
Xe bồ-luân *dầu chưa gặp* Thang, Văn (6),
Phù thế-giáo một vài *câu* thanh-nghị (7).

Cầm chính-đạo để tịch tà cự bí (8),
Hồi cuồng lan nhi chướng bách xuyên (9).
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
Đem *quách* cả sở tồn làm sở dụng.

Trong lang-miếu ra tài lương-đống (10),
Ngoài biên-thùy *rạch mũi* can-tương (11).
Làm sao cho bách thế lưu phương,
Trước là sĩ, sau là khanh tướng.

Kinh-luân khởi tâm thượng, binh-giáp *tàng* hung trung;
經綸起心上, 兵甲藏胸中
Vũ-trụ chi *gian* giai phận-sự, nam-nhi đáo thử thị hào-hùng (12).
宇宙之間皆分事, 男兒到此是豪雄.
Nhà nước yên mà *sĩ* được thung-dung,
Bấy giờ *sĩ mới tìm* ông Hoàng-thạch (13)

Năm ba chú tiểu-đồng lếch-thếch,
Tiêu-dao nơi *hàn-cốc*, thanh-sơn (14).
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đờn,
Đồ thích *chí chất* đầy trong *một túi*.

Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,
Gẫm việc đời mà *ngắm* kẻ trọc thanh.
Này này sĩ mới hoàn danh.

Bản chép khác. — Câu 4: *Đời... nhất... đều...* — Câu 5: ... *xưng* rằng hiếu nghị (hoặc): ... khen rằng hiếu *để*. — Câu 8: ... *cho*... — Câu 11: ... *chưa gặp hội*... — Câu 12: ... *lời*... — Câu 16: ... *chí*... — Câu 18:... *cậy sức* ... — Câu 19: *Sĩ làm cho*... — Câu 20: *Đầu nhất*... — Câu 21:... *tự*... — Câu 22:... *nội*... — Câu 23:... *mình*... — Câu 24:... *sẽ hỏi thăm*... — Câu 26: *Tạ những... bích-thủy*... — Câu 27: *Nào là thi, nào là tửu, nào là địch, nào là đàn*. — Câu 28:... *thú để... cuộc thế*. — Câu 30:... *nhắm*...

Chú-thích. — (1) *Hai câu 1-2*: Tước có năm bậc thượng đại-phu khanh, hạ đại-phu, thượng-sĩ, trung-sĩ, hạ-sĩ), sĩ được liệt vào trong; dân có bốn hạng (sĩ, nông, công, thương), sĩ đứng đầu tiên. — (2) *Nghị* 誼: tình nghĩa. — (3) *Khí hạo-nhiên chi đại chi cương*: khí lớn-lao rất to rất cứng; nói về cái « chính khí », cái khí-tiết ngay thẳng của những bậc anh-hùng. — (4) *Lúc vị ngộ hối-tàng nơi bồng-tất* (vị ngộ: chưa gặp; hối-tàng: ẩn náu; bồng-tất: tên hai thứ cỏ): lúc chưa gặp thời thì ẩn-náu ở nơi thôn-quê. — (5) *Điếu Vị, canh Sản*: Điếu Vị: câu cá ở sông Vị; theo

tích ông Lã Thượng (xem câu chú-thích số (11) ở Bài 63). Canh Sằn : cày ở đất Sằn. Ông Y Doãn cày ruộng ở đất Sằn, vua Thương Thang nghe tiếng ông là người hiền, vời ông ra làm tướng, ba lần mời, ông mới chịu ra ; sau giúp vua Thang đánh vua Trụ, lập nên cơ-nghiệp nhà Thương. — (6) *Xe bồ-luân đầu chưa gặp Thang, Văn* : Xe bồ-luân (bồ : tên một thứ cỏ ; luân : bánh xe) : thứ xe bánh có quấn cỏ bồ cho êm, vua dùng để đón người hiền. Thang, Văn : tức là vua Thương Thang đã đón ông Y Doãn và vua Chu Văn-vương đã đón ông Lã Thượng. — (7) *Phù thế-giáo một vài câu thanh-nghị* : phù thế-giáo 扶世教 : giúp cho đạo-giáo của đời. Thanh-nghị 清議 : lời bàn-bạc khen kẻ hay, chê kẻ dở. — (8) *Tịch tà cự bỉ* 闢邪距詖 : trừ những điều gian-tà, ngăn những điều bất-chính. — (9) *Hồi cuồng-lan nhi chướng bách xuyên* 迴狂瀾而障百川 : ngăn sóng dữ mà giữ các dòng sông. — (10) *Lang-miếu* 廊廟 : nói chung về đền đài nhà vua ; đây nói làm quan ở kinh-đô. *Lương-đống* 樑棟 : rường và cột ; nghĩa bóng : người cáng-đáng công việc trọng-đại trong nước. — (11) *Can-tương* 干將 : tên một thanh gươm của vua Hạp Lư nước Ngô ; đây chỉ chung các binh-khí. — (12) *Hai câu 21-22* : Tài sắp đặt việc nước tự trong lòng ra, đồ dùng để đánh giặc chứa sẵn ở trong bụng ; trong khoảng trời đất đều là phận-sự của mình, con trai đến thế mới hào-hùng. Cả câu ý nói : làm trai vừa có tài văn để trị nước, vừa có tài võ để dẹp giặc, bất cứ việc gì cũng cáng-đáng được, thế mới là giỏi. — (13) *Hoàng-thạch* : tức là Hoàng-thạch-công 黃石公 : một bậc ẩn-dật ở bên Tàu đời xưa. — (14) *Hàn-cốc, thanh-sơn* 寒谷青山 : hang lạnh, núi xanh.

102. — Cầm kỳ thi tửu

Cầm, kỳ, thi, tửu,
Đường ăn chơi mỗi vẻ mỗi hay.
Đàn năm cung, giéo-giắt tình-tình đây ;
Cờ đôi nước, rập-rình xe ngựa đó.

Thơ một túi, phẩm-đề câu nguyệt lộ (1) ;
Rượu ba chung (2), tiêu-sái cuộc yên-hà (3).
Thú xuất trần, tiên vẫn là ta ;
Sánh Hoàng-thạch, Xích-tùng (4), ở cũng đáng.

Cầm tứ tiêu nhiên, kỳ tứ sảng ;
琴思瀟然棋思爽
Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nồng (5).
詩懷樂矣酒懷濃
Một chữ nhàn giá lại đáng muôn chung (6)
Người ở thế, dẫu trăm năm là mấy.

Sách có chữ : « Nhân sinh thích chí 人生適志 »,
Đem ngàn vàng chác lấy chuyện cười.
Chơi cho lịch mới là chơi,
Chơi cho đài-các, cho người biết tay.
Tài tình dễ mấy xưa nay.

Chú-thích. — (1) *Phẩm-đề* 品題 : phê lời khen. *Nguyệt lộ* 月露 : trăng và móc ; ý nói văn hay. — (2) *Chung* 鍾 : chén uống rượu. — (3) *Tiêu-sái* 瀟洒 : phóng-khoáng, không vướng-viu. *Yên-hà* 煙霞 (yên : khói, đây là hơi, mù ; hà : ráng) : nói về cái cảnh thiên-nhiên, cái thú ẩn-dật. — (4) *Hoàng-thạch* : xem câu chú-thích số (13) ở Bài trên. *Xích-tùng* : tức là Xích-tùng-tử 赤松子 : tên một ông tiên đời xưa. — (5) *Hai câu 9-10* : Tứ đàn trong-trẻo, tứ cờ sáng-sủa ; lòng thơ vui-vẻ, lòng rượu nồng-nàn. — (6) *Muôn chung* : dịch chữ « vạn chung » (xem câu chú-thích số (7) ở Bài 71).

103. — Nhân-tình thế-thái

Gớm chết nhân-tình thế-thái,
Nhạt, nồng coi chiếc túi đầy, vơi.
Trông tốt màu, lựa ý, theo hơi,
Giọng thù-phụng ngọt-ngào đủ mực.

Khi trở quẻ, sa mày, nặng mặt,
Thói đảo-điên, hủng-hỉnh (1) không
Nghe ra thì cũng buồn cười,
Nghĩ lại, từ đây phải chạy.

Buộc chỉ cổ tay chừa chước ấy,
Chống rèm con mắt (2) ngắm sau này.
Việc trăm năm ngày tháng hãy dài,
Đường kim cổ hẳn nhiều lúc gặp.

Thôi cũng chớ can chi mà gấp,
Bỗng bôn-chôn, hấp-tấp khéo xinh.
Gớm cho thế-thái nhân-tình !

Chú-thích. — (1) *Hủng-hỉnh* : làm cao. — (2) *Rèm con mắt* : mi mắt.

LÝ VĂN-PHỨC 李文馥

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (1).*)

104. — Tự thuật ký (1)

Ở cõi trời Nam ; có người đất Bắc (2).

Dòng thi-lễ vốn Minh-triều tạt lại (2) ; áng binh-qua vừa Lê mạt xuống sinh.

Nhờ nghĩa-phương (3) từ bé chút từng nghe, dưới sân nghiêm mắt quở tai răn, tính du-đãng uốn lần cho nhập giáo (4), — theo học-nghiệp đã lớn khôn biết nghĩ, bên trướng ráng sớm ôn tối đọc, việc tập-tành gắng mãi cũng thành danh.

Vận đổi-xoay vừa chán cuộc tang-thương ; — cơ bình-trị sớm rạng vừng thiên-nhật.

Khoa đinh-mão (5) cũng nước bầu cơm gói, tiếc lẽ đi không về luống, kỳ tứ-trường còn nhượng bảng Tòn-sơn (6) ; — chốn Tràng-an (7) thời củi quế gạo châu (8), lấy gì ngọt thảo bùi thơm, đường bách lý những ghi lời Tử Lộ (9).

Nghề buôn bán tay không khôn vỗ ; — bước khó-khăn đầu gối hay bò.

Cất mình đi đem lưỡi bút thay cày, hết miền Cổ-nhuế (10), lại phố Thăng-long (11), nhờ lộc thánh để giúp công rèn tập ; — làm thế lại giở túi nghề đãi khách, nay số Tử-vi, mai pho Dã-hạc, mượn giá thày cho đắt tiếng xem coi.

Nhân cùng tri đoản, hết nói khôn ngoan ; — bĩ cực thái lai, là nhờ vận chuyển.

Trường ất-mão (12) may dự tên hương-tiến (13), hàng thường lệ (14) nối liền ba nhánh, công sinh-thành đã hớn-hở mẹ cha ; — năm canh-thìn (15) vàng ứng chiếu hạ trung (16), cánh tiêu-liêu (17) gửi ghé một cành, đường vinh-đạt cũng theo đòi bạn hữu.

Ti-lạp (18) chung nhờ lộc nước ; — đầu-thăng (19) riêng thiết nỗi nhà.

Trông quãng mây che đỉnh Hỗ khuất đi, một phong thư lặn suối trèo non, mở ra xem giấy thảm mực sầu, kêu trời thẳm những cắt lòng nơi lữ-xá ; — đội vừng nguyệt chỉ quê Phần (20) ruổi lại, hai tháng hạn nằm rơm gối đất, tả chưa hết dòng thương giọt tủi, lạy mẹ già thôi trở gót chốn thần-kinh.

Yên phận tôi, đâu kể nỗi gia-tình; — gác chữ hiếu phải chăm bề công-sự.

Tài sơ-thiển chực một bề tôm-tép, lần-lữa mưa sương nắng nguyệt, trữ tháng ngày nên dự số công-lao; — duyên tao-phùng may nghìn thủa rồng mây, vẻ-vang áo mãng đai mồi, tuôn mưa móc thấm cả mình bố-tố (21).

Đường mây thanh-thả, khi quận khi triều; — bể hoạn chập-chờn, có vinh có nhục.

Vinh thay buổi ra vào bên điện bệ, phận hàn-sĩ thoát nhẩy ngôi quan cả: tuy chẳng được bảng vàng bia đá, nghĩ lại sáu bảy năm chừng ấy, tám chín phần đã trả nợ sách đèn; — nhục thay khi ngồi đứng gốc hành-dương (22), thân á-khanh cam sánh kẻ lính già: gượng cho qua cháo muối cơm rau, tính dồn ba bốn tháng dài ghê, trăm nghìn nỗi đủ nếm mùi cay đắng.

Tội thần-tử dẫu búa rìu cũng đáng; — ơn thánh-minh rồi sấm sét lại qua.

Lầu thái-vân đâu nẩy xuống tiếng tơ, may bóng dương còn soi đến dấu bèo, nét son thắm sáng lòe nhà ngục-thất; — khối bạch-cốt bỗng nở dần gân thịt, nhờ hòn đất lại nắm lên ông bụt, giấc mộng tàn tỉnh cả chốn cư-đình (23).

Trải nhục rồi, mới biết thủa xưa vinh; — được sống lại, dám quản đâu là thác.

Đếm vời bể đã sáu lần thiệp-lịch (24), sóng gió kể bao phen chìm nổi, chắc trong mình vâng có mệnh quân-vương; — góp non sông vào mấy quyển phẩm-đề, bút nghiên là vốn nghiệp xưa nay, mở con mắt ngó cùng nơi dị-vực.

Trong sai khiến ấy là huấn-hối; — sức hẹp-hòi thêm được kiến-văn.

Đành tấm thân nhờ đào-tạo còn dày, xếp đắc-táng có bàn chi sự cũ; — cầm tấc dạ với quỉ thần không hổ, miễn thủy-chung cho chớ phụ ơn trên.

Buồm thênh-thênh hầu dâng bảng hồi-sai (25); — bút thảo-thảo gọi ghi thiên tự-thuật.

Chú-thích. — (1) *Tự thuật ký* : bài ký kể thân-thế của mình. Bài này tác-giả làm năm 1834 (Minh-mệnh thứ 15) khi vâng mệnh sang công-cán ở Áo-môn trở về (xem câu cuối). Bài này làm theo thể « tứ lục ». — (2) *Người đất Bắc, — Vốn Minh-triều tạt lại* : tác-giả vốn dòng-dõi người Tàu ; khi triều Minh bị nhà Mãn Thanh đánh đổ, tổ-tiên tác-giả mới sang ở bển

nước ta. — (3) *Nghĩa-phương* 義方 : phương-pháp hợp đạo-nghĩa. — (4) *Nhập giáo* 入敎 : vào khuôn-phép. — (5) *Đinh-mão* : tức là năm 1807. — (6) *Nhượng bảng Tôn-Sơn* (Tôn-Sơn 孫山 : tên một người đi thi đỗ cuối bảng) : ý nói hỏng thi. — (7) *Tràng-an* 長安 : nguyên là kinh-độ nước Tàu về đời nhà Tây-Hán (nay ở tỉnh Thiểm-tây) ; sau dùng theo nghĩa rộng để gọi chung kinh-đô nhà vua. — (8) *Củi quế gạo châu* : củi đắt như quế, gạo đắt như hạt châu ; ý nói đắt lắm. — (9) *Đường bách lý những ghi lời Tử Lộ* (bách lý 百里 : trăm dặm ; Tử Lộ 子路 : tên một người học-trò đức Khổng-tử) : xưa Tử Lộ thờ cha mẹ rất hiếu ; nhà nghèo, thường đội gạo đi trăm dặm đường để lấy tiền nuôi cha mẹ. — (10) *Cổ-nhuế* : tên làng, nay thuộc phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông. — (11) *Thăng-long* : tên cũ Hà-nội, đặt ra tự đời vua Lý Thái-tổ. — (12) *Ất-mão* : tức là năm 1819. — (13) *Hương tiến* 鄉薦 : đỗ khoa thi hương. — (14) *Thường-lệ* 常棣 : tên một thứ cây ; lại là tên một thiên trong *Kinh Thi* tả cảnh vui-vầy trong anh em. — (15) *Canh-thìn* : tức là năm 1820. — (16) *Hạ trưng* 下徵 : nói vua hạ tờ chiếu xuống đòi ra làm quan. — (17) *Tiêu-liêu* 椒聊 : tức là cây hồ-tiêu ; tên một thiên trong *Kinh Thi* nói về quả cây hồ-tiêu sai để ví với con cháu nhiều. — (18) *Ti lạp* 絲粒 : sợi tơ và hột gạo. — (19) *Đẩu thăng* 斗升 : đấu và thưng (phần mười của đấu) ; ý nói lương-bổng ít-ỏi. — (20) *Quê Phần* : quê hương. Nguyên vua Hán Cao-tổ quê ở xã Phần-du 枌榆 : (tên hai thứ cây), nên đời sau dùng chữ ấy để gọi quê hương. — (21) *Bố tố* 布素 : áo vải mộc-mạc ; chỉ thân người học-trò. — (22) *Gốc hành-dương* (hành-dương 桁楊 : cùm bằng gỗ) : chỉ nơi ngục-thất. Tác-giả, một lần, đương làm hữu-tham-tri, bị tội phải tước chức ; sau theo phái-bộ đi ra ngoại-quốc hiệu-lực, rồi lại được khai-phục. — (23) *Cư-đình* 居亭 : nhà trọ. — (24) *Đếm vời bể đã sáu lần thiệp-lịch* : sáu lần vượt qua bể khơi. Đây tác-giả nói đến việc được cử đi công-cán ở Tiểu-tây-dương, ở Tân-gia-ba, ở Lữ-tống, ở Quảng-đông, ở Tân-gia-ba lần thứ hai, ở Áo-môn. — (25) *Hồi sai* 回差 : đi việc công-sai trở về.

Nhị thập tứ hiếu diễn âm 二十四孝演音

« Nhị thập tứ hiếu » nghĩa là hai mươi bốn truyện hiếu. Trong tập này (gồm có 416 câu), tác-giả đem truyện hai mươi bốn người con có hiếu chép ở sử sách Tàu đặt ra lời ca song thất lục bát.

105. — Nằm váng, khóc măng

Ngươi Vương Tường cũng ra đời Tấn,
Tủi huyên-đường (1) sớm ẩn bóng xa (2).
Mẹ sau gặp kẻ chua-ngoa,
Tiếng gièm thêu dệt với cha những điều.
Lòng cha chẳng còn yêu như trước,

Lòng con thường chẳng khác như xưa.
Mẹ thường muốn bữa sinh-ngư (3);
Giá đông trời lạnh, bấy giờ tìm đâu ?
Trên vàng đồng, quyết cầu cho thấy :
Cồi áo nằm, rét mấy cũng vui.
Bỗng không vàng lở làm đôi,
Lí-ngư (4) may được một đôi mang về.
Bữa cung-cấp một bề kính thuận,
Mẹ cha đều đổi giận làm lành.
Cho hay hiếu cảm tại mình.
Dẫu trăm giận, lúc hạ tình (5) cũng thôi.
. . . . . .
Ngô Mạnh-Tôn phụ-sinh sớm khuất,
Thờ mẫu-thân lòng thực khăng-khăng.
Tuổi già dẫn-dọc băn-khoăn ;
Khi đau, nhớ bát canh măng những thèm.
Trời đông-nguyệt biết tìm đâu được,
Chốn trúc-lâm phải bước chân đi.
Một thân ngồi tựa gốc tre,
Ôm cây kêu khóc nằn-ni với cây.
Giữa bình-địa, phút giây bỗng nứt,
Mấy rò măng mặt đất nẩy sinh.
Đem về điều đặt bữa canh,
Ăn rồi, bệnh mẹ lại lành như xưa.
Măng mùa lạnh bây giờ mới thấy,
Để về sau nhớ lấy cỏ cây.
Cho hay hiếu động cao dày (6),
Tình sâu nên khiến cỏ cây cũng tình.

Chú-thích. — (1) *Huyên-đường* 萱堂 : (nhà trồng cây huyên) : chỉ người mẹ. Huyên là một thứ cỏ có tính giải phiền, nên còn gọi là « vong ưu thảo 忘憂草 » (Cỏ làm quên nỗi lo), bởi thế hay trồng ở chỗ mẹ ở để mong cho mẹ được vui. *Kinh Thi* có câu : « Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối 焉得萱草, 言樹之背. » (Ước gì được cỏ huyên, mà trồng ở nhà phía bắc [tức là nhà mẹ ở]). Những chữ « huyên-đình », « nhà huyên » cũng có nghĩa ấy. — (2) *Sớm ẩn bóng xa* : mất sớm. — (3) *Sinh-ngư* 生魚 : cá sống. — (4) *Lí ngư* 鯉魚 : cá chép. — (5) *Hạ tình* 下情 : nói người trên đoái tình thương người dưới. — (6) *Cao dày* : trời, đất ; do câu « trời cao, đất dày » nói tắt lại.

NGÔ THẾ-VINH 吳世榮

Biệt-hiệu là Trúc-đường, người xã Bái-dương (nay thuộc p. Nam-trực, t. Nam-định), đỗ tiến-sĩ năm 1829 (Minh-mệnh thứ 10).

105. — Thanh-phong, minh-nguyệt

Giang tâm thu nguyệt *bạch*,
江 心 秋 月 白
Não-nùng thay khi gió mát, lúc trăng thanh !
Bóng thiềm soi đáy nước long-lanh,
Quang-cảnh ấy cũng thanh mà cũng lịch.

Vạn *khoảnh* tịch-nhiên thu dạ vĩnh,
萬 頃 寂 然 秋 夜 永
Nhất hồ oánh nhĩ nguyệt minh thâu (1).
一 壺 瑩 爾 月 明 秋
Đàn năm cung, thơ một *túi*, cờ một cuộc, rượu một bầu,
Tiếng ca quản (2) một vài câu khiển hứng.

Chèo mấy mái, thuyền lan lững-thững,
Bạn mấy người tài-tử *ngạo-du*.
Non mấy tầng, đá mọc *lô-nhô*,
Cầu *mấy* dịp, bắc ngang sông Vị-thủy (3).

Hội Xích-bích nọ năm Tuất nhỉ !
Thú phong-lưu há để một Tô-công (4) ?
Trăng thanh gió mát khó chung.

Bản chép khác. — Câu 1 : Giang tâm, thu nguyệt. — Câu 5 : . . . *lãi* 籟. . . — Câu 7 : . . . *khúc*. . . . — Câu 10 : . . . *tiêu-dao*. — Câu 11 : . . . *so-le*. Câu 12 : . . . *một*. . .

Chú-thích. — (1) *Hai câu 5-6* : Muôn khoảnh (trăm mẫu) vắng ngắt trong đêm dài mùa thu ; một bầu lóng-lánh ánh trăng thâu. — (2) *Ca quản* 歌管 : hát và sáo. — (3) *Vị-thủy* : tức là sông Vị-hoàng chảy qua tỉnh Nam-định. — (4) *Tô-công* : tức là Tô Đông-pha, một bậc danh-sĩ ở bên Tàu về đời Tống. Năm *nhâm-tuất* (1082), ông đi chơi thuyền ở dưới núi *Xích-bích* hai lần, nhân đó làm ra hai bài *Tiền Xích-bích* và *Hậu Xích-bích phú*.

PHAN THANH-GIẢN 潘 清 簡 (1796 - 1867)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (14).*)

107. — Đi sứ nước Pháp

Chín tầng lồng-lộng giữa trời thinh,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình.
Lo nỗi nước kia còn phiến-biến;
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.
Nghìn trùng biển cả sang tây-địa;
Muôn dặm đường xa thẳng đế-kinh.
Mây nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa-minh.

108. — Tuyệt cốc (1)

Trời thời, đất lợi, lại người hòa:
Há để ngồi coi phải nói ra.
Lăm trả ơn vua, đền nợ nước;
Đành cam gánh nặng, ruổi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ;
Vượt biển trèo non, cám phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba (2).

Chú-thích. — (1) *Tuyệt cốc* 絕 穀: không ăn thóc; nhịn đói. Năm 1867, sau khi nộp ba tỉnh phía tây Nam-kỳ (Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên) cho người Pháp, cụ nhịn đói trong mười ngày, rồi uống thuốc độc chết. — (2) *Ba tỉnh lại chầu ba* (chầu: thêm vào): đây là nói ba tỉnh phía tây lại sáp-nhập ba tỉnh phía đông xứ Nam-kỳ (Gia-định, Biên-hòa và Định-tường) mà vua ta đã nhượng cho nước Pháp theo tờ hiệp-ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862.

CAO BÁ-QUÁT 高 伯 适 (? -1854)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (10).*)

109. — Uống rượu tiêu sầu

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,
Cảnh phù-du (1) trông thấy cũng *nực* cười.

Thôi công đâu *chuốc* lấy sự đời,
Tiêu-khiển một vài chuông lếu-láo.

Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,
斷 送 一 生 惟 有 酒
Trầm tư bách kế bất như nhàn (2).
沈 思 百 計 不 如 閒
Dưới thiều-quang thấp-thoáng *bóng* Nam-san (3),
Ngoảnh mặt lại, cửu hoàn coi cũng nhỏ.

Khoảng trời đất, cổ kim, kim cổ,
Mảnh hình-hài, không có, có không.
Lọ là thiên tử, vạn chung (5) !

Bản chép khác. — Câu 2 : . . . *buồn*. . . — Câu 3 : . . . *rước* (hoặc : *chác*) . . . — Câu 7 : . . *Bóng*. . . *dưới*. . . — Câu 9 : *Thuở*. . .

Chú-thích. — (1) *Phù-du* : xem câu chú-thích số (10) ở Bài 36. — (2) *Hai câu 5-6* : Đưa cho đứt một đời người, chỉ có rượu ; ngẫm nghĩ trăm kế, không gì bằng nhàn. Cả hai câu ý nói : nghĩ cho kỹ, ở trên đời, chỉ có uống rượu và an-nhàn là hơn cả. — (3) *Thiều-quang* 韶 光 : ánh sáng đẹp-đẽ. Nam-san 南 山 : quả núi ở phía nam. — (4) *Cửu hoàn* : như chữ hoàn-cầu, khắp trái đất, cả thế-giới. — (5) *Thiên tử, vạn chung* ; xem câu chú-thích số (7) ở Bài 71.

110. — Ngán đời

Thế sự thăng trầm, quân mạc vấn ;
世 事 升 沈 君 莫 問
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu (1).
煙 波 深 處 有 漁 舟
Vắt tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu,
Đem mộng-sự đọ với chân-thân thì cũng *hệt*.

Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian
[chi minh nguyệt (2),
惟 江 上 之 清 風 與 山 間 之 明 月
Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng.
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn-thiêng ;
Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm-tẩu (3).

Gõ dịp lấy, đọc câu « Tương tiến tửu » (4):
« Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng
[lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi » (5).
Làm chi cho mệt một đời !

Bản chép khác. — Câu 4 : . . *mệt.*

Chú thích. — (1) *Hai câu 1-2* : Việc đời lên xuống, nhà ngươi chẳng hỏi làm gì. (Kìa) trong chỗ khói mù sóng rợn, có chiếc thuyền đánh cá. Ý nói : nên gác hỏ việc đời và tiêu-dao ở nơi mây mù sóng nước vậy. — (2) Câu 5 : câu này lấy ở bài phú *Tiền Xích-bích* của Tô Đông-pha và nghĩa là : chỉ có gió mát ở trên sông cùng trăng sáng trong khoảng núi. — (3) *Lâm-tẩu* 林藪 : rừng và nội cỏ. — (4) *Tương tiến tửu* 將進酒 (Sắp kèo rượu) : nhan một bài Nhạc-phủ-đề của Lý Bạch. — (5) *Câu 10* : 君不見黃河之水天上來, 奔流到海不復回, câu này là câu đầu bài « Tương tiến tửu » nói trên và nghĩa là : ngươi chẳng thấy nước sông Hoàng-hà tự trên trời xuống, chảy tuôn xuống bể không hề lộn lại ; ý nói : thời giờ cứ đi, không bao giờ trở lại.

NGUYỄN QUÍ-TÂN 阮貴新 (1811-1856)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (16).*)

111. — Vui chơi phong nguyệt

Nhân sinh thiên địa gian, hốt như lữ-hành-khách (1):
人生天地間, 忽如旅行客.
Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
Nợ phong-trần trót đã ăn vay,
Phải trang trả mới là tay chí-khí.

Đã trót nhắp say mùi thế-vị,
Phải tìm phương tỉnh thuốc phồn-hoa.
Kiếp phù-sinh thấm-thoắt bỗng nên già,
Thì tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chí.

Hỏi những khách tang-bồng hồ-thỉ (2),
Chốn lâm-tuyền thành-thị mấy tri-âm ?
Trăm năm luống những cười thầm.

Chú-thích. — (1) Câu này nghĩa là : người ta sống trong khoảng trời đất, vụt như người khách qua ở trọ. — (2) *Tang-bồng hồ-thỉ* : xem câu chú-thích số (2) ở Bài 43.

BÙI HỮU-NGHĨA 裴有義 (1807-1872)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (3).*)

Kim Thạch kỳ duyên 金石奇緣

Đề-mục tấn tuồng này mượn ở một cuốn truyện Tàu. Việc xảy ra về đời nhà Bắc Tống (960-1126).

Tấn tuồng chia làm ba hồi, đại-lược như sau :

Hồi thứ nhất. — Ngạn Yêm (quê ở Hà-nam) có người con trai tên là Kim-Ngọc đã đính-hôn với Ái-Châu, con gái Lâm Vượng, một người nhà giàu ở gần Tô-châu (thuộc tỉnh Giang-tô).

Lợi Đồ, tri-huyện Tô-châu, có một người vợ cả và một người vợ lẽ vốn hiềm-khích nhau. Một hôm, vợ cả đau, mời Thạch Đạo-Toàn (thày thuốc) sang chữa ; vợ lẽ thừa dịp bỏ chất độc vào thuốc cho vợ cả uống. Người này chết, Đạo-Toàn bị bắt ; con gái là Vô-Hà phải bán mình làm thị-tì cho Ái-Châu để lấy tiền lo cho cha.

Ở vùng núi Đại-lư (thuộc tỉnh Thiểm-tây và Hồ-nam), có tên tướng giặc là Tiêu Hóa-Long vẫn cướp bóc hành-khách qua sông. Khi Thiết Đình-Qui vâng chỉ đến nhậm chức tri-phủ Tây-an (thuộc Thiểm-tây) đi qua đó, Hóa-Long đón bắt. Đình-Qui đâm đầu xuống sông chết, dặn lại vợ đương có mang nên nhẫn-nhục sống để cứu đứa con. Vợ là Giải-thị đành gượng sống, nhưng thề thế nào cũng trả thù cho chồng.

Sau khi thi đậu giải-nguyên, Ngạn Yêm được bổ làm tri-phủ Bồ-châu (thuộc Sơn-tây). Khi cùng con qua vùng Đại-lư để đi nhậm chức, cũng bị Hóa-Long bắt ; nhờ có Giải-thị xin cho, mới khỏi bị giết và ở đấy dạy con bà là Thuần-Lương. Còn con là Kim-Ngọc thì ngã xuống sông, trôi rạt vào bờ, rồi đến ở một ngôi chùa gần đấy ; chả may mắc bệnh hủi. Sau ba năm ở chùa, chàng trở về, nhờ người đến hỏi cưới Ái-Châu. Nhưng Ái-Châu thấy chàng có ác-tật không muốn lấy ; mẹ nàng bèn nghĩ cách trá-hôn, đem Vô-Hà thay làm Ái-Châu để gả cho Kim-Ngọc. Còn Ái-Châu sau lấy con quan huyện Lợi Đồ là Ái-Lang.

Hồi thứ nhì. — Kim-Ngọc nhờ có cha nàng Vô-Hà chữa khỏi, lên kinh-đô đi thi, đậu trạng-nguyên. Lư Khải-Phong làm thủ-tướng trong triều muốn gả con gái cho Kim Ngọc để mưu sự thoán-đoạt, nhưng chàng từ chối.

Khi ấy, Hóa-Long lấy được thành Tây-an, giết chết quan tổng-đốc Từ Tuấn-Kiệt. Khải-Phong định hại Kim-Ngọc, mới sai chàng đi đánh giặc ấy, một mặt lại sai đưa mật-thư hứa giúp Hóa-Long. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang (em vợ, con Đạo-Toàn) đi đánh giặc. Hữu-Quang bị giặc bắt ; nhưng khi Kim-Ngọc ra trận thì Hóa-Long bị thua, chạy về thành Tây-an. Giải-thị, Thuần-Lương, Ngạn Yêm bèn mưu với Hữu-Quang cho

Hóa-Long uống rượu say, rồi giết chết. Kim-Ngọc được tin, vào thành Tây-an, nhận cha nhận mẹ, nỗi mừng khôn xiết. Giải-thị mới chặt đầu Hóa-Long làm lễ tế chồng, rồi đâm đầu xuống sông chết. Kim-Ngọc kéo quân về kinh-đô, vua nhà Tống thưởng công cho cả mọi người. Còn Khải-Phong can án phản quốc phải tội chết.

Vì tội hà-lạm, Lợi-Đồ cùng với con là Ái-Lang đều phải tù và bị tịch-biên gia-sản ; Ái-Châu (vợ Ái-Lang) cũng bị bắt đem bán lấy tiền cho đủ số sung công.

Hồi thứ ba. — Kim-Ngọc được cử đi giữ thành Tây-an. Vợ là Vô-Hà, nhân sinh con, cần người hầu-hạ, bà đỡ đưa một người đến : người ấy lại là Ái-Châu. Vô-Hà thấy Ái-Châu, định nhường ngôi vợ cả cho nàng, nhưng Kim-Ngọc không thuận. Ái-Châu bèn tìm cách quyến-dũ Kim-Ngọc. Kim-Ngọc nổi giận, dò biết tội của Ái-Châu, mới làm án trảm. Nhờ có Vô-Hà xin cho, Ái-Châu được tha, nhưng phải bỏ đi nơi khác. Sau Ái-Châu vào ở thanh-lâu.

Trong khi ấy, bọn em Lư Khải-Phong, muốn báo thù cho anh, bèn đánh Đài loan bấy giờ do Thành Trai (bạn cha Kim-Ngọc) và Lý Thiệu-Cơ (ân-nhân của Thạch Hữu-Quang) đương làm quan ở đấy. Hai ông này thấy thế nguy, bèn phi báo nhà vua. Vua sai Kim-Ngọc đi đánh. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang đến nơi, đánh tan quân giặc, kéo quân về kinh-đô. Khi đi qua một ngôi chùa, thấy có một người thắt cổ ở trước ; nhận ra, thì là Ái Châu. Về tới kinh, vua Tống ban thưởng cho cả mọi người.

112. — Thiết Đình-Quí gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long

TIÊU HÓA-LONG (bạch viết):

Thần cung nhất bả, quải phò tang;
神 弓 一 把 掛 扶 桑 ;
Thiên-hạ anh-hùng mạc cảm đang.
天 下 英 雄 莫 敢 當.
Sử ngã cầm phàm, kình ngạc tầm tôn Bắc-hải;
使 我 錦 帆, 鯨 鱷 尋 踪 北 海 ;
Huy ngô bửu kiếm, tì hưu viễn tích Nam-san (1).
揮 吾 寶 劍, 貔 貅 遠 跡 南 山.

(Hựu viết)

Đại-lư san (2) hùng cứ nhất phương; — Ngã trại-chủ Hóa-Long thị dã.

(Như ta): Chiếm-cứ nhất châu thiên-hạ ; — tự xưng Giang-hải đại vương.

Giấu vuốt nanh chờ vận Võ, Thang (3); — nuôi vai cánh cướp người thương-khách.

(Lâu-la) (4)! Bài khai kiếm kích; — chỉnh túc thuyền sưu.

Truyền đoạn-triệt giang đầu; — ngõ truy-tầm thương-lữ.

THIẾT ĐÌNH-QUÍ (viết):

Thăng Tây-an tri-phủ; — Thiết Đình-Quí thị danh.

Khang thìn (5) hai chữ trung-thành; — nắm giữ một câu cần-thận.

(Như ta): Cùng Giải-thị duyên vầy loan phụng; — roi Thiết-gia chưa ứng bi xà (6).

Trước đà vâng lệnh hoàng-gia; — nay phải tới chăn trọng-địa.

GIẢI-THỊ (viết):

Từ sánh duyên xe chỉ; — đà đẹp phận nưng khăn.

Mừng nay tam nguyệt hữu thần (7); — xin đặng nhất thuyền phó lị.

ĐÌNH-QUÍ (viết):

Thị Thiết-gia hoan-hỉ; — (vậy ta) hứa hiền-phụ đồng hành.

(Đà-công) (8)! Phó đà-công nhẹ tếch dòng xanh; — ra trọng-địa vỗ an con đỏ.

(Vãn viết):

Trọng-địa vỗ an con đỏ,
Mây móc nhuần cây cỏ càng tươi.
Dương xuân bủa (9) một phương trời,
Ngựa tre đón rước (10) vui cười gió nhơn.

GIẢI-THỊ (vãn viết):

Chữ tùng đẹp-đẽ tơ duyên,
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đờn (11) gần nhau.

ĐÌNH-QUÍ (viết):

Muôn trùng vòi-vọi non cao; trăm khúc minh-minh biển thẳm.

(Nọ): Đất đã sanh thế hiểm; — sông lại vắng người đi.

(Đà-công)! Phó đà-công tu khả thận trì; — quá thử địa tối vi sầm-tịch.

HÓA-LONG (viết):

Một thuyền nhẹ tếch; — mấy ngựa ruổi theo.
Kịp bẻ lái rút chèo; — mau giết người lấy của.

ĐÌNH-QUÍ (viết):

Thất thố [12] chơn thất thố! — Chí kinh thị chí kinh!
(Ớ phu-nhơn)! Hoại ngô vạn lý tiền trình; — cố ngã nhất ngôn cốt huyết.

壞吾萬里前程; 顧我一言骨血.

Vật khả chấp kinh tuẫn tiết; — tu đương nhẫn nhục tồn cô.

勿可執經殉節; 須當忍辱存孤.

Tặc thủ bất nghi ô; — giang trung đương tự tận [13].

賊手不宜汚; 江中當自盡.

GIẢI-THỊ (viết):

Chung thiên bão hận; — phủ địa trường hô.

終天抱恨; 俯地長呼.

Khởi khả sự nhị phu; — quyết tu nhương nhứt tử [14].

豈可事二夫; 决須攘一死.

HÓA-LONG (viết):

Cấp bão trụ! Cấp bão trụ [15]! — Vật khinh sanh! Vật khinh sanh!

Xem qua phải sắc khuynh thành; — đem lại thay ngôi chủ trại.

GIẢI-THỊ (viết):

Thề hẹn ấy nước non không cải; — gian-nan này trời đất có hay.

Lá sương chi quản tấm thân này; — hột huyết còn mang hòn máu đỏ.

(Như ta): Ngộ biến đà mang lấy hổ; — tùng quyền còn kể chi mình.

Lấp cơn sầu hồn dõi dòng xanh; — lau giọt thảm máu rơi nước bích.

(Ai vãn viết):

Giọt thảm máu rơi nước bích,
Thương phận mình giá sạch ra nhơ.

Dây oan khéo vấn sờ-sờ.
Vì ai chẳng trọn một thờ với ai.
Gặp khi sóng gió giữa vời,
Thương vì khi huyết đổi dời non sông.

(Hồi thứ nhất)

Chú-thích. — (1) *Thần cung...tích Nam-san*: Tay cầm một chiếc cung thần và mang theo những cái tên nhẹ. Trong thiên-hạ không người anh-hùng nào dám địch với ta. Hễ ta giương cái buồm bằng gấm lên, những giống cá voi và cá sấu phải trốn lên biển Bắc; Hễ ta tuốt cái gươm qui ra, những giống tì-hưu (tên một giống mãnh-thú) phải trốn xuống núi Nam (ý nói: ai ai cũng phải khiếp sợ). — (2) *Đại-lư san*: tức là Tần-lĩnh, một dãy núi ở tỉnh Thiểm-tây, ở giữa sông Vị (chi-lưu của Hoàng-hà) và sông Hán (chi-lưu của Dương-tử-giang) một nơi rất hiểm-yếu. — (3) *Chờ vận Võ, Thang* (Võ: tức là Võ-vương (1122-1116) sáng-nghiệp ra nhà Chu; Thang: tức là Thành Thang (1783-1754) sáng-nghiệp ra nhà Thương): ý nói chờ cơ-hội để làm vua. — (4) *Lâu-la* 嘍囉: quân cướp tụ-họp ở rừng núi. — (5) *Khăng thìn* (khăng: một mực; thìn: giữ-gìn): một mực giữ-gìn. — (6) *Ứng bi xà* (bi: con gấu; xà: con rắn): nằm chiêm-bao thấy gấu hoặc thấy rắn; ý nói sinh con trai hoặc sinh con gái. Chữ lấy ở *Kinh Thi* (Tiểu-nhã, Thơ Tư-can): « Duy hùng duy bi, nam tử chi tường, Duy huy duy xà, nữ-tử chi tường. 惟熊惟羆, 男子之祥. 惟虺惟蛇, 女子之祥. » ([Nằm chiêm bao] thấy gấu, đó là điềm đẻ con trai. Thấy rắn, đó là điềm đẻ con gái). Hùng là giống gấu thường, bi là giống gấu lớn; huy và xà đều là rắn. Giống gấu ở núi, khỏe mạnh, nên cho là điềm con trai; giống rắn ở hang, mềm-mại, nên cho là điềm con gái. — (7) *Hữu thần* 有娠: có mang. — (8) *Đà-công* 舵工 (đà: bánh lái, công: thợ, người làm việc gì): người bẻ lái thuyền. — (9) *Bủa*: tỏa ra khắp mọi nơi. — (10) *Ngựa tre đón rước*: nghĩa bóng là vui-vẻ đón rước một ông quan có nhân. Theo tích Quách Cấp đời Hậu-Hán làm quan ở Tinh-châu. Sau khi đổi đi chỗ khác, lại về Tinh-châu. Khi trở về, các trẻ con trong hạt lấy những thanh tre làm ngựa cưỡi đi đón ông ấy vui-vẻ lắm. — (11) *Tiếng hạc, tiếng đờn*: nói về một ông quan thanh-liêm. Theo tích Triệu Biện ở đời nhà Tống, đi làm quan chỉ đem có một con hạc một cái đàn đến quận, tính rất thanh-liêm. — (12) *Thất thố* 失措: chính nghĩa là cuống-quít lẫn-lộn; đây nghĩa là nguy đến nơi. — (13) *Hoại ngộ... đương tự tận*: (Nó) làm hỏng con đường tương-lai dài muôn dặm của ta; (Phu-nhân) nên nghĩ đến một lời xương máu của ta: Chớ nên giữ đạo thường mà chết vì tiết-nghĩa; phải nên nhẫn-nhục mà cứu lấy đứa con bồ-côi. (Còn ta) không nên để cho tay giặc làm nhơ; phải tự-tận ở giữa dòng sông. (14) *Chung thiên... nhất tử*: suốt đời ôm nỗi giận; cúi xuống đất kêu dài. Há có thể thờ hai chồng? Quyết nên một thác cho rồi. — (15) *Cấp bão trụ*: kịp ôm giữ lấy.

113. — Giải-thị tuẫn tiết theo chồng

GIẢI-THỊ (viết):

Giai tiền bái yết; — trướng hạ cung trần.

階 前 拜 謁; 帳 下 恭 陳.

Thiếp bổn vị-vong nhân; — qui vi thất-tiết phụ (1).

妾 本 未 亡 人; 愧 爲 失 節 婦.

(Như thiếp): Xử nghịch-cảnh (mà) ngọa tân thường đảm (2); — (chẳng qua là tôi) phụng di-ngôn (nên mới) nhẫn nhục tồn cô.

(Như mẹ con tôi): Chém xương trót đặng trả thù; — (mà) mở miệng càng mang lấy hổ.

KIM-NGỌC (viết):

Hảo bá-mẫu (3) ba-đào tiết-phụ; — cứu song thân la-võng đại ương (4).

好 伯 母 波 濤 節 婦; 救 雙 親 羅 網 大 殃.

(Công-tử thời sát tặc lập công); vãn-hồi nhất thống bản-chương; — (là cũng) toàn lại đại-gia tâm-lực (đó mà).

Tiết bá-mẫu nên ghi thẻ bạc; — (còn) công thế-huynh đáng dựa nhà vàng.

(Đề cháu) tu biểu-văn thượng tấu trào-đàng; — (đặng mà) nhờ lượng thánh minh dương đại-tiết (cho).

GIẢI-THỊ (viết):

(Thưa) dám bày tình chi thiết; — trót trả nghĩa tương thân.

Hồn tiên-phu đà khôn hỏi chốn thủy-tân; — (thưa) đầu Tiêu-tặc (tôi xin) tế an người tuyền nhưỡng (5).

KIM-NGỌC (viết):

Đại-tiết linh nhân khả tưởng; — dạ-đài tuy tử do sinh (6).

Xin phụ-thân an tại biên-thành; — cùng hiền-đệ tuần-du trọng-địa.

(Chúng tướng)! Tế nghi chỉnh-bị; — thuyền chích nghiêm-minh.

Truyền quân-nhân giang-khẩu tấn hành; — (đặng cho ta) hồ bá-mẫu hải-tân trí tế (a).

GIẢI-THỊ (viết):

(Hà)! Oan kết theo hồn tinh-vệ (7) – lụy rơi hóa huyết đỗ-quyên (8).

Minh-mông sóng thảm bủa đầu thuyền; — (còn) lai-láng gió sầu xao mặt nước.

(Vãn viết):

Mặt nước tới ngày quyết biệt,
Dưới suối vàng, ai biết cho chăng?
Tồn cô chữ dặn khăng-khăng,
Vì ai, nên lỗi đạo hằng với ai?
Than ôi! kìa đất nọ trời,
Ấy sông thệ thủy, nào lời minh san.

KIM-NGỌC (viết):

(Quân)! Truyền trụ thuyền ban; — cấp trần tế-phẩm.

GIẢI-THỊ, THUẦN-CƯƠNG (viết):

Ngưỡng kỳ linh-sảng; — nguyện giám đơn thầm (9).

Hương thề chong giả bạn đồng tâm; — chén thảo rót dưng người dị lộ.

(Thán viết):

Ta hồ! tiên giá cảnh hà chi; – cát đoạn can-trường hận biệt-ly.

Vân ám Đỉnh-hồ long khứ viễn; — nguyệt minh Hoa-biểu nhạn qui trì (10)

雲暗鼎湖龍去遠；月明花表鴈歸遲.

GIẢI-THỊ (viết):

Chàng ngậm cười chín suối; — thiếp uống thảm ngàn ngày.

Nước oan-thù thẫm-thoát từ đây; — sóng ly-biệt lao-xao thuở nọ.

Đầu Tiêu-tặc đó đà đặng đó; — mặt tiên-phu nào thấy đâu nào?

(Tiên-phu ôi)! Bất nhị canh hồ phận má đào; — vô tư chiếu in vừng trăng bạc.

(Nhu thiếp chừ) : Nhơ-nhuốc khôn che đậy mặt ; hổ-hang dễ lấp ngơ lòng.

Nguyện tận tiết vu ba trung; — thứ tùng phu ư tuyền hạ (11).

願 盡 節 于 波 中; 庶 從 夫 於 泉 下.

(Nhập thủy)

(Hồi thứ nhì)

Chú-thích. — (1) *Giai tiền. . . thất tiết phụ* : Trước thềm lạy yết ; — dưới trướng kính bày : Thiếp vốn là người góa chồng ; — xấu-hổ làm người vợ thất-tiết. — (2) *Ngọa tân, thường đảm* 臥 薪 嘗 膽 : nằm gai, nếm mật ; nghĩa bóng là chăm lo sự báo thù. Theo tích vua Câu-Tiễn nước Việt bị vua nước Ngô đánh thua, trong hai mươi năm trời, cứ nằm trên củi gai và thường nếm mật đắng để lúc nào cũng nhớ đến nỗi thù. — (3) *Bá-mẫu* : bác gái. Đây Kim-Ngọc gọi Giải-thị là bá-mẫu để tỏ ý kính-trọng. — (4) *La võng đại ương* (la, võng : hai thứ lưới ; đại ương : nạn lớn) : đây chỉ cái nạn bị giặc bắt. — (5) *Tuyền nhưỡng* 泉 壤 (tuyền : tức là cửu tuyền, chín suối ; nhưỡng : cõi) : cõi cửu tuyền, nơi âm-phủ. — (6) *Đại-tiết. . . do sinh* : Tiết lớn (của bà) khiến người phải tưởng nhớ đến ; — ở dưới âm-phủ (chồng bà) tuy chết cũng như còn sống. — (7) *Tinh-vệ* 精 衛 : tên một giống chim. Điển cổ : con gái vua Viêm-đế chết đuối ở biển Đông, hóa ra chim tinh-vệ ; tự bấy giờ, cứ đi nhặt đá ở núi Tây để lấp biển ấy. Sau người ta mượn điển ấy để nói những người ôm một mối thù hoặc một nỗi hận ở trong lòng. — (8) *Đỗ-quyên* 杜 鵑 : cũng gọi là đỗ-vũ 杜 宇 : chim tu-hú, tiếng kêu ai-oán, người ta cho là nó kêu mãi đến chảy máu cổ họng ra. Điển cũ : vua Đỗ-Vũ nước Thục sau khi phải nhường ngôi cho Ba-Linh, hóa ra chim ấy. — (9) *Nhưỡng kỳ. . . đơn thầm* (linh : thiêng-liêng ; sảng : sáng-sủa ; đơn : đỏ như son ; thầm : thành-thực) : mong rằng hồn thiêng-liêng sáng-sủa soi xét đến tấm lòng son thành-thực. — (10) *Ta hồ. . . nhạn qui trì* (tiên-giá : xe tiên ; nói về người chết ; — đỉnh-hồ [đỉnh : cái vạc] : chỗ vua Hoàng-đế bên Tàu sau khi đúc cái vạc thì có con rồng đem đi mất, nên dùng chữ ấy để nói về vua chết ; — hoa-biểu [biểu : đầm] : chữ lấy trong *Kinh Thi* : đời Lệ-vương, dân bị khổ-sở li-tán, đến đời Tuyên-vương mới lại được an-cư lạc-nghiệp, bèn tự ví mình như đàn nhạn bay mãi mới đến chỗ đầm hoa mà yên nghỉ) : Than ôi ! xe tiên đi nơi nào ? Cắt đứt gan ruột vì nỗi hận biệt-ly ! Mây mờ trên hồ vạc, con rồng đi đã xa (ý nói : chồng chết đã lâu) ; trăng soi sáng trên đầm hoa, chim nhạn về chậm (ý nói : giặc-giã đã dẹp yên, dân sự lục-tục trở về. — (11) *Nguyện tận tiết. . . ư tuyền hạ* : xin đâm đầu xuống giữa sóng để trọn tiết ; ngõ hầu theo chồng ở dưới chín suối.

NGUYỄN ĐÌNH-CHIỂU 阮廷炤 (1822-1888)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX, Lời chú (1).*)

114. — Trung-thần, nghĩa-sĩ

Làm người trung-nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa càn-khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đền rồi ơn đất nước;
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh-thần hai chữ phao sương tuyết;
Khí-phách ngàn thu rỡ núi non.
Gẫm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ (1),
Lòng đây tưởng đó mất như còn.

Chú-thích. — (1) *Ngựa Hồ, chim Việt*: do câu: « Hồ mã tê bắc phong, Việt điểu sào nam chi 胡馬嘶北風,越鳥巢南枝. » (Con ngựa rợ Hồ (ở phía bắc nước Tàu) cất tiếng kêu khi thấy gió bắc thổi; con chim đất Việt (ở phía nam nước Tàu) làm tổ ở cành chõ về phương nam. Ý nói: loài vật còn biết nhớ quê hương.

Lục Vân-Tiên 陸雲仙

Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX).*

Lược truyện. — Truyện *Lục Vân-Tiên* (gồm 2246 câu), có thể chia làm bốn đoạn như sau:

I. — *Lục Vân-Tiên và Kiều Nguyệt-Nga gặp nhau* (câu 1-552). — Nguyên Lục Vân-Tiên là một người học trò có nết có tài, con nhà phúc-hậu, đã đính hôn với Vũ Thái-Loan, nhân gặp khoa thi, lên kinh-đô để kịp ngày vào trường. Lúc đi đường, gặp nàng Kiều Nguyệt-Nga bị bọn giặc bắt, chàng bèn ra tay cứu nàng thoát nạn. Sau hai bên từ-biệt nhau: nàng về nơi ly-sở của cha, chàng đến chốn kinh-kỳ để kịp ngày vào thi.

II. — *Lục Vân-Tiên gặp nạn* (câu 553-1240). — Chàng vừa đến nơi, chợt nghe tin mẹ mất, vội-vàng lìa chốn khoa-trường, về nhà chịu tang. Đi đường, vì nỗi đau buồn, thụ bệnh, mắt mù: đã gặp bọn dung-y pháp-sĩ lừa dối, tiền mất tật mang, lại gặp người bạn bất-lương (Trịnh Hâm) lập mưu hại. Sau tìm tới nhà ông nhạc, thì đã không cứu giúp, lại sinh lòng hiểm-độc đem chàng bỏ vào một cái hang sâu. Nhưng may gặp một tiều-ông cứu ra, rồi gặp bạn hiền (Hán Minh) đem đến ở một ngôi chùa.

III. — *Kiều Nguyệt-Nga phải sang cống Phiên* (câu 1241-1740). — Về phần Kiều Nguyệt-Nga, vì có tên nịnh-thần muốn ép duyên không chịu, nhân có giặc Phiên sang quấy nhiễu, tên ấy bèn tâu với vua Sở bắt nàng

sang cống vua Phiên. Nàng định thủ tiết, đi nửa đường đâm đầu xuống sông tự vẫn. May gặp ngư-ông quăng lưới vớt lên, sau đến ở một ngôi chùa.

IV. — *Lục Vân-Tiên và Kiều Nguyệt-Nga được sum-họp hiển-vinh* (câu 1741-2246). — Lục Vân-Tiên sau nhờ có thuốc tiên uống khỏi mắt, về nhà thăm cha, thăm Kiều-công (cha nàng Nguyệt-Nga), rồi đi thi đỗ trạng-nguyên. Nhân có giặc Phiên lại sang quấy-nhiễu, vua sai đi đánh, giặc thua tan. Lúc về, nhờ một sự tình-cờ, gặp Kiều Nguyệt-Nga ở chùa, hai bên nhận nhau, rồi lại được sum-họp một nhà. Sau nhân vua không có con, mới truyền ngôi cho Lục Vân-Tiên, thật là vinh-quang sung-sướng. Còn bọn gian nịnh tham ác trước thì đều bị tội vạ cực khổ cả.

115. — Lục Vân-Tiên đánh bọn cướp, cứu nàng Kiều Nguyệt-Nga

Bỗng nghe tiếng khóc vang rầm,
Xôn-xao rừng bụi, ỷ-ầm núi non.
Vân-Tiên hỏi lũ cỗng con :
« Việc chi *tấp-nập, la om,* chạy hoài ? »
Dân rằng : « Tráng-sĩ kêu ai ?
« Hay là *cũng* lũ Sơn-đài đuổi ta ? »
Chàng rằng : « *Chớ ngại chi mà,*
« Hãy *xin dừng* lại, *để ta trao* lời.
« Ta đây du học qua chơi,
« Giữa đường, thấy việc lạ, thời hỏi xem,
« Để cho được tỏ căn nguyên (1) ;
« Dở hay sẽ liệu kinh quyền (2) giúp cho. »
Dân nghe, *khỏi sợ hết lo,*
Rủ nhau đứng lại, nhỏ to trình rằng :
« Dám thưa tráng-sĩ qua đường,
« Sự này nói lại thêm càng ngứa gan.
« Ở đây có đảng côn-quang (3),
« Ra vào nhiễu-loạn thôn-trang trăm bề.
« Còn thằng đầu-mục (4) nó kia,
« Tên là Đỗ Dự, hiệu thì Phong-lai.
« *Họp* nhau ở chốn Sơn-đài,
« Người đều sợ nó *trí* tài khôn đương.
« *Vừa rồi* xuống cướp *bản*-hương,
« *Gặp người thục-nữ* qua đường bắt đi.

« *Xóm làng* chẳng dám nói chi,
« *Cảm thương hai gã nữ-nhi mắc nàn.*
« Con ai vóc ngọc mình vàng,
« Má đào, mày liễu, dung-nhan lạnh-lùng.
« *Vì mà* mắc *chúng* hành hung,
« Uổng trang thục-nữ sánh cùng thất-phu !
« *Hở mồm, bụng lại thêm lo,*
« *Thôi thôi chạy trốn đi cho rảnh mình.* »
Vân-Tiên nổi *trận* lôi-đình (5),
Hỏi thăm : « Lũ *ấy nào hình* nơi nao ?
« Tôi xin ra sức anh-hào,
« *Trở đương việc ấy, người nào lo chi ?* »
Dân rằng : « Lũ nó còn *kia*,
« *Xin chàng qua đó một khi mới đành.*
« E khi họa hổ bất thành (6),
« Khi không mình lại chôn mình *vào* hang. »
Vân-Tiên *chí-khí hiên-ngang* (7),
Bẻ cây làm gậy *rẽ đường thẳng* vô.
Thét rằng : « Hỡi đảng hung-đồ !
« Chớ quen *thói cũ mơ-hồ* hại dân. »
Phong-lai mặt đỏ *mắng rằng* :
« Thằng nào lớn mặt lấy-lừng vào đây.
« Trước gây việc dữ tại mày. »
Truyền quân bốn phía bổ vây *nghiêm phòng.*
Vân-Tiên tả đột hữu xung,
Khác nào Triệu Tử vượt vòng Đương-dương (8).
Lâu-la (9) bốn phía *tan-hoang*,
Đều quăng gươm giáo, *kiếm* đường chạy ngay.
Phong-lai *chưa* kịp trở tay,
Bị *Vân-Tiên đánh ngay rày mạng vong.*

Bản chép khác. — Câu 93 : *Tiên rằng* : « *Bớ chú. . .* — Câu 94 : . . . *nên nỗi bon bon. . .* — Câu 96 : . . . *một* lũ. . . — Câu 97 : *Tiên* rằng : « *Cớ sự làm sao ?* — Câu 98 : Hãy *dừng gót* lại *mà trao một* lời. — Câu 103 : . . . *tiếng nói khoan-thai.* — Câu 111 : *Nhóm. . .* — Câu 112 : . . . *có* tài. . . — Câu 113 : *Bây giờ. . . thôn. . .* — Câu 114 : *Thấy con gái tốt. . .* — Câu 115 : *Dân chúng. . .* — Câu 116 : *Cùng nhau ăn khóc vậy thì đã vang.* — Câu 119 : *E khi. . . đảng. . .* — Câu 121-122 : *Thôi thôi chẳng dám nói lâu ! Chạy đi cho khỏi, kẻo âu tới* mình. — Câu 123 : . . . *giận. . .* — Câu 124 : . . . *nó*

còn đình. . . — Câu 126 : *Cứu người cho khỏi lao-đao buổi nầy.* — Câu 127 : *. . . đây.* — Câu 128 : *Qua xem tướng bậu thơ ngây, đã* đành. — Câu 130 : *. . . xuống* hang. — Câu 131 : *. . . ghé lại bên đàng.* — Câu 132 : *. . . nhắm làng xông. . .* Câu 134 : *. . . làm thói mô-hồ. . .* — Câu 135 : *. . . phừng phừng.* — Câu 138 : *. . . bịt-bùng.* — Câu 141 : *Lu. . . vỡ tan.* — Câu 142 : *. . . nhắm. . .* — Câu 143 : *. . . chẳng. . .* — Câu 144 : *. . .* Bị *Tiên một gậy, thác rày, thân* vong.

Chú-thích. — (1) *Căn nguyên* 根源 : rễ cây và nguồn nước ; nghĩa rộng là duyên-do, gốc-tích. — (2) *Kinh quyền* : do câu : « Xử thường chấp kinh, xử biến tòng quyền 處常執經, 處變從權. » nghĩa là : Ở cảnh thường thì giữ đạo thường, nhưng khi gặp cảnh biến thì phải theo tình-thế mà đối-phó, định-đoạt, không thể câu-nệ được. — (3) *Côn-quang* (côn 棍 : cái gậy dùng để đánh võ ; quang 桄 : then ngang của cái thang) : chỉ bọn du-côn, bọn giặc cướp. — (4) *Đầu-mục* 頭目 : người đứng đầu trong một bộ-lạc hay một đảng. — (5) *Lôi-đình* 雷霆 : sấm và sét ; nghĩa bóng là giận-dữ. — (6) *Họa hổ bất thành* : do câu ở trong sách *Hậu Hán thư* : « Họa hổ bất thành phản loại cẩu 畫虎不成反類狗. » (Vẽ hổ không nên lại giống chó) ; ý nói làm một việc quá cao mà không thành công. — (7) *Hiên-ngang* 軒昂 (hiên : chỗ cao ở đằng trước một cái xe ; ngang : ngẩng cao lên) : cao-kỳ, khác người thường. — (8) *Triệu Tử vượt vòng Đương-dương* : tích lấy trong truyện *Tam quốc chí diễn nghĩa* : Triệu Tử-Long đánh ở Đương-dương Trường-bản-kiều, phá tan quân Tào Tháo, cứu được A Đẩu. — (9) *Lâu-la* 嘍囉 : quân cướp tụ họp ở rừng núi.

116. — Lục Vân-Tiên bị Vũ-Công hãm-hại

Vũ-công *trong dạ ưu*-phiền,
Muốn toan một chước chu-tuyền độc thay !
« *Vân*-Tiên ngươi hãy ngồi đây,
Để ta *vào trước, sẽ rày* liệu toan.
Vội cho đòi mụ Quỳnh-Trang (1),
Cùng là ái-nữ *Thái*-Loan *đều vào.*
Mọi bề sau trước tiêu-hao,
Sự chàng lam-lũ, tìm vào tới đây.
Nên hư, tùy mẹ con mày,
« *Đã* không ép vợ, *há rày* ép con. »
Loan rằng : « Gót đỏ như son,
« Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn ?
« Có đâu sen, *ấu mọc chùm* ?
« Có đâu chanh, khế sánh cùng lựu, lê ?

« Thà không *thi* chịu một bề,
« Còn hơn mình ngọc dựa kề thất-phu.
« *Quyết* lòng chờ đợi danh-nho,
« *Có* đâu *lấy đứa* đui mù *thế nay* ?
« *Vả* nghe người nói hội này,
« *Có* Vương Tử-Trực *đỗ* rày thủ-khoa.
« *Xin cha cố* kết *thông*-gia,
« Họ Vương, họ Vũ, một nhà mới xinh. »
Công rằng : « Muốn *trọn* việc mình,
« Phải toan *độc-kế* dứt tình *mới* xong.
« *Gần đây có* núi *Xương*-tòng,
« *Hang sâu thăm*-thẳm, bịt-bùng khôn ra.
« Đông-thành (2) nghìn dặm *cách* xa,
« Đem chàng bỏ đó, ai mà biết đâu ? »
Ngán thay họ Vũ mưu sâu !
Cha con khen khéo bảo nhau hại người !
Bóng trăng vừa gác non đoài,
Vân-Tiên ngồi *tựa* nhà *ngoài* thở than.
Vũ-công khi ấy dỗ chàng :
Xuống thuyền, cho *lính* đưa sang Đông-thành,
Đưa đi vừa lúc *tan* canh,
Dẫn vào hang *đá*, bỏ đành Vân-Tiên.
Đoạn rồi, *ren-rén bò lên,*
Vội đưa chèo quế, *tếch miền xa trông.*
Vân-Tiên thực dạ tin lòng,
Hững-hờ, nào biết Vũ-công hại mình.
Thưa rằng : « *Nhạc-phụ xét tình,*
« *Cho người đưa đến Đông-thành quê nay.*
« *Gắng* lòng *báo đáp ơn dày,*
« Một phen *tưởng đến* ngàn ngày *dám* quên. »
Hay đâu vắng tiếng *đôi* bên,
Tay *chân đụng đá, dưới* trên chập-chồng.
Vân-Tiên khi ấy hãi-hùng,
Nghĩ ra mới biết Vũ-công hại mình.
Nực cười con Tạo *đành-hanh,*
Chữ duyên *điêu-trác*, chữ tình *đổi trao.*
« Nghĩ mình tai nạn xiết bao !
« Mới *qua* khỏi bến, lại vào *ngay* hang.

« Dây sầu ai khéo *vẫn-vương*,
« Trảnh nơi *núi kẽnh*, *gặp* đường hang beo.
« *Quanh* hang *đá mọc tai mèo*,
« Muốn ra cho khỏi, ai dìu-dắt *tay* ?
« Oan-gia *ai khéo dựng* gây ?
« *Đã đành một thác thân này cho an.* »
Chắc rằng xa cõi nhân-gian,
Cho nên vào chốn thạch-bàn nằm *lo*.
Đêm *khuya* ngọn gió thổi lò,
Sương sa *ầm thấp*, mưa *to* lạnh-lùng.

Bản chép khác. — Câu 1047 : . . . *khôn ngớt lòng*. . . — Câu 1048 : *Ân tình thế lợi có* tuyền *vậy vay*. — Câu 1049 : *Dạy*. . . — Câu 1050 : *Cho* ta *trở lại, sau nầy*. . . — Câu 1051-1056 : *Công rằng* : « *Mụ hỡi* Quỳnh-Trang ! *Dỏ lòng* ái-nữ *Thế*-Loan *thế nào ? Mặc hay toan liệu làm sao, Vốn* không ép vợ, *lẽ nào* ép con. — Câu 1059 : *Ai cho* sen *muống một bồn*. — Câu 1061 : . . . *trót*. . . — Câu 1063 : *Dốc*. . . — Câu 1064 : *Rể* đâu *có rể* đui mù *thế nầy ?* — Câu 1065 : *Tối*. . . — Câu 1066 : *Rằng*. . . *đậu*. . . — Câu 1067 : *Ta dầu muốn*. . . *sui*. . . — Câu 1069 : . . . *đặng*. . . — Câu 1070 : . . . *một chước*. . . *cho*. . . — Câu 1071 : *Nghe rằng trong*. . . *Thương*. . . — Câu 1072 : *Có hang sâu*. . . — Câu 1073 : . . . *còn* xa. — Câu 1077 : *Phút vừa trông đã đứng đầ* . — Câu 1078 : . . . *trước*. . . *cầu*. . . — Câu 1079 : . . . *ra đó phỉnh*. . . — Câu 1080 : . . . *trẻ*. . . — Câu 1081 : *Ra*. . . *tam*. . . — Câu 1082 : *Dắt*. . . *tối*. . . — Câu 1083 : *Bỏ* rồi *lên lên bước liền*. — Câu 1084 : *Xuống gay*. . . *đời thuyền thách xa*. — Câu 1085-1090 : *Tiên* rằng : « *Các chú đưa ta ! Xin đưa cho tới quê nhà sẽ hay ! Ghi* lòng *dốc trọn tỉ ảo ngay !* Một phen *ra sức*, ngày ngày *chẳng* quên ! ». — Câu 1091 : *Lặng nghe*. . . *hai*. . . — Câu 1092 : Tay *lần hang tối, đá*. . . — Câu 1095 : . . . *trở trinh*. — Câu 1096 : . . . *tráo chác*. . . *lẳng sao*. — Câu 1097 : *Gẫm*. . . — Câu 1098 : . . . *lên*. . . *trong*. . . — Câu 1099 : . . . *vương mang*. — Câu 1100 : . . . *lưới thỏ*. . . *bẫy cheo*. . . — Câu 1101 : *Trong* hang *sau trước quạnh-hiu*. — Câu 1102 : . . . *đi*. — Câu 1103 : . . . *nợ đã khéo gây*. — Câu 1104 : *Ôi thôi ! Thân thế còn gì mà toan ?* — Câu 1105 : *Đã đành*. . . — Câu 1106 : *Dựa mình*. . . *co*. — Câu 1107 : Đêm *đông*. . . — Câu 1108 : . . . *lác dác*. . . *tro*. . .

Chú-thích. — (1) *Quỳnh-Trang* : vợ Vũ-công. — (2) *Đông-thành* : tên quận, quê Lục Vân-Tiên.

117. — Vương Tử-Trực nhiếc mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan

Nhân khi Tử-Trực (1) *hồi hương*,
Vào nhà họ Vũ, thăm *chàng* Vân-Tiên.

Công rằng : « *Hỏi đến* thêm phiền,
« *Nó* đà lâm bệnh, hoàng-tuyền xa chơi.
« Thương *thay tài trí* ở đời !
« *Nhỡ đường danh-phận, nhỡ nơi tơ* hồng. »
Nghe *thôi* Tử-Trực *động* lòng,
Hai hàng *nước mắt* ròng-ròng như mưa.
Than rằng : « *Rày* nhớ linh xưa (2),
« Nghĩa đà *tỏ* nghĩa, tình chưa *tỏ* tình.
« Trời sao nỡ phụ *người* lành ?
« Bảng vàng chưa *chiếm*, *ngày* xanh đã mòn !
« Cùng nhau *chửa được* vuông tròn,
« Người đà sớm *mất*, ta còn *ích* chi ?
« Trong *trần* mấy *kẻ* cố-tri ?
« Mấy trang đồng-đạo, mấy *nghi* đồng-tâm ? »
Công rằng : « Ta cũng *xót* thầm,
Tủi duyên con trẻ, sắt cầm dở-dang.
« *Mất rồi, không lẽ tái hoàn,*
« Lão đà *sớm tính* một đường *tiện ngay*.
« Tới đây thì ở lại đây,
« Cùng con gái lão, sum-vầy thất-gia.
« Phòng khi *sớm tối* vào ra,
« Thấy Vương Tử-Trực, cũng là thấy Tiên ».
Trực rằng : « *Cùng bạn bút* nghiên,
« Anh em *trước đã kết* nguyền cùng nhau.
« Vợ Tiên là Trực chị dâu,
Chị dâu, em bạn, *có* đâu lỗi nghì ?
« Chẳng hay ngươi học sách *gì* ?
Nói ra những *chuyện* dị-kỳ khó nghe !
Hay là học thói nước Tề ?
« Vợ ngươi Tử-Củ đưa về Hoàn-công (3).
« Hay là học thói Đường-cung ?
« Vợ ngươi Tiêu-Lạc sánh cùng Thế-Dân (4).
« *Hay là học thói* nhà Tần ?
« Bất-Vi gả vợ, Dị-Nhân lấy nhầm (5).
« Nói sao chẳng biết hổ *thân* ?
Người ta há *phải* là cầm thú sao ? »
Vũ-công hổ thẹn xiết bao,
Sượng-sùng khôn cãi lẽ nào cho qua.

Thái-Loan trong trướng bước ra,
Miệng *mừng* thầy cử tân-khoa mới về:
« Thiếp *nay lỗi đạo xướng tùy*,
« Lỡ *đường* sửa *túi*, *lỡ* bề nưng khăn.
« *Uổng* thay dạ thỏ *khăng-khăng*,
« Đêm *đêm* chờ đợi bóng trăng bấy chầy.
Chẳng ưng thì cũng làm khuây,
« Nỡ *đem chuyện sách mà bày* chẳng kiêng? »
Trực rằng: « Ai Lã Phụng-Tiên (6),
« *Mà* toan đem thói Điêu-Thuyền (6) trêu ngươi?
« Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi,
« Lòng nào *mà* nỡ *buông* lời nguyệt-hoa?
« Hổ *thay mặt ngọc da ngà*,
« So loài cầm thú, *dễ* mà khác chi?
Vân-Tiên anh hỡi cố-tri!
« Suối vàng có biết *việc gì cho ta*? »
Tay lau nước mắt, trở ra,
Vội về sắm sửa, *sang* qua Đông-thành.

Bản chép khác. — Câu 1249: *Xảy đâu... vừa về.* — Câu 1250: ... *bề*... — Câu 1251: ... *chớ hỏi*... — Câu 1252: *Chàng*... — Câu 1253: ... *chàng phận bạc*... — Câu 1254: *Cũng vì Nguyệt-lão xe lời môi* hồng. — Câu 1255: ... *qua*... *chạnh*... — Câu 1256: ... *lụy ngọc*... — Câu 1257: ... *Chạnh*... — Câu 1258: ... *kết*... *phỉ*... — Câu 1259: ... *tài*... — Câu 1260: ... *gặp, mày*... — Câu 1261: ... *chưa đặng*... — Câu 1262: ... *thác*... *làm*... — Câu 1263: ... *đời*... *bực*... — Câu 1264: ... *người*... — Câu 1265: ... *tủi*... — Câu 1267: *Thôi thôi khuyên chớ tưởng than*. — Câu 1268: ... *tính đặng*... *rất hay*. — Câu 1271: ... *khuya sớm*... — Câu 1272: ... *Vân*... — Câu 1273: ... *ngỏi viết đĩa*... — Câu 1274: ... *xưa có thề*... — Câu 1276: ... *dám*... — Câu 1277: ... *chi*. — Câu 1278: ... *tiếng*... — Câu 1283: *Người nay nào phải*... — Câu 1285: ... *thầm*. — Câu 1286: ... *dễ*... — Câu 1288: *Ngồi trán, không*... — Câu 1290: ... *chào*... — Câu 1291: ... *đà chẳng trọn lời thề*. — Câu 1292: ... *bề, trắp, lỗi*... — Câu 1293: ... *nằng nằng*. — Câu 1294: ... *thu*... — Câu 1295: *Không*... — Câu 1296: ... *buông lời nói chẳng vì*... — Câu 1298: *Phỏng*... — Câu 1300 ... ... *quên*... — Câu 1301: ... *hang vậy cũng người ta*. — Câu 1302: ... ... — Câu 1304: ... *thế nầy chẳng là*? — Câu 1306: ... *tìm*...

Chú-thích. — (1) ***Tử-Trực*** : họ Vương, bạn của Lục Vân-Tiên, đi thi đỗ thủ-khoa. — (2) *Linh xưa* : hồn thiêng xưa ; đây chỉ Lục Vân-Tiên. — (3) *Vợ người Tử-Củ đưa về Hoàn công*: Tử-Củ là anh Hoàn-công nước Tề.

bị Hoàn-công giết đi, rồi cướp lấy vợ. — (4) *Vợ ngươi Tiễu-Lạc sánh cùng Thế-Dân :* Tiễu-Lạc là em Thế-Dân, bị Thế-Dân giết đi, cướp lấy vợ, rồi lên làm vua tức là vua Đường Thái-tôn (627-650). — (5) *Bất-Vi gả vợ, Dị-nhân lấy nhầm* : Lã Bất-Vi, người đời Chiến-quốc, buôn bán giàu có, có một người thiếp rất đẹp đã có mang, đem dâng cho Hoàng-tôn Dị-nhân (tức là Tần Trang-nhương vương). Ông này không biết sự gian-trá, lấy người thiếp ấy, sau sinh ra Tần Thủy-hoàng. — (6) *Lã Phụng-Tiên, Điêu-Thuyền* : tích chép trong *Tam quốc chí diễn nghĩa : Phụng-Tiên* là tên tự của Lã Bố, người đời Đông Hán, con nuôi Đổng Trác. Điêu-Thuyền là tên một mĩ-nhân đời ấy, dùng sắc đẹp mà phân-ly Đổng Trác với Lã Bố : vì Trác say mê Điêu-Thuyền, Bố nổi ghen, giết chết bố nuôi. Sau dùng tên ấy để chỉ người đàn bà lấy nhan-sắc khiêu-động người khác.

DỰC-TÔN 翼宗 (1829-1883)

118. — Ngẫu cảm

Sự đời ngẫm nghĩ, nghĩ mà ghê !
Sống gửi, rồi ra lại thác về.
Khôn dại cùng chung ba thước đất ;
Giàu sang chưa chín một nồi kê(1).
Tranh-dành trước mắt mây tan-tác ;
Đày-đọa sau thân núi nặng-nề.
Muốn để hỏi tiên, tiên chẳng bảo,
Gượng làm chút nữa để mà nghe.

Chú-thích. — (1) *Giàu sang chưa chín một nồi kê :* ý nói cuộc giàu sang ở trên đời rất chóng tàn. Điển cũ : Trong bài *Chẩm trung ký* 枕中記 của Lý Bí 李泌, có chép chuyện này : Lư-sinh đời Đường gặp một nhà đạo-sĩ tên là Lữ ở nhà trọ, than thở với nhà ấy rằng mình cứ phải chịu cảnh bần-cùng mãi. Bấy giờ chủ trọ đương nấu nồi kê, Lư-sinh muốn ngủ một giấc rồi dậy ăn. Nhà đạo-sĩ bèn lấy một cái gối ở trong túi đưa cho Lư-sinh bảo nằm lên đấy thì sẽ được vinh-hiển như ý. Lư-sinh nằm xuống thì quả-nhiên thấy mình lấy được vợ đẹp, đi thi đậu tiến-sĩ, làm quan to, sinh được năm người con trai đều làm nên, thật là hiển-vinh sung-sướng, lại sống đến tám mươi tuổi mới chết, Bấy giờ tỉnh dậy thì thấy mình vẫn nằm ở nhà trọ mà nồi kê của chủ trọ vẫn chưa chín. Bởi tích ấy nên sau mới dùng mấy chữ « Hoàng-Lương mộng 黃梁夢 » (giấc mộng kê vàng) để nói về cuộc phú-qui ở trên đời ngắn-ngủi chóng tàn.

NGUYỄN NHƯỢC-THỊ 阮若氏

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (7).*)

Hạnh Thục ca 幸蜀歌

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX*).

119. — Việc Kinh-thành thất thủ năm Ất-dậu (1885)

Khuyên can chúng thầy hết điều,
Cắt thầm Tôn Thuyết (1) dậy liều nửa đêm (2).
Phen này may rủi thử xem,
Đã đành cô chú quyết đem đánh vầy.
Chẳng cho ai biết ai hay,
Cũng chẳng tâu đạt, một tay thiện hành.
Chiến công, đều « phấn-nghĩa binh »:
Chỉn dùng những phúc-tâm mình mà thôi.
Chắc chi bẻ nạ chống trời !
Hay là làm chước thoát nơi lửa thành ?
Hay làm bất ý thình-linh,
Họa là may đặng công thành tiên ky ?
Thất kinh, ai nấy hồn phi :
Đêm khuya, nào biết sự vì làm sao.
Quanh-co, hơ-hải cùng nhau ;
Lệnh truyền gác cửa hỏi mau cho tường.
Giờ lâu, mới thấy gửi sang (3),
Rằng : « Nguyên ở đó (4) thị cường bắn lên.
« Ta nay không nhẽ điềm-nhiên,
« Phải toan cự địch, hư nên nhờ trời. »
Ầm-ầm tiếng súng khắp vời :
Khói đùn mù đất, lửa lòe nhòa mây.
Canh tư, thắng phụ chưa hay ;
Canh năm, nghe báo (5), rứt may mừng lòng:
Bình-đài (6), thu-phục đã xong,
Lầu Tây (7) đương đốt lửa dong bốn bề.
Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,
Giãy lên, Tây mới thành-môn bắn vào (8).

Nhường như sấm sét ầm-ào:
Dẫu là núi, cũng phải chao, huống thành!
Quân ta khôn sức đua tranh,
Đem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.

Chú-thích. — (1) *Tôn Thuyết*: tức là Tôn-thất Thuyết 尊室說, làm phụ-chánh đại-thần, kiêm binh-bộ thượng-thư lúc bấy giờ. Sau khi vua Tự-đức mất (19 tháng bảy năm 1883), quyền-chính ở trong triều đều ở tay hai ông Tôn-thất Thuyết và Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 là phụ-chánh đại-thần. Hai ông này chuyên quyền, làm sự phế lập: vua Dục-đức mới lên ngôi được ba ngày thì hai ông bỏ đi mà lập vua Hiệp-hòa, rồi lại bỏ vua Hiệp-hòa (tháng một năm 1883) mà lập vua Kiến-phúc; được chín tháng, vua Kiến-phúc mất, hai ông lập vua Hàm-nghi mới có 12 tuổi (tháng tám năm 1884). Tuy triều-đình đã ký tờ hiệp-ước ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp mà hai ông vẫn lo việc chống-cự; mộ quân « phấn-nghĩa », lập đồn Tân-sở 新所 (ở gần Cam-lộ, thuộc tỉnh Quảng-trị), chứa vàng bạc ở đấy để phòng khi hữu sự. — (2) *Nửa đêm*: tức là đêm hôm 22 sang ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu, Hàm-nghi nguyên-niên (đêm ngày mồng 4 sang ngày mồng 5 tháng bảy năm 1885). Một giờ đêm hôm ấy, Tôn-thất Thuyết ra lệnh cho quân khởi sự đánh tòa Khâm-sứ và trại quân Pháp ở Mang-cá. — (3) *Gửi sang*: đây là lời Thuyết sai người tâu với vua Hàm-nghi. — (4) *Ở đó*: ý nói bên người Pháp. — (5) *Nghe báo*: nghe lời Thuyết báo. — (6) *Bình-đài*: tức là Mang-cá nói trên. Chính tên là Trấn-bình-đài, một khu thành nhỏ ở góc đông-bắc kinh-thành Huế. — (7) *Lầu Tây*: tức là tòa Khâm-sứ Pháp. — (8) *Giấy lên, Tây mới thành-môn bắn vào*: Khi quân ta bắn sang, quân Pháp đương ngủ, chợt tỉnh dậy, chưa biết ra làm sao, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến gần sáng, quân Pháp mới tiến lên đánh thành thì quân ta thua chạy.

LÊ NGÔ-CÁT 黎吳吉 và PHẠM ĐÌNH-TOÁI 范廷倅

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII, Lời chú (14) và (16).*)

Đại Nam quốc-sử diễn ca
大南國史演歌

(Xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ năm*)

120. — Hai bà Trưng

Bà Trưng quê ở châu Phong(1),
Giận người tham-bạo, thù chồng chẳng quên.

Chị em nặng một lời nguyền,
Phất cờ nương-tử(2) thay quyền tướng-quân.
Ngàn tây(3) nổi áng phong trần,
Ầm-ầm binh-mã xuống gần Long-biên(4).
Hồng-quần nhẹ bước chinh-yên(5),
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên-thành.
Đô-kỳ(6) đóng cõi Mi-linh(7),
Lĩnh-nam(8) riêng một triều-đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn-hà,
Một là báo phục(9), hai là bá vương(10).
Uy-thanh động đến Bắc-phương,
Hán sai Mã Viện lên đường tiến công.
Hồ Tây(11) đua sức vẫy-vùng,
Nữ-nhi chống với anh-hùng được nao!
Cấm-khê(12) đến lúc hiểm-nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với sông.
Phục-ba(13) mới dựng cột đồng,
Ải-quan truyền dấu biên công cõi ngoài.

Chú-thích. — (1) *Châu Phong*: tức là Phong-châu 峯州 tên đất cũ ở nước ta, ở vào khoảng phủ Vĩnh-tường (trước thuộc tỉnh Sơn-tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh-yên). — (2) *Nương-tử* 娘子: con gái. Cờ nương-tử là cờ của một vị tướng đàn bà đi đánh giặc. — (3) *Ngàn tây*: chỉ quê bà Trưng, vì Phong-châu ở phía tây thủ-đô nước ta bấy giờ. — (4) *Long-biên* 龍編: tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Thuận-thành tỉnh Bắc-ninh. — (5) *Chinh-yên* 征鞍: cái yên đặt trên mình ngựa cưỡi đi đánh giặc. — (6) *Đô-kỳ* 都畿: cũng như chữ «kinh-đô», chỗ nhà vua đóng. — (7) *Mi-linh* 麋泠: tên đất cũ ở nước ta, nay thuộc địa-hạt phủ Yên-lãng tỉnh Phúc-yên. — (8) *Lĩnh-nam* 嶺南: (nghĩa đen là phía nam dãy núi Ngũ-lĩnh): tên người Tàu ngày xưa gọi chung phần đất ở phía nam dãy Ngũ-lĩnh, gồm có Quảng-đông, Quảng-tây và nước Nam ta. — (9) *Báo phục* 報復: tức là báo ân, phục thù, nghĩa là đền ơn và trả thù. — (10) *Bá vương* 霸王: bá là kẻ hơn người; vương là vua; nói về người làm nên sự-nghiệp hùng-trường. — (11) *Hồ Tây*: tên một cái hồ ở phía tây thành-phố Hà-nội. Đây chép «Hồ Tây» vì Sử cũ chép rằng Mã Viện đánh nhau với bà Trưng ở *Lãng-bạc*, mà «Lãng-bạc» là một tên cũ của Hồ Tây. Nhưng các nhà sử-học gần đây xét ra rằng «Lãng-bạc», nơi bà Trưng đánh nhau với Mã Viện, không phải là tên hồ mà là tên đất, tức là Tiên-du sơn ở huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh bây giờ (Xem H. Maspéro, *L'expédition de Ma Yuan*, BEFEO, t. XVIII, số 3). — (12) *Cấm-khê*: 禁谿: tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Vĩnh-tường tỉnh Vĩnh-yên. — (13) *Phục-ba* 伏波: tức là Phục-ba tướng-quân, chức của vua nhà Hán phong cho Mã Viện.

TÔN THỌ-TƯỜNG 尊壽祥

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả *ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (5).*)

121. — Đi sứ nước Pháp

Múa gươm, quăng chén, cất mình đi,
Bịn-rịn đâu màng thói nữ nhi.
Mây khói một màu thuyền thoát-thoát!
Biển trời muôn dặm núi ti-ti.
Phương xa xe ngựa lừa khi đến;
Nước cũ non sông ngóng lúc về.
Tên cỏ cung dâu là chí trẻ,
Danh mà chi đó, lợi mà chi?

122. — Tôn phu-nhân qui Thục (1).

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông (2).
Lìa Ngô, bịn-rịn chòm mây bạc;
Về Hán, trau-tria mảnh má hồng.
Son phấn thà *cam dày* gió bụi;
Đá vàng chi để thẹn non sông?
Ai về nhắn với *Châu* Công-cẩn (3):
Thà mất lòng anh, *đặng* bụng chồng.

Bản chép khác. — Câu 5: . . . *đem đày* . . . — Câu 7: . . . *Chu* . . . — Câu 8: . . . *được* . . .

Chú-thích. — (1) *Tôn phu-nhân qui Thục* 孫夫人歸蜀: Phu-nhân họ Tôn về nước Thục. Tôn phu-nhân, em gái Tôn Quyền vua nước Ngô, lấy Lưu Bị vua nước Thục (hoặc Hán) năm 209 (sự-tích đời Tam quốc). Tác-giả mượn việc này để ám-chỉ cảnh-ngộ mình, trước đã làm quan với Nam-triều, sau lại ra làm quan với Chánh-phủ Pháp. — (2) *Giang-đông* 江東: phía đông sông Dương-tử-giang. Đây chỉ đất nước Ngô ở phía đông-nam sông ấy và phía đông sông Tương là một chi-lưu của sông ấy. — (3) *Công-cẩn*: tự của Chu-Du, có tài văn võ, giúp Tôn Quyền, đánh thua Tào Tháo ở trận Xích-bích.

123. — Tự thuật

(Tất cả mười bài liên-hoàn; dưới đây trích lục hai bài)

I

Giang-san ba tỉnh hãy còn đây;
Trời đất chi xui đến nỗi này?

Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo ;
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
Xăng-văng chậm tính, thương đòi chỗ ;
Khấp-khởi riêng lo, biết những ngày.
Miệng cọp, hàm rồng, chưa dễ chọc :
Khuyên đàn con trẻ chớ thày-lay (1).

IX

Kể mấy mươi năm *nước* lễ-văn,
Trời đà xui thế, thế khôn ngăn.
Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy ;
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.
Hết sức người theo trời chẳng kịp ;
Hoài công chim lấp biển khôn bằng.
Phải sao chịu vậy, thôi thì chớ . . .
Nhắm mắt đưa chân, lỗi đạo hằng !

Bản chép khác. — Bài IX. Câu I : . . . *nếp* . . . Câu 7 : *Ôi thôi ! đã* . . .

Chú-thích. — (1) *Thày lay* : mua chuốc lấy những việc không phải việc của mình.

124. — Thân thế nàng Kiều (1)

Mười mấy năm trời *nợ giũ* xong,
Sông Tiền-tường đục hóa *ra* trong.
Mảnh duyên bình lãng (2) còn nong-nả ;
Chút phận tang-thương lắm ngại-ngùng.
Chữ hiếu ít nhiều, trời đất biết ;
Gánh tình nặng nhẹ, chị em chung.
Tấm lòng thiên-cổ thương mà trách :
Chẳng trách chi Kiều, trách Hóa-công,

Bản chép khác. — Câu 1 : . . . *nhục rửa* . . . — Câu 2 : . . . *nên* . . . — Câu 7 : *Soi gương* . . .

Chú-thích. — (1) Bài này tác-giả lấm khi đã về trí-sĩ, mượn thân-thế nàng Kiều để ký-thác tâm-sự mình. — (2) *Bình lãng* 萍浪 : bèo và sóng ; như chữ « bình thủy », *nói về cái duyên hai người* ngẫu-nhiên mà gặp gỡ nhau.

PHAN VĂN-TRỊ 潘文值

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (6).*)

125. — Tôn phu-nhân qui Thục

(Hoa vận Bài của Tôn Thọ-Tường, xem Bài số 121 ở trên)

Cài trâm *sửa áo* vẹn câu tòng,
Mặt *ngả* trời chiều biệt cõi Đông.
Ngút tỏa *đồi* Ngô *un sắc trắng* ;
Duyên *về đất* Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bền trời đất ;
Một gánh cang (*cương*) thường nặng núi sông.
Anh hỡi, Tôn Quyền ! anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

Bản chép khác. — Câu 1 :... sửa *trắp* (hoặc : *xóc* áo)... — Câu 2 :... *giã*... — Câu 3 : Ngút tỏa *trời* Ngô... (hoặc) : *Khói* tỏa *vừng* Ngô *xen thức bạc*. — Câu 4 : Duyên *xe về* Thục... — Câu 7 : *Nhắn với họ Tôn người*...

126. — Tự thuật

(Họa vận Bài của Tôn Thọ-Tường, xem Bài số 122 ở trên)

Hơn thua chưa quyết đỏ cùng đây,
Chẳng đã, nên ta phải thế này.
Bến Nghé (1) quản bao cơn lửa cháy ;
Cồn Rồng (2) dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở ;
Bủa lưới (3) săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ :
Lòng ta sắt đá, há lung lay ?

IX

Một đôi mươi uổng tính xăn-văn (4) !
Đất lở, ai mà dễ dám ngăn ?
Nong-nả (5) dốc vun nền đạo nghĩa ;
Xốn-xang (6) nào tưởng việc làm ăn !
Thương người vì nước ngồi không vững ;
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
Gió *xẫng* mới hay cây cỏ cứng ;
Dõi theo người trước giữ năm hằng.

Bản chép khác. — Bài IX. Câu 7 : . . . *mạnh* . . .

Chú-thích. — (1) *Bến Nghé* : tên một cái bến ở thành Sài-gòn. — (2) *Cồn-Rồng* : tên một cái cồn ở thành Sài-gòn. — (3) *Bủa lưới* : chăng lưới. — (4) *Xăn-văn* : tức là xăng-văng : vội-vàng, hấp-tấp. — (5) *Nơng-nả* : hăm-hở, hăng-hái. — (6) *Xốn-xang* : rộn-ràng, bối-rối trong lòng.

CAO BÁ-NHẠ 高伯迓

Người xã Phú-thị (nay thuộc p. Gia-lâm. t. Bắc-ninh), con Cao Bá-Đạt, cháu Cao Bá-Quát.

Tự tình khúc 叙情曲

Năm 1854 (Tự-đức thứ 7), sau khi Cao Bá-Quát (xem *Tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV. Lời chú (10).*) khởi loạn, rồi bị bắn chết, người anh đồng-bào song sinh là Cao Bá-Đạt (đỗ cử-nhân năm 1834, Minh-mạng thứ 15) bấy giờ đương làm tri-huyện h. Nông-cống (Thanh-hóa) cũng bị bắt giam, sau ông tự-tận. Cả nhà ông đều bị bắt. Duy có Cao Bá-Nhạ trốn thoát, ẩn-náu ở hạt Mỹ-đức (Hà-đông) được tám năm trời thì lại bị bắt. Khúc *Tự tình* này, Nhạ làm khi đương bị giam ở trong ngục.

Kể về lối văn tự tình thì khúc này đáng kể là một áng văn hay, vì tình ý thiết-tha, lời vận thống-thiết, thật là tả hết nỗi đau-đớn của một người chẳng may gặp cảnh gia-biến, bị nỗi oan-uổng, mà vẫn giữ được lòng trung hiếu, nghĩa thủy chung, khiến cho ai nấy đọc đến cũng phải cảm thương cho cái thân-thế của tác-giả.

Khúc này gồm có 608 câu và viết theo thể « song thất lục bát ».

127. — Lúc đi trốn

Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.
Phù sinh một sợi tơ mành,
Giữ-gìn di-thể (1) như hình thiên kim (2).
Nhạn sa nước, nổi chìm bể khổ ;
Yến e cung, tìm đỗ cây lành.
Đường ngang những sợ chông-chênh,
Khăng-khăng quyết giữ tấm thành như son.
Áo bạch-chữ (3) dầu cơn mưa nắng,
Khăn ô-luân (4) đội nặng gió sương.

Cành mai chếch-mác cảng thương,
Câu thơ tang tử (5) giữa đường càng đau.
Ngăn non Thái một màu mây bạc (6),
Giạt chân bèo lưu-lạc bể oan.
Gập-ghềnh từng bước gian-nan,
Một vùng khách-địa, muôn vàn thương tâm.
Lòng hiếu-dưỡng trăm năm đã lỡ,
Lời di-danh (7) hai chữ còn mang.
Trong khi biến, chẳng khác thường ;
Đến điều cùng quá, lại càng kiên trinh.
Thu nước mắt, gia-tình biếng cạn ;
Thấm mồ-hôi, vận-hạn lâu qua.
Tràng-đình ngoảnh lại xa-xa,
Khỏi cầu « chiết liễu » (8), ai là cố-nhân ?
Ghê chân bước phong-trần mới trải,
Nặng lòng ơn sơn-hải chưa đành.
Nước mây mình biết cho mình,
Trời dành tuế-nguyệt, đất dành điền-viên (9).
Thú thôn-ổ : ao nghiên, ruộng chữ ;
Màu giang-sơn : cơm sử, áo kinh.
Pha hòa hai chữ trọc, thanh ;
Đổi màu lữ-khách, thay hình hàn-nho.
Người mến cảnh, giang hồ nên thú,
Cảnh yêu người, tân chủ phải duyên.
Lần hồi trong tám, chín niên,
Gối nhàn tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn ;
Năm dài, xem yến nhạn bay qua.
Song hồ ngày tháng lân-la,
Một hai hoàng-quyền, năm ba tiểu-đồng.
Tráp Vĩnh-thúc (10), tay phong, tay mở ;
Tập Thiếu-lăng (11), câu lựa, câu ngâm.
Thờ-ơ thân-thế phù trầm,
Khi rong trước gió, khi nằm dưới trăng.
Khuôn tạo-hóa dẫu rằng phong, sắc (12),
Nợ phù-sinh phó mặc bi, hoan.

Thôn-cư riêng thú bàn-hoàn ((13),
Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu.
Túi Tư-mã (14) giở câu thánh phú,
Vườn Đào Am (15) quyền chủ thần hoa.
Mấy phen điểm xuyết yên-hà (16),
Cúc mươi lăm khóm, mai và bốn cây.

Chú-thích. — (1) *Di-thể* 遺體 : thân-thể của cha mẹ để lại cho. — (2) *Thiên kim* 千金 : nghìn vàng ; ý nói qui lắm. — (3) *Bạch-chữ* 白紵 : gai trắng. — (4) *Ô-luân* 烏綸 (ô : quạ ; đen như quạ ; luân : sợi tơ) : sợi tơ đen. — (5) *Câu thơ tang tử* : câu thơ trong *Kinh Thi* (thơ Tiểu-biện 小弁) : « Duy tang dữ tử, tất cung kính chỉ 維桑與梓, 必恭敬止. » (Cây dâu và cây tử [của cha mẹ giồng], phải kính-trọng nó). Hai chữ « tang tử » sau dùng để chỉ chỗ quê cha mẹ. — (6) *Ngàn non Thái một màu mây bạc* : xưa Địch Nhân-Kiệt đời Đường đi làm quan xa, trỏ đám mây trắng ở núi Thái-hàng 泰行, nói : « Nhà cha mẹ ta ở dưới đó ». Sau dùng những chữ « non Thái », « mây Hàng » để nói lòng nhớ cha mẹ. — (7) *Lời di danh* : lời cha mẹ dặn mình phải sống để truyền tên họ lại về sau. — (8) *Cầu chiết liễu* (chiết liễu 折柳 : bẻ cành liễu) : ở cầu Bá-kiều bên Tàu, có cây liễu ; khách đi xa, qua đấy, thường bẻ cành liễu, rồi từ biệt những người tiễn đưa, nên gọi là cầu chiết liễu. — (9) *Trời dành tuế-nguyệt, đất dành điền-viên* (tuế-nguyệt : năm tháng ; điền-viên : ruộng vườn : ý nói : mình còn sống thì còn ngày giờ, còn đất cát. — (10) *Tráp Vĩnh-thúc* : tráp đựng sách của ông Vĩnh-thúc, tên tự của Âu Dương-Tu, một văn-hào đời Tống bên Tàu. — (11) *Tập Thiếu-lăng* : tập thơ của ông Thiếu-lăng, tên hiệu của Đỗ Phủ, một thi-hào đời Đường bên Tàu. — (12) *Phong, sắc* : (phong : nhiều, hơn ; sắc : ít, kém) : do câu : « Phong vu bỉ, sắc vu thử 豐于彼, 嗇于此 » hơn bên này, kém bên kia). — (13) *Bàn-hoàn* 盤桓 : quanh-quẩn, không nỡ dứt đi. — (14) *Tư-mã* : tức là Tư-mã Tương-như, làm bài phú « Lăng vân », nổi tiếng là thánh phú ở đời nhà Hán bên Tàu. — (15) *Đào Am* : ông có cái vườn giồng hoa, mỗi thứ có một vị thần hoa ; người chủ vườn hoa tức là chủ các thần hoa. — (16) *Điểm-xuyết yên-hà* 點綴煙霞 (điểm-xuyết : tô vẽ cho đẹp ; yên-hà : khói và ráng ; chỉ cảnh thiên-nhiên) : sửa sang cảnh thiên-nhiên cho đẹp-đẽ thêm.

128. — Lúc bị bắt

Tưởng khuây-khỏa ngày qua, tháng tới ;
Bỗng hãi-hùng gió thổi, mưa chan.
Nổi chìm, chìm nổi bể oan,
Mấy năm hầu cạn, một cơn lại đầy.

Nặng kiếp trước, vò-giày chi mãi ?
Ngẫm tình này oan trái sao cân ?
Nghĩ thân mà ngán cho thân !
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi !
Chữ bạc-mệnh, ai ơi ! xót với ;
Câu đa gian (1), trời hỡi ! thấu chăng ?
Gớm thay ! ngọn lửa đốt rừng :
Dập tàn-tàn, lại bừng-bừng bỗng không.
Ghê cho kẻ mọc lòng trong bụng (2) :
Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi (3).
Ngựa hươu thay đổi như chơi :
Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay (4).
Gây ra sự chia cây, rụng lá,
Để cho ai chìm cá, giật bèo.
Năm ba kẻ thước, người hèo,
Ngõ Nhan lôi cái đan-biều đập tan (5).
Gà eo-óc vừa tàn giấc mộng,
Nhặng vo-ve sực động hồn kinh,
Tiểu-đồng thổn-thức chung quanh,
Thê nhi lăn-lóc bên mình khóc than.
Phút nửa khắc muôn ngàn thê-thảm,
Trong một mình bảy tám biệt-ly.
Ngảnh vào, ái-ngại thê-nhi ;
Ngảnh ra, án cũ cầm thi ngại-ngần.
Lay ngọn cúc gió dẫn lăn-lóc,
Thấm cành mai sương khóc chan hòa.
Trông hoa, đau-đớn cùng hoa :
Ai ngờ từ đấy hóa ra vô-tình !
Áo xốc-xếch nửa manh chắp nối,
Tóc loăn-xoăn trăm mối bòng-bong.
Sầu dài chia nửa vào song (?),
Bước ra dùng-dằng, lại trông giở vào.
Hồn khuê-phụ lao-đao lặng ngắt,
Người hương-quan quanh-quất thương thay.
Bèo mây lỡ bước từ đây,
Nước non tiễn khách là ngày hai nhăm.

Chú-thích. — (1) *Đa gian* : nhiều nỗi gian-truân, cực-khổ. — (2) *Mọc lông trong bụng* : tục-ngữ ; ý nói : bụng dạ độc-ác. — (3) *Vẽ bóng ngoài mồi* : ý nói : đặt chuyện nói vu. — (4) *Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay* : ý nói : lấy miệng lưỡi vu hãm mà giết người ; bất thình-lình dùng mưu kế ác độc mà làm hại người. — (5) *Ngõ Nhan lôi cái đan biều đập tan* (đan : rổ ; biều : bàu) ; xưa Nhan Hồi, học trò đức Khổng-tử, nhà nghèo, ở ngõ hẻm, chỉ có một rổ cơm, một bàu nước. Cả câu ý nói : lính tráng vào nhà đập phá hết cả.

NGUYỄN KHUYẾN 阮勸 (1835-1909)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (20).*)

129. — Cảnh già

Nhớ từ năm trước hãy *thơ* ngây,
Phút chốc mà già đã *đến* ngay.
Mái tóc *chòm đen, chòm* lốm-đốm ;
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay.
Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ ;
Khấp-khểnh ba chân *dở* tỉnh say.
Ông ngẫm mình ông thêm *ngán nỗi :*
Đi đâu, giở những cối cùng chày.

Bản chép khác. — Câu 1 : *Vừa thuở ngày nào* hãy *dại* ngây. — Câu 2 : *Cái già sồng-sọc* đã *theo* ngay. — Câu 3 : . . . *chùm* đen, *chùm*. . . (hoặc) : . . . *phần sâu, phần*. . . (hoặc) : . . . chòm *râm*, chòm. . . — Câu 5 : *Lèm-nhèm*. . . (hoặc) : *Lập-lờ*. . . — Câu 6 : . . . *bước*. . . — Câu 7 : *Còn một nỗi này* thêm *chán ngắt* (hoặc) : . . . thêm *nỗi chán*.

130. — Ông tiến-sĩ giấy

Khéo chú hoa-man (1) khéo vẽ trò,
Bỡn ông mà lại dứ thằng cu.
Mày râu vẻ mặt vang trong nước ;
Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng, mua danh, thây lũ trẻ ;
Bảng vàng, bia đá, vẫn nghìn thu.
Hỡi ai muốn ước cho con cháu ?
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

Chú-thích. — (1) *Chú hoa-man* : người thợ mã.

131. — Nước lụt, hỏi thăm bạn

Ai lên, nhắn hỏi bác Châu-cầu (1):
Lụt-lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con *rày lớn bé*?
Vài gian *nếp cái* ngập nông, sâu?
Phận thua, suy tính càng thêm thiệt;
Tuổi cả, chơi-bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no, mà chẳng đói,
Thung-thăng chiếc lá, rượu lưng bầu.

Bản chép khác. — Câu 3: . . . *mua đắt, rẻ* ? — Câu 4: . . . *thóc nếp*. . . .

Chú-thích. — (1) *Châu-cầu* : tên một làng thuộc huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-nam, quê bạn tác-giả là Bùi Quế.

132. — Đêm mùa hạ

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi-ả.
Tiếng dế kêu thiết-tha;
Đàn muỗi bay tơi-tả.
Nỗi ấy biết cùng ai?
Cảnh này buồn cả dạ!
Biếng nhắp năm canh chầy,
Gà đà sớm giục-giã.

133. — Mẹ Mốc

So danh-giá ai bằng Mẹ Mốc (1)!
Ngoài hình-hài, gấm vóc, cũng thêm ra.
Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xóa nhòa:
Làm thế để cho qua mắt tục.

Ngoại mạo bất cầu như mỹ-ngọc;
外 貌 不 求 如 美 玉
Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2).
心 中 常 守 似 堅 金
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm-đềm một tiết.

Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết :
Mảnh gương Trinh vằng-vặc quyết không nhơ.
Đắp tai ngảnh mặt làm *ngơ*,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
Khôn em dễ bán dại này.

Bản chép khác. — Câu 6 : *Thân* 身... — Câu 8 : *Dả*... — Câu 11 :... *lơ*.

Chú-thích. — (1) *Mẹ Mốc* : tên một người đàn bà hóa dại ở tỉnh Nam-định xưa. — (2) *Hai câu 5-6* : Ngoài mặt không cầu như ngọc đẹp ; trong lòng thường giữ bền tựa vàng.

TRƯƠNG VĨNH-KÝ 張 永 記 (1837-1898)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời chú (1).*)

134. — Vài nơi cung điện đền chùa ở Hà-nội

Trước hết vô Hoàng-thành cũ. Lọt khỏi ngũ-môn-lâu, lên đến Kính-thiên. Đền ấy nền cao lắm, có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống. Cột đền lớn trót ôm, tinh những là gỗ liêm (*lim*) cả. Ngó ra đàng sau còn thấy một hai cung điện cũ chỗ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tệ còn tích lại đó mà thôi. Ra ngoài cửa ngũ-môn-lâu, thẳng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ốc trong ruột nó mà lên cho tới trên chót vót . . .

Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một cột, là cái miễu cất lên trên đầu cày cột đá lớn trồng giữa ao hồ. Nguyên tích ai thiết-lập ra thì người ta nói mờ-ơ, không biết lấy đâu làm chắc cho mấy. Cứ sách sử-ký và *Đại-nam nhất thống chí*, thì chùa ông thánh đồng đen kêu là Trấn-võ quan tự, ở về huyện Vĩnh-thuận, phường Đoan-chương đời nhà Lê, năm Vĩnh-trị năm Chánh-hòa, vua Hi-tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đen cao 8 thước 2 tấc, nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắn vấn đoanh theo vỏ gươm . . . Còn chùa một cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh-thuận, làng Thanh-bửu ở giữa cái hồ vuông, có trụ đá cao trót trượng, yêu-viên chừng chín thước, trên đầu có cái miễu ngói chồng lên, như cái hoa sen ở

dưới nước ngóc lên. Sử chép rằng: Thuở xưa vua Lý Thái-tông nằm chiêm-bao thấy Phật Quan-âm ngồi tòa sen dắc *(dắt)* vua lên đài. Tỉnh dậy học lại với quần thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chăng. Thì thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thể ấy, đặng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên-thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra. Qua đời vua Lý Nhân-tông sửa lại, bồi bổ, lập tháp, đào ao, xây thành làm cầu, tế-tự, hễ tháng tư mồng tám vua ngự ra đó kỳ yên.

Voyage au Tonking en 1876. Chuyến đi Bắc kì năm ất-hợi (1876)
(Saigon, Guilland et Martinon, 1881).

HUỲNH TỊNH CỦA tức PAULUS CỦA (1834-1907)

(Xem *Tiền-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời chú (2).)*

135. — Chí khí các

Thuở xưa vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho Hứa Do (1), bèn đòi Hứa Do tới mà dạy rằng: « Trẫm nghe ngươi có tài đức lớn, trẫm muốn truyền ngôi cho ngươi, ngươi phải nối ngôi cho trẫm mà làm vua thiên-hạ ». Hứa Do nghe nói, tức cười, vội-vàng đi xuống suối mà rửa tai. Cũng một khi ấy, có ngươi Sào Phủ là người giữ trâu, đem trâu xuống suối mà cho uống nước, thấy Hứa Do đương lum-khum rửa tai, hỏi Hứa Do làm sao mà rửa tai? Hứa Do lắc đầu nói: Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua. Sào Phủ nghe nói, liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa Do hỏi làm sao anh lại đem trâu lên trên ấy mà cho uống? Sào Phủ rằng: Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhằm. Sào Phủ lại rằng: Anh đi đâu cho người ta biết anh mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh-lợi.

Nghe mà rửa, chi bằng giữ vẹn đừng nghe.

Chuyện giải buồn

DƯƠNG KHUÊ 楊珪 (1839-1902)

Hiệu Vân-tri 雲池, người xã Vân-đình, huyện Sơn-minh, tỉnh Hà-nội (nay thuộc phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông), đậu tiến-sĩ năm 1868 (Tự-đức thứ 21), làm quan đến hàm thượng-thư, sung chức tham-tá nha Kinh-lược Bắc-kỳ.

136. — Lại gặp người quen

Hốt ức lục thất niên tiền sự(1),
忽憶六七年前事
Trải trăng hoa chưa *trả nợ* hương nguyền.
Đến bây giờ lại gặp người quen,
Nỗi lưu-lạc, sự ghét-ghen là thế *nhỉ*.

Thiếp tự thân khinh, lang vị khí;
妾自身輕郎未棄
Thần tuy tội trọng, đế do liên (2).
臣雖罪重帝猶憐
Can chi mà tủi phận, hờn duyên.
Để son phấn *đàn em thêm* khúc-khích.

Ý-trung-nhân *tự* khả tình tương bạch (3).
意中人自可情相白
Thôi bút nghiên, *đàn* phách cũng đều sai.
Trông nhau *nói nói, cười* cười.

Bản chép khác. — Câu 2 : *Nợ phong-lưu* chưa *trả* hương nguyền. — Câu 2: *Tới*. . . — Câu 4 : . . . *thế*. — Câu 7 : *Vội*. . . — Câu 8 : . . . *lũ đàn em* (hoặc : *mặc đàn em*). . . — Câu 9 : . . . *chỉ* (hoặc : *đãn*). . . — Câu 10 : . . . *sinh*. . . — Câu 11 : *Gặp*. . . (hoặc) : . . . *cùng* nói *cả* cười (hoặc) : . . . *ta sẽ vui* cười.

Chú-thích. — (1) *Câu 1* : Chợt nhớ đến việc tự sáu bảy năm về trước. — (2) *Câu 5-6* : Mình thiếp dù khinh, chàng chưa nỡ bỏ ; tội bầy-tôi dẫu nặng, vua vẫn còn thương. — (3) *Câu 9* : Đối với người thương yêu của mình, có thể đem tình thực mà nói rõ cho nhau hay.

137. — Gặp cô-đầu cũ.

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết,
Mới ngày nào *còn chửa biết* chi chi.
Mười lăm năm thấm-thoắt có *xa* gì !
Chợt ngảnh lại, đã *đến* kỳ tơ liễu.

Ngã lãng du thời, quân thượng thiếu;
我 浪 遊 時 君 尙 少
Quân kim hứa giá, ngã thành ông (1).
君 今 許 嫁 我 成 翁
Cười cười, nói nói *thẹn thùng*,
Mà *bạch phát với hồng nhan* chừng ái-ngại.

Riêng một thú Thanh *Sơn* (2) đi lại,
Khéo ngây-ngây dại-dại với tình.
Đàn ai một tiếng dương tranh?

Bản chép khác. — Câu 2 : . . . *chửa biết cái*. . . — Câu 3 : . . : *lâu*. : . — Câu 4 : *Ngảnh mặt lại*. . . *tới*. : . — Câu 7 : . . . *sượng-sùng* (hoặc : *ngượng-ngùng*). — Câu 8 : . . . *bạch phát, hồng nhan* (hoặc : *lạ lạ, quen quen*). . . — Câu 9 : . . . *xuân*. . . — Câu 10 : *Luống*. . .

Chú-thích. — (1) *Hai câu 5-6* : Lúc ta chơi-bời phóng-túng thì ngươi còn nhỏ ; bây giờ ngươi đến tuổi lấy chồng thì ta đã thành ông (ý nói đã già). — (2) *Thanh Sơn* : Có người cho Thanh là Thanh-thần, Sơn là Sơn-minh (sau đổi là Sơn-lãng, tên huyện, quê tác-giả). Làng Thanh-thần thuộc h. Sơn-lãng (nay thuộc p. Thanh-oai, t. Hà-đông) là làng có nhiều cô-đầu.

CHU MẠNH-TRINH 朱 孟 楨 (1862-1905)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, chương thứ XX, Lời chú (12).*)

138. — Kiều mắc lận Sở Khanh.

Những nghĩ chim lồng chắp cánh bay,
Có khi phận rủi *tới* hồi may.
Làng nho người cũng coi ra vẻ;
Tổ bợm ai ngờ mắc phải tay.
Hai chữ tin *hồng* trao gác nguyệt;
Một roi vó *ký* tếch đường mây.
Mẫu-đơn vùi-dập cơn mưa gió,
Cái nợ yên-hoa khéo đọa đầy.

(*Thanh-tâm tài-nhân thi tập*)

Bản chép khác. — Câu 2 : *Họa*. . . *có*. . . — Câu 4 : *Bợm sỏ*. . . — Câu 5 : . . . *nhàn* . . . — Câu 6 : . . . *ngựa*. . .

139. — Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư.

Trong nửa năm trời mới bén hơi,
Hồ vui sum họp, lại xa khơi,
Chén đưa lòng những băn-khoăn nỗi ;
Dặm thẳng lòng còn lẩn-quất nơi.
Nước lã ra chừng coi cũng *lạnh* ;
Bồ-hòn hầu dễ ngậm làm tươi.
Ghê cho cái gái tay đanh-đá :
Giỏn-giã càng thêm vẻ nói cười.

(*Thanh-tâm tài nhân thi tập*)

Bản chép khác. — Câu 5 : . . . *lảng*. — Câu 8 : *Đủng đỉnh*. . .

140. — Tổng vịnh truyện Kiều.

Cuốn ngỏ rèm xuân trải mấy sương,
Sắc tài chi lắm để làm gương.
Công cha bao quản liều thân thiếp ;
Sự nước xui nên phụ với chàng.
Cung oán nỉ-non đàn bạc-mệnh ;
Duyên may dun-giủi lưới Tiền-đường.
Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng.

(*Thanh-tâm tài nhân thi tập*)

141. — Phong-cảnh Hương-sơn (1).

Bầu trời, cảnh *bụt*,
Thú Hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
Kìa non non, nước nước, mây mây,
« Đệ nhất động » (2), hỏi *là* đây *có* phải ?

Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng trái ;
Lửng-lơ khe *Yến* (3) cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kình (4),
Khách tang-hải giật mình trong giấc mộng !

Này suối Giải oan (5), này chùa Cửa võng (6),
Này *am* Phật-tích (7), này động Tuyết-*quynh* (8).

Nhác trông lên, ai khéo *vẽ* hình :
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.

Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh *mấy* lối uốn thang mây.
Chừng giang-sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo-hóa *sẽ* ra tay *sắp*-đặt ?

Lần tràng-hạt, niệm : Nam-vô Phật !
Cửa từ-bi công-đức *biết* là bao.
Càng trông, phong-cảnh càng yêu.

Bản chép khác. — Câu 1 : . . . *Phật*. — Câu 4 : . . . *rằng*. . . *chẳng*. . . — Câu 6 : . . . *nước*. . . — Câu 10 : . . . *hang*. . . *quỳnh*. — Câu 11 : . . . *họa nên*. . . — Câu 14 : . . . *đôi*. . . — Câu 15 : Ý. . . — Câu 16 : . . . sẽ ra tay *xếp*-đặt (hoặc) : . . . *khéo* ra tay *xếp*-đặt ! — Câu 18 : . . . *xiết*. . .

Chú-thích. — (1) *Hương-sơn* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 61. — (2) *Đệ nhất động* : ngoài cửa động Hương-tích, có đề năm chữ « Nam-thiên đệ nhất động 南 天 第 一 峒 » (Động thứ nhất ở trời Nam). — (3) *Khe Yến* : dòng suối thuộc địa-phận làng Yến-vĩ ; muốn vào động Hương-tích, phải xuống thuyền ở Bến đò Suối (ở đầu làng Yến-vỹ, thuộc p. Mỹ-đức, Hà-đông), rồi theo dòng suối ấy đi đến Chùa Ngoài (tên chữ là Thiên-trù) ; đoạn, đi theo đường núi vào đến động (tục thường gọi là Chùa Trong). — (4) *Chày kình* : xem câu chú-thích số (3) ở Bài 65. — (5) *Suối giải oan* (giải oan 解 冤 : cởi gỡ những nỗi oan) : ở khoảng giữa lối đi tự Chùa Ngoài vào Động Hương-tích, có một cái mạch nước trong và mát, khách đi lễ thường dừng lại đấy lấy nước uống ; suối nước ấy gọi là « « Suối giải oan » và ngôi chùa xây ở đấy gọi là « Chùa Giải oan ». — (6) *Chùa Cửa võng* : tên một ngôi chùa cũng ở lối vào Động. — (7) *Phật-tích* 佛 跡 : dấu vết cửa Phật : tục truyền Động Hương-tích là nơi hóa kiếp cửa Phật Quan-âm. — 8) *Động Tuyết-quỳnh* : không biết có phải tác-giả nói về chùa Tuyết ở mé ngoài Động Hương-tích, gần Bến đò Suối không ?

TRẦN TẾ-XƯƠNG 陳 濟 昌 (1870-1907)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (19).*)

142. — Than thân

Kể đã ba mươi mấy tuổi rồi,
Tôi ngồi, tôi nghĩ cái thằng tôi.

Mấy khoa hương-thí không đâu cả;
Ba luống vườn hoang bán sạch rồi.
Gạo cứ lệ ăn đong bữa một;
Vợ quen dạ đẻ cách năm đôi.
Bắc thang lên hỏi ông trời nhẻ:
Trêu ghẹo người ta thế nữa thôi?

143. — Đưa cho vợ

Quanh năm buôn bán ở *mom* sông,
Nuôi-*nấng năm* con với một chồng.
Lặn-lội thân cò khi quãng vắng;
Eo-sèo mặt nước *buổi* đò đông.
Một duyên, hai nợ, âu đành phận;
Năm nắng, mười *mưa*, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
Có chồng, hờ-hững cũng như không!

Bản chép khác. — Câu 1: . . . *miền*. . . — Câu 2: . . . *đủ đàn*. . . — Câu 3: *Lật-đật chân* (hoặc: lặn-lội *chân*). . . — Câu 4: . . . *lúc*. . . — Câu 6: . . . *sương*. . .

144. — Tết đến

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo,
Tiền bạc trong kho chửa lĩnh tiêu.
Rượu cúc nhắn đem, hàng biếng quảy;
Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
Bánh đường sắp gói, e nồm chảy;
Giò lụa toan làm, sợ nắng thiu.
Thôi thế thì thôi, đành tết khác,
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

145. — Thói đời

Vì chưng chẳng có, hóa *thân* hèn,
Hổ với anh em chúng bạn quen.
Thuở trước chơi bời còn quyến-luyến;
Bây giờ đi lại dám mon-men.
Giàu sang âu-yếm tình quen thuộc;
Bần tiện, thờ-ơ dạ bạc đen.

Vì khiến trong tay tiền bạc có,
Nói dơi, *nói chuột*, chán người khen.

Bản chép khác. — Câu 1 : . . . *ra*. . . — Câu 8 : Nói dơi *chuột cũng*. . .

146. — Năm mới

Chỉ bảo nhau rằng : mới với me.
Bảo ai rằng cũ, chẳng ai nghe.
Khăn là *bác* nọ to tày rế ;
Váy lĩnh cô kia quét *sạch* hè.
Công-đức tu-hành sư *có* lọng ;
Xu hào *rủng-rỉnh* mán ngồi xe.
Chẳng phong lưu, cũng ba ngày tết :
Kiết cú như ai *cũng* rượu chè.

Bản chép khác. — Câu 1 : *Khéo*. . . — Câu 2 : *Thấy ai mặc rách*. . . — Câu 3 : . . . *cụ*. . . — Câu 4 : . . . *cả*. . . — Câu 5 : . . . *cũng*. . . — Câu 6 : . . . *đủng-đỉnh*. . . — Câu 7 : *Phong-lưu rất mực*. . . — Câu 8 : *Dù*. . . (hoặc) : . . *vẫn*. . .

147. — Phường tuồng

Nào có ra chi *lũ hát* tuồng !
Cũng hò, cũng hét, cũng y-uông.
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ,
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn.

Bản chép khác. — Câu 1 : . . . *một lũ*. . . — Câu 4 : . . . *thật*. . .

148. — Chiêm bao

I

Bỗng thấy chiêm-bao thấy những người,
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra, lại tiếc người trong mộng,
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi !

II

Nằm nghe tiếng trống, trống canh ba,
Vừa *giấc* chiêm-bao *chợt* tỉnh ra.
Thiên-hạ *có khi* đương ngủ cả,
Việc gì mà thức một mình ta?

Bản chép khác. — Bài II. Câu 2 : . . . *lúc*. . . *sực*. . . — Câu 3 : . . . *dễ thường*. . . — Câu 4 : *Tội*. . .

149. — **Vợ chồng Ngâu** (1)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con trời lấy *chú* chăn trâu cũng phiền.
Một *là* duyên, hai *thời* là nợ,
Sợi xích-thằng ai gỡ cho ra?
Vụng-về cũng thể cung-nga,
Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục-đồng.
Hay là sợ muộn chồng chăng tá?
Hơi đâu mà kén cá chọn canh!
Lấy ai, ai lấy cũng đành,
Rể trời đâu cả đến anh áo buồm.

Bản chép khác. — Câu 2 : . : . *đứa*. . . — Câu 3 : . . . *rằng*. . . *rằng*. . .

Chú-thích. — (1) *Vợ chồng Ngâu* : xem câu chú-thích số (6) ở Bài 37.

TỪ DIỄN-ĐỒNG

150. — **Than nghèo**

Cái khó theo nhau mãi thế thôi!
Có ai, hay chỉ một mình tôi?
Bạc đâu ra miệng mà mong được!
Tiền chửa vào tay đã hết rồi!
Van nợ, lắm khi tràn nước mắt;
Chạy ăn từng bữa toát mồ-hôi.
Biết *rày*, thuở *bé* đi làm quách:
Chẳng Ký, không Thông, cũng cậu bồi.

Bản chép khác. — Câu 7 . . . *thân*. . . *trước*. . .

151. — Đêm dài.

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò !
Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy ;
Ông già *thúng-thắng* vẫn *đương* ho.
Ngọn đèn *giữ* trộm khêu còn *bé*,
Tiếng chó *nghi* người cắn vẫn to.
Hàng xóm láng-giềng ai đã *dậy* ?
Dậy thì lên tiếng gọi *nhà* Nho.

Bản chép khác. — Câu 4 : . . . *khúng - khẳng*. . . (hoặc): . . *còn* ho. — Câu 5 : . . . *rình*. . . *tí*. — Câu 6 : . . . *khinh*. . . — Câu 7 : *Bốn góc*. . . *tỉnh*. — Câu 8 : *Tỉnh*. . . *làng*. . .

HOÀNG CAO-KHẢI 黃 高 啓 (1850-1933)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ hai, Chương thứ XX, Lời chú* (4).)

152. — Ông Trần Quốc-Tuấn.

Ông Trần Quốc-Tuấn là quan tôn-thất nhà Trần, tư-chất thông-minh, có tài trí, có can-đảm. Cha là ông Yên-sinh vương, trước cùng vua Thái-tôn có hiềm-khích ; khi ông ấy đã làm quan, chầu hầu vua Thái-tôn, tay cầm cái gậy gỗ có mũi nhọn, ai nấy cũng ngờ, nên chi ông ấy lại phải bỏ cái mũi nhọn mà cầm cái gậy không : ấy là hay lấy chữ hiếu mà làm chữ trung vậy.

Ông ấy thường hay làm sách binh-thư đồ trận để mà dạy bảo chư tướng, như là ngươi Yết Kiêu, ngươi Dã Tượng là người đầy-tớ giỏi, ông Trương Hán-Siêu, ông Phạm Ngũ-Lão là người tướng-tá hiền ; ông ấy thường nói rằng : « Chim hồng hộc cao bay cũng vì nhờ chưng sáu cánh. » Đương đời vua Trần Thánh-tôn, nhà Nguyên có ý muốn chiếm nước ta, mượn cớ sinh sự, đem 500.000 quân sang đánh ; ngài sai ông ấy làm quan tiết-chế coi các đạo quân ; trận thứ nhất đánh ở cửa Hàm-tải cùng đò Chương-dương mà ngươi Toa-Đô phải giết, trận thứ hai đánh ở làng Vân-đồn cùng sông Bạch-đằng mà ngươi Ô Mã-Nhi phải thua. Từ đó, nhà Nguyên không dám lại xâm chiếm nước ta nữa. Vua Thánh-tôn có câu rằng : « Xã-tắc

lưỡng hồi lao thạch-mã, Sơn-hà thiên cổ điện kim-âu » (1), tưởng cũng là bài thơ kỷ-niệm công việc trong đời ấy vậy. Ông ấy khi đã mất rồi, người ta lập đền mà thờ, ở núi Vạn-kiếp, đến bây giờ vẫn còn lấy làm linh-ứng.

Non bể yên lang, sóng ngạc đầy,
Tráp gươm ba thước tuốt ra tay.
Nếu như xã-tắc hai hồi ấy,
Đâu có tang-thương một hội này.
Muôn kiếp thần thiêng vì tướng mạnh,
Trăm năm con thảo với tôi ngay.
Đời đầu xa cách, lòng không cách,
Phảng-phất mây hồng sáu cánh bay.

Bài thơ này là khen ông Trần Quốc-Tuấn có công-nghiệp từ trước mà làm cho người đời sau tưởng-tượng không quên vậy. Đại-ý nói rằng : Nước có anh-hùng thời thế mới mạnh, người có huân-nghiệp, thời giá mới cao. Đương buổi vua Trần Thánh-tôn phải nhà Nguyên đem quân sang đánh, lấy mạnh hiếp hèn, núi ngất khói lang, bể đầy sóng ngạc, thế chẳng là nguy-hiểm cho nước ta lắm ru ! May mà nhờ ông ấy hết dạ trung-trinh, ra tay chống vác, hồi thứ nhất thì đánh cửa Hàm-tải, đò Chương-dương mà người Toa Đô phải giết, hồi thứ hai thì đánh ở làng Vân-đồn, sông Bạch-đằng mà người Mã-Nhi phải thua. Xã-tắc nhờ đó mà duy-trì, giang-sơn nhờ đó mà vinh-hiển, thế mới biết rằng nước có thịnh suy, cũng bởi người có hay dở, người mà hay thì nước bao giờ cũng là thịnh, người mà dở thì nước bao giờ cũng là suy. Dâu bồi bể lấp thay đổi không thường, không nên trách bởi ở trời, mà chỉ nên trách bởi ở người vậy.

Xưa nay sống làm danh-tướng, chắc là thác làm danh-thần, làm tôi giữ trung cũng bởi làm con giữ hiếu, như ông ấy thờ vua thì gậy không mũi nhọn, đánh giặc thì tráp có gươm thiêng, dẫu rằng muôn kiếp tôn là thánh là thần, cũng chẳng qua một lòng giữ trung lấy hiếu. Than ôi ! sáu cánh hồng bay, nghìn lần mây bổng, người tuy cách mà lòng không cách, đời càng lâu thời tiếng càng lâu, núi Vạn-kiếp, sông Lục-đầu, anh-hùng sự-nghiệp, nghìn thâu vẫn còn.

Vịnh Nam-sử

(Đông-dương tạp-chí, Lớp mới, số 8)

Chú-thích. — (1) *Xã-tắc. . . kim âu* 社稷兩回勞石馬，山河千古奠金甌：Xã-tắc (thần đất và thần lúa ; nghĩa bóng là đất nước) hai phen chồn ngựa đá, Non sông nghìn thuở vững âu vàng (âu : ang nhỏ ; âu vàng : nghĩa bóng chỉ cơ-nghiệp nhà vua).

153. — Xét về việc quan-lại người Tàu cai-trị dân ta trong những hồi Bắc-thuộc.

Nhà nước đã lấy thuộc-địa, thế tất phải đặt quan-lại mà cai-trị, mà những kẻ quan-lại ấy là người thay mặt cho nhà nước, mà để chủ-tể cho nhân-dân, nếu mà quan-lại được người tốt thì dân yên, quan-lại phải người dở thì dân khốn. Xem như đời nhà Hán tham bạo có ông Tô Định, thời nước ta phản-đối lại có bà Trưng-vương ; đời nhà Lương tham tàn có ông Tiêu Tư thì nước ta phản-đối lại có vua Lý Bý ; đời nhà Đường tham bạo như ông Lưu Diên-Hựu, ông Cao Chính-Bình, thì nước ta phản-đối lại có ông Đinh Kiến, ông Phùng Hưng. Những việc giống như thế còn nhiều, không kể cho xiết được, và những đời ấy cũng đã lâu rồi, xin kể gần đây, như là nhà Minh. Lúc nhà Minh sang lấy nước ta, trước vẫn nói rằng lập con cháu nhà Trần, mà sau thì chiếm lấy, người nước ta có ông Lê Cảnh-Tuân là người học trò có danh tiếng, có làm ra ba bài sách, mà khuyên nhà Minh rằng phải lập con cháu nhà Trần thì nước ta mới yên, nếu không làm thế thì về sau sẽ loạn, tưởng rằng ông ấy nói như thế, chẳng những có ích cho nước ta mà cũng có ích cho nhà Minh nữa, thế mà quan nhà Minh đã là không nghe lại thêm bắt tội, giải cha con ông ấy về đất Kim-lăng, mà về sau đều phải chết cả. Làm như thế thì nước ta làm sao mà chẳng thù? Chẳng những thế mà thôi, mà lại nặng đó lấy việc thuế khóa, như là thuế muối, người nước ta ai mà nấu muối đã phải thuế rồi, mà những kẻ bán kẻ mua lại đặt quan ra mà coi sóc. Chẳng qua là mượn tiếng thêm thuế, để mà cầu lấy sự thăng-thưởng, mà không nghĩ sự phiền-nhiễu cho dân ta. Chẳng những thế mà thôi, mà lại buông lấy lòng tham-lam, như là bắt dân đi khai mỏ để mà lấy vàng bạc, bắt dân mò xuống bể để mà lấy hạt trai : chẳng qua là tham của mà cầu sự ích riêng, mà không nghĩ đến nỗi thiệt hại cho dân-sự. Vả lại quan lại nhà Minh đã như thế, mà dùng những người nước ta làm quan thì rặt những

đồ bôn-cạnh, như là ngươi Lương Như-Hốt, ngươi Đậu Duy-Trung cũng đều là một lũ tham-tàn, thế thì dân ta làm sao mà không oán ? Đến khi người nước ta đâu đâu cũng là đấy, mà ông Lê Lợi cũng đã dựng cờ ở núi Lam-sơn, thế mà quan nhà Minh tâu với vua nhà Minh, một thì nói rằng: ông Lê Lợi đã chết; hai thì nói rằng: ông Lê Lợi đã hàng. Đến lúc tướng Liễu Thăng phải chết, thành Đông-quan phải hàng, mà trong khoảng mười bốn năm trời, nhà Minh phải bỏ mà về, không còn cai-trị nước ta được nữa. Thế có phải rằng việc cai-trị của một người riêng, mà làm hại cho sự cai-trị của nhà nước chung vậy.

Tuy thế, dân nước ta thủa trước còn đương mọi rợ, từ khi nước Tàu sang cai-trị nước ta, chẳng những làm cho ta hóa được cái sự giống nòi, mà lại mở cho ta lấy đường giáo-hóa, dẫu như ông Nhâm Diên, ông Sĩ Nhiếp là những người dạy cho ta lễ nghĩa, bởi sự lễ nghĩa ấy, mới nên ra giống văn-minh ; dẫu đến như ông Lý Bân, ông Mã Kỳ làm cho ta oán thù, bởi sự oán thù ấy, mới nên cho ta lấy sự độc-lập.

Thế thì chung lại mà nói rằng: người hay người dở cũng đều là có công với nước ta vậy.

Gương sử Nam

(Nhà in Nguyễn Văn-Vĩnh et Cie, Hà-nội, 1910)

NGUYỄN BÁ-HỌC 阮伯學 (1857-1921)

Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương VII, Lời chú (1).*)

154. — Ở đời

Ở đời, mỗi người phải gánh một việc. Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học-thuật và tài-đức từng người; sự-nghiệp tuy có khác nhau, song cũng là muốn ích-lợi chung cho xã-hội. Nếu ai cứ riêng mình, không biết đến kẻ khác, như thế gọi là ký-sinh(1).

Người ta là giống đa-tình, đã có tình thời có dục, muốn điều nọ lại muốn điều kia, muốn ngon ngọt, muốn yên vui, muốn công-danh, muốn tiền của ; bấy giờ mới sinh ra công này việc nọ; tình càng nhiều, dục càng lớn, việc càng nhiều. Cho nên vô tình, vô dục, không gọi là người ở đời được.

Than ôi! cảnh đời là một cái trò rối, người đời là những con người rối. Nếu ở đời mà không sẵn có lòng cao-thượng, mỗi khi cảnh-ngộ, sao cho khỏi động tâm. Lúc giàu sang sinh ra kiêu-ngạo; lúc nghèo hèn sinh ra xiểm-du; lúc thất chí thì khóc, lúc đắc chí thì cười, có khác gì con người gỗ cứ để người ta giật mà nhảy mà múa. Phải biết rằng khi tình-dục người ta đã no đã chán, nghĩ lại mùi đời cũng không có ý-vị gì mật-thiết cho lắm.

Thử để mình ra ngoài thế-giới, ngảnh lại mà trông, nào hình hình, sắc sắc, nào lợi lợi danh danh, người ta đang om-sòm trên chốn diễn-trường, mà thực đã nên người giác-ngộ. Làm người có tình-dục cũng phải có nghĩa-lý. Tình-dục bởi khí-huyết mà ra, mà nghĩa-lý bởi học vấn mà ra; vậy nghĩa-lý để phòng tình-dục thì nghĩa-lý thắng, tình-dục phải lui; nếu cứ buông dông thả dài, mắt trông động lòng, tai nghe động tưởng, cả đời chỉ để cho cái tình-dục nó sai khiến mình, nó chói buộc mình, thế gọi là tình lụy (2).

Ở đời, có học-vấn cũng phải có kinh-lịch; học-vấn cho biết lẽ phải, kinh-lịch để tập thói quen. Những kẻ có học-vấn mà không có kinh-lịch, ngồi nói thì thật là khôn, đến lúc ra tay mà làm lại hay nát việc. Như thế gọi là gàn. Những tay triết-học non non, hồ hết mắc phải bệnh ấy.

Gan nên lớn mà lòng phải tế-nhị (3). Nếu táo gan mà hay suất-lược (4), chỉ là người tráng-sĩ chớ chưa được là vĩ-nhân.

Tính nên nhiệt mà tính phải hòa-bình. Nếu cứ nóng-nẩy không biết nhẫn-nhục, thành sự thì ít mà bại sự thì nhiều.

Tư-tưởng nên cao mà nước đi phải thấp; ý-chí nhỏ hẹp thì ra người tầm-thường, mà việc làm không cứ tuần thường (5) thì ra người vu-khoát (6).

Phàm vật đã đến cực-điểm thì hay giống nhau: cho nên người cực hiền giống như ngu; người cực gian giống như thật, cực nhã giống như tục; còn những kẻ chí nhỏ tài sơ mới hay khoe tài khoe trí.

Lời khuyên học trò

(Nam-phong tạp-chí, số 26, Août 1919)

Chú-thích. — (1) *Ký sinh* 寄生 (sống nhờ) : dùng để nói các giống động-vật (như run, sán) hoặc thực-vật (như tầm gửi) ăn bám vào một giống khác. — (2) *Tình lụy* 情累 (lụy : vướng-vít bận-bịu) : sự bận-bịu chói buộc bởi tình-dục mà ra. — (3) *Tế nhị* (tế 細 : nhỏ ; nhị 蕊 : phần ở trong hoa, đầu có phấn vàng và thơm) : để ý đến những điều nhỏ-nhặt tinh vi. — (4) *Suất-lược* 率略 (suất : bộp-chộp, không cẩn-thận ; lược : sơ-sài) : không tinh-tế. — (5) *Tuần thường* 循常 : noi theo lề-lối thường. — (6) *Vu-khoát* 迂闊 : bông-lông.

155. — Một cảnh gia-đình

Trong tỉnh Nam-định về phủ Thiên-trường, trước có người đàn bà họ Trần, mới ngoài hai mươi tuổi mà góa chồng chưa có con, có nữ-công, có tư-sắc; trong lối sóm nhiều người hỏi, chưa chịu lấy ai; còn những kẻ thiếu-niên nghịch ác hay nói chòng ghẹo, hễ thấy mặt chị ta nghiêm-nghị, thì không dám giở thói khinh bạc ra nữa. Ai cũng bảo chị ta còn kén chồng, cứ ở một mình, đi làm thuê mà kiếm ăn.

Sau có một người đàn-ông ngoài ba mươi tuổi tự đến mà giạm lấy. Nói mình là họ Lý, ở cùng một xứ, góa vợ đã hơn hai năm, có một đứa con riêng, còn nhỏ, phải mượn người nuôi. Mình đi làm công trong nhà máy, ăn công mỗi ngày là bốn hào. Coi giáng người cao mà mảnh, hai con mắt dài mà đen, ngoài mặc cái áo thâm đã sờn tay, đi đôi giầy da đầy những bụi. Tiếng là người lao-lực, mà có vẻ nhàn-nhã, mới trông biết ngay là người có tinh-thần hơn là lữ-lực.

Chị chàng kia xem người vừa ý, không còn đắn-đo hơn thiệt gì cả; hai bên đính-hôn với nhau. Trong lời giao-ước, không ai có của tây riêng gì, có một điều phải giữ là trong việc làm ăn của người chồng, dù đi sớm về khuya, người vợ không được can-thiệp và ngăn-trở.

Từ bấy giờ hai người lập nên một cái gia-đình nho-nhỏ ở trong một cái nhà thuê có ba gian: một gian làm phòng ngủ, một gian làm phòng ăn, còn một gian để cho người chồng làm việc riêng; chồng cứ sáng đi tối về, vợ cũng làm thuê, kiếm được mỗi ngày một phần tiền công của người chồng. Hai bên ăn cần ở kiệm, cách sinh-nhai càng thấy khó nhọc bao nhiêu, thì tình thương yêu nhau lại càng thiết-tha bấy nhiêu.

Một hôm, anh chồng từ ngoài đem về cho vợ mấy tấm bánh và mấy trái quả, vừa cười vừa nói : « Lâu nay chúng ta đã từng kham-khổ, nay sẽ nếm chút ngọt bùi. » Người vợ cầm lấy, rồi cứ phàn-nàn rằng : « Vợ chồng mình ăn dè uống sẻn còn lo không đủ mà nuôi con ; người ta không phải là sắt đá sao cũng có lúc hu-hâm, có dè-sẻn được ít nhiều cũng để phòng khi thiếu-thốn. Nếu cứ như ai bóc vắn cắn dài, ngày nắng chẳng nghĩ đến ngày mưa, như thế chỉ gọi là đời ăn sổi. » Người chồng nghe nói sửng-sốt mà nói rằng : « Hôm nay nhân lĩnh tiền công làm ngoại giờ, chúng bạn rủ đi mua vui một vài chén rượu. Sực nhớ đến kẻ ở nhà cà chua mắm mặn, mới cắp-nắp về một chút, gọi là cùng nhau sẻ ngọt chia bùi ; ai ngờ trung-tín mà phải tội như mình, cũng là vô lý quá ! » Bấy giờ hai vợ chồng cứ nhìn nhau mà cười, lại đem bánh và quả chia nhau mà ăn ; tưởng cái ý-vị đoàn-viên bấy giờ, không còn có miếng cao-lương nào mà ngon ngọt hơn được. Cả ngày cũng như một lúc, cả năm cũng như một ngày, nghe tiếng nào cũng là lời âu-yếm, trông mặt ai cũng có ý hả-hê. Thiên-đường ở đâu ? Cực-lạc ở đâu ? Chính ở trong ba gian nhà vợ chồng người chung-ái,

Có gan làm giàu

(Nam-phong tạp-chí, số 23, Mai 1919)

PHAN KẾ-BÍNH 潘繼炳 (1875-1921)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ VII, Lời chú* (2).)

156. — Luận về nguyên-lý văn-chương

Phàm việc gì cũng có nguyên-lý. Nguyên-lý là cái lẽ căn-nguyên của việc ấy. Văn-chương cũng vậy. Đặt nên câu thơ câu hát, viết ra bài luận bài văn, thì gọi là văn-chương. Song thử xét xem cái căn-nguyên của văn-chương ấy, bởi lẽ gì mà có, vì ở đâu mà sinh ra thì gọi là nguyên-lý văn-chương.

Cha mẹ dạy con, giảng-giải điều hơn lẽ thiệt, rạch-ròi kẽ tóc chân tơ. Hai người tự tình biệt-ly với nhau, ấm lạnh ngọt bùi, kể hết nỗi này kể sang nỗi khác. Người đàn bà lỡ bước, thở dài than vắn, phàn-nàn những số-phận hẩm-hiu. Đứa mục-

đồng đi chăn trâu, nhân khi thích chí, nghêu-ngao vài tiếng giữa đồng, đó toàn là cái mầm của văn-chương cả. Nói cho cùng thì một tiếng cười một tiếng khóc của đứa trẻ thơ, cũng là cái gốc văn-chương.

Người ta có tính-tình, có tư-tưởng, có ngôn-ngữ văn-tự, tự-nhiên phải có văn-chương. Tính-tình người ta cảm-xúc với ngoại-vật, sinh ra khi mừng, khi giận, khi vui, khi buồn, khi xót-xa, khi ham muốn. Các mối tình ấy chứa ở trong bụng, tất phải phát-tiết ra lời nói: đó tức là nguyên-lý văn-chương.

Tư-tưởng là cái trí suy nghĩ tự trong óc, biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái, biết phán-đoán điều dở điều hay, biết suy xét đến những lý cao xa mắt không trông thấy tai không nghe tiếng. Những điều nghĩ ra được lại muốn tỏ cho người khác biết, đó cũng là nguyên-lý văn-chương.

Có tinh-tình, có tư-tưởng, mà nếu không có ngôn-ngữ văn-tự thì cũng không thành văn-chương được. Xem như giống súc-vật cũng có cảm-giác, có tri-thức, mà không có văn-chương, là bởi không có ngôn-ngữ văn-tự. Vậy ta phải nhờ có ngôn-ngữ văn-tự mới đạt được tính-tình tư-tưởng của ta thì ngôn-ngữ văn-tự cũng là cái nguyên-ủy của văn-chương.

Nói rút lại thì sở dĩ có văn-chương, một là bởi ở tính-tình, hai là bởi ở tư-tưởng, ba là bởi ở ngôn-ngữ văn-tự, đó là ba cái căn-nguyên trước nhất. Có ba cái căn-nguyên ấy, rồi những sự quan-cảm ở bề ngoài đưa đến, mới thành ra văn-chương vậy.

Quan cảm bề ngoài, thì lại do ở cảnh-tượng của tạo-hóa, do ở công việc của cuộc đời và ở cảnh-ngộ của một mình.

Cảnh-tuởng của tạo-hóa hiển hiện ra trước mắt ta, nghìn hình muôn trạng, làm cho ta phải nhìn phải ngắm, phải nghĩ-ngợi ngẫn-ngơ. Ta cứ theo cái cảnh-tượng ấy mà tả ra thì gọi là văn-chương tả cảnh.

Công việc của cuộc đời xảy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc. Ta cứ theo công việc đó mà ghi chép lại thì gọi là văn-chương tự sự hay là nghị luận.

Cảnh-ngộ của một mình, khi gặp được cảnh sung sướng, khi gặp phải cảnh chua cay. Ta nhân cái cảnh-ngộ đó, ta muốn

giải tỏ cái tình của ta thì gọi là văn-chương tự tình hay là thuật hoài.

Văn-chương tuy nhiều, nhưng đại ý thì bất ngoại ba điều ấy.

Việt Hán văn khảo

(Đông-dương tạp chí, Lớp mới, số 167).

157. — Am chúng sinh

Mỗi làng, đầu làng hoặc cuối làng, có một khu đất rộng để làm chỗ tha-ma mộ-địa, trong làng có ông già bà cả hoặc người nào mất thì cứ đem lại đó mà chôn.

Mỗi chỗ tha-ma mộ-địa có lập một cái am năm ba gian hoặc xây bệ lộ-thiên, đề ba chữ « hàn lâm sở » (1), để thờ chung cả những mồ mả vô chủ, gọi là am chúng sinh. Mỗi cửa am có một bà đồng ở, sớm tối đèn hương thờ phụng. Về ba tháng hè thì cứ ngày rằm, ngày mồng một nấu cháo cúng, đổ vào cái lá đa cuộn tròn lại, cắm hai bên dọc đường gọi là cúng các quan, hoặc gọi là cúng bách linh. Cho nên tục có câu rằng cướp cháo thí lá đa, là nói những người vô hậu.

Bà đồng ở đó thường bày một cái nong ra cạnh đường đi, đốt vài nén hương để khuyên giáo, kẻ qua lại ai cũng cúng một vài đồng kẽm. Bà đồng thì ngồi trong am đánh tiếng kể kể, hoặc là họp năm ba bà vãi chèo đò.

Nhiều nơi mỗi năm về tháng bảy, hoặc công làng, hoặc riêng một hội thiện, thiết đàn-tràng tại cửa am để làm chay, cúng hai ba ngày hoặc năm bảy ngày...

Các nơi chiến trận, có nhiều tướng sĩ tử trận chôn một chỗ thì nhà vua lập đàn thờ, gọi là Lệ-đàn. Lệ-đàn thì mỗi năm nhà vua sai quan về tế, hoặc là hội thiện góp tiền với nhau mà cúng hay là làm chay.

Tục thường cho chỗ am chúng sinh và lệ-đàn là nơi rất thiêng-liêng, cho nên nói đến việc bách linh thì nhiều người dốc lòng làm phúc. Nhất là những khi bất-đắc-dĩ phải thiên mộ-địa đi nơi khác, các nhà giàu tranh nhau mà cúng tiền, cúng gạch Bát-tràng (2) còn các thiện-nam tín-nữ thì tranh nhau mà đi rước bách linh, để bách linh phù-hộ cho được vạn sự như ý.

Tục ta tin quỉ thần, cho nên sự gì cũng cho người chết có linh-hồn, có tri giác cũng như người sống. Mà ở dưới âm-phủ cũng có kẻ khổ người sướng như trên dương-gian. Người có con cái giữ hương-hỏa thì hồn phách có chỗ bằng y, người bất-hạnh tuyệt-tự thì không có ai cúng cấp, chắc là phải phiền-não ở dưới âm-phủ. Vì thế đám mộ-địa nào cũng có am, có đàn, có người hương hoa thờ phụng, để cho u-hồn oán-quỉ, dầu không ai nhìn nhận, cũng có chỗ mà hương khói nương nhờ.

Đi đến chỗ mộ-địa, trông thấy mồ mả san-sát, ai là không động lòng cảm thương; mà nghĩ đến mồ mả vô-chủ, thì lại đau-đớn thay cho người nằm dưới suối vàng lắm.

Nhất là đi qua những nơi trận-trường thủa xưa, nghĩ đến các đứng anh-hùng hào-kiệt, khi sinh tiền dũng-mãnh can-đảm biết là bao nhiêu, mà nay chỉ thấy gò cao lồn-nhồn, cỏ rậm rì-rì thì lại xui cho người ta buồn rầu nữa.

Kìa những lúc bóng chiều nhạt vẻ, gió bắc lạnh-lùng, đêm tối mưa sa, bốn bề vắng ngắt, qua chỗ đó mà ngắm cái cảnh đìu-hiu, lại nghĩ đến nông nỗi người xưa nằm đó, biết bao nhiêu tình-cảnh sầu người.

Nói đến đó thì am kia đàn nọ, bách linh dẫu thiêng dẫu chẳng thiêng, dẫu biết dẫu chẳng biết, dẫu có dẫu chẳng có, chẳng kể làm gì, nhưng cũng chua xót mà xin gửi tặng vài ba giọt lệ.

Than ôi! từ xưa đến giờ, biết bao nhiêu người khôn ngoan, biết ba nhiêu người vụng dại, biết bao nhiêu người hưng công lập nghiệp, biết bao nhiêu người vong thân táng gia, nào hiền, nào ngu, nào phàm, nào thánh, bây giờ ở đâu cả, chẳng qua cũng mù-mịt trong một đám cỏ xanh mà thôi!

Việt-nam phong-tục

(Đông-dương tạp-chí, Lớp mới, số 31 và 32)

Chú-thích. — (1) *Hàn-lâm sở* 寒林所 (sở rừng lạnh): nơi thờ chúng sinh. — (2) *Bát-tràng*: tên một làng thuộc p. Gia-lâm, t. Bắc-ninh; gạch Bát-tràng là thứ gạch làm ở làng ấy.

THÂN TRỌNG-HUỀ 申仲愷 (1869-1925)

Người xã An-lê, h. Phong-điền, phủ Thừa-thiên ; sau khi sang học ở bên Pháp về, được bổ biên-tu viện Cơ-mật, rồi làm quan ở Trung-kỳ và ở Bắc-kỳ, từng làm đốc-học trường Hậu-bổ (1905), bồi-thẩm tại phòng thứ tư tòa Thượng-thẩm Hà-nội (1913 . Năm 1921 (Khải-định thứ 6). được triệu vào Kinh làm thượng-thư bộ Học và bộ Binh. — Tác-phẩm gồm có *Học luật-lệ an-nam* (trg. ĐDTC., Lớp mới, số 1 tđ.), *Pháp cai trị an-nam* (trg. ĐDTC., Lớp mới, số 85 tđ.), và nhiều bài luận-thuyết đăng trg. ĐDTC. và NP.

158. — Đức hiếu của vua Dực-tôn.

Ngài hiếu-phụng đức Từ-dụ, xưa nay ít ai bằng. Lệ thường, ngày chẵn thì chầu cung; ngày lẻ thì ngự triều, trong một tháng chầu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se-yếu. Trong 36 năm thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Khi ngài chầu cung, thì ngài tâu chuyện này, chuyện kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ-dụ thuộc sử sách đã nhiều, mà biết việc đời cũng rộng, khi đức Từ-dụ ban câu chi hay, thì Ngài biên vào một quyển giấy hiệu là « *Từ-huấn lục* ».

Đọc quyển sách ấy, thì tôi tưởng xưa nay mẹ ở với con, con ở với mẹ, ít ai được như thế.

Khi rảnh việc nước, Ngài hay ngự đi bắn chim, hay là câu cá. Cách kinh-thành chừng độ 15 *kilomètres*, ở bên bờ sông Lợi-nông, có một cái bàn cấm, gọi là Thuận-trực. Chỗ ấy nhiều chim, Ngài thường ngự đến bắn.

Một hôm Ngài ngự bắn tại bàn Thuận-trực, gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kỵ đức Hiến-tổ, là đức Thiệu-trị, mà Ngài chưa ngự về. Đức Từ-dụ nóng ruột, sai quan đại-thần là ông Nguyễn Tri-Phương đi rước. Quan Nguyễn Tri-Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tối, thuyền ngự mới đến bến. Khi ấy trời đang mưa, mà Ngài vội-vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ-dụ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài

ngự mới lấy một cây roi mây, dâng lên để trên ghế trác-kỷ, rồi Ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ-dụ xoay mặt ra, lấy tay hất cái roi mà ban rằng:

— Thôi, tha cho! Đi chơi để cho quan quân cực khổ, thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu ky.

Ngài lạy tạ lui về, nội đêm đó Ngài phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi ông được một đồng tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên một quan tiền kẽm. Đến sáng Ngài ngự ra điện Long-an lạy ky.

Chân-dung của đức Dực-tôn Anh-hoàng-đế
(Đông-dương tạp-chí, số 61 và 62)

PHẠM DUY-TỐN 范維遜 (1882-1924)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả *ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ V, Lời chú (1).*)

159. — Câu chuyện thương tâm

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh; đường đá củ-đậu củ-khoai trồi ra chồn-nhồn.

Tôi đứng cửa trông, thấy có một người gầy-gò yếu-đuối khẳng-kheo, cố công cùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chồng-chất hai bồ xem chừng đã nặng, lại còn một mụ vắt-vẻo ngự ở trong xe. Người kéo đà chẳng nổi, mà mụ thì mỉa-mai nặng lời xỉ-vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt xe xuống, thở dài mà thưa: «Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy: bà thuê xe khác.» — Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ-hôi tầm-tã. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc . . . Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà hỏi: — «Chứ con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già-nua tuổi-tác, yếu-đuối thế này, phải đi kéo xe vất-vả?»

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ-mờ, hình như ruột nhẫn, nước chảy chứa-chan, mà chung quanh vành thì đỏ hửng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập-ngừng, thì tôi lại hỏi:

— «Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì, sao cụ lại đi kéo xe? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi; xin cụ nói cho tôi nghe.»

Ông lão nói rằng:

— «Thưa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt-lội, đê-điều vỡ-lở, chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghèo khổ, trẻ-mỏ ốm đau sài ghẻ; vợ nó phải ở nhà trông nom, để tôi xuống Hà-nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy răm ba xu một hào, mà nuôi-nứng đàn cháu mồ-côi, cậu ạ. Tôi ngoại sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi . . .» — Miệng ông lão nói, hai mắt mờ-mờ, vẫn cứ nhìn tôi. — Tôi thương, ứa hai hàng nước mắt ra, anh ạ . . .

Trời ơi! sao mà lại có cái khổ cực dường này, hỡi ông trời xanh cao ngất?...

Bực mình

(Đông-dương tạp-chí số, 55)

NGUYỄN VĂN-VĨNH (1882-1936)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ IV, § 1*).

160. — Gì cũng cười

An-nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì; phải cũng hì, quấy cũng hì. Nhăn răng hì một tiếng, mọi việc hết nghiêm-trang.

Có kẻ bảo cười hết cả, cũng là một cách của người hiền. Cuộc đời muôn việc chẳng qua là trò phường chèo hết thảy, không có chi là nghiêm đến nỗi người hiền phải dăn mày mà nghĩ-ngợi.

Vì cứ được y như vậy, thì ra nước An-nam ta cả dân là người hiền. Nếu thế, tôi đâu dám đem lời phường chèo mà nhủ người nhếch mép bỏ tính tự-nhiên mà làm bộ đứng-đắn lại, nghiêm nhìn những cuộc trẻ chơi. Nhưng mà xét ra cái

cười của ta nhiều khi có cái vô-tình độc-ác; có cách láo-xược khinh người; có câu chửi người ta; có nghĩa yến-tri không phải nghe hết lời người ta mà đã gièm trước ý-tưởng người ta, không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê sẵn công cuộc người ta.

Thực không có tức gì bằng cái tức phải đối đáp với những kẻ nghe mình nói chỉ lấy tiếng hì-hì mà đáp. Phản-đối không tức, kẻ bịt tai chẳng thèm nghe cũng không tức đến thế...

Ừ, mà gì bực mình bằng rát cổ bỏng họng, mỏi lưỡi tê môi, để mà hỏi ý một người, mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng hì, khen chẳng ơn, mắng chẳng cãi, hỏi chẳng thưa, trước sau chỉ có miệng cười hì, thì ai là không phải phát tức...

Ta phải biết rằng khi người ta nói với ta, là để hỏi tình ý ta thế nào. Ai nói với mình thì mình phải đáp. Tùy ý mình muốn tỏ tình ý cho người ta biết thì nói thực; không hiểu thì hỏi lại; mà không muốn nói tình ý cho người ta biết, thì khéo lấy lời lịch-sự mà tỏ cho người ta hiểu rằng câu hỏi khi phạm đến một điều kín của mình. Hoặc là có khôn thì lựa lời mà tỏ cho người ta biết những điều mình muốn cho biết mà thôi, và khiến câu chuyện cho người ta không hỏi căn-vặn được mình nữa. Nhưng phàm người ta hỏi, mình đã lắng tai nghe, là mình nợ người ta câu đáp.

Xét tật mình, XVII. Gì cũng cười
(Đông dương tạp-chí, số 22)

---

161. — Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu

Vốn nghề hát bội của An-nam ta, thì là một cái thể mượn sự trang-hoàng, mượn điệu ca-nhạc, mượn lối tỏ mừng, mà ôn lại những việc cũ, hoặc để phô những gương trung nghĩa cho người bắt chước, hoặc để bêu những đứa gian ác cho người ta sỉ nhuốc mà đừng bắt chước. Thể ôn lại ấy là một ước thể, nghĩa là chỉ dùng những cách phác diễn ra cho người ta biết việc thế nào mà thôi, chớ không cần phải tả cho in sự thực.

Như núi thì bày cái bàn cái ghế, sông thì trải cái mền mà cầm hai đầu rũ; trận đánh nhau thì hai người cầm hai cái giáo gỗ múa-may, lũ trẻ cầm cờ vừa chạy vừa la, v. v. là đủ hiểu. Chớ nên thấy cách người ta thế kia, thấy cách nhà mình thế ấy mà khinh. Đó cũng là một lối tả, nhưng khác cái tinh-lý mà thôi. Trong lối ấy cũng có cái hay, cái thú riêng. Cũng có khéo, có vụng; có lệ, có phép. Trong tiếng trống ói tai nhức óc người không hiểu, cũng có cái cao-thú động lòng. Giơ thẳng cánh điểm hai tiếng *tùng tùng* vào giữa chỗ xuống giọng hay, cũng sướng bằng cái lay mũi giầy của người Đại-Pháp đứng nghe kèn.

Đến như nghề diễn-kịch của người Âu-châu thì khác lắm. Trước hết nên cắt nghĩa cho rõ một chữ nghề (*art*) theo lý-tưởng Âu-châu là thế nào. Nghề đây là mỹ-nghệ (*beaux arts*). Mỹ-nghệ là tổng cả những chước-thuật mà người ta dùng để khêu gợi sự cảm-giác và cảm-tình, nhất là cảm-tình vì điều đẹp. Lấy mục-đích, thì mỹ-nghệ là sự tỏ cái đẹp ra; lấy phương-thuật thì mỹ-nghệ là sự làm thông-ngôn cho Tạo-hóa. Mỗi người ngắm các sự vật các cảnh tượng trong Tạo-hóa có một cách thấy đẹp, đem cái đẹp ấy tỏ ra cho người khác cũng cảm giác như mình, vị chi là mỹ-nghệ. Cho nên mỹ-nghệ lại có người cắt nghĩa là cách lấy tính riêng của mình (*tempérament*) mà làm kính cho thiên-hạ soi Tạo-hóa (*La nature vue à travers un tempérament*). Nghĩa là tuy mỹ-nghệ là thực tả, nhưng mỗi người thực tả cái cách mình trông thấy đẹp mà thôi, chớ không thực tả được hết cả cái đẹp. Mắt mình trông to hơn sự thực thì mình tả cũng to; mắt mình trông nhỏ thì mình tả cũng nhỏ, quí-hồ có thành-thực (nghĩa là mắt trông thấy thế nào là đẹp thì tả như thế, mình hiểu cảnh thế nào thì làm thông-ngôn cho Tạo-hóa mà đạt ra như thế), thì nghệ được thiện.

Diễn-kịch cũng là một mỹ-nghệ. Mục-đích cũng là để tỏ cái đẹp trong tình-tình người ta, trong cách người ta cư-xử với nhau ở đoàn-thể. Mà phương-thuật thì cũng dùng cách làm thông-ngôn cho Tạo-hóa, nghĩa là mắt người làm kịch trông ở trong nhân-tình thế-cố thấy điều gì đẹp, điều gì kỳ-khôi, thì cũng diễn ra cho người khác được trông thấy mà cảm-động như mình. Nghề diễn-kịch mượn nhiều nghề thực-tả khác mà

diễn ra cho người ta trông thấy, nghe thấy, cho người ta cảm-giác một cái quang-cảnh bịa ra, đã y như là sự thực thấy vậy. Nào dùng văn-chương để mà thuật lại những lời người ta nói với nhau ; lại dùng âm-nhạc nhảy-múa để tả cái thể và cái nhịp-thước cảm-tình của người ta ; lại dùng đến nghề họa, nghề điêu-khắc để bày-biện, để tô-điểm chỗ sàn hát khiến cho người xem tưởng-tượng như có sự thực trước mắt.

Nghệ diễn-kịch bên Đại-Pháp
(Đông-dương tạp-chí, Lớp mới, số 18)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT (1883-1940)

(Xem *tiểu-truyện* tác giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ VII, Lời chú (3).*)

162. — Giữa bể khơi

(An-Tiêm vốn làm quan về đời vua Hùng-vương thứ XVII ; sau vì một câu nói làm cho vua giận, phải đày ra một nơi hoang-đảo ở giữa bể. Đây là lúc An Tiêm đi thuyền ra đảo ấy).

Trời hâng-hẩng rạng đông, ba chiếc mành, đánh cánh ra cửa, cửa bể mênh-mông, đêm sương lạnh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét, lúc đó ở cái mành đi giữa, lờ-mờ có một người đứng ra trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình rằng: « Mình vốn sinh ở vùng đường bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào; sau lưu-lạc được vào vương-cung, lúc việc chực chầu, khi đi chinh-thảo, lúc đi khẩn hoang, nào cái cảnh vương-triều đế khuyết, nguy-nga hùng-tráng, nào cái cảnh hậu cung thượng-uyển, mĩ-lệ huy-hoàng, nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu, lại như cái cảnh điền-gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nông-ca theo tiếng gió véo-von quãng đồng vắng, cảnh nào mình cũng đã lịch-duyệt qua, mình chỉ ước được xem cảnh bể buổi sáng nữa, thì cái trí tang-bồng kia mới phỉ, thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may, nếu không bị thoán ra qua đây, thì bao giờ được biết cái cảnh thiên-nhiên nọ,

phương chi lại được cái cửa bể Đại-nha này là một cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa này lại thông với cửa Thần-phù,

Lênh-đênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm;

nổi chìm nhờ đức cao xanh, ta đã đến đây, ta cứ ta xem ta ngắm cho sướng mắt thích tình. »

Thuyền chạy vùn-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc-nhích chút nào, chợt đâu vầng thái-dương ở dưới gầm thương-hải kéo lên đỏ lừng-lững, trong hàm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỏ nào của thế-gian mà tỉ-nghĩ được, bấy giờ ánh triêu-dương chiếu ra, mây khói sóng nước đều đỏi có vẻ hồng-hồng cả, rồi càng lên thế-gian càng rạng dần ra, mà nhỡn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được; sóng mông-mênh bát-ngát, tít-tắp mù khơi, không biết đâu là bờ, cơn mây bốn chân trời kéo lên tới-tấp, khoảnh-khắc biến-thiên, vô số hình sắc, mà ngảnh lại phía tây chốn non sông tổ-quốc thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vô-hạn. Người ấy không phải là An-Tiêm ở ba cái mành áp-giải ra phối-sở thì còn là ai? An-Tiêm ngảnh lại trời tây tựa-hồ có ý buồn, mà trông ra bể lại càng thích ý được thưởng một cuộc hào-du hiếm có trong thân-thế, lòng thơ phơi-phới, bèn ngâm lên một bài rằng:

Vầng trăng lưng-lững bể đông,
Thần-châu mù-mịt mây phong non Đoài.
Sóng kềnh dào-dạt doành khơi,
Lưng ngao ngùn-ngụt chân trời mênh-mang.
Sa chân xuống cõi trần-hoàn,
Đã xem xem khắp kỳ-quan của trời.

Quả dưa đỏ

(Nam-phong tạp-chí, số 104, Avril 1926)

NGUYỄN KHẮC-HIẾU 阮克孝 (1889-1939)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ VI, Lời chú (1).*)

163. — Muốn làm thằng cuội

Đêm thu buồn lắm! Chị Hằng ơi!
Trần-thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu, có bạn, can chi tủi;
Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế-gian, cười.

Khối tình con, Quyển thứ nhất
(Imp. Văn-minh, Haiphong-Hanoi, In lần thứ hai, 1918)

164. — Gió thu

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.
Vàng bay mấy lá năm già nửa,
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng!
Trận gió thu phong rụng lá hồng,
Lá bay tường bắc, lá sang đông.
Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
Thơ-thẩn kìa ai vẫn đứng không!

Khối tình con, Quyển thứ nhất.

165. — My-châu, Trọng-Thủy (Vân-thê)

Một đôi kẻ Việt người Tần,
Nửa phần ân ái, nửa phần oán thương.
Vuốt rùa chàng đổi máy,
Lông ngỗng thiếp đưa đường.
Thề nguyền phu phụ,
Lòng nhi-nữ,
Việc quân-vương,
Duyên nọ tình kia dở dở dang,

Nệm gấm vó câu,
Trăm năm giọt lệ.
Ngọc trai nước giếng,
Ngàn thu khói nhang.

Khối tình con, Quyển thứ nhất.

166 — Sự kiêu-ngạo

Trong *Luận-ngữ* đức thánh Khổng có dạy rằng: « Dẫu có tài như ông Chu-công(1) mà có tính kiêu-ngạo, thời gì nữa, cũng không gì ra gì. » Bên phương tây có câu rằng: « Kiêu-ngạo là một đức đáng khinh dể. » Xem hai câu nói của thánh hiền trước như thế, thời đã đủ biết chữ kiêu-ngạo . . .

Tính kiêu-ngạo sinh ra bởi sự ngu. Ngu không hiểu nhẽ, không hiểu nhẽ thường lấy mình làm to; lấy mình làm to mà sinh kiêu.

Ông Khổng-tử, ông Thích-ca, ông Gia-tô, ông A-lý-sĩ-đa-đức(2), ông Mạnh-đức-tư-cưu(3), ông Lư-thoa(4) là các bậc hiền-thánh; ông A-lịch-sơn-đại(5), ông Nã-phá-luân là các bậc anh-hùng; ông Lộc-cơ-phi-lai-nhĩ, ông Cát-nại-gi-á(6) là các bậc giàu có đều là người to nhớn trong thế-giới. Nhưng các người thế-giới đáng kính-trọng, mà tự người ấy không nên kiêu. *Đỗ giỏ cua ra giữa sân, mỗi con bò mỗi nơi, chẳng đông thời đi tây, đã nam thời thôi bắc, khác đường khác nẻo, biết đâu là kém, hơn.* Vả chi, nếu thiên-hạ ai đều như ông Không tử, ông Thích-ca, ông Gia-tô, ông A-lý-sĩ-đa-đức, ông Mạnh-đức-tư-cưu, ông Lư-thoa, thời địa-cầu thiếu chỗ đất để sách; đều như ông A-lịch-sơn-đại, ông Nã-phá-luân, thời thế-gian rối loạn sự can-qua; đều có trăm, có nghìn, có vạn, có ức, có triệu thời các việc không ai làm mà tiền bạc thành một vật vô dụng. Con tạo-hóa gây bày nên thế-giới, đã tinh công liệu việc cho người đời, cái mà ta khác chúng hơn đời là chỉ nên có ít không cần lắm. Cho nên không cứ ông thánh-nhân, ông hào-kiệt, ông cự-phú, như hễ kiêu-ngạo thời không nên. Các người to nhớn trong thế-gian mà không nên kiêu-ngạo còn như thế, nữa chi như một hạng người thường. Cá chậu, chim lồng, gà què, ếch giếng. Tĩnh mà xem, ngồi mà nghĩ, kiêu-ngạo mà chi?

Tính kiêu-ngạo sinh ra bởi lượng hẹp. Lượng hẹp dễ đầy ; đầy hay giản ; giản mà sinh kiêu.

Xưa có cậu bồi coi việc xe, cầm cương xe cho ông Yến-tử là quan tướng-quốc nước Tề. Mỗi bận đi qua nhà, người vợ nấp mà nhòm trộm. Một hôm về, vợ đứng gạt nước mắt mà thưa rằng : « Ông Yến-tử, thân không đầy sáu thước, làm quan tướng nước Tề, mà mỗi bận đi qua, tôi nhòm trộm, thấy hình dáng nhũn nhã, như coi thế còn lấy làm thiếu ; mình, cao hơn bảy thước đi bồi xe cho người, mà chân tay giơ dang, mày râu vênh-váo, đã tự lấy làm thừa. Tôi dẫu là một người đàn bà, nghĩ thấy hổ thẹn riêng trong lòng ; không muốn có một người chồng phẩm-tính hèn mạt như mình, thôi từ đây xin chia cách. » Người chồng cảm câu nói ấy, sửa đổi được đức tính, sau làm đến chức quan đại-phu.

Xem chuyện ấy thời biết độ lượng con người ta hơn kém nhau rất xa, mà kiêu-ngạo hay không thực bởi đó. Phận-sự không biết đâu là đủ, một gang một tấc, có gì mà kiêu, đã lấy sự hơn người gang tấc làm một cách đáng kiêu, thời ai hơn gang tấc mà kiêu mình, tất cũng coi làm nhẽ đáng nhận. Càng lên bao nhiêu, dụt xuống cũng thế. Tĩnh mà xem, ngồi mà nghĩ, kiêu-ngạo mà chi ?

Tính kiêu-ngạo sinh ra bởi hẹp và ngu. Hẹp và ngu, đều đáng thương.

Khối-tình. Bản-chính
(Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội)

Chú-thích. — (1) Đời nhà Chu, vua Thành-vương mới 6 tuổi lên nối ngôi, chú là ông *Chu công* làm tướng, thiên-hạ thái-bình, đặt ra nhiều phép hay. Sự chính-hóa của nước Tàu phần nhiều cũng văn-minh từ đấy. Đức Khổng-tử có thường chiêm-bao thấy ông Chu-công. — (2) *Aristote*, người đất Nhã-điển (*Athènes*) nước Hy-lạp (Grèce) (364-322) trước đức chúa Cơ-đốc Jésus, là học trò ông Bách-lạp-đồ (*Platon*) mà là thầy học ông A-lịch-sơn-đại vua nước Mã-kỳ-đốn. Sự học của ông A-lý-sĩ-đa-đức, phàm các thiên-văn, cách-trí, tâm-lý, chính-sự và văn-học gồm đủ cả ; bên Thái-tây đương lúc học mới chưa hiện ra, các học trò coi trọng như đức Khổng-tử ở Trung-quốc. — (3) *Mạnh-đức-tư-cưu :* tức là Montesquieu. — (4) *Lư-thoa :* tức là J. J. Rousseau. — (5) *Alexandre le Grand* (356-323 trước đức J.) là vua nước Mã-kỳ-đốn (*Macédoine*), hơn 20 tuổi

lên làm vua, dẹp yên nội-loạn nước Hi-lạp, lại đánh lấy hết các nước chung quanh bể Địa-trung-hải, truyền đem văn-hóa của Hy-lạp sang phương đông· – (6) Ông *Rockefeller* giàu vì dầu hỏa gọi là vua dầu hỏa (*Roi du pétrole*); ông *Carnégie* giàu vì thép, gọi là vua thép (*Roi de l'acier*), là hai người giàu to hiện-thời trong nnớc Mỹ, của đếm từng triệu (*Lời chú-thích của tác giả, trừ số (3) và số (4).*)

NGUYỄN BÁ-TRÁC 阮伯卓

167. — Quanh đường vượt bể ra khơi

Ngày tháng giêng năm 1908, tôi với người bạn ra chơi Bắc-kỳ; định ở lại Nam-định mà học. Đến tháng ba, nhân việc ngăn-trở, phải đáp tàu về Đà-nẵng (Tourane). Khi về đến nơi, không tiện lên bờ, bèn chạy thẳng vào Qui-nhân. Đến đấy đổ bộ đi xuyên-sơn vào Phú-yên, lần-lút trong rừng tám chín tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới đáp mành vào Nam-kỳ. Từ cửa bể Xuân-đài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909 tới Mỹ-tho, lần vào Bến-tre, đến làng Tân-hương tìm chỗ ngồi bảo trẻ.

Nhớ khi ngồi bảo trẻ có làm một bài ca rằng:

Một nghìn lô-mét xa là mấy;
Hăm bốn hành-canh lớn biết bao.
Bể trần theo với ngọn ba-đào;
Buồm quá-độ dập-dìu trên quả đất.

Nhích thử gánh tang-bồng cho biết sức;
Nặng ai dìu mà nhẹ cũng ai nâng.
Cái hợp tan là đám phù-vân:
Chim hay nổi lượng theo buồm với gió.

Vậy có câu rằng: Phong-trần tùy sở ngộ:
Hà tất kế cùng thông.
Ấy mà thôi! Gió mát trăng trong;
Tạm lấy cảnh đỡ khuây miền đất khách.

Vấy-vấy một đôi trò, huây-huây ba chữ sách;
Nhắc chuyện đời cho trẻ nhỏ nói nghe chơi.

Đĩ Tầm-dương gẫm chị cũng nực cười :
Khéo dối khách mà trêu ngươi cho Tư-mã khóc.

Thôi ! chuyện cũ kể chi cho nhọc ;
Hỏi sông Hương có mấy thức trăng tròn.
Tới đâu là chẳng nước non . . .

Tới đâu là chẳng nước non ; nhưng mà lênh-lênh đất khách một mình, ngồi chăn ba đứa trẻ của nhà người, để nương thân cho qua cái thì giờ không có hi-vọng, cái cảnh-ngộ không có chủ-đích, thời cũng dễ chán thật. Trời cao đất rộng, tới đâu là chẳng nước non ; nghĩ đến đấy mà không thể ngồi yên được.

Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo bạn lên Saigon mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ mỏng tai nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, kể những kỳ tàu và cách đi, hôm sau bèn xuống ngay tàu mà châm-chước với một người thủy-thủ. Được người ấy chịu lời rồi, đêm mồng 3 tháng tư xuống tàu mà làm khách xuất-dương từ đấy.

Xuống tàu rồi ngồi trong một cái phòng kín dưới khoang... Bấy giờ ngồi một mình, hồi-tưởng cảnh-ngộ sinh-bình, lịch-lịch như in trong tâm-khảm! Nào những lúc đang vùi đầu chốn tràng-ốc, cùng chúng bạn quyết tranh lèo giật giải, ý-khí hăng-hái biết là nhường nào! Lại những lúc cười trăng cợt gió, một năm trời vui thú Hành-sơn, sớm hôm cảnh phật người tiên, buồm ngư đông-hải, chuông chiều Từ-tâm, thi thân-thể lại thanh-lịch là nhường nào! Lại nhớ lúc làm ruộng Cầm-nê, thày trò dìu-dắt, có khi đặt câu ca cho thợ gặt hát, thú điền-gia nghĩ cũng vui thay! Lại nhớ lúc bãi cỏ bên đường, mái chùa cạnh suối, cùng đôi ba chúng bạn trò-trò chuyện-chuyện, mượn bóng tà-dương, mảnh tàn-nguyệt soi chung một tấm tâm-can. Lúc bôn-tẩu về việc hội thương, lúc hô-hào về việc hưng-học ; bạn cựu-nho đã chê là phường hư-hỏng. kẻ bàng-quan cũng cười là lũ điên-cuồng ; thế mà mình vẫn ngông-ngông nghênh-nghênh, tự lấy làm đắc-ý. Lại nhớ vừa năm ngoái đây, bảy tám tháng trời, trèo non lách núi, không tìm được một chỗ thê-thân. Than ôi! Trời đất hẹp-hòi, khách chơi lỡ bước, vào chốn nông-gia, không đủ làm một người điền-tốt ; ra nơi thành-thị, thường phải nhục

với đứa phu-tuần. May mà lúc còn ẩn bóng chùa Vân (Suối mây), lúc còn nương thân trại Cống (Cống-sơn); lúc gặp bạn trong núi, lúc đi săn trong rừng; trong cảnh cùng sầu, mà cũng lắm lúc tiêu-dao tự-tại.

Hạn-mạn du-ký

(Nam-phong tạp-chí, số 38, Août 1920)

DƯƠNG BÁ-TRẠC 楊伯濯

168. — Chức-trách các văn-sĩ trong xã-hội ta ngày nay

Nước ta là một nước trải mấy ngàn năm chỉ học mượn viết nhờ, cứ nói cho đúng ra thì các nhà trong văn-giới ta kể cũng còn hiếm quá; song, vào khoảng vài chục năm nay, nhờ cái hồn linh-thiêng phảng-phất của những người cùng nói cái thứ tiếng Việt-nam này ngậm-ngùi tức-tối ở dưới cửu-nguyên, âm-thầm xui giục mà cái phong-trào quốc-văn đã nổi lên một ngày một bành-trướng, một ngày một tràn-lan. Trong bọn các nhà văn Tàu, các nhà văn Tây, cũng đã có được một số khá-khá người không chịu cam tâm kiều-cư ký-ngụ trong văn-giới Tàu, văn-giới Tây mà đã gióng trống mở cờ, lập lên ở cái miếng đất sông Lô non Tản cũng có một cái văn-giới ta, tuy mới phôi-phác thành hình mà không phải không có cái cơ vững bền chắc-chắn; mà chẳng những là vững bền chắc-chắn, may ra lại mong có ngày tráng-lệ nguy-nga; cái nền quốc-văn của ta đương lúc mới gây dựng như bây giờ đã là đúc lại cả hai lối văn Tàu văn Tây thì đến lúc trưởng-thành sau này tất là cũng hòa-hợp được cả hai lối văn ấy; mà hai lối văn ấy chính đều là lối văn rất phong-phú, rất tốt đẹp mà rất hoàn-bị trong các lối văn ở thế-giới từ xưa đến nay! tòa lâu-đài quốc-văn của ta mà kiến-trúc bằng những vật-liệu lương-hảo như thế thì còn gì bằng.

Các nhà trong văn-giới ta mà nếu thực là bậc thượng-lưu hoàn-toàn xứng đáng thì hoặc là Pháp-học đã thâm-thúy mà Hán-học cũng có uyên-nguyên, hoặc là Hán-học đã tinh-thông mà Pháp-học cũng biết đại-khái, tư-tưởng tất là thuần-túy mà cao-thượng, học-thức tất là xem rộng mà biết nhiều, nghiên-cứu

cái tình-thế bản-quốc đã tường, quan-sát cái cục-diện hiện-thời lại rõ, từng trải việc đời hay dở đã lắm, phán-đoán những điều khuyết-điểm quốc-dân lại rành ; không vì danh lợi mà đổi bụng, không lấy khen chê mà khác lòng, không a-dua cái hiếu-thượng thiên lệch của xã-hội mà cố đem ngọn bút làm lưỡi gươm kiểu-chỉnh những tệ-tục đồi-phong, không kiêng nể cái oai thế hống-hách của cường-quyền mà cố đem quyển sách làm tấm gương soi mói những mưu gian chước độc, cái tinh-thần chỉ-thú của thánh-hiền đời trước xiển-phát cho hết để luyện nên những tế thuốc nuôi hồn, cái tân-lý kỳ-tưởng của Âu Mỹ đời nay, thu nhặt cho sành để chế lấy những thang bổ óc, về thông-tục giáo-dục thì hoặc báo-chương hoặc tạp-chí, hoặc thi ca, hoặc tiểu-thuyết, hoặc kịch-bản, lấy miệng thêu lòng gấm mà dệt thành những lời khuyến giới đằm-thắm khôn-ngoan ; về thanh-niên giáo-dục thì sách luân-lý, sách sử-ký, sách địa-dư, sách khoa-học, sách chuyên-môn, lấy nhị Á hoa Âu mà xếp thành những tập giáo-khoa tường-minh giản-quát ; không kể những cái văn đạo dục tăng bỉ, bại-hoại phong-tục, cùng những cái văn khua môi múa mép, nhặt-nhạnh dông-dài, không hề khi nào dám để cho trong văn-giới ta mọc ra có cái mầm xấu-xa nhớp-nhúa như thế, mà mỗi khi cầm đến cây bút, cái nhiệt-huyết yêu nước yêu nòi thường sôi-nổi ở trong trí nghĩ mà mình tự hỏi cây bút của mình rằng : Mi định viết cái gì đây ? Viết ra mà có ích gì cho nhân-tâm thế-đạo, bổ-cứu cho thời-tệ, mở mang cho trí-thức được phần nào không ? Hay chực viết ra để cầu lấy cái danh gì, kiếm lấy cái lợi gì, mua chuộc lấy cái lòng khờ dại ham ưa của công-chúng gì đây chăng ?

Tiếng gọi đàn

(Nghiêm-Hàm ấn-quán, Hà-nội, 1925)

NGUYỄN HỮU-TIẾN 阮有進

169. — Thuyết tính thiện của Mạnh-tử

Thuyết triết-học của thầy [Mạnh] tường nhất là luận về tính thiện 性善, thầy nói rằng : « Tính người ta vốn là thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ trũng ; không người nào là tính chẳng thiện, cũng như không nước nào là chẳng chảy xô xuống chỗ thấp. » . . .

Thầy Mạnh luận về tính thiện viện-dẫn ra có hai lẽ: Một là chứng lời kinh *Dịch* rằng: «Trong vũ-trụ một khí âm khí dương hợp lại là đạo; tiếp-thụ lấy cái đạo ấy là thiện, thành ra quen là tính. 一陰一陽之謂道, 繼之者善也, 成之者性也.» Sách *Luận-ngữ* rằng «Tính người ta gần giống nhau vốn là thiện cả; duy bởi tập-nhiễm mới sinh ra xa khác nhau. 性相近也, 習相遠也.» *Trung-dung* rằng: «Mệnh trời phú cho người ta cái lẽ nhân nghĩa lễ trí ấy là tính, cứ noi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm là đạo. 天命之謂性, 率性之謂道.» Tuy rằng những lời chứng-dẫn trên ấy chưa nói rõ là tính thiện, nhưng cũng đã ám-nhận là tính thiện rồi. Hai là thầy Mạnh lại chứng về sự thực, cho rằng: «Người ta ai cũng có lòng bất-nhẫn, như là khi trông thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải chội dạ thương xót đứa trẻ, không phải là muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải là muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, mà cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất-nhân mà phải giả-cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự-nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là đầu mối điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hổ thẹn điều xấng, tức là đầu mối điều nghĩa; cái lòng nhún-nhường lễ-phép, tức là đầu mối điều lễ; ai cũng sẵn có cái lòng biết phân-biệt điều phải điều trái, tức là đầu mối trí khôn; xem thế thì trong tâm người ta ai cũng sẵn có bốn cái đức-tính: nhân, nghĩa, lễ, trí, ấy tức là tứ đoan 四端. thì biết tính người ta ai cũng bản thiện.» . . .

Thầy Mạnh lại nói rằng: «Người ta sinh ra, cái sự gì chẳng đợi học-tập mà tự mình làm được, tức là cái lương-năng 良能; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, tức là cái lương-tri 良知. Cái lương-năng lương-tri đó tức là điều thiện bản-nhiên tự trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết. Xem như đứa trẻ con kia không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó; khi nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Cái lòng biết yêu biết kính đó, tức là cái lương-tri lương-năng của loài người, lòng yêu cha đó tức là lòng nhân, lòng kính trưởng đó tức là điều nghĩa. Nhân nghĩa vốn là cái bản-tính trí-năng của người ta ai cũng có, thế thì tính ai là chẳng thiện.» . . .

Thầy Mạnh đã dựng lên cái thuyết tính thiện như trên, thì tính người ta ai cũng thiện, trong cõi đời lẽ ra không có người ác nữa thì phải. Sao trong thế-gian vẫn thấy vô số là người ác, nhất là đời Chiến-quốc, biết bao nhiêu là kẻ loạn-thần tặc-tử xuất-hiện, đạo-đức đồi-bại, phong-hóa tồi-tàn, nào là tranh cướp quyền-lợi mà giết nhau, say đắm sắc-dục mà tự giết mình, thì tính thiện ở đâu.

Thầy Mạnh phải gỡ cái cớ ấy mới nói rằng người ta mà sinh ra ác là tại bị phải cái vật-dục nó làm hôn-mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu nó làm trụi mất mầm cây đi vậy.

Thầy Mạnh có nói rằng: « Cây ở trái núi Ngưu-sơn kia, nó vốn xanh tốt; vì nó gần ở nơi thành-thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cỗi rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh-trưởng, mưa móc tưới-nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đâm ra. Nhưng lại bị phải trâu dê nó đến phá, nên cây núi mới trụi sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi nó trụi sạch như vậy, cho rằng trái núi kia nó vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản-tính của núi ấy như thế đâu.

« Cũng vì như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương-tâm nhân-nghĩa, chỉ vì vật-dục nó làm phóng mất cái lương-tâm đi, cũng như rìu búa nó làm trụi mất cây đi, ngày nào cũng đẵn phá đi mãi, thì thể nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện-tâm nó chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tĩnh-mịch nó lại hồi-tâm tươi-tỉnh lên, như những lúc bình-minh buổi sớm, khi còn tĩnh, tâm còn thanh, cái mầm nhân-nghĩa lương-tâm nó cũng hồi-tỉnh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết bao nhiêu là vật-dục nó cùm trói cái lương-tâm ấy nó đem đi mãi, đem dắt đi mãi thì cái thần-khí trong sạch lúc ban đêm lại mờ tối đi, cái tâm lại sinh xằng, không khác gì loài cầm-thú. Người ta thấy con người kia nhân-diện mà thú-tâm, mới nghĩ rằng con người kia chửa từng có lương-tâm bản-thiện bao giờ, nào có phải cái bản-tính người ấy nó vẫn như thế đâu.

« Phải biết rằng cái tâm-tinh người ta nó vốn bản-thiện, phải nên giữ-gìn lấy cái tâm mới được, cũng ví như cây ở núi kia, biết giữ-gìn nuôi nó thì nó mới sinh-trưởng được, nếu chẳng biết giữ-gìn nuôi nó thì nó tất phải tiêu mòn đi. »

Học-thuyết thày Mạnh

(Nam-phong tạp-chí, số 183, Avril 1933)

BÙI KỶ

170. — Bài truy-điệu cụ Tiên-điền (1)

(mồng mười tháng tám)

Kiếp kim cổ tài-tình là bận,
Hồn văn-chương vơ-vẩn non sông.
Xót thay nước đục bụi trong,
Nghìn thu biết ngỏ tấm lòng cùng ai!
Trộm nhớ thủa anh-tài giáng-thế,
Cõi Tiên-điền rớt khí linh-kỳ.
Gặp cơn Lê-thị suy-vi,
Kim-thành muốn lở, thang-trì muốn vơi.
Mắt chí-sĩ trông đời ngao-ngán,
Muốn ra tay tát cạn bể đông.
Trách người chi bấy hóa-công,
Lỡ thời để khách anh-hùng bó tay.
Miền Bắc-tái rồng bay mỏi cánh,
Đỉnh Hồng-sơn hạc lánh xa-xa.
Rắp toan tìm thú cỏ hoa,
Tang-bồng gác mái yên-hà cùng cao.
Trời Đông-phố (2) ào-ào gió động,
Hội tao-phùng đái-ủng tân-quân.
Giang-hồ lang-miếu một thân,
Dật-dân bỗng hóa hàng-thần, lạ thay!
Há chẳng biết cao bay xa chạy,
Cái công-danh là bẫy trên đời.
Song-le con tạo trêu ngươi,
Buộc nhau chỉ một chữ thời mà đau.
Bắt đày-đọa cất đầu không nổi,
Bắt đến điều mỏi gối chồn chân.

« Bắt phong-trần phải phong-trần,
« Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao. »
Xuất với xử bên nào cũng khó,
Nhục hay vinh ở đó mà ra.
Cát lầm ngọc trắng cũng là,
Càng kiên-trinh lắm, càng ma-chiết nhiều.
Song chẳng lẽ cũng liều nhắm mắt,
Cũng dày mày dạn mặt cho xong.
Cầm bằng như kiếp má hồng,
Hơn nhau chỉ một tấm lòng chính-chuyên.
Dạ trinh-bạch đã nguyền sắt đá,
Giả hình-hài tiếu-mạ mà chi ?
Dở-dang thay cái tu-mi,
Cực trăm nghìn nỗi trong khi tòng quyền !
Bước đã lỡ mượn thuyền sao nỗi,
Nợ còn nhiều định chối không xong.
Hỏi ai gạn đục khơi trong,
Đục trong trong đục mà lòng trơ-trơ.
Đồng ly-thử gió mờ bụi tối,
Nỗi hương-quan ruột rối như vò.
Lâm-ly ngọn bút song hồ,
Văn-chương một áng điểm-tô tuyệt vời.
Vì mặt trắng thương người mệnh bạc,
Khúc đoạn-trường tả bước lưu-ly.
Lờ-mờ nước chảy mây đi,
Tri-âm biết có Chung Kỳ là ai ?
Dòng thệ thủy núi mài sông lở,
Tấm lòng son gột rửa bao phai.
Bận mình chi bấy chữ tài,
Túi cơm giá áo như ai cũng nhàn !
Muốn động đến cửu-toàn linh-thính,
Hỏi bao giờ tài mệnh không ghen.
Mệnh sao hay bỡn hay chen ?
Tài sao vùng-vẫy những toan chọc trời ?
Lòng bằng-điểu mấy lời giãi tỏ,
Đỉnh trầm bay ngọn gió hiu-hiu.

Non sông man-mác mọi chiều,
Khí thiêng phảng-phất ít nhiều đâu đây.

Tháng 8 năm đinh-mão (1927)
(Nam-phong tạp-chí, số 120, Août 1927)

Chú-thích. — (1) *Cụ Tiên-điền*: Nguyễn Du, tác-giả truyện Kiều, vì cụ quê ở làng Tiên-điền, thuộc h. Nghi-xuân, t. Hà-tĩnh. — (2) *Đông-phố*: tên cũ thành Gia-định (Sài-gòn).

NGÔ BẰNG-GIỰC

171. — Ông gàn

Mắc tiếng gàn mà tự nghĩ không có điều gì gàn, thì ông gàn cho là đời nói càn, không để ý đến. Nhưng sau thấy vợ rầy-rựt: vì ông chồng gàn mà bà vợ cũng bị giễu là « bà gàn », nên muốn tìm người hỏi xem mình gàn về nỗi gì. Một hôm đạo sơn-thủy, gặp một ông cụ ở trên một ngọn núi cao, bèn đem câu chuyện ra hỏi.

Ông cụ hỏi: « Thế anh có hay nói chuyện đạo-đức không? »

Ông gàn đáp: Thưa cụ, có.

— Thế là một tội gàn rồi! vì người ta đều nói chuyện lợi danh, sao anh lại nói chuyện đạo-đức

Ông cụ lại hỏi: « Thế anh có tròn không? »

— Thưa cụ không, cháu tất phải bánh chưng ra góc mới được.

— Thế là hai tội gàn rồi! sao người ta tròn như cây gỗ, lăn đâu cũng được mà anh lại bánh chưng ra góc cho chướng đời.

Ông cụ lại hỏi: « Thế anh có hay ngâm thơ không? »

— Thưa cụ có.

— Thế là ba tội gàn rồi! đời bây giờ người ta tranh nhau vì miếng ăn, giết nhau vì đồng tiền, nghĩ nát óc vì cách cướp ăn, vét tiền mà anh ngồi ngâm thơ thì sao hợp thời được. Cái gàn của anh ở đấy chứ ở đâu. Anh phải biết: phàm trái với đời là gàn, dẫu mình phải mười mươi cũng mặc. Nhưng thôi! sẵn tiền đây, anh có bán cái gàn ấy, lão mua.

— Thưa cụ, nếu thế là gàn thì cái gàn ấy bao nhiêu tiền cháu cũng không bán. Muốn tạ cụ đã có lòng chỉ giáo, cháu lại xin ôm cái gàn này về nhà.

Thực là :

Gàn cũng năm bảy đường gàn,
Bàn tay bưng miệng thế-gian được nào !
Đời này còn muốn thanh-cao,
Khen chê thôi có để vào chi tai.

Thời-hài

(Nhà in Ngô Tử-Hạ, Hà-nội)

PHAN KHÔI

172. — Sự thực với việc làm thơ

Đã biết rằng làm thơ không phải như làm văn : làm văn phải giữ cho đúng với sự thực, còn làm thơ thì đôi khi không kể sự thực nữa thế mà thơ lại hay. Đã biết vậy, nhưng lại phải biết rằng: về ý thì có khi bỏ sự thực, song về sự thực thì bao giờ cũng phải giữ cho đúng.

Trời có ai bán được, nhưng ông Tú Xương lại nói : « Lúc túng toan lên bán cả trời », thì ai đọc đến cũng phải chịu là hay. Đó, ông Tú Xương chỉ căn-cứ ở câu tục-ngữ « bán trời không chứng » mà thôi ; hễ có căn-cứ như thế là đủ cho câu thơ của mình đứng được.

Nhưng, đó là thuộc về ý. Cái ý của thi-nhân muốn gì thì muốn, nào ai cấm ngăn được ư ? Cho nên vẫn biết trời là không bán được, mà thi-nhân muốn bán cũng vô-hại. Cái ý ấy chẳng qua là để tả cho ra cái túng đáo-để.

Xưa kia ông Tô Đông-pha có một bài thơ « Đùa Tử-do ».— Tử-do là Tô Triệt, em ruột tác-giả, làm giáo-thọ, dạy học-trò, mà lương-bổng bạc-bẽo lắm, ông Đông-pha trong bài thơ « đùa » ấy có những câu này :

Uyển-khâu tiên-sanh trường như khâu,
宛 邱 先 生 長 如 邱

Uyển-khâu học-xá tiểu như châu.
宛 邱 學 舍 小 如 舟
Thường thời đê đầu tụng kinh sử,
常 時 低 頭 誦 經 史
Hốt nhiên khiếm thân ốc đả đầu.
忽 然 欠 伸 屋 打 頭

(Nghĩa là: Ông giáo Uyển-khâu mình dài như cái gò; trường-giáo Uyển-khâu nhỏ như chiếc ghe. Bình-thường ông giáo cúi đầu đọc kinh sử; thình-linh ngẩng đầu lên, mái nhà đụng đầu ông.)

Coi mà coi, cái nhà trường dầu có nhỏ đến thế nào nữa, cũng không đến nỗi con người ta ngồi trong ấy hễ cúi đầu luôn thì thôi mà ngước đầu lên là đụng. Còn người ta dầu có cao mấy cũng không đến nỗi ngồi mà đụng đầu trên mái nhà bao giờ. Vậy mà ông Đông-pha lại làm thơ nói được như vậy. Ấy chẳng qua để tả cho ra cái bộ-tịch Ông Tử-do cao lỏng-khỏng và cũng tả cho ra cái trường-giáo, chỗ ông ở, làm ủm-thủm không ra chi đó thôi. Đó cũng là thuộc về ý, cho nên không đúng sự thực cũng không hại.

Sự thực là như cái cảnh trước con mắt và cái việc đã xảy ra mới là sự thực. Cái sự thực ấy thì không bao giờ thi-nhân được làm sai đi.

Khí-hậu ở Nam-kỳ, nói cho thật ra, chẳng có thể phân bốn mùa được. Mùa xuân thì nắng thiếu điều phỏng da, vậy mà ôn-hòa gì? Mùa thu cũng chẳng thấy cái vẻ gì là tiêu sắt. Nam-kỳ không có xuân, hạ, thu, đông mà chỉ có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Vậy mà thi-nhân tả cái xuân của Sài-gòn những là *trăm bông đua nở*, tả cái thu của Sài-gòn những là *lá rụng sương sa*, có phải vô lý không? Ấy là sai với sự thực. Nhà làm thơ mà khôn ra, gặp cái xuân cái thu của Sài-gòn nó phản thường như vậy, lẽ đáng nhè chỗ phản thường ấy mà tả, mới thấy cái nghệ-thuật của mình chớ; cớ sao lại cứ rập theo sách cũ, cứ hễ xuân thì hoa nở, thu thì lá rụng, làm cho trái với cảnh đi là sao?

Nước Nam ta chẳng đời nào thấy tuyết, vậy mà trong thơ nôm, thường thấy có những chữ *tuyết phủ*, *tuyết ngậm*, thì thật là láo quá! Họ không sợ làm vậy rồi con cháu đời sau nó đọc đến, nó tưởng đời chúng ta đây có tuyết mà đến đời chúng nó không có!

Chương-dân thi thoại
(Nhà in Đắc-lập, Huế, 1936)

PHẠM QUỲNH 范 瓊

173. — Cách lễ-phép của người mình

Người ta ở trong xã-hội, trong khi giao-tế với nhau, cần phải có lễ-phép, dẫu đối với người cao hơn mình, người ngang bằng mình hay người thấp kém mình cũng vậy, kẻ khôn-khéo thời tùy-nghi mà gia-giảm, nhưng bao giờ cũng phải có lễ-nhượng mới là người có giáo-dục. Nhưng giữ lễ-phép không phải là tự làm đê-hạ mình đi mới là tôn-trọng kẻ khác, không phải là tự nằm rạp xuống đất hay uốn gẫy mình làm đôi mới rõ là mình kính-trọng người ta. Cách lễ-phép như vậy thời một là giả-dối, hai là đê-hèn, đều đáng khinh-bỉ cả, tưởng người được hưởng sự lễ-phép ấy nếu biết cũng nên khinh trước mới là phải. Xét trong cách lễ-phép của người mình phần nhiều như thế cả. Đối với người dưới thời đã tuyệt-nhiên không có chút lễ-phép gì, thường lấy sự thô-bỉ tàn-nhẫn mà đãi kẻ kém mình, đối với người trên thật đê-tiện quá chừng. Rụt-rè, khúm-núm, gãi đầu, gãi tai, bẩm bẩm thưa thưa, vâng vâng dạ dạ, coi lời ăn tiếng nói, dáng đứng cách ngồi, tưởng phàm người biết trọng cái phẩm-giá con người không ai tự-hạ đến thế. Mà thật những người ấy không biết lòng danh-dự là cái gì. Lòng danh-dự là biết tự trọng mình, trọng cái nhân-cách của mình: người ta là người, mình cũng là người, không có lẽ một người đối với một người mà phải tự coi mình như con run, con dế, dẫu người kia có cái oai-quyền thế-lực đến thế nào nữa mặc lòng. Vả lại muốn biểu cái lòng tôn-trọng với người hơn mình, không phải là tự-hạ mình đi mới là kính-trọng người: tự-hạ mình đi

là làm hạ-giá cả cái lòng kính-trọng của mình, không những thế, tức là khi người ta nữa, vì tự hồ như cho người ta là hẹp lượng lấy những cách khúm-núm quỵ lụy của mình làm chân-thành vậy.

Danh-dự luận

(Nam-phong tạp chí, số 25, Juillet 1919).

174. — Triết-lý của đạo Phật

Trung-tâm đạo Phật là thuyết về luân-hồi, nghĩa là vạn vật đã vào trong vòng sinh-tử thời cứ sống đi chết lại mãi mãi, không bao giờ cùng, cũng như cái bánh xe đã quay thời càng quay càng tít, không bao giờ dừng. . . Theo thuyết ấy thời đã sinh ra tất phải chết đi, đã chết đi tất phải sinh lại, sinh-tử tử-sinh, vô-cùng vô-hạn, hết đời nọ đến kiếp kia, hết kiếp này đến đời khác, chữ phạn gọi là *samsâra*, chữ Tàu dịch là luân-hồi. Nhưng những đời đời kiếp kiếp ấy, tử-tử sinh-sinh ấy, là làm nhân-quả lẫn cho nhau, không phải là vô-bằng vô-cứ; các việc hiện xảy ra ở đời này là sự thưởng hay sự phạt những việc đã xảy ra trong kiếp trước, và là nguyên-nhân mầm-mống những việc sẽ xảy ra về kiếp sau. Đạo Phật gọi phép báo-ứng ấy là nghiệp-báo (*karma*). Nghĩa chữ nghiệp-báo là vừa chỉ cái việc làm, vừa chỉ cái kết-quả việc ấy về sau này. . . Nay đệ-nhất đề gọi « khổ-đề » (1) là thế nào? — Chính là cái phép khốc-hại nó bắt chúng-sinh cứ phải chết đi sống lại mãi, cứ phải qua hết đời nọ sang kiếp kia mà chịu những sự khổ-não vô-cùng, chính là phép luân-hồi vậy. Thành ra khổ (*dukha*) là một chữ đồng-nghĩa với chữ nghiệp (*karma*), và khổ với nghiệp cũng lại là đồng-nghĩa với luân-hồi, vì có nghiệp-báo nên phải luân-hồi, vì có luân-hồi nên phải khổ-não, ba chữ bổ nghĩa lẫn nhau, giải-thích cho nhau, và là ba cái động-lực rất mạnh gây ra cái thế-gian « hữu-tình », cái cõi đời khốn-nạn này . . .

Cơ mầu đã như thế, thời người tri-giả phải mưu-tính thế nào? Chắc là phải tìm cách ngăn-ngừa sự luân-hồi, trở-át cái phép khốc-hại ấy cho không thi-hành được nữa. Nếu có thể tiệt-diệt được nghiệp-báo thời tiện-thị là ngăn-cấm được luân-hồi, thoát khỏi được vòng sinh-tử, cùng tránh được hết những sự khổ-não nó đi kèm với cái sống cái chết, và trong một

khoảng từ khi sinh ra đến khi chết đi tiếp tục nhau mà bày ra cái cuộc đời rất sầu-thảm này. Đã ngăn-cầm được sự luân-hồi thời không có sống, không có chết nữa. Không sống, không chết, đạo Phật gọi cảnh ấy là Nát-bàn (*nirvâna*), nghĩa là chốn an-ổn vô-cùng, tịch-mịch vô-cùng. Như vậy thời đệ-tam đề (2) gọi là diệt-đề (*nirodha*) tức là Nát-bàn; diệt với nát-bàn, hai chữ đồng-nghĩa, vì nát-bàn là cái kết-quả trực-tiếp của sự tiệt-diệt: diệt được khổ-não, tiện-thị là nhập nát-bàn vậy.

Phật-giáo lược-khảo
(Nam-phong tạp-chí, số 40, Octobre 1920)

Chú-thích. — (1) *Đệ-nhất đề*, (2) *Đệ-tam đề*: xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương thứ VI, Bài đọc thêm số 1.

175. — Tính-cách chung của văn-chương Pháp

Hai thời-đại trước-danh nhất trong văn-học sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời *cổ-điển*, thế-kỷ thứ 18 là đời *cách-mệnh*. Các nhà làm văn đời cổ-điển chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một « giống rất hư-hoang, uyển-chuyển, tạp-đạp » (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khóe ăn ở của nó, để tìm cách mà chữa dạy. Vì các nhà ấy đã thông-tỏ cái tâm-tính con người ta mà biết rằng người ta *tính bản ác*, nếu không kiềm-chế những cái dục-tình sẵng lại thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-đích, vì xã-hội có duy-trì được, lòng người có kiềm-chế được thì người ta cùng xã-hội mới được sung-sướng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chữa đời, chủ sự ích-lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực-hành vậy. — Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng, Các nhà làm văn đời cách-mệnh cũng chỉ nghiên-cứu một cái vấn-đề về sự hạnh-phúc của người ta, nhưng khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc ở sự kiềm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời này xướng người

đời tính vốn lành. Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khổ-sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đổ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội, mà tán-tụng đời cổ-sơ là cái «hoàng-kim thời-đại» của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải cái tôn-chỉ cũng là giống nhau không? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là vị cái nhân-đạo vậy...

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tính-cách hay nhất: một là phân-minh, hai là giản-dị, ba là thành-thực. Ba cái tính-cách ấy cũng là bởi cái nhân-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý, làm văn thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giấc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vị người hơn là vị mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mộc-mạc thế mà đem diễn ra đâu; còn suy đi nghĩ lại, chắt lọc chung đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành lời; cái lời văn ấy cũng không phải là cẩu-thả, thực là chải-chuốt trau giữa cho nó rất vắn-tắt, rất giản-dị, rất phân-minh, khiến cho người đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. Cái danh-dự ấy thực là xứng-đáng vậy thay!

Bàn về văn-minh học-thuật nước Pháp.
(Nam-phong tạp-chí, số I, Juillet 1917)

176. — Vườn Luxembourg ở Paris

Vườn này rộng độ hai-mươi-lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công-viên đẹp nhất ở thành *Paris*. Kiểu vườn là kiểu đời Phục-hưng (*Renaissance*) đồng-thời với cung *Luxembourg* ngày nay

làm nhà Thượng-nghị-viện. Trong vườn nào là tượng đá, nào là bể nước, nào là chiếu cỏ, nào là thảm hoa, quanh mình rặt những hình-tượng đẹp, màu-sắc tươi cả, thật như một bức gấm trăm hoa. Cây lớn thời toàn là những cổ-thụ hai ba trăm năm, trồng thẳng băng từng dãy dài, dưới có lối đi cho khách bộ-du. Đẹp nhất là một thứ dương-ngô-đồng (cây vông tây : *platanes*), lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghị-viện mà trông thẳng ra, tưởng không cảnh gì đẹp bằng, cực-mục như một tấm gấm tấm lụa giải thẳng cho đến kỳ-cùng ở giữa hai rừng cây xanh rậm, vì mặt trước vườn *Luxembourg* này lại thông với vườn Thiên-văn-đài, nên coi nó lại càng man-mác nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công-viên như thế này, thật cũng khéo quá : không khác gì như lấy những cỏ hoa cây cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gấm trăm hoa để cho khách ưu-du thưởng-ngoạn. Mà trong cuộc ưu-du vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh mình không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi họp cả tượng các bà danh-phi liệt-nữ của nước Pháp từ đời xưa. — Nhưng trong vườn *Luxembourg* này có một chỗ thanh-thú nhất, là nơi gọi là *Fontaine Médicis*, có cái bể bằng đá hình bồ-dục, bên trong có một bức chạm tích thần-tiên Hi-lạp ngày xưa, bốn bề toàn những ngô-đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu ríu-rít, rõ ra một cái cảnh lâm-tuyền mà lại có tay khéo của người ta tô-điểm. Hai bên có hai dãy ghế cho khách du ngồi thưởng-ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này ngồi đến thâu giờ tan buổi, thơ-thẩn một mình, không phải là những người trong trường náo-nhiệt ; phần nhiều là những hạng thi-nhân họa-khách cùng những bậc thiếu-phụ nhàn-sầu, đến đây để tiêu-sầu khiển-hứng. Mà cảnh êm-đềm, người lặng-lẽ, cho đến nỗi chim sẻ từng đàn liệng qua trước mặt, đậu tận bên mình cũng không sợ.

Ba tháng ở Paris (tháng 5 — tháng 7 năm 1922).

(Nam-phong tùng-thư.
Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x. b., 1927)

177. — Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng và quan-niệm người « chính-nhân » trong cổ-văn Pháp

Trong khi nghiên-cứu về người quân-tử trong đạo Khổng, tôi có tự hỏi không biết Tây-phương từ xưa đến nay có cái quan-niệm nào giống như thế không. Không xét xa đến thượng-cổ Hi-lạp La-mã, nhân đọc lại các cổ-văn nước Pháp, tôi lấy làm lạ thấy cái quan-niệm người « chính-nhân » *(l'honnête homme)* về thế-kỷ thứ 17, có nhiều điều giống như người quân-tử của đạo Khổng. Người « chính-nhân » của Pháp cũng như người « quân-tử » của Tàu, cũng vụ lẽ phải hơn cả, chuộng điều-độ, ưa trật-tự, thờ Chính-lý làm phép chung của vũ-trụ, ghét những cái gì là quá-đáng, không tự-nhiên.

Cái quan-niệm « Chính-lý » của các nhà làm sách Pháp về thế-kỷ thứ 17 chẳng là giống như hệt với cái quan-niệm « Thiên-lý » của các nhà triết-học Tàu dư? — MALEBRANCHE nói rằng: « Chính-lý » soi sáng cho loài người, là trí-tuệ của Thiên-chúa... Như tôi đau-đớn, người ngoài không cảm được cái đau của tôi; đến như cái chân-lý mà tôi quan-niệm, thì ai cũng có thể quan-niệm được như tôi... Nhờ có Chính-lý, tôi có thể cảm-thông được với Thiên-chúa (nhà triết-học Tàu thì nói là Trời), cùng với cả các giống thông-minh ở đời, vì các giống có linh-tính cùng với tôi đều có một cái dây liên-lạc chung, một cái phép-tắc chung là Chính-lý vậy ». — Cái « chính-lý » của MALEBRANCHE đó, có khác gì cái « đức sáng » *(minh-đức)* của Trời phú-bẩm cho mọi người, như trong *Đại-học* đã nói vậy?

Chính-lý là luật thiên-nhiên của vạn-vật, đem ra ứng-dụng thời là lẽ phải hằng ngày, theo như lời nhà triết-học DESCARTES là « cái của ở đời chia đều hơn cả » Trong sách « Phương-pháp-luận » của ông cùng những thư-trát ông viết cho bà Công-chúa ELISABETH, ông thường nói đến « người lương-thiện là người làm việc gì cũng theo như chính-lý ». Người « lương-thiện » ấy, đời bấy giờ gọi là người « chính-nhân » *(l'honnête homme)*, há chẳng giống với người « quân-tử » trong đạo Khổng như hệt dư?

Descartes lại nói rằng: « Phàm cư-xử, tôi muốn bao giờ cũng theo những ý-kiến trung-bình, không thái-quá, không bất-cập, xét chung quanh mình người nào là người khôn-ngoan biết điều thường hay theo thì tôi theo. » — « Như có nhiều cái ý-kiến thiên-hạ cùng theo cả, thời tôi chỉ chọn cái nào là trung-bình hơn nhất mà theo, một là bởi ứng-dụng ra nó tiện, và cũng có lẽ là tốt hơn, vì lệ thường cái gì quá-đáng vẫn không hay, hai là vì làm như thế thì không sợ sai đường chính bằng giá mình chọn bên này mà thành ra bên kia mới phải vậy. . .»

Nghe mấy lời đó, ai không bảo là một thầy học-trò cụ Khổng đương bàn về đạo « trung-dung » ? Đạo « trung-dung » là gì, chính là cái « lẽ phải phải-chăng » (*raison raisonnable*) kia, nó « thường hay tránh chỗ cực-đoan », mà muốn cho người ta có đạo-đức cũng đạo-đức cho có chừng », như lời Philinte trong bài kịch «Người chán đời» của Molière vậy.

Giá cứ so-sánh được như thế mãi cũng hay, có thể dẫn sách Molière, Boileau, Corneille, cả Racine nữa, tuy văn ông mô-tả những cái dục-tình rất mãnh-liệt, mà vẫn giữ được điều-độ, vẫn có phong-thể, vẫn hợp lẽ phải lắm. Nay nhân tiện đây nói qua cho biết người « quân-tử » Đông-phương với người « chính-nhân » Tây-phương có điều giống nhau lạ như thế mà thôi.

Thế là nghĩa làm sao, há chẳng phải là tuy văn-sĩ nước Anh Kipling có câu chán đời rằng : Đông-phương với Tây-phương khác nhau, vạn-cổ không bao giờ gặp nhau được, nhưng kỳ-thực Đông Tây không đến nỗi xa cách nhau như thế? Đông-phương với Tây-phương từ xưa đến nay đã cùng nghĩ ra được một cái kiểu-mẫu làm người điều-hòa, tốt đẹp, giá nhiều người theo được như thế, thời cõi đất này sẽ thành chốn bồng-lai cho một cái tân-nhân-loại ở vậy.

Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng.
(Nam-phong tùng-thư. — Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x. b., 1928)

178. — Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam

Muốn cho bọn tân-thượng-lưu nước Nam bây giờ có thể hưởng-thụ được văn-hóa Pháp cho ích-lợi, lại có thể giúp cho nước cũng nhờ đó mà chấn-chỉnh được tinh-thần tri-thức,

thời cần phải tự mình nhận-chân lấy mình, phải bỏ cái thái-độ tiêu-cực như bây giờ, phải tỏ ra biết suy-nghĩ phán-đoán, có tư-cách đặc-biệt, đối với văn-hóa ấy cũng như đối với các trạng-thái khác của văn-minh đời nay, phải biết xem xét cho kỹ-càng, nhiệt-thành mà không háo-hức, tin theo mà biết phẩm-bình, có thế thời mới hiểu rõ và dần dần tiêm-nhiễm lấy được. Phải biết rằng văn-hóa nước Pháp có thể làm một cái động-cơ rất mạnh trong sự-nghiệp cải-tạo nước Nam sau này, nhưng muốn cho được hoàn-toàn hiệu lực, thời cần phải có mấy cái tư-cách mà người mình hãy còn thiếu. Những tư-cách ấy phải gây lấy cho được. Nghĩa-vụ chúng ta ngày nay là phải chấn-chỉnh lấy cái hồn Việt-nam của ta để có thể theo phong-trào mới mà cải-cách duy-tân vậy.

Trong cái sự-nghiệp chấn-chỉnh tinh-thần đó, văn-hóa Pháp có thể giúp cho ta được nhiều lắm. Đây không cần phải tán-dương những cái hay của văn-hóa ấy. Trong thế-giới thiếu gì những bậc danh-giá đã từng ngợi-khen nhiều lần rồi. Mới đây công-sứ Hòa-lan ở *Paris* làm lễ đặt viên đá thứ nhất cho nhà học-hiệu Hòa-lan ở Xóm Học-sinh, có tỏ lòng cảm-phục cái tinh-thần học-thuật nước Pháp như sau này :

« Chỗ này là chỗ học-sinh vạn-quốc đến tụ-hội, sẽ được nhờ tinh-thần nước Pháp truyền cho mấy cái tính tốt, như tính sáng-sủa, đích-xác, lý-luận, phong-thú, là những đặc-tính của một nước về văn-học khoa-học đã sản được những bậc đại-danh như MONTAIGNE, DESCARTES, PASTEUR, BERTHELOT, BRANLY. »

Lại ngay sau khi chiến-tranh, mấy học-giả nước Mỹ có nói riêng với giáo-sư BERGSON một câu rằng :

« Cách dạy học của người Pháp, chúng tôi ưa nhất có hai điều : một là bài giảng của thầy giáo bao giờ cũng có mạch-lạc sáng-sủa lắm ; hai là khéo khiến cho học-trò, không những là học-sinh trường lớn mà cả học-trò trường nhỏ nữa, phải thường-thường suy nghĩ biến-báo luôn. »

Sáng-sủa, đích-xác, có lý-luận, có kết-cấu, hay sáng nghĩ, hay biến-báo, đó chẳng phải là những tính-cách mà trong tâm-trí người Việt-nam ta hiện hãy còn thiếu dư ? Tính-cách ấy,

văn-hóa Pháp có thể đoàn-luyện cho ta được. Nếu ta biết khéo lợi-dụng, thời quốc-hồn Việt-nam của ta sẽ được nhờ đó mà phong-phú thêm lên, tức là cái điềm nước Nam có cơ tái-tạo vậy.

Văn-hóa Pháp đối với tiền-đồ nước Nam.
(Nam-phong tạp-chí, số 147, Février 1930)

179. — Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo

Có thể nói cả cái đời luân-lý của dân-tộc Việt-nam là hun-đúc bằng đạo Khổng, nói thế không phải là nói quá vậy. Những lời huấn-dụ, những lời cách-ngôn của ông Đại Hiền-triết vừa là SOCRATE vừa là LYCURGUE của xã-hội giống da vàng, trong hai ngàn năm đã tiêm-nhiễm tâm-hồn người Việt-nam và đã sáp-nhập vào cái kho tri-thức của dân-chúng xứ nầy.

Nay luân-lý đạo Khổng không phải là một lý-thuyết bằng không mà kết cấu ra, chính là nguồn-gốc ở sự thực hiển-nhiên của lẽ thường người ta, căn-cứ ở đạo *hiếu* và đạo *trung*, hiếu với trung là gốc của gia-đình của tổ-quốc, và gia-đình với tổ-quốc là hai cái hiện-tượng hiển-nhiên, ai ai cũng phải công-nhận vậy.

Người ta là một giống ở xã-hội, ARISTOTE thì nói là một động-vật sinh-trưởng ở xã-hội. Cái thiên-tính của người là phải ăn ở trong xã-hội, trong xã-hội những kẻ đồng-loại với mình. Cái xã-hội thứ nhất sau khi lọt lòng mẹ ra là gia-đình, căn-cứ ở máu-mủ. Xã-hội này lại thuộc một xã-hội lớn hơn căn-cứ ở đất nước, gọi là tổ-quốc. Cả « nhân-luân » là ở giữa hai cái đầu mối đó: gia-đình, tổ-quốc. Tưởng rằng cá-nhân có một địa-vị gì là tưởng lầm: cá-nhân không là gì cả; cá-nhân chỉ có địa-vị là ở trong phạm-vi gia-đình, ở trong phạm-vi tổ-quốc mà thôi.

Phàm xã-hội phải có trật-tự. Không có gì gọi là bình-đẳng cả. AUGUSTE COMTE đã nói: «Chính tạo-vật đã tổ-chức loài người theo lẽ tôn-ti sai-biệt.» Vậy thời gia-đình với quốc-gia phải có chủ: gia-trưởng là cha, quốc-trưởng là vua. Hai bậc đó bản-thể không có sai-biệt; chỉ có sai-biệt ở trật-tự ma thôi. Bổn-phận của mỗi người đối với cha là *hiếu*, bổn-phận của mỗi người đối với vua là *trung*. Đó là hai mối tình-cảm thâm-trầm mà sự

giáo-dục phải khải-phát ra trong lòng người, vì đó chính là nền-tảng của gia-đình, tổ-quốc vậy. Không có hiếu thì không có gia-đình được, không có trung thì không có tổ-quốc được, vì gia-đình với tổ-quốc không phải là hai cái danh-từ trừu-tượng để nêu lên làm khẩu-hiệu mà thôi, chính là hai hiện-tượng có sinh-hoạt mà nguồn-gốc là tự trong thâm-tâm người ta vậy.

Cổ-nhân ta đã có câu rằng: *Xuất mẫu-hoài tiện thị hữu quân thần*, nghĩa là ở trong lòng mẹ ra đã có nghĩa vua tôi với cha con rồi.

Nghĩa đó là nghĩa tùy-thuộc, nghĩa phục-tòng cái trật-tự thiên-nhiên nó chi-phối sự sinh-hoạt của đoàn-thể. Con người ta mới sinh ra đời bé-nhỏ yếu-ớt đã có ngay một cái hoàn-cảnh, một cái phạm-vi sẵn-sàng để đón lấy, che-chở cho, bênh-vực cho. Lý tự-nhiên là đem mình sáp-nhập vào phạm-vi đó, tùy-thuộc vào cuộc sinh-hoạt chung của đoàn-thể. Không những nghĩa phải như thế, lợi cũng khiến nên như thế. Vì cuộc sinh-hoạt chung đó vẫn đã có trước mình từ bao giờ, và sẽ còn có sau mình biết bao lâu nữa. Mình có nương tựa vào đó, có sáp-nhập vào đó, thì mới có cơ sinh-hoạt tồn-tại được, chứ không phải tự-phụ đem cái cá-tính đơn-độc của mình mà ngang-nhiên phản-đối lại được, cá-tính nọ cũng như cá-nhân kia là hão-huyền không có cả.

Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp và khôi-phục cổ-điển ở nước Nam
(Imp. Đắc-lập, Huế)

180. — Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-nam

Thờ gia-đình, mến tổ-quốc, phụng tổ-tiên, tôn cổ-điển, những tình-cảm đó nhờ giáo-dục vun-trồng, thói quen bồi-đắp, văn-chương cùng phong-tục cổ-lệ tán-dương, dần dần tạo-thành cho người nước Nam một cái thần-trí vững-vàng ngay-thẳng, một cái tâm-địa chắc-chắn điều-hòa, một cái hồn-tinh thiết-thực và kiện-toàn, có lẽ không được bay-bổng cao-xa lắm, nhưng gặp khi quan-hệ đến vận-mệnh gia-đình tổ-quốc thì cũng có thể tận-tụy hi-sinh được. Lòng hiếu-thảo trong đạo cha con, lòng tiết-nghĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung-thành với nhà vua

là trạng-thái đặc-biệt của lòng ái-quốc người Việt-nam, cổ-lai vẫn gây nên những bậc anh-hùng liệt-nữ, hoặc hiển-hách, hoặc vô-danh, hoặc tên để chói-lọi trong sử-sách, hoặc việc chép lưu-truyền trong gia-phả, hay chỉ còn để lại cái bài-vị trong một gian miếu nhỏ nấp dưới bóng tre xanh. Lòng vị-nghĩa đó có khi siêu-việt đến bậc tuẫn-tử một cách oanh-liệt. Như việc Võ Tánh và Ngô Tòng-Châu tuẫn-tử ở thành Bình-định vậy.

Một người thời:

Chén tân-khổ nhắp ngon mùi chánh-khí;

Một người thời:

Ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can.

Nhưng đó là những bậc anh-hùng có đóng vai quan-trọng trong lịch-sử. Ngoài những bậc đó, còn biết bao nhiêu những người nữa, và trong những người đó thiếu chi người đàn-bà, âm-thầm lẳng-lặng mà can-đảm quyên-sinh để giữ tròn danh-tiết. Cho nên có câu thơ:

Khẳng-khái cần vương dị,
Thung-dung tựu nghĩa nan.

Như vậy thời cái luân-lý cổ thoát-thai ở đạo Khổng mà ra đó một phần căn-cứ ở thiên-nhiên, — là máu-mủ và đất nước, — một phần căn-cứ ở lịch-sử, — là sự kinh-lịch của đời trước, — rất là hợp-lý lắm, không có mâu-thuẫn chút nào với tư-tưởng đời nay, và rất có thể khôi-phục lại để làm cơ-sở cho sự sinh-hoạt về đạo-đức của dân-tộc Việt-nam này. Luân-lý ấy không phải là một lý-thuyết trừu-tượng ở trong sách cổ đâu; những điều giảng dạy của luân-lý ấy đã tiêm-nhiễm sâu-xa cả thượng-lưu cùng quần-chúng trong nước vậy. Những danh-từ dùng để chỉ các quan-niệm cốt-yếu của luân-lý đó, như: *tam-cương*, *ngũ-thường*, *quân-tử*, *tiểu-nhân*, *tam-tòng*, *tứ-đức*, v. v. đã thâu-nhập vào tiếng nói của bình-dân từ bao giờ đến giờ, ai ai cũng hiểu rõ và ai ai cũng thường dùng vậy.

Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp và khôi-phục cổ-điển ở nước Nam.

TRẦN TRỌNG-KIM

181. — Tôn-chỉ đạo Khổng

Khổng Phu-tử ngắm cảnh-tượng của tạo-hóa mà xét việc cổ kim, đạt được cái lẽ biến-hóa của trời đất. Ngài muốn người ta theo cái đạo ấy mà hành-động, khiến cho nhân-sự và thiên-lý cùng thích-hợp với nhau theo đạo thái-hòa trong vũ-trụ. Ngài tin rằng người ta sinh ra đã bẩm thụ cái lý-khí của trời đất, tất là cùng với trời đất có thể tương-cảm tương-ứng với nhau được. Sự tương-cảm tương-ứng ấy lúc nào cũng có, nhưng khi ta để lòng tư-dục mạnh lên, rồi chỉ dùng lý-trí mà tính toán những điều hơn thiệt riêng của mình, thì cái tinh-thần rối loạn đi, cái trực-giác thành ra ám-muội, dẫu có cảm có ứng, ta cũng không biết được. Nhưng nếu ta biết nén cái tư-dục xuống, giữ cho lúc nào cũng có cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì cái trực-giác thành ra mẫn-nhuệ, trông cái gì thấy ngay được đến phần rất sâu-xa, u-ẩn.

Giữ được cái thái-độ điều-hòa và cái bình-hành hoàn-toàn, tức là giữ được cái *trung*. Cứ ở trong cái trung ấy mà hoạt-động, mà lưu-hành theo thiên-lý, rồi cứ đôn-đốc cái tinh-cảm cho thật hậu, thì tất là đến bậc *nhân*. Người nào tu-dưỡng đến bậc nhân, thì cái tinh-thần rất hoạt-động, xem xét điều gì cũng biết rõ thực hư, và sự hành-vi bao giờ cũng hợp với đạo thái-hòa của trời đất. Đã *nhân* mà lại *thành*, là bậc *thánh*. Thành là chân-thực, đúng như cái lý tự-nhiên của trời đất. Người chí-thành tức là người đã khiến mình trở nên thuần-túy như cái nguyên-tính của Trời phú cho, thì tự khắc biết được hết cái tính của muôn vật, và có thể giúp sự hóa-dục của trời đất mà sánh ngang với trời đất. Bởi thế cho nên mới gọi là thánh. Cái tôn-chỉ đạo Khổng rút lại chỉ có thế mà thôi. Còn những điều hiếu nghĩa lễ trí trung tín đều bởi đấy mà ra cả.

Cứ như ý-kiến của Khổng Phu-tử, thì vạn vật ở trong vũ-trụ cứ biến-hóa theo lẽ điều-hòa và lẽ tương-đối mà lưu-hành mãi-mãi, không lúc nào nghỉ. Thiên-đạo đã không nhất-định, thì ở đời có việc gì là việc nhất-định được. Vậy ta cứ nên tùy thời mà hành-động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì sự hành-vi của ta bao

giờ cũng được trung chính. Làm việc gì cũng giữ cho trung-bình, vừa phải, không thái-quá, không bất-cập, ấy là theo cái đạo trung-dung rất phải rất hay. Phu-tử đem cái tôn-chỉ ấy mà lập thành một cái đạo *nhân sinh triết-học* tức là cái đạo luân-lý rất êm-ái, rất hòa-nhã, đủ làm cho người ta có cái vẻ thư-thái vui-thú, không có những điều lo sợ buồn-bã.

Nho-giáo, Quyển I
(Hanoi, Editions du Trung-Bắc tân-văn, 1930)

182. — Luân-lý của Đạo-giáo

Lòng người ta bao giờ cũng phải không-không, việc gì cũng không lấy làm thiết, chỉ nhất-tâm giữ lấy được tĩnh, như thế là có thể gần với Đạo được. Thường có bỏ hết được những cái lòng ham muốn, thì mới biết được những cái huyền-diệu của Đạo, chứ hễ còn có lòng ham muốn, thì chỉ biết được ngọn mà không biết được đến gốc, chỉ biết được những cái kết-quả ở đời, mà không biết được đến nguyên-nhân sâu xa của muôn vật 常無欲以觀其妙, 常有欲以觀其徼(1). Nếu chỉ biết được những cái ngọn mà thôi, thì cái biết của mình có ích gì đâu, vì những sắc mà mắt mình trông thấy, những tiếng mà tai mình nghe thấy, những vị mà miệng mình nếm thấy, sự vui-mừng, sự ao-ước, lòng tham danh-lợi, v. v., đều là loạn cái tinh-thần của mình. Vì thế cho nên thánh-nhân chỉ lo cái bụng cho no mà thôi, chứ không cần đến những cái ảo-hình ảo-tưởng làm gì.

Vả lại chịu khó-nhọc làm công nọ việc kia để hao-thần tổn-trí để làm gì? Có việc gì là việc được lâu dài, không? Cơn gió to cũng không thổi luôn được cả buổi sáng, trận mưa lớn cũng không suốt được cả ngày: mưa gió là việc của trời đất, mà trời đất còn không làm việc gì được lâu dài, huống chi người ta muốn làm việc lâu dài làm sao được. Vậy 爲無爲, 事無事, 味無味, 大小多少, 報怨以德(2) thánh-nhân chỉ nên làm những việc không làm, lo những việc không lo, thích những việc không thích, lớn nhỏ nhiều ít cũng cho như nhau, không lấy làm hơn kém gì cả, đối với người thì lấy đức mà báo oán, nghĩa là người ta làm điều ác cho mình, thì mình làm điều lành

mà báo cho người ta, chứ không đem lòng thù-oán ai. Ta phải biết rằng: 少則得, 多則惑, 是以聖人抱一爲天下式(3) hễ người ta chỉ lưu-tâm vào ít thì được, muốn nhiều thì hỏng, cho nên thánh-nhân chỉ cốt lấy một việc là chăm-chăm về Đạo mà thôi, nghĩa là giữ yên tĩnh trong sự vô-vi, để làm gương cho thiên-hạ, thế là đắc đạo . . .

Làm người ở đời thì bao giờ cũng nên giữ lấy ba điều làm qui: 一曰慈, 二曰儉, 三曰不敢爲天下先(4) một là từ, tức là lòng nhân-ái, hai là kiệm, tức là giản-dị không xa-xỉ; ba là không dám tranh hơn ai, tức là lòng khiêm-nhượng. Có ba điều ấy thì không có đánh nhau giết nhau, không hoang-phí, không tham danh tham lợi, ai cũng như thế cả, thì việc gì mà không thái-bình yên-trị.

Vả chăng, cạnh-tranh mà làm gì, danh-lợi mà làm gì, chẳng qua ai thì cũng cầu lấy sự an-nhàn sung-sướng mà thôi. Mà cái đó mình có thể tự mình tìm thấy được. Hễ minh biết tri-túc thì không việc gì mà phải bị những sự lâm-lụy khổ-sở. Đã tri-túc là đã giàu rồi 知足者富(5), cần gì nữa phải vất-vả khó-nhọc để cho lụy đến thân . . .

Tóm lại mà xét, cái luân-lý của Lão-tử là cốt lấy thanh-tĩnh, vô-vi, cái gì cũng để theo lẽ tự-nhiên, không có phiền-phức điều gì cả, làm người ở đời được thế nào là hay thế, tự lấy thế làm sung-sướng, không tham danh tham lợi. Đối với người thì không nên kết-thù kết-oán, cốt lấy lòng tự ái mà giao-thiệp với nhau. Bất kỳ việc gì cũng lấy ơn mà trả thù. Cho cái cảnh đời là một cuộc tuần-hoàn xoay đi chuyển lại đâu đâu rồi cũng trở về cái nguyên-lý độc-nhất, tức là Đạo. Sự sống sự chết cũng do cái lẽ tuần-hoàn ấy mà ra, không nên quan-tâm làm gì, cứ ung-dung tự-tiện để mặc tạo-hóa theo lẽ tự-nhiên mà biến-đổi.

Cái luân-lý ấy có phần rất thanh-nhã cao-thượng, nhưng chỉ phải một điều nó khiến người ta không thiết đến cái gì cả, nó hủy mất cả cái nghị-lực và sự cố-gắng của giống người, là hai cái yếu-điểm cho sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội.

Đạo-giáo (Đạo Lão-tử)

(Nam-phong tạp-chí, số 57, Janvier 1923)

Chú-thích. — (1) *Đạo-đức-kinh*, chương 1. — (2) *Đạo-đức-kinh*, chương 63. — (3) *Đạo-đức-kinh*, chương 22. — (4) *Đạo-đức-kinh*, chương 57. — (5) *Đạo-đức-kinh*, chương 33. — *Lời chú-thích của tác-giả).*

NGUYỄN VĂN-NGỌC

183. — Tư-tưởng Lão Trang trong những bài hát nói

Hầu hết các cụ xưa bó-buộc với Luân-thường, giam hãm trong Khổng, Mạnh, xuất thân chỉ có một đường khoa-cử, vật lộn chỉ trong một trường sĩ-hoạn, cho nên các cụ chỉ lăn-lóc chen nhau trong cái phạm-vi hẹp-hòi không hề để cho tâm tri lãng-mạn sa lạc vào đâu, sợ mang tiếng rằng ra ngoài vòng danh-giáo. Hết Tứ-Thư là đến Ngũ-Kinh, hết Ngũ-Kinh lại đến Tứ-Thư, ngoài chin cái quyển sách đã như là sách bói, sách ước để đi thi, để đỗ-đạt vẻ-vang, để làm nên công-hầu khanh-tướng ấy, là các cụ không muốn biết, không dư thời giờ đọc quyển nào khác, các cụ đã đặt tên gọi là « sách ngoài » khác nào như đời bây giờ cho là « sách cấm » vậy. Gián-hoặc có một đôi cụ siêu việt khác người, tham-bác ít nhiều kinh-kệ nhà Phật, hay tiêm-nhiễm lâu ngày tư-tưởng Lão, Trang, thì các cụ dễ cũng không biết đem những tư-tưởng khác lạ cao xa ấy mà phu-diễn, mà bộc-lộ vào đâu nữa. Họa chỉ còn được cái đám văn gọi là nôm-na mách-qué, văn chơi, văn đùa, những lúc trà dư, tửu hậu là còn mượn được để lấy cái cớ là tiêu sầu khiển muộn đó mà thôi. Mà những văn chơi đùa lối nôm-na ấy, còn gì dễ chơi mà vui chơi hơn là văn nhà trò.

Cho nên ta có thể nói được rằng phần nhiều các bài Hát Nói gần xa hay ít nhiều là có chịu ảnh-hưởng của Lão, Trang, là một cách ứng-dụng của sự xem đọc Lão, Trang hay các « sách ngoài » vậy. Vì có Lão, Trang mà nhiều bài Hát Nói mới có cái vẻ phong-lưu, cái tính phóng-khoáng, cái chí cao-xa nhẹ-nhàng, cái giọng hùng-hồn khẳng-khái vượt ra hẳn ngoài khuôn phép nghiêm nhặt của Khổng Mạnh.

Đào-nương ca. Tập I. Hát nói và Hát mưỡu.
Việt-văn thư-xã. —
Vĩnh-hưng-long thư-quán, Hà-nội, 1932).

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

184. — Trên bãi bể Đồ-sơn

Trên mặt bể mênh-mông, bát-ngát, sóng cuồn-cuộn từng lớp đuổi nhau, chạy giờn vào bãi cát phẳng, nước tóe trắng phau-phau. Trên bãi cát dài hàng mấy nghìn thước phất-phới áo vàng, áo đỏ, áo trắng, áo xanh như bươm-bướm lượn ; trẻ con reo, tiếng sóng vỗ, ồn-ào như tiếng chợ đông người. . .

Đến đêm, lúc người đã vắng. . . phong cảnh lại càng thêm bát-ngát. Trước chỗ trời cao bể rộng, mình tự thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gợn bụi, như mảy lông, lửng-lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh sợ, sợ cái tối vĩnh tối đại của Hóa-công. Nhưng, có một điều chúng tôi tự thấy hơn cái vô-cùng vô-cực đó, là chúng tôi có trí-giác biết Tạo-hóa là to, có tình-tình biết yêu nhau là sướng. Còn trời cao bể rộng mấy muôn năm vẫn trơ-trơ đó, ngọn sóng kia cứ việc ào-ào suốt ngày nọ đến ngày kia, không biết mình là to lớn.Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát, rồi ngồi xuống những mỏm đá nổi lên gần bờ. Lúc đó, thủy-triều lên mạnh, chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh-thoảng bị cơn sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt. . .

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy, ở đó chỉ nghe tiếng thông reo trên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngồi mà ngắm quang-cảnh, thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm-giác mơ-màng như các con đồng ngồi trước điện nghe những tiếng đàn tiếng hát, ngửi những mùi hương khói trầm thì ngà-ngà say và thấy trong lòng khoan-khoái vô-hạn. . .

Tờ-mờ sáng hôm sau. . . Lúc đó cả Đồ-sơn còn đương an giấc, mặt bể phẳng-lặng, gió hiu-hiu hơi gợn sóng lăn-tăn. Ngoài xa lơ-thơ những chiếc thuyền đánh cá, buồm trắng phất-phơ in vào mấy rặng núi mờ xanh ở bên chân trời hung-hung đỏ. Trên bãi cát cũng phẳng-phắn chưa có một vết chân giẫm xuống : nước thủy-triều lên ban đêm đã rửa sạch những ghét rác phồn-hoa chiều hôm trước rồi.

Tố-Tâm, Tâm-lý tiểu-thuyết.
(Imp. Chân-phương, Hà-nội, 1925).

ĐÔNG-HỒ (LÂM TẤN-PHÁC) 東湖 (林進璞)

185. — Nhớ rằm tháng hai

Non Bình-san (1) lững-lờ bóng nguyệt,
Nước Đông-hồ (2) man-mác hơi may.
Cũng rằm năm ngoái tháng nầy,
Cũng trăng, cũng nước non nầy năm xưa.
Cảnh năm trước vẫn là năm trước,
Tình năm xưa đã khác năm xưa.
Nầy trăng, nầy núi, nầy hồ,
Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu ?
Chợt nhớ thuở trăng nhô đầu núi,
Dưới bóng trăng lủi-thủi bóng ai.
Bóng ai tha-thướt cành mai,
Cành mai tuyết điểm, cành mai trăng lồng.
Ta cùng ai thong-dong dưới nguyệt,
Sẽ đang tay người ngọc thẩn-thơ.
Hồ Đông một vũng nông sờ,
Non Bình một dãy tờ-mờ ngọn cao.
Em mới hỏi : « Trăng sao sáng tỏ ? »
Anh đáp rằng : « Trăng có đòi ta. »
Bây giờ em đã vắng xa,
Vầng trăng cũng vẫn chưa lòa bóng gương.
Ấy mới biết trăng thường soi tỏ,
Mà lòng ta vẫn có với nhau.
Màu trăng cũng vẫn một màu,
Mà màu mai tuyết thế nào, đổi thay ?
Khóm lau lách lung-lay trận gió,
Khiến lòng anh nhớ chỗ năm xưa.
Bóng ai trăng dãi thướt-tha,
Tiếng ai gió thoảng gần xa đôi hồi.
Nay vẻ tuyết chiều mai đã vắng,
Tiếng ai còn văng-vẳng bên mình.
Bụi hồng đã mỏi mắt xanh,
« Xa-xôi ai có hay tình chăng ai ? »
Đi về những lối này năm nọ,
Anh vắng em, anh nhớ xiết bao.

Non Bình này vẫn cao-cao,
Nước Hồ kia vẫn một màu xanh-xanh.
Ngơ-ngẩn mãi với tình non nước,
Nước cùng non đôi bức sầu treo.
Nước non non nước đìu-hiu,
Người xưa cảnh cũ biết bao nhiêu tình!

Thơ Đông-hồ

(Văn-học tùng-thư. — Nam ký thư-quán, Hà-nội, 1933)

Chú-thích. — (1) *Bình-san* : tên một trái núi ở Hà-tiên. — (2) *Đông-hồ* : tên một cái hồ ở Hà-tiên.

186. — Phong-cảnh Cửa-cạn ở đảo Phú-quốc

Cửa-cạn ở về mặt tây đảo Phú-quốc, về phía bắc cách Dương-đông ước ngót mười lăm ngàn thước. Đi có hai thế, đi ghe có gió nam thì thuyền xuôi, và đi bộ dọc theo bãi cát. Hôm nay không có gió nam, đi thuyền chèo thì cũng được, nhưng sóng cồn chập-chờn lảo-đảo, không quen đi biển cũng khó chịu, vậy cùng nhau bỏ thuyền lên bộ, đi cho được nhẹ-nhàng thong-thả. Vả cái thú đi chân mới sẽ phải là cái thú của khách nhàn-du, mà thú thiệt. Tôi mới được ngắm cái cảnh đẹp ở bãi biển lần này là một. Ở Hà-tiên cũng có bãi biển, nhưng không được dài rộng thênh-thang bằng ở đây; gia-dĩ ông Tạo-hóa cũng khéo tô-điểm, trong cái cảnh rừng xanh biển lục, thêm cái cảnh cỏ lạ hoa thơm. Bóng dương mơn-mởn, tư điều thướt-tha điên-cuồng trên ngọn gió; nước biển chập-chờn, làn sóng nhấp-nhô dào-dạt trên bãi cát; chạy dài hàng mấy ngàn thước, thỉnh-thoảng điểm-nhiễm có cái cảnh chòm cây khóm đá trông thanh-thú lắm. Mỗi một cảnh là một bức tranh thủy-mặc con-con của các nhà danh-họa Tàu, nét bút nguệch-ngoạc mà khôi-kỳ, đơn-sơ mà thần-diệu vô-cùng. Đi hết một cánh bãi cát lại phải đi lên trên ghềnh đá hay đi bên chân đồi, cho mới biết ông Tạo cũng khéo xếp-đặt. Chứ nếu trong cảnh sa-mạc mà không điểm cho có cái cảnh cây cao bóng mát, để cho có lúc hăng-hái mà đi, rồi cũng có lúc thảnh-thơi mà nghỉ, thì khách lữ-hành còn biết gì là thú . . .

Xóm Cửa-cạn nhà cửa dân-cư ở tụ-tập theo hai bên bờ sông. Con sông xinh sao! Thường đi chơi cũng gặp được nhiều cảnh sông cảnh rạch, nhưng chưa gặp được chỗ nào có cảnh đẹp bằng con sông ở Cửa-cạn này. Sông không rộng, có cầu cây bắc ngang, lối cầu chừa đoạn giữa để cho ghe thuyền qua lại. Chiều trời êm-ả, lên đứng trên cầu tựa vào lan-can mà trông, dòng nước trong như lọc, chảy từ-từ trong lòng cát trắng, hai bên bờ từng túp nhà bán-ẩn bán-hiện trong khóm đước, dặng bần, cành xòa mặt nước, bóng lộn lòng sông, hoa lá đều có vẻ hàm-nhuận, có chiều xinh-xắn. Dộng sông uốn quanh qua hữu-ngạn rồi mới ra biển, có cánh cồn-cát chắn ngang, bóng dương lơ-thơ dưới bóng trời tây bảng-lảng, trông thích quá, anh em bèn thuê chiếc thuyền chèo cùng nhau chở thuyền đi chơi phiếm. Bấy giờ bóng dương đã nhạt, cây núi màu lam, vẻ trời sắc nước như có nhịp-nhàng điều-độ với nhau, chiếc thuyền từ-từ xuôi dòng sông, quanh ra cửa biển, tiếng gió thổi vào cành cây thủy-liễu du-dương lẫn với tiếng nước reo dưới nhịp khê-kiều thánh-thót, rõ vẽ ra cái cảnh

Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho-nhỏ, cuối ghềnh bắc ngang.
Trời tây bảng-lảng bóng vàng,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

Thăm đảo Phú-quốc
(Nam-phong tạp-chí, số 124, Décembre 1927)

THIẾU-SƠN (LÊ SĨ-QUÝ)

187. — Lối văn tả-thực

Gần đây, khắp văn-học thế-giới đâu đâu cũng có cái phong-trào tả-thực. Mà cái phong-trào này là nguyên-lai tự cái tri-thức của nhân-loại nó đã tiến-hóa theo khoa-học tới một cái trình-độ khá cao.

Nhưng tả-thực là thế nào?

Tả thực là đem những sự mắt thấy tai nghe cho vào văn-chương sách vở. Nhà cổ-điển chỉ tả những cái hiện-tượng đại-

đồng của tâm-giới. Nhà lãng-mạn chỉ tả những mối tình-cảm mơ-màng của thi-nhân. Còn nhà văn-học tả-thực thì chẳng chịu bỏ sót một cái gì mà không nói đến. Tâm-giới cũng tả mà ngoại-giới cũng tả. Cả những cái xưa nay người ta vẫn chê là tầm-thường thô-tục không được nói vào văn-học mà nay cũng thấy họ đem làm tài-liệu cho văn-chương.

Trong phái tả-thực đã có người chịu khó trà-trộn vào những hạng lao-động thợ-thuyền, lẩn-quẩn ở những nơi đầu đường xó chợ, cốt để tìm-tòi học-hỏi cho biết cái sinh-hoạt của khắp các hạng người trong xã-hội. Hy-sinh vì chân-lý, khổ công cho văn-học, những đức-tính đó thực là đáng qui, đáng phục vô-cùng.

Nhưng ngoài ra ta lại thấy một cái tệ cũng rất nên đáng tiếc.

Tệ là những nhà văn tả-thực thường có ý muốn phô-trương những cái xấu hơn những cái tốt, đem bề trái của xã-hội mà vẽ ra hơn là đem bề mặt của nó mà tả-diễn.

Có lẽ họ cho rằng cái tốt trước đây đã có nhiều người nói đến thì cái xấu nay tới lượt họ phải trưng ra, cái bề mặt vốn bình-an vô-sự mà cái bề trái mới có lắm chuyện lý-thú ly-kỳ.

Đấy cũng là một cái thiên-kiến. Mà đã là thiên-kiến thì đều là có hại.

Như ý tôi thì tả-thực là nên, nhưng phải tả hết cả sự thực, chớ không nên nói cái này mà bỏ cái kia. Nhân-loại không phải chỉ có những tụi trộm cắp, sát nhân, gian-hùng, xảo-trá, mà cũng còn có người lương-thiện, có bậc anh-hào, có kẻ phong-lưu hảo-hán, có đấng nghĩa-hiệp trượng-phu.

Tả đủ sự thực, tức là cách-vật trí-tri. Ta có thể coi đấy mà biết rõ được nhân-tình thế-thái, gần ra thì ở cái xã-hội của ta, xa ra thì ở cái phong-tục xứ người, mà cốt nhất là biết được cái bản-sắc của nhân-loại.

Cái bản-sắc của nhân-loại (le fond humain), chính là cái có trực-tiếp quan-hệ đến ta.

Nhân-loại vốn đại-đồng mà tiểu-dị, thì nhân-sinh đều nên hiểu-biết lẫn-nhau. Người cao-thượng, khách phàm-lưu, kẻ giai-nhân đài-các, tụi đàng-điếm chơi-bời, nhất-thiết đều là những người trong nhân-loại thì nhất thiết đều có chút-ít giống ta.

Ta là người tầm-thường mà ta cũng có chút ít cao-thượng. Ta là kẻ lương-thiện mà ta cũng có đôi cái yếu-hèn, vì ta là người trong nhân-loại mà cái bản-sắc của nhân-loại là phức-tạp ly-kỳ như vậy đó.

Nhà văn-sĩ có tài là người hay diễn-tả được cái bản-sắc đó ra cho ta coi đến mà biết người, biết mình, biết cái phần cao-thượng của nhân-loại mà cảm-phục, biết những chỗ yếu-hèn của nhân-loại mà xót-thương, biết nhân những cái cảm-giác đó mà phát-sinh ra những tư-tưởng thâm-trầm về cái nhân-sinh triết-học.

Phê-bình và cảo-luận
(Văn-học tùng-thư. — Editions Nam-ký, Hanoi, 1933)

THẾ-LỮ (NGUYỄN THỨ-LỄ)

188. — Cây đàn muôn điệu

Tôi là người bộ hành phiêu-lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi :
Tìm cảm-giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian-lao, trong giờ sung-sướng,
Khi phấn-đấu cũng như hồi mơ-tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm-than,
Cảnh thương-tâm, ghê-gớm, hay dịu-dàng,
Cảnh rực-rỡ, ái-ân hay dữ-dội.

Anh dù bảo : tính tình tôi hay đổi,
Không chuyên-tâm, không chủ-nghĩa : nhưng cần chi ?
Tôi chỉ là một khách tình-si
Ham vẻ Đẹp có muôn hình, muôn thể.
Mượn lấy bút nàng Ly-Tao, tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phiếm, tôi ca
Vẻ Đẹp u-trầm, đắm-đuối, hay ngây-thơ,
Cũng như vẻ Đẹp cao-siêu, hùng-tráng
Của non-nước, của thi-văn, tư-tưởng.

Dáng yêu-kiều tha-thướt khách giai-nhân ;
Ánh tưng-bừng linh-hoạt nắng trời xuân ;

Vẻ sầu muộn âm-thầm ngày mưa gió;
Cảnh vĩ-đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;
Nét mong-manh, thấp-thoáng cánh hoa bay;
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy;
Thú sán-lạn mơ-hồ trong ảo mộng;
Chí hăng-hái ganh đua đời náo động:
Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.

Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bi,
Và cảm khái bởi những lời hăng-hái,
Tôi ngợi-ca với tiếng lòng phấn-khởi,
Tôi thở than cùng thiếu-nữ bâng-khuâng,
Tôi vẻo von theo tiếng sáo lưng chừng,
Tôi yên-ủi với tiếng chuông huyền diệu,
Với Nàng-Thơ, tôi có đàn muôn điệu,
Với Nàng-Thơ, tôi có bút muôn màu;
Tôi muốn làm nhà nghệ-sĩ nhiệm-mầu;
Lấy Thanh-Sắc trần-gian làm tài liệu.

Mấy vần thơ, Tập mới
(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời nay, 1941)

189. — Câu chuyện trên tàu thủy

Tôi biết một người kẻ cắp rất giỏi, tên là Hai Nhiêu, người Ninh-bình. Bác ta rất thông-minh, thiệp-nhã, lại « quân-tử » nữa. Quân-tử trong phường kẻ cắp — cố-nhiên. Không bao giờ bác thèm lấy của người nghèo, cũng không hay lấy của ai mấy khi. Ăn cắp đối với bác không phải là một nghề kiếm cơm, đó chỉ là một cách giải-trí của tay chơi hay có thể nói là một... « nghệ-thuật ». Bởi thế việc lấy cắp càng khó, càng nguy-hiểm, Hai Nhiêu càng thích. Bác ta khi đã « nhắm » món nào, tất món ấy phải lắm tiền, mà đã cố ý lấy tất không bao giờ hụt...

Hồi ấy Hai Nhiêu đang trổ tài nghệ trong mấy sòng bạc ở Hải-phòng. Bác ta thí-nghiệm ngón khôn khéo trên túi ai là cái túi ấy sẽ phải rỗng. Nhưng bác lại có tính máu-mê, được đồng nào của con bạc thì lại nướng cho nhà cái hết. Đang lúc lập một mưu « chưa xuất bản » để ăn to, bỗng có tin nhà ra báo cho biết rằng vợ Hai Nhiêu ốm nặng.

Là ăn cắp, nhưng cũng là chồng tốt, Hai Nhiêu phải đến vay tạm tôi dăm đồng để về thuốc-thang cho vợ. Rồi ngay chiều hôm đó đi tàu thủy xuôi Nam (1). Xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác là xem xét mọi nơi : bác ta mong gặp được cái may có thể giúp mình được ít tiền nữa. Nhưng hành-khách tuy đông mà không người nào có « máu mặt ». Phần nhiều là hạng người buôn bán, túi tiền không xứng-đáng với tài-hoa của bác ; hay những người phu mỏ ốm dở trở về . . . Bác thong-thả đến ghé ngồi trên mép chiếu ở gần buồng máy, uể-oải mượn cái điếu cày rít một hơi, rồi ngả lưng dựa vào cái cột sắt ngủ gà ngủ gật cho đến khi trong tàu lên đèn.

Bỗng những tiếng ồn-ào gần đó nổi lên. Anh chàng mở độc một mắt ra coi rồi lại nhắm lại. Nhưng tiếng ồn-ào lại thành tiếng quát-mắng lẫn tiếng van-lơn. Bác khó chịu, phải mở cả hai mắt ra thì thấy người mại-bản đang xỉa-xói một người nhà quê thiếu tiền tàu và nhất-định đuổi người ta xuống. Hai Nhiêu bực mình quá, đứng lên can-thiệp, thì người nhà quê kia lạy lấy lạy để, vừa nhăn vừa kêu :

« Bẩm ông, con về Nam, nhưng thiếu mất một hào. Con nói với chú ấy cho chịu đến khi lên bến, con vay con trả, mà chú ấy không nghe. »

Tên khách thì cứ luôn mồm :

« Cái lày ti tầu, không cố tền thì ti làm gì ? Không ! Cái lày phải xuống tây, không có lôi-thôi. » . . . Rồi hăm-hở toan túm lấy ngực người đàn ông kia lôi đi.

Sự bất-bình liền sôi trong máu Hai Nhiêu. Bác ta chợt thấy mình là người anh-hùng kẻ cả, liền gạt anh Khách ra, rút một tờ giấy bạc quẳng vào mặt nó, hách-dịch nói :

« Bán một cái vé về Nam-định, giữ lấy một hào của người này nữa, rồi trả lại tiền. »

Tên Khách đưa vé xong vừa lầm-bầm quay đi thì Hai Nhiêu lại giữ vai kéo hắn lại :

« Từ nay phải nhã-nhặn với khách đi tàu chút nữa, nghe không ? »

Nói đoạn, bác ta về chỗ cũ ngồi, làm bộ không thèm để ý đến những câu trầm-trồ khen-ngợi của mọi người gần đó.

Người nhà quê thì cảm ơn đi, cảm ơn lại, đưa cái điếu cày mời Nhiêu hút và xin miếng trầu của một bà ngồi bên cạnh mời Nhiêu ăn. Lại đem nông-nổi làm-ăn vất-vả kể với Nhiêu để che sự hồ-thẹn thiếu tiền tàu lúc nãy. Lúc Hai Nhiêu thoát được những lời tử-tế thái-quá ấy thì người nhà quê lại đem cái lồng gà (2) đến bên như ý gửi mình coi hộ, rồi đi ra đằng lái tàu . . .

Đợi mãi người nhà quê không trở lại, Hai Nhiêu ngảnh nhìn bốn phía thì thấy người ấy nằm ngay cạnh đó, đã ngủ một giấc bình-yên! Bác ta bĩu môi bật ra một tiếng cười khẽ rồi cũng dẹp chỗ ngủ nốt.

Sáng hôm sau thức dậy, Hai Nhiêu đã quên việc tối hôm vừa qua. Tàu tới Nam-định, bác ta vừa bước lên bến, thì người nhà quê, tay xách cái lồng gà rỗng, đã đứng chờ đó và mời bác lên xơi với hắn một chén nước cám ơn.

« Đến đây thì chúng tôi đã có nhiều người quen, chúng tôi sẽ trả lại số tiền ông cho giật hôm qua với lại xin ông để chúng tôi đền đáp lại ông một chút. »

Hai Nhiêu nóng về Ninh-bình ngay, nhưng từ-chối thế nào, người nhà quê cũng không nghe:

« Chả mấy khi gặp người tử-tế như ông, nếu ông không cho tôi được trả ơn, thì tôi ân-hận mãi . . . Nào, mời ông, xin ông đừng từ-chối, phụ lòng tôi. »

Thấy vẻ chân-thực của người nhà quê và biết không khi nào họ để cho mình đi ngay, Hai Nhiêu phải ưng theo vậy.

Người nhà quê mừng rỡ:

« Thế thì quý-hóa quá! Chúng tôi chẳng dám phiền giữ ông lâu . . . »

— Nào có gì mà bác phải bày vẽ ra . . .

— Không, nếu không có ông thì hôm qua chúng tôi bị rầy-rà lắm.

Câu lễ-phép đi, câu lễ-phép hơn đáp lại; cứ thế đến chừng năm phút, khi hai người bước tới hàng cơm gần đó thì câu chuyện kết-luận bằng một câu không lễ-phép mấy, nhưng nghe cũng vui tai:

« Bà hàng đâu, làm cho tôi một mâm rượu thực ngon ấy nhé, mà làm mau lên, ông quý-khách của tôi vội. »

Hai Nhiêu ngạc-nhiên, bụng bảo dạ:

«Có lẽ nào một người đi tàu thiếu tiền mà lại dám tiêu rộng-rãi đến thế, hay là họ lại định nhờ khéo mình thêm một bữa cơm nữa đây?»

Nhưng thấy bà hàng ra chiều quen thuộc người nhà quê, nên Nhiêu ta cũng yên bụng. Uống xong bát nước, người nhà quê bỗng gọi bảo một người nhà quê khác đứng chờ đó, đưa cho hắn cái lồng đựng gói mo với hai cái nồi đất:

«Chú Ba về làng trước, đưa cái nầy cho bu nó cất đi, tôi còn bận chút, xong về ngay.»

Rồi quay lại bảo Hai Nhiêu:

«Nào bây giờ mời ông vào hàng, xơi với tôi chút cơm, rồi tôi lại xin tiễn ông lên đường không dám giữ.»

Cơm rượu xong, thấy người nhà quê mở hầu-bao ra chi tiền cơm, Hai Nhiêu không hiểu ra sao, toan hỏi nhưng sợ bất tiện. Đến lúc đưa chân ra ga, người kia lại nhất-định nài lấy vé cho mình, Hai Nhiêu lại càng kinh-ngạc. Người nhà quê thấy vậy mỉm cười và thong-thả nói:

«Thưa ông, ông lấy làm lạ cũng phải. Nhưng việc thiếu tiền hôm qua, chỉ là một mẹo đấy thôi. Tàu *Chấn-linh* này có tiếng là lắm kẻ cắp. Chúng tôi có tiền mang theo mà không làm thế, thì giữ sao được?

— Vâng, nhưng tôi thấy ông chỉ mang có hai, ba đồng thì tội gì phải thế?

— Nếu hai, ba đồng thì cất đâu chẳng được. Đây tôi lại dồn một món tiền lớn về để mua cái phó-lý cho tôi, lo cưới vợ cho thằng cháu, lo khao, lo vọng...

— Ồ thế ra...

— Vâng, tôi về chuyến này đem những ngót năm trăm bạc, mà để kẻ cắp biết, thì tôi có khi cũng không về được tới nhà.

— Nhưng... ông giắt trong mình thì...

— Chết! Giắt trong mình nguy-hiểm lắm. Tôi phải bỏ vào một cái nồi đất trong cái lồng chú nó đem về ban nãy đó.»

Rồi vừa cười người nhà quê vừa tiếp:

« Cái lồng gà với mấy cái nồi, mà lại của một anh nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu . . . ông tính, còn kẻ cắp nào để ý đến nữa. Nếu tôi không nghĩ đến kế ấy thì ngủ yên sao được . . . mà nếu không làm thế thì sao tôi được gặp người quí-hóa như ông. »

Bên đường thiên lôi
(Hà-nội, Nhà xuất bản Đời Nay)

Chú-thích. — (1) *Nam*: tức là tỉnh Nam-định. — (2) *Cái lồng gà*: hành-lý của người nhà quê ấy chỉ có một cái lồng gà rỗng trong có một gói mo với hai cái nồi đất.

KHÁI-HƯNG (TRẦN KHÁNH-GIƯ)

190. — Anh phải sống

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chồng cho mũi thuyền quay về phía thượng-du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô khi chìm, khi ẩn khi hiện trên làn nước phù-sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mắt chết đuối trong nghiên son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghì lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trời đổ mưa . . . Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi . . .

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

— Giời ôi !

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh-lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ:

— Mình liệu bơi được đến bờ không?

Vợ quả-quyết:

— Được!

— Theo dòng nước mà bơi . . . Gối lên sóng!

— Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi:

— Thế nào?

Được! Mặc em!

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lỉm. Cố hết sức bình-sinh, nàng lại mới ngoi lên được mặt nước. Chồng vội-vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu-yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu:

— Mỏi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã-rời. Vợ khẽ hỏi:

— Có bơi được nữa không?

— Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

— Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

— Không! Cùng chết cả.

Một lát, — một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, — chồng lại hỏi:

— Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

— Không! . . . Sao?

— Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

— Thằng Bò! Cái Nhớn! Cái Bé! . . . Không! . . . Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẳn đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng-lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

* * *

Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sông đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con

gái nhỡ đứng bên cạnh. Đó là gia-đình bác phó Thức ra bờ sông từ-biệt lần cuối cùng linh-hồn kẻ đã hi-sinh vì lòng thương con.

Trong cảnh bao-la, nước sông vẫn lãnh-đạm chảy xuôi dòng.

trong *Anh phải sống*
(Hà-nội, Nhà xuất bản Đời Nay, 1937)

191. — Cảnh chùa Long-giáng ở Bắc-ninh

Hai người(1) đứng lại ngắm chùa. Lưng-chừng một trái đồi cao, mấy nóc nhà rêu mốc chen lẫn trong đám cây rậm-rịt, bốn góc gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um.

— Chùa đẹp quá, chú nhỉ?

— Vâng, Long-giáng là một danh-lam thắng-cảnh ở vùng Bắc. Cụ tôi thường thuật cho tôi nghe rằng chùa này dựng lên từ đời Lý Nhân-tôn(2). Trước chỉ là một cái am nhỏ lợp gianh, sau vì có một bà công-chúa đến xin nương nhờ cửa Phật, nên nhà vua mới cho sửa-sang nguy-nga như thế. Câu chuyện thụ-pháp của công-chúa thực tỏ ra rằng phép Phật huyền-diệu biết bao.

— Chú làm ơn kể lại cho tôi nghe có được không?

— Vâng, tôi xin thuật hầu ông nghe những lời cụ tôi đã kể. Chắc ông cũng biết đức Thái-tổ nhà Lý(3), khi còn hàn-vi, nhờ đạo Phật rất nhiều, nên lúc ngài lên ngôi rồi, ngài dốc lòng chăm-chỉ sửa-sang các chùa chiền. Đến đức Nhân-tôn vì bận việc chinh-phục Chiêm-thành và chống-chọi với nước Tàu nên trễ-nải đạo Phật.

«Ngọc-hoàng thượng-đế như muốn giúp nhà vua tỉnh-ngộ, liền cho một nàng tiên-nga giáng thế đầu thai, tức là Văn-khôi công-chúa. Công-chúa nhan-sắc diễm-lệ một thời, nhưng khi lớn lên chẳng tưởng gì tới việc trần-duyên, chỉ ngày đêm học đạo tu-hành. Sau vì nhà vua cố ý kén phò-mã, công-chúa liền đương đêm lẻn bước trốn đi nhờ có các thần tiên đưa đường tới nơi này thụ pháp đức Cao-huyền hòa-thượng.

«Về sau có thám-tử báo tin, đức vua mấy phen cho quan quân đến chùa đón công-chúa về triều. Công-chúa nhất-định không nghe. Nhà vua nổi giận, truyền quan quân phóng hỏa

đốt chùa. Ngọn lửa vừa nhóm, bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước tắt ngay. Vì thế chùa này mới lấy tên Long-giáng từ thủa ấy. Nhà vua nghe tin cả sợ. Từ đó ngài dốc lòng tin theo phép mầu-nhiệm của đức Thích-già mâu-ni và lập tức cho sửa-sang chùa để công-chúa ở lại tu-hành. Chùa này vì thế bắt đầu trùng-tu từ thời ấy, đã bao phen tu-bổ lại nhưng kiểu chùa vẫn y nguyên như cũ . . .

Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng, lấp-loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảnh-khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lờ-mờ in hình trong cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm.

Trong làn không-khí yên-tĩnh, êm-đềm, tiếng chuông thong-thả ngân-nga, như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp cảnh thiên-nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt-tha, bông lúa sội-soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu-ni muốn theo về nơi hư-không tịch-mịch.

Hồn bướm mơ tiên

(Hà-nội, Nhà xuất bản Đời Nay)

Chú-thích. — (1) *Hai người*: Ngọc, cháu sư cụ chùa Long-giáng và một chú tiểu ở chùa ấy. — (2) *Lý Nhân-tôn*: trị-vì từ năm 1072 đến năm 1127. — (3) *Lý Thái-tổ*: trị-vì từ năm 1009 đến năm 1028.

NGUYỄN LÂN

192. — Ra đồng làm việc

Gà vừa gáy sáng, trời mới rạng đông, vầng ô đỏ ối cánh đồng, sương mù che phủ mênh-mông một vùng.

Trong một làng kia thuộc tỉnh Hưng-yên, đã rộn-rịp ồn-ào, mẹ gọi con, vợ gọi chồng, người nào việc ấy: kẻ vo gạo thổi cơm, người sắp gầu tát nước.

Tuy dạo ấy cày cấy đã xong, lúa đương con gái, nhưng cũng còn phải tát nước, đắp bờ, nghiệp nhà nông quanh năm cặm-cụi, ít khi nhàn rỗi thảnh-thơi.

Cơm nước vừa xong, ai nấy kéo ra đồng; ở nhà chỉ còn những bực già-nua tuổi-tác, suốt ngày đan võng bện thừng cùng trông nom trẻ nhỏ.

Trên con đường từ cổng làng ra, hai bên cỏ mọc, giữa trơ đất thịt gồ-ghề, kẻ cuốc người gầu, lũ-lượt ra đồng làm việc. Bọn đàn ông quần nâu xắn đến gối, một vuông khăn nâu bịt đầu, thắt nút ra trước trán, miệng còn ngậm tăm, vừa đi vừa chuyện vừa cười.

Bọn đàn bà áo vải mốc, xống nhuộm bùn, khăn ba-ga chít mỏ quạ, miệng nhai giầu bỏm-bẻm, thỉnh-thoảng lại cười rũ lên, nhe hai hàm răng đen nhưng-nhức như hạt na vậy. Mọi người đều tươi cười vui-vẻ, hình như không ai cho làm việc là khổ-sở, là khó chịu cả . . .

Trông xa đồng ruộng mênh-mông, một màu xanh ngắt; sương mù dần-dần tan, trời đất dần-dần sáng rõ; cỏ vệ đường lóng-lánh móc sương, trông tựa hồ hàng muôn hàng nghìn hạt kim-cương vậy.

Cây cối nhờ khí-lạnh ban đêm trông tươi mơn-mởn. Trong những bụi ruối, bụi tre, chim sẻ chim sâu bay nhảy, kêu lép-nhép. Trên những cành đa, cành đề, kìa con sáo hót, con gáy gù: cảnh-tượng thực là ngoạn-mục!

Cậu bé nhà quê
(Hanoi, Imp. Thanh-niên)

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

MỤC-LỤC

Ca-dao

Số bài		Số trang
1.	— Súc-sắc súc-sẻ.	5
2.	— Thằng Bờm.	5
3.	— Ru con.	6
4.	— Chèo đò.	6
5.	— Chặt củi.	6
6.	— Mẹ dạy con gái.	7
7.	— Chồng khuyên vợ.	7
8.	— Vợ khuyên chồng.	8
9.	— Thói hay chế-giễu.	8
10.	— Thói ham danh-lợi.	8
11.	— Cảnh chồng con.	8
12.	— Tình-cảnh người nhà quê.	9
13.	— Việc làm ruộng.	9
14.	— Ba mươi sáu phố ở Hà-nội.	10
15.	— Con trai ngỏ ý với con gái.	10
16.	— Con gái ngỏ ý với con trai.	11
17.	— Tiếc sự biết nhau quá chậm.	11
18.	— Trách sự sai lời nguyện-ước.	11
19.	— Nỗi ly biệt.	12
20.	— Bài hát đố.	12

Các tác-phẩm vô-danh

	Lý-công.	14
21.	— Công-chúa từ-biệt các quan trước khi phải đi đày.	15
22.	— Lý-công gặp công-chúa ở đất Hung-nô sau khi đỗ trạng.	16
	Phương-Hoa.	17
23.	— Ông bà Trương-công đến hỏi Phương-Hoa cho Cảnh-Yên.	18
24.	— Mẹ con Trương phu-nhân đi tránh nạn.	20
	Trê cóc.	22
25.	— Trê, cóc sinh sự kiện nhau.	22
26.	— Nhái-bén khuyên bảo cóc cái.	24
	Phan, Trần.	25
27.	— Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa.	26
28.	— Phan-sinh gặp Diệu-Thường lần đầu.	28
29.	— Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau.	29
	Quan-âm Thị-Kính.	31
30.	— Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng.	32

31. — Thị-Kính xin vào tu ở chùa Vân-tự. 34
Bích-câu kỳ ngộ. 36
32. — Tú-Uyên mắc bệnh tương-tư. 37
33. — Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên. 38
Nhị độ mai. 40
34. — Mai-công đến mừng lễ thọ Lư Kỷ. 41
35. — Hạnh-Nguyên trẫm mình. 44
36. — Nhân nguyệt vấn đáp. 45
Bần nữ thán. 48
37. — Chỉ vì nỗi nghèo. 48
Lục súc tranh công. 50
38. — Trâu kể công-trạng mình. 51

Các tác-giả

TÁC-GIẢ ĐỜI TRẦN
39. — Vua dụ Vương Tường đề gả cho chúa Thuyền-vu. . . 53
40. — Vương Tường vào bái-yết Hán-vương. 53
Trinh-thử (Hồ Huyền-Qui). 54
41. — Chuột đực lấy lời-lẽ ngọt-ngào quyến-dũ chuột bạch. 55
42. — Hồ-sinh khuyên răn chuột cái. 57
43. — Tặng Nguyễn Biểu (Trần-đế Quí-Khoách). 58
44. — Bài họa lại (Nguyễn Biểu). 59
NGUYỄN TRÃI (1380-1442)
Gia-huấn ca
45. — Phép dạy con. 59
46. — Việc nội-trợ. 60
LÊ THÁNH-TÔN (1442-1497)
47. — Người ăn mày. 62
48. — Con chó đá. 62
THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)
49. — Nguyệt 63
50. — Canh một 63
51. — Hạ thử 63
52. — Lăng mẫu tống sứ-giả. 64
NGÔ CHI-LAN
53. — Thơ tứ thời. 64
NGUYỄN HÃNG
54. — Vui cảnh ẩn-dật. 65

NGUYỄN BỈNH-KHIÊM (1491-1585)
55. — Vui cảnh nhàn 67
56. — Cảnh nhàn lúc tuổi già. 67
57. — Nhân-tình thế-thái. 67
58. — Dĩ hòa vi quí. 68
59. — Mùa thu đi chơi thuyền. 68

ĐOÀN THỊ-ĐIỂM

Chinh phụ ngâm

60. — Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng: 69
61. — Nỗi trông đợi. 71

NGUYỄN CƯ-TRINH (1716-1767)
62. — Sãi vãi. 72

Nguyễn Bá-Lân (1701-1785)
63. — Ngã ba Hạc phú. 75

TRỊNH SÂM (1742-1782)
64. — Chơi động Hương-tích. 77
65. — Tây-hồ tức cảnh. 77

NGUYỄN HỮU-CHỈNH (?-1787)
66. — Than thân. 78
67. — Tự biết mình. 79

NGUYỄN HUY-TỰ (1743-1790) **VÀ NGUYỄN THIỆN** (1763-1818)

Hoa tiên. 79
68. — Lương-sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau. 80
69. — Lương-sinh từ-biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà. . 82
70. — Lương-sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên. 83
71. — Cuộc trùng-phùng của Lương-sinh và Dương Dao-Tiên. 85

ÔN-NHƯ HẦU NGUYỄN GIA-THIỀU (1741-1798)

Cung oán ngâm khúc
72. — Lúc được nhà vua yêu mến. 88
73. — Sau khi bị nhà vua chán bỏ. 90

NGUYỄN HUY-LƯỢNG
74. — **Tụng Tây-hồ phú** (trích một đoạn). 92

PHẠM THÁI (1777-1813)
75. — Tự trào. 97
76. — **Chiến tụng Tây-hồ phú** (trích một đoạn). 97

HOÀNG QUANG
77. — **Hoài nam khúc** (trích một đoạn). 102

LÊ NGỌC-HÂN
78. — **Khóc vua Quang-trung** (trích một đoạn). 104

ĐẶNG ĐỨC-SIÊU
79. — Văn-tế Phò-mã Chưởng-hậu quân Vũ Tính và Lễ-bộ thượng-thư Ngô Tùng-Châu. 106
ĐẶNG TRẦN-THƯỜNG (1759-1813)
80. — Hàn Vương-Tôn phú (trích một đoạn) 109
PHẠM QUÍ-THÍCH (1760-1825)
81. — Tống vịnh truyện Kiều. 111
NGUYỄN DU (1765-1820)
Kim Vân Kiều. 112
82. — Đạm Tiên ứng mộng cho Kiều. 113
83. — Tú-bà dỗ Kiều. 115
84. — Kiều gặp Thúc-sinh. 117
85. — Từ Hải sai quân về đón Kiều. 118
86. — Kiều khuyên Từ Hải hàng. 120
87. — Kiều gảy đàn. 122
88. — Kiều nhớ nhà. 126
HỒ XUÂN-HƯƠNG
89. — Động Hương-tích 129
90. — Quán khách bên đường. 130
91. — Tự tình. 130
92. — Than thân. 130
BÀ HUYỆN THANH-QUAN
93. — Chùa Trấn-bắc. 131
94. — Chiều hôm nhớ nhà. 131
NGUYỄN CÔNG-TRỨ (1778-1858)
95. — Tự thuật. 132
96. — Vinh nhục. 132
97. — Thế-tình bạc-bẽo. 133
98. — Khuyên người đời 133
99. — Cây thông. 133
100. — Chí nam-nhi. 134
101. — Kẻ sĩ. 134
102. — Cầm kỳ thi tửu. 136
103. — Nhân-tình thế-thái. 137
LÝ VĂN-PHỨC (1785-1849)
104. — Tự thuật ký. 138
Nhị thập tứ hiếu diễn âm. 140
105. — Nằm váng, khóc măng. 140
NGÔ THẾ-VINH
106. — Thanh-phong minh-nguyệt. 142

PHAN THANH-GIẢN (1796-1867)
107 — Đi sứ nước Pháp 143
108. — Tuyệt cốc. 143
CAO BÁ-QUÁT (?-1854)
109. — Uống rượu tiêu sầu. 143
110. — Ngán đời. 144
NGUYỄN QUÝ-TÂN (1811-1856)
111. — Vui chơi phong nguyệt. 145
BÙI HỮU-NGHĨA (1807-1872)
Kim Thạch kỳ duyên. 146
112· — Thiết Đình-Quí gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long. 147
113. — Giải-thị tuẫn tiết theoc hồng. 151
NGUYỄN ĐÌNH-CHIỂU (1822-1888)
114. — Trung-thần, nghĩa-sĩ 154
Lục Vân-Tiên 154
115. — Lục Vân-Tiên đánh bọn cướp, cứu nàng Kiều Nguyệt-Nga. 155
116. — Lục Vân-Tiên bị Vũ-công hãm-hại. 157
117. — Vương Tử-Trực nhiếc mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan. 159
DỰC-TÔN (1829-1883)
118. — Ngẫu cảm. 162
NGUYỄN NHƯỢC-THỊ (1830-1909)
Hạnh thục ca
119. — Việc kinh-thành thất thủ năm Ất-dậu (1885). 163
LÊ NGÔ-CÁT VÀ PHẠM ĐÌNH-TOÁI
Đại-Nam quốc-sử diễn ca
120. — Hai bà Trưng. 164
TÔN THỌ-TƯỜNG (1825 1877)
121. — Đi sứ nước Pháp. 166
122. — Tôn phu-nhân qui Thục. 166
123. — Tự thuật. 166
124. — Thân-thế nàng Kiều. 167
PHAN VĂN-TRỊ
125. — Tôn phu-nhân qui Thục. 168
126. — Tự thuật. 168
CAO BÁ-NHẠ
Tự tình khúc
127. — Lúc đi trốn. 169
128 — Lúc bị bắt. 171

NGUYỄN KHUYẾN (1835-1909)
129. — Cảnh già. 173
130. — Ông tiến-sĩ giấy 173
131 — Nước lụt hỏi thăm bạn. 174
132. — Đêm mùa hạ. 174
133. — Mẹ Mốc. 174

TRƯƠNG VĨNH-KÝ (1837-1898)
134. — Vài nơi cung điện đền chùa ở Hà-nội 175

HUỲNH TỊNH CỦA tức PAULUS CỦA (1834-1907)
135. — Chí khí cao. 176

DƯƠNG KHUÊ (1839-1902)
136. — Lại gặp người quen. 177
137 — Gặp cô đầu cũ 177

CHU MẠNH-TRINH (1862-1905)
138 — Kiều mắc lận Sở Khanh. 178
139 - Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư. 179
140 — Tổng vịnh truyện Kiều 179
141. — Phong-cảnh Hương-sơn 179

TRẦN TẾ-XƯƠNG (1870-1907)
142 — Than thân 180
143 — Đưa cho vợ. 181
144. — Tết đến. 181
145. — Thói đời. 181
146. — Năm mới. 182
147. — Phường tuồng. 182
148. — Chiêm-bao. 182
149. — Vợ chồng Ngâu. 183

TỪ DIỄN-ĐỒNG
150. — Than nghèo. 133
151. — Đêm dà 184

HOÀNG CAO-KHẢI (1850-1933)
152. — Ông Trần Quốc-Tuấn 184
153. — Xét về việc quan-lại người Tàu cai-trị dân ta trong những hồi Bắc-thuộc. 186

NGUYỄN BÁ-HỌC (1857-1921)
154. — Ở đời. 187
155. — Một cảnh gia-đình. 189

PHAN KẾ-BÍNH (1875-1921)
156. — Luận về nguyên-lý văn-chương. 190
157. — Am chúng-sinh. 192

THÂN TRỌNG-HUỀ (1869-1925)
158. — Đức hiếu của vua Dực-tôn. 194
PHẠM DUY-TỐN (1883-1924)
159. — Câu chuyện thương tâm. 195
NGUYỄN VĂN-VĨNH (1882-1936)
160. — Gì cũng cười. 196
161. — Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu 197
NGUYỄN TRỌNG-THUẬT (1883-1940)
162. — Giữa bể khơi. 199
NGUYỄN KHẮC-HIẾU (1889-1939)
163. — Muốn làm thằng cuội. 201
164. — Gió thu 201
165 — My-châu, Trọng-Thủy. 201
166. — Sự kiêu-ngạo. 202
NGUYỄN BÁ-TRÁC
167. — Quanh đường vượt bể ra khơi. 204
DƯƠNG BÁ-TRẠC
168. — Chức-trách các văn-sĩ trong xã-hội ta ngày nay. . . . 206
NGUYỄN HỮU-TIẾN (1875-1941)
169. — Thuyết tính thiện của Mạnh-tử. 207
BÙI KỶ
170. — Bài truy-điệu cụ Tiên-điền. 210
NGÔ BẰNG-GIỰC
171. — Ông gàn. 212
PHAN KHÔI
172. — Sự thực với việc làm thơ. 213
PHẠM QUỲNH
173. — Cách lễ-phép của người minh. 215
174. — Triết-lý của đạo Phật. 216
175. — Tính-cách chung của văn-chương Pháp. 217
176. — Vườn Luxembourg ở Paris. 218
177. — Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng và quan-niệm người « chính-nhân » trong cổ-văn Pháp 220
178. — Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam 221
179. — Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo. 223
180. — Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-Nam. 224

TRẦN TRỌNG-KIM

181. — Tôn-chỉ đạo Khổng. 226
182. — Luân-lý của Đạo-giáo. 227

NGUYỄN VĂN-NGỌC

183. — Tư-tưởng Lão Trang trong những bài hát nói. 229

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

184. — Trên bãi bể Đồ-sơn. 230

ĐÔNG-HỒ (LÂM TẤN-PHÁC)

185. — Nhớ rằm tháng hai. 231
186. — Phong-cảnh Cửa-cạn ở đảo Phú-quốc. 232

THIẾU-SƠN (LÊ SĨ-QUÝ)

187. — Lối văn tả-thực. 233

THẾ-LỮ (NGUYỄN THỨ-LỄ)

188. — Cây đàn muôn điệu. 235
189. — Câu chuyện trong tàu thủy. 236

KHÁI-HƯNG (TRẦN KHÁNH-GIƯ

190. — Anh phải sống. 240
191. — Cảnh chùa Long-giáng ở Bắc-ninh. 242

NGUYỄN LÂN

192. — Ra đồng làm việc. 243

BIBLIOTHÈQUE ... R.F. ... IMPRIMÉS

Giấy phép cho in số 249, ngày 5 Mai 1943 — In tại nhà in Trung Bắc Tân Văn, Hano

NHỮNG CHỖ IN SAI

Số trang	Số hàng (h.) hoặc Số câu (c.)	Nguyên in là :	Phải sửa lại là :
8	h. 23	... nó thi chơi hoang.	... nó thì chơi hoang.
21	c. 282	... huyện Thach-thành.	... huyện Thạch-thành...
—	c. 298	Xã dân đán đấy...	Xã dân đâu đấy...
23	c. 28	... vang đầm :	... vang rầm :
—	c. 54	... muôi canh ra gì. »	... môi canh ra gì. »
24	c. 299	... thẳng xa,	... thẳm xa,
25	c. 320	... tranh-hành làm chi?	. . tranh-giành làm chi?
43	c. 410	... dẫu nghĩ...	... dẫu nghỉ...
44	c. 1199	... vịn cánh oeo,	... vịn cành oeo,
50	h. 15	hòa minh thương-thương	hòa minh tương-tương
56	c. 102	Tôi đây...	Tới đây...
61	h. cuối	khỏi suv. —	khỏi suy. —
62	h. 9	Trẻ, già, *lớn bé*,...	Trẻ, già, *lớn*, *bé*,...
67	h. 1	... (1491-1586)	... (1491-1585)
73	h. 11	... điều lạ : hết mấy...	... điều lạ ; hết mấy...
90	c. 245	Nào thuở dạo...	Nào *thuở* dạo...
94	h. 18	38. —	58. —
109	h. 5	. . Bắc-thânh...	Bắc-thành...
113	c. 172	... chiêng đá thu không	... chiêng đà thu không.
114	c. 218	... sàu này mà kinh :	... sau này mà kinh :
—	c. 222	. . xụt-xùi đòi cơn.	... sụt-sùi đòi cơn.
118	c. 1366	Đá vàng đã quyết,...	Đá vàng *đã* quyết,...
124	c. 3205	3210	3205
131	h. 5	Bà huyện Thanh-quan (1)	Bà huyện Thanh-quan
—	h. 8	93. — Chùa Trấn-bắc	93. — Chùa Trấn-bắc (1)
137	h. 5	Tài tinh...	Tài tình...
—	h. 21	... hủng-hỉnh (1) không	... hủng-hỉnh 1) không dời
141	c. 338	... nhớ lấy cỏ cày.	... nhớ lấy cỏ cây.
152	h. 27	Nước oan-thù thẩm...	Nước oan-thù thẩm...
158	c. 1073	Đông-thàuh...	Đông-thành.
191	h. 27	Cảnh-tưởng...	Cảnh-tượng...
195	h. 12	... (1882-1924)	... (1883-1924)
199	h. 15	... *phả đày ra*...	... *phải đày ra*...
201	h. 18	Vang bay mấy lá...	Vàng bay mấy lá...
202	h. 23	Vả chi, nếu thiên-ha...	Vả chi, nếu thiên-hạ...
221	h. 13	« thường hay tránh chỗ cực-đoan ». .	« thường hay tránh chỗ cực-đoan,...
243	h. 15	... bông lúa sội.	... bông lúa sột.

certifié exemplaire
5000 ex
[illegible]

IMPRIMERIE DU TRUNG BAC TAN VAN • HANOI •